

MÁC

Warren W. Wiersbe

1. TÔI TỚ ĐỨC CHÚA TRỜI HIỆN Ở ĐÂY (Mac 1:1-45)

Tiến sĩ Paul S. Rees đã nói, “Phúc Âm không phải là một sự bàn cãi hay tranh luận. Đó là một sự công bố!”

Mác đã không phí chút thời gian nào trong việc thực hiện sự công bố đó, vì sự công bố này được tìm thấy ngay trong lời mở đầu của sách Phúc Âm Mác. Ma-thi-ơ, chủ yếu viết cho người Do Thái, đã mở đầu sách Ma-thi-ơ với một gia phả. Nói cho cùng, ông đã phải chứng minh cho độc giả của mình rằng Chúa Giê-xu Christ quả thực là người thừa kế hợp pháp ngôi vua của Đa-vít. Vì Lu-ca tập trung chủ yếu vào chức vụ cảm thông của Con người, nên ông dành hết những chương đầu của sách Phúc Âm Lu-ca để ký thuật lại sự giáng sinh của Đấng Christ. Lu-ca nhấn mạnh đến nhân tánh của Đấng Christ, vì ông biết rằng các độc giả người Hy Lạp sẽ đồng cảm với Hài nhi Giê-xu Toàn hảo sau này lớn lên thành Con người Toàn hảo.

Sách Phúc Âm Giăng thì bắt đầu bằng một câu nói về cõi đời đời! Tại sao vậy? Vì Giăng đã viết để chứng tỏ với toàn thế giới rằng Giê-xu Christ người Na-xa-rét chính là Con Đức Chúa Trời (Gi 20:31). Chủ đề của sách Phúc Âm Giăng là thần tánh của Đấng Christ, nhưng mục đích của sách Giăng là khích lệ độc giả của ông tin vào Đấng Christ này và nhận được sự ban cho sự sống đời đời.

Vậy, sách Phúc Âm Mác thích hợp với nơi nào? Mác đã viết cho người La Mã và chủ đề của ông là Giê-xu Christ, Tôi tớ Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta phải chọn một “câu gốc” trong sách Phúc Âm này, thì đó là Mac 10:45 – “Vì Con người đã đến không phải để người ta hầu việc mình, nhưng để hầu việc người ta và phó sự sống mình làm giá chuộc cho nhiều người.”

Sự kiện Mác viết sách này hướng đến người La Mã giúp chúng ta hiểu được văn phong và phương pháp tiếp cận của ông. Điểm nhấn mạnh trong sách Phúc Âm này là sự hoạt động. Mác miêu tả hình ảnh Chúa Giê-xu luôn bận rộn. Ngài đi từ nơi này sang nơi khác và đáp ứng nhu cầu thuộc thể lẫn thuộc linh của đủ mọi hạng người. Một trong những từ Mác ưa thích nhất là “tức khắc,” nghĩa là “liền tức thì.” Ông dùng từ này bốn mươi một lần. Mác không ký thuật lại nhiều bài giảng của Chúa vì ông nhấn mạnh đến những việc Chúa Giê-xu đã làm hơn là những lời Ngài đã phán. Ông bày tỏ Chúa Giê-xu như Tôi tớ của Đức Chúa Trời, được sai đến để hầu việc những người đang đau khổ và để chết vì có tội lỗi của thế gian. Mác không giải thích cho chúng ta điều gì về sự giáng sinh của Chúa Giê-xu, cũng không ghi lại gia phả của Ngài, là điều không cần thiết đối với một tôi tớ.

Trong chương mở đầu này, Mác chia sẻ ba sự kiện quan trọng về Người Tôi tớ của Đức Chúa Trời.

1. Nhận dạng người tôi tớ (Mac 1:1-11)

Làm thế nào Mác nhận biết người Tôi tớ này? Ông ghi lại những lời chứng của vài chứng nhân đáng tin cậy để quả quyết với chúng ta rằng Chúa Giê-xu chính là Đấng như lời Ngài tự nhận.

Giăng Mác, tác giả của sách này, là nhân chứng đầu tiên (Mac 1:11) và ông mạnh mẽ xác quyết rằng Chúa Giê-xu Christ chính là Con Đức Chúa Trời. Có thể là Mác đã tận mắt chứng kiến một số trong các sự kiện mà ông ghi chép lại. Ông sống tại thành Giê-ru-sa-lem với Mẹ là Ma-ri và nhà họ là nơi nhóm lại của các tín hữu trong thành

(Cong 12:1-9). Vài học giả tin rằng Mác chính là chàng trai trẻ được mô tả trong Mac 14:51-52. Vì Phi-e-rơ đã gọi Mác là “con tôi” (IPhi 5:13), nên có thể lắm chính Phi-e-rơ là người đã dẫn dắt Mác tin nhận Chúa Giê-xu Christ. Theo truyền thuyết của Hội Thánh thì Mác là “người thông giải về Phi-e-rơ,” vì vậy sách Phúc Âm Mác phản ánh những kinh nghiệm và lời chứng cá nhân của Si-môn Phi-e-rơ.

Từ Phúc Âm đơn giản có nghĩa là “tin tức tốt lành.” Đối với người La Mã, độc giả mà Mác đặc biệt hướng đến, thì “tin lành” có nghĩa là “tin mừng về vị hoàng đế.” “Phúc Âm của Chúa Giê-xu Christ” là Tin Mừng loan báo Con Đức Chúa Trời đã đến thế gian và đã chịu chết vì có tội lỗi chúng ta. Đó là Tin Mừng công bố tội lỗi chúng ta có thể được tha thứ, chúng ta có thể thuộc về gia đình của Đức Chúa Trời và một ngày nào đó chúng ta sẽ sống với Ngài trên thiên đàng. Đó là lời công bố đắc thắng tội lỗi, sự chết, và âm phủ (ICo 15:1-8, 51-52 Ga 1:1-9).

Lời chứng thứ nhì là lời chứng của các đấng tiên tri (Mac 1:2-3). Mác đã trích dẫn hai lời tiên tri trong Cựu Ước, Ma 3:1 và Es 40:3. (xin cũng lưu ý Xu 23:20). Những từ sứ giả hay tiếng kêu ám chỉ Giăng Báp-tít, vị tiên tri Đức Chúa Trời đã sai đến để dọn đường cho Con Ngài (Mat 3:1-17 Lu 3:1-18 Gi 1:19-34). Thời xưa, trước khi vua đi kinh lý nơi nào trong vương quốc mình thì sai sứ giả đi trước để dọn đường. Điều này bao gồm việc sửa chữa lại đường xá và chuẩn bị lòng dân. Bởi việc kêu gọi cả dân tộc đến chỗ ăn năn, Giăng Báp-tít đã dọn đường cho Chúa Giê-xu Christ. Ê-sai và Ma-la-chi đều đồng thanh tuyên bố rằng Chúa Giê-xu Christ chính là Giê-hô-va Đức Chúa Trời.

Giăng Báp-tít là nhân chứng kế tiếp (Mac 1:4-8), người mà Chúa Giê-xu gọi là kẻ lớn hơn hết trong các đấng tiên tri (Mat 11:1-15). Qua cách phục sức, cách sống, và sứ điệp về sự ăn năn, Giăng giống hệt với tiên tri Ê-li (IIVua 1:8 Ma 4:5 Mat 17:10-13 Lu 1:13-17). “Đồng vắng” nơi Giăng thi hành chức vụ là một vùng đất hoang gồ ghề lởm chởm dọc theo bờ phía tây của Biển Chết. Giăng đang dùng điều đó làm hình ảnh tượng trưng để dạy dỗ dân chúng rằng họ đang ở trong một “đồng vắng thuộc linh” còn đáng sợ hơn vùng đồng vắng thực tế mà tổ phụ họ đã từng cam sống suốt bốn mươi năm. Giăng kêu gọi dân chúng lìa bỏ đồng vắng thuộc linh đó, tin cậy lãnh tụ họ là “Giô-suê” (hình bóng về Chúa Giê-xu), và bước vào hưởng lấy cơ nghiệp dành cho mình.

Giăng đã cẩn trọng tôn cao Chúa Jê-sus chớ không tự tôn mình lên (Gi 3:25-30). Giăng làm phép báp-tem bằng nước cho những kẻ có tội ăn năn, nhưng “Đấng đến sau” ông sẽ làm phép báp-tem cho họ bằng Đức Thánh Linh (Cong 1:4-5). Điều này không có nghĩa là phép báp-tem của Giăng không được thừa nhận (Mat 21:23-27), hay phép báp-tem bằng Đức Thánh Linh một ngày nào đó sẽ thay thế cho phép báp-tem bằng nước (Mat 28:19-20). Đúng hơn, sứ điệp và phép báp-tem của Giăng là sự chuẩn bị để mọi người có thể sẵn sàng gặp gỡ và tin nhận Đấng Mê-si-a, tức Chúa Giê-xu Christ. Các sứ đồ của Chúa chắc chắn đã được Giăng làm phép báp-tem cho mình (Gi 4:1-2 Cong 1:21-26).

Đức Chúa Cha và Đức Thánh Linh là những chứng nhân sau cùng của Mác để giúp nhận diện Tôi tớ của Đức Chúa Trời (Mac 1:9-11). Vừa khi Chúa Giê-xu chịu phép báp-tem, Đức Thánh Linh ngự xuống trên mình Ngài như chim bồ câu, và Đức Chúa Cha từ trời phán và xác chứng Chúa Giê-xu là Con yêu dấu của Ngài. Những người có mặt ở đó không nghe được tiếng phán hay nhìn thấy chim bồ câu, nhưng Chúa Jê-sus và Giăng đã tận mắt chứng kiến và tận tai nghe thấy (Gi 1:29-34). Từ yêu dấu không chỉ

bày tỏ lòng yêu thương, mà còn mang ý nghĩa là “duy nhất.” Lời tuyên bố từ trời của Đức Chúa Cha khiến chúng ta liên tưởng đến Thi 2:7 và Es 42:1.

Bạn sẽ phải lưu ý những câu này trong sách Phúc Âm Mác ám chỉ Đức Chúa Jêsus Christ là Con Đức Chúa Trời (Mac 1:1 11 3:11 5:7 9:7 12:1-11 13:32 14:61-62 15:39). Mác không viết về bất kỳ người đầy tớ Do Thái bình thường nào. Ông viết sách Phúc Âm này về chính Con Đức Chúa Trời đáng đã từ trời đến để chịu chết vì có tội lỗi của thế gian.

Thật vậy, Chúa Giê-xu là Tôi tớ nhưng Ngài là một Tôi tớ lạ lùng nhất. Xét cho cùng, chính người tôi tớ đang dọn đường cho những người khác và loan báo sự đến của họ. Nhưng những người khác đã dọn đường cho Chúa Giê-xu và loan báo rằng Ngài đã đến! Ngay cả các tầng trời cũng chú đến Ngài! Người Tôi tớ này quả là Con Đức Chúa Trời.

2. Uy quyền của người tôi tớ (Mac 1:12-28)

Chúng ta trông mong một người tôi tớ phải phục tùng thẩm quyền và phải thi hành các mệnh lệnh, nhưng Tôi tớ của Đức Chúa Trời lại thực thi uy quyền và ban bố các mệnh lệnh - cả đối với ma quỷ - và các mệnh lệnh của Ngài đều được vâng theo. Trong phần này, Mác thuật lại ba sự kiện bày tỏ uy quyền của Chúa chứng minh Ngài là Tôi tớ của Đức Chúa Trời.

Sự kiện Một – Chúa chịu cám dỗ (Mac 1:12-13). Mác không giải thích đầy đủ việc Chúa Giê-xu bị cám dỗ như Ma-thi-ơ (Mat 4:1-11) và Lu-ca (Lu 4:1-13) và Giảng thì thêm vào một số chi tiết sống động mà những tác giả khác bỏ sót. Đức Thánh Linh “giục Ngài” đến nơi đồng vắng. Đây là một từ mạnh mẽ mà Mác dùng mười một lần để mô tả việc đuổi quỷ. Trong bản văn New American từ này là thúc ép, bắt buộc (impelled) và trong bản văn New International từ này là sai phái (sent). Điều này không ám chỉ là Chúa không muốn hay sợ phải đối diện với Sa-tan. Đúng hơn, đó là cách Mác dùng để diễn tả tính chất mạnh mẽ của kinh nghiệm mà Chúa đã trải qua. Tôi tớ của Đức Chúa Trời không hề có thời gian để tận hưởng sự vinh quang của tiếng phán từ trời hay sự hiện diện của Đức Thánh Linh như chim bồ câu từ trời ngự xuống. Ngài có một trọng trách phải thi hành và Ngài lập tức lên đường thực hiện trọng trách đó.

Bằng giọng văn ngắn gọn, súc tích, Mác giới thiệu với chúng ta hai hình ảnh tượng trưng. Bốn mươi ngày trong đồng vắng của Chúa nhắc chúng ta nhớ đến bốn mươi năm trong đồng vắng của dân Y-sơ-ra-ên. Dân Y-sơ-ra-ên đã thất bại khi bị thử nghiệm, nhưng Chúa chúng ta đã đắc thắng vẻ vang. Sau khi chiến thắng kẻ thù, Chúa Giê-xu giờ đây có thể đi ra kêu gọi một dân mới là kẻ sẽ vào hưởng cơ nghiệp thuộc linh dành cho mình. Vì tên Giê-xu là dạng thức Hy Lạp của từ “Giô-suê,” nên chúng ta có thể thấy được sự tương đương ở đây.

Hình ảnh thứ nhì là hình ảnh của “A-đam sau hết” (ICo 15:45). A-đam thứ nhất đã bị thử nghiệm trong một khu vườn xinh đẹp và đã thất bại nhưng Chúa Giê-xu thì bị cám dỗ trong một đồng vắng đầy hiểm nguy và đã đắc thắng. A-đam đã đánh mất “quyền quản trị” trên muôn loài vì có tội lỗi mình (Sa 1:28 Thi 8:1-9), nhưng trong Đấng Christ, quyền cai trị ấy đã được phục hồi cho tất cả những ai tin cậy nơi Ngài (He 2:6-8). Chúa Giê-xu Christ đã ở chung với các thú rừng và chúng chẳng hề làm hại Ngài. Ngài đã bày tỏ trước về thời kỳ bình an và công bình trong tương lai, khi

Chúa sẽ trở lại và thiết lập vương quốc Ngài (Es 11:9 35:9). Quả thật, Ngài là một Tôi tớ đầy uy quyền!

Sự kiện Hai – Việc giảng dạy của Ngài (Mac 1:14-22). Nếu đã từng có người nào giảng dạy chân lý của Đức Chúa Trời với thẩm quyền, thì đó chính Chúa Giê-xu Christ (Mat 7:28-29). Người ta đã từng nói rằng các thầy thông giáo giảng dạy dựa vào các thẩm quyền nhưng Chúa Giê-xu thì dạy dỗ với thẩm quyền. Mác không ký thuật sự khởi đầu chức vụ của Chúa chúng ta tại đây, vì Ngài đã thi hành chức vụ tại nhiều nơi khác (Gi 1:35-4:4). Ông đang cho chúng ta biết lý do tại sao Chúa Giê-xu lại rời xứ Giu-đê và đi đến xứ Ga-li-lê. Vua Hê-rốt đã bắt giữ Giảng Báp-tít, và sự khôn ngoan thúc đẩy Chúa Giê-xu phải lánh sang chỗ khác. Nhân cuộc hành trình này Chúa Giê-xu đã trò chuyện với người đàn bà Sa-ma-ri (Gi 4:1-45).

Sứ điệp của Chúa chúng ta là Phúc Âm của Nước Đức Chúa Trời, hay “Phúc Âm của Đức Chúa Trời” như một số đoạn Kinh Thánh ghi lại. Không nghi ngờ gì phần lớn người Do Thái đã hiểu câu “Nước của Đức Chúa Trời” hàm ý một “cuộc cách mạng chính trị,” nhưng đó hoàn toàn không phải là điều Chúa Giê-xu hướng đến. Vương quốc của Chúa liên hệ đến sự ngự trị của Ngài trong đời sống của dân sự Ngài đó là một vương quốc thuộc linh chứ không phải một tổ chức chính trị. Cách duy nhất để bước vào Nước Đức Chúa Trời là tin nhận Tin Mừng này và được sinh lại (Gi 3:1-7).

Phúc Âm này được gọi là “Phúc Âm của Đức Chúa Trời” vì nó đến từ Đức Chúa Trời và đem chúng ta đến với Đức Chúa Trời. Đó là “Phúc Âm của Nước Đức Chúa Trời” vì đức tin nơi Đấng Christ đem bạn vào trong Nước của Ngài. Đó là “Phúc Âm của Chúa Giê-xu Christ” vì Ngài là trung tâm của Phúc Âm ấy nếu không có cuộc đời của Chúa Giê-xu, sự chết, và sự phục sinh của Ngài, thì sẽ không có Tin Mừng này. Phao-lô gọi đó là “Phúc Âm của ơn Đức Chúa Trời” (Cong 20:24) vì sự cứu rỗi không thể nào tách rời khỏi ân điển được (Eph 2:8,9). Chỉ có một Phúc Âm (Ga 1:1-9), và Phúc Âm này xoay quanh những gì Chúa Giê-xu đã thực hiện vì có chúng ta trên thập tự giá (ICo 15:1-11).

Chúa Giê-xu Christ đã rao giảng rằng mọi người phải ăn năn (thay đổi tâm trí mình) và tin (Cong 20:21). Chỉ có sự ăn năn thôi thì không đủ để cứu chúng ta, cho dù là Đức Chúa Trời luôn mong đợi những kẻ tin Ngài xoay khỏi tội lỗi mình. Chúng ta cũng phải đặt đức tin tích cực nơi Chúa Giê-xu Christ và tin lời hứa về sự cứu rỗi của Ngài. Sự ăn năn mà không có đức tin có thể trở thành sự hối hận mà thôi, và sự hối hận có thể làm hủy hoại những người đang mang gánh nặng tội lỗi trong lòng (II Co 7:8-10 Mat 27:3-5).

Vì Chúa Giê-xu giảng dạy với thẩm quyền, nên Ngài có thể kêu gọi một số người từ bỏ nghề mình đang làm và trở thành môn đệ Ngài. Ngoài Ngài ra, ai là người có thể khiến cho bốn ngư phủ ngưng công việc thả lưới và thách thức họ bỏ lưới và đi theo mình? Vài tháng trước đó, Chúa Giê-xu đã gặp Phi-e-rơ, Anh-rê, Gia-cơ và Giảng và họ đã đến tin nhận Ngài (Gi 1:35-49). Đây không phải là sự kêu gọi ban đầu để họ đến với đức tin và sự cứu rỗi nhưng đây là một sự kêu gọi ban đầu để họ trở thành môn đệ Ngài. Sự kiện Xê-bê-đê thuê những người làm công cho thấy rằng việc chài lưới của ông tiến triển tốt đẹp và ông là một người giàu có. Điều đó cũng xác quyết với chúng ta rằng Gia-cơ và Giảng không bất hiểu đối với cha mình khi họ đáp lại sự kêu gọi của Đấng Christ. Với sự phụ giúp của những người làm thuê, Xê-bê-đê vẫn có thể trông nom công việc chài lưới.

Chúa Jêsus đã không phát minh ra từ “những tay đánh lưới người.” Vào thời đó, đây là một lối nói thông dụng để chỉ về các triết gia và các giáo sư khác, những người “thu hút được sự chú ý của người khác” qua việc giảng dạy và sự thuyết phục của họ. Họ “mắc mồi vào lưới câu” bằng những sự giảng dạy của mình và “bắt lấy” các môn đệ. Có khả năng là có đến bảy người trong số các môn đệ của Chúa chúng ta làm nghề chài lưới (Gi 21:1-3). Chắc chắn những phẩm chất tốt đẹp của những ngư phủ giỏi – sự can đảm, khả năng làm việc chung với nhau, tính nhẫn nại, nghị lực, sức chịu đựng, lòng trung thực, và sự bền bỉ – sẽ giúp họ thành công trong chức vụ đầy khó khăn của việc chinh phục những linh hồn hư mất. Những ngư phủ lão luyện tuyệt đối không thể nào có thể trở thành những kẻ bỏ cuộc hoặc những người hay phàn nàn được!

Chúa Jêsus không chỉ giảng dạy ngoài trời mà cả trong các nhà hội nữa. Các nhà hội của người Do Thái phát triển trong thời gian họ bị lưu đày tại Ba-by-lôn sau khi đền thờ đã bị phá hủy. Bất cứ nơi nào có mười người nam Do Thái từ mười hai tuổi trở lên thì đều có thể tổ chức một nhà hội. Nhà hội không phải là một nơi để dâng của lễ – điều đó được thực hiện ở đền thờ – mà là nơi để đọc Thánh Kinh, cầu nguyện và thờ phượng Đức Chúa Trời. Các buổi lễ không do các thầy tế lễ, mà do những tín hữu bình thường, hướng dẫn và sự hầu việc trong nhà hội được giám sát bởi một hội đồng trưởng lão do một “người cai nhà hội” đứng đầu (Mac 5:22). Theo lệ thường thì có thể mời các ra bi ghé thăm đọc Thánh Kinh và dạy dỗ, điều này giải thích vì sao Chúa Giê-xu lại có quyền tự do giảng dạy trong các nhà hội như vậy. Sứ đồ Phao-lô cũng đã tận dụng đặc quyền này (Cong 13:14-16 14:1 27:1-4).

Chúa chúng ta đã thiết lập trụ sở của Ngài tại Ca-bê-na-um, có lẽ trong nhà hoặc gần nhà của Phi-e-rơ và Anh-rê (Mac 1:29). Ngày nay, bạn có thể nhìn thấy những tàn tích của một nhà hội tại Ca-bê-na-um khi đến thăm Xứ Thánh, nhưng đó không phải là nơi mà Chúa Giê-xu đã thờ phượng. Dân chúng nhóm lại thờ phượng vào ngày Sa-bát cũng như vào các ngày Thứ hai và Thứ năm. Là một người Do Thái trung tín, Chúa Giê-xu đã tôn trọng ngày Sa-bát qua việc đi đến nhà hội và khi Chúa Giê-xu dạy dỗ Lời Đức Chúa Trời, dân chúng lấy làm kinh ngạc trước thẩm quyền của Ngài.

Khi đọc sách Phúc Âm Mác bạn sẽ khám phá là ông rất thích thú khi ghi lại những sự hưởng ứng đầy xúc động của dân chúng. Đám đông nhóm họp trong nhà hội “kinh ngạc” trước sự dạy dỗ của Chúa và “lấy làm lạ” trước quyền năng chữa bệnh của Ngài (c.27, cũng hãy lưu ý Mac 2:12 5:20,42 6:2,51 7:37 10:26 11:18). Thậm chí bạn cũng thấy Mác ký thuật lại sự kinh ngạc của Chúa trước sự vô tín của dân chúng tại Na-xa-rét (6:6). Chắc hẳn lời ký thuật này không hề đơn điệu chút nào!

Sự kiện Ba – Mệnh lệnh của Chúa (Mac 1:23-28). Chúng ta tự hỏi không biết người đàn ông này đã từng tham dự bao nhiêu buổi nhóm ở nhà hội mà không hề để lộ ra rằng mình bị quỷ ám. Phải cần đến sự hiện diện của Con Đức Chúa Trời mới khiến cho ma quỷ lộ diện và Chúa Jêsus không chỉ vạch mặt ma quỷ, nhưng Ngài còn cấm nó không được nói gì về nhân thân của Ngài và truyền cho nó phải ra khỏi người đang bị nó ám. Đấng Christ không muốn cũng không cần sự trợ giúp của Sa-tan và đồng bọn nó nói cho dân chúng biết Ngài là ai (Cong 16:16-24).

Ma quỷ chắc hẳn biết rõ Chúa Jêsus là ai (Cong 19:13-17) và biết rõ nó chẳng có điều gì chung với Ngài cả. Việc ma quỷ dùng đại từ số nhiều cho thấy rằng nó gắn bó chặt chẽ vô cùng với người mà nó đang ám. Ma quỷ nhận ra cách rõ ràng nhân tánh của Đấng Christ (“Jêsus, người Na-xa-rét”) cũng như thần tánh của Ngài (“Đấng Thánh

của Đức Chúa Trời”). Nó cũng bộc lộ nỗi sợ hãi kinh khiếp là Chúa Jê-sus có thể đoán phạt nó và đuổi nó xuống địa ngục. Có nhiều người ngày nay cũng giống như người bị quỷ ám này: trong một buổi nhóm vẫn có thể cho mọi người biết Chúa Jê-sus là ai, và thậm chí cũng run sợ trước sự phán xét – thế nhưng vẫn hư mất! (Gia 2:19).

“Hãy nín đi!” theo nghĩa đen có nghĩa là “Hãy câm miệng đi!” Chúa Jê-sus cũng phán lời này khi quỷ bão phải lặng yên (Mac 4:39). Ma quỷ cố gắng tấn công gây náo động lẫn chót, nhưng rồi nó phải vâng phục uy quyền của Tôi tớ Đức Chúa Trời và ra khỏi người nó đang ám. Những người trong nhà hội kinh ngạc và sợ hãi. Họ nhận biết rằng một điều gì đó thật mới lạ vừa xảy ra – một giáo lý mới và một quyền năng mới. Lời phán và những việc làm của Chúa chúng ta phải luôn đi đôi nhau (Gi 3:2). Người ta tiếp tục bàn về hai điều đó, và danh tiếng Chúa Giê-xu bắt đầu được đồn ra khắp nơi. Chúa chúng ta không khuyến khích tình trạng náo động này của dân chúng vì e ngại nó sẽ gây nên rắc rối với cả người Do Thái lẫn người La Mã. Người Do Thái sẽ muốn đi theo Ngài chỉ vì năng quyền chữa bệnh của Ngài, và người La Mã sẽ cho rằng Ngài là một người Do Thái nổi dậy cố tìm cách lật đổ chính quyền. Điều này giải thích vì sao Chúa Giê-xu luôn bảo dân chúng phải giữ im lặng về Ngài (Mac 1:44 3:12 5:43 7:36-37 8:26,30 9:9). Việc họ không vâng theo lời Ngài đã tạo ra những rắc rối cho Ngài.

3. Sự cảm thông của người tôi tớ (Mac 1:29-45)

Hai phép lạ về sự chữa bệnh được mô tả trong phần này, và cả hai đều bày tỏ sự thương xót của Đấng Christ đối với những ai đang cần đến Ngài. Thật vậy, lòng yêu thương của Ngài dành cho những người cùng khổ thật lớn lao đến nỗi Đấng Christ đã cứu giúp đông đảo quần chúng sau khi ngày Sa-bát đã qua rồi, là lúc họ không còn bị xem là phạm luật pháp thánh vì đến xin Ngài cứu giúp nữa. Điều này cho thấy rằng Tôi tớ của Đức Chúa Trời luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu của đủ mọi hạng người, kể cả những kẻ bị quỷ ám và những người bị bệnh phong và Ngài cứu giúp tất cả mọi người cách đầy lòng yêu thương.

Chúa Giê-xu cùng bốn môn đệ rời khỏi nhà hội và đến nhà của Phi-e-rơ và Anh-rê để dùng bữa trong ngày Sa-bát. Có lẽ Phi-e-rơ hơi lấy làm tiếc vì vợ ông phải chăm sóc cho người mẹ đang bệnh và không thể tiếp đón họ như thường lệ. Chúng ta không biết về các môn đệ khác, nhưng chúng ta biết rõ là Phi-e-rơ đã lập gia đình (1:30).

Phi-e-rơ và Anh-rê không những mời các bạn là Gia-cơ và Giăng về nhà với mình sau buổi thờ phượng, nhưng họ cũng mời cả Chúa nữa. Đó là một gương tốt cho chúng ta noi theo: đừng bỏ Chúa Giê-xu lại tại nhà thờ – hãy mời Ngài về nhà với bạn và để Ngài cùng chia sẻ những phước hạnh cũng như những gánh nặng của bạn. Thật là một đặc ân cho Phi-e-rơ và gia đình ông khi có chính Con Đức Chúa Trời đến viếng thăm mái nhà khiêm tốn của mình. Ngay lúc này, Vị Khách trở nên Chủ nhân, giống như một ngày kia Người Hành khách trên thuyền của Phi-e-rơ sẽ trở thành viên Thuyền trưởng vậy (Lu 5:1-11).

Bởi đức tin, các môn đệ kể cho Chúa Giê-xu về người mẹ đang bệnh này, hẳn nhiên là trông mong Ngài chữa lành cho bà. Và đó chính là điều Ngài đã làm! Con sốt lập tức rời khỏi bà và bà có thể vào bếp để dọn bữa ăn trong ngày Sa-bát. Nếu bạn đã từng bị sốt cao thì hẳn bạn biết được nó đau nhức và khó chịu dường nào. Bạn cũng biết rằng sau khi cơn sốt dứt, bạn cần có thời gian để lấy lại sức. Nhưng trong trường hợp này thì không như thế! Bà đã có thể hầu việc Chúa ngay tức khắc. Và sự hầu việc

Chúa chẳng phải là một trong những cách tốt nhất để cảm tạ Ngài về tất cả những gì Ngài đã làm cho chúng ta sao?

Kết quả của phép lạ này ra sao? Đến cuối ngày Sa-bát khi mặt trời đã lặn, cả thành nhóm lại trước cửa nhà Phi-e-rơ! Họ đem tới những kẻ đau ốm và Chúa (chắc hẳn là đã rất mệt) chữa lành cho tất cả mọi người. Động từ Hy Lạp cho thấy là họ “cứ tiếp tục đem” những kẻ bệnh đến với Ngài, thế nên chắc hẳn là trễ lắm Ngài mới được nghỉ ngơi. Xin lưu ý trong Mac 1:32 sự khác biệt rõ rệt giữa những kẻ đau và những người bị quỷ ám. Sa-tan có thể gây ra sự đau đớn về thể xác, nhưng không phải mọi bệnh tật đều do quyền lực của ma quỷ gây ra.

Dù đi nghỉ rất trễ nhưng điều đó vẫn không ngăn Chúa Giê-xu dậy sớm để tương giao với Cha Ngài vào sáng sớm hôm sau như đã định. Xin hãy đọc Es 50:4 để thấy sự miêu tả có tính cách tiên tri về Tôi tớ công bình của Đức Chúa Trời khi Ngài gặp gỡ Chúa Giê-hô-va mỗi buổi sớm mai. Thật là một gương mẫu để chúng ta noi theo! Không có gì phải ngạc nhiên khi Chúa Giê-xu có uy quyền và quyền phép như thế khi đời sống cầu nguyện của Ngài được tuân giữ rất là nghiêm ngặt (Mac 9:28-29 6:46 14:32-38).

Tuy nhiên, những đoàn dân đông lại muốn gặp Chúa Giê-xu, không phải để nghe Lời Ngài phán dạy, mà là để kinh nghiệm sự chữa lành của Ngài cũng như xem Ngài làm phép lạ. Phi-e-rơ rất ngạc nhiên vì Chúa Giê-xu không nhanh chóng đến gặp đoàn dân đông nhưng thay vào đó Ngài lại đi sang các thành khác để rao giảng Phúc Âm. Phi-e-rơ không nhận ra rằng đoàn dân đông rất hời hợt, vô tín, và không hề khao khát Lời Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu phán rằng đối với Ngài việc rao giảng Phúc Âm ở những nơi khác quan trọng hơn là ở lại đó để chữa lành những kẻ đau. Ngài không cho phép sự hoan hô của dân chúng làm thay đổi những ưu tiên mà Ngài phải thực hiện.

Có lẽ chúng ta có thể hiểu được mối quan tâm của Chúa đối với một phụ nữ bị sốt nặng, nhưng việc Ngài gặp gỡ và rờ một người phong thì phần nào vượt hơn điều chúng ta có thể hiểu được. Những người phong phải giữ một khoảng cách với mọi người và phải báo cho mọi người biết rằng mình đang đến gần, để những người khác không bị lây ô uế (Le 13:45-46). Người phong này biết rằng Chúa Giê-xu có thể chữa lành cho mình, nhưng ông ta không dám chắc là liệu Chúa có sẵn lòng chữa cho anh ta chẳng. Những tội nhân hư mất ngày nay cũng có nỗi lo âu không cần thiết này, vì Đức Chúa Trời đã bày tỏ rất rõ rằng Ngài không muốn cho tội nhân phải hư mất (IPhi 3:9) và Ngài muốn cho tất cả mọi người đều được cứu (ITi 2:4).

Khi đọc “những sự khám nghiệm” đối với bệnh phong mô tả trong Le 13:1-59, bạn có thể thấy được căn bệnh này giống một bức tranh mô tả tội lỗi ra sao. Giống như tội lỗi, bệnh phong ăn sâu xuống dưới da (c.3) nó lan rộng (c.5-8) nó làm cho ô uế và phải cách ly (c.44-46). Bất cứ ai chưa hề tin nhận Đấng Christ thì hình hài tâm linh của họ còn ô uế hơn cả thân thể ô uế của người phong nữa.

Chúa Giê-xu đã động lòng thương xót đối với người này (Mac 6:34 8:2 9:22) và chữa lành cho ông ta. Ngài chữa lành bằng cách giơ tay rờ người phong và bởi lời phán Ngài. Chắc hẳn đây là lần đầu tiên sau một thời gian dài người phong này cảm nhận được một cử chỉ đầy yêu thương như thế. Cũng như cơn sốt, bệnh phong lặn mất ngay tức thì!

Vì một số nguyên do đã nêu trên, Chúa Giê-xu cấm người này không được nói cho ai biết. Ông ta phải đến gặp các thầy tế lễ và làm theo những lời chỉ dạy ghi trong Le 14:1-57 để có thể được công bố là đã được sạch và được tiếp nhận lại vào đời sống tôn giáo và xã hội của cộng đồng. Tuy nhiên, người này đã không vâng theo các mệnh lệnh của Chúa. Chúa Giê-xu bảo ông phải im lặng, thế nhưng ông lại đi kể cho mọi người. Chúa Giê-xu ra lệnh cho chúng ta phải rao báo cho mọi người – và chúng ta lại lặng im! Đoàn dân đông đến xin Chúa Giê-xu cứu giúp đã gây ra một rắc rối nghiêm trọng cho Ngài và có lẽ đã ngăn trở Ngài không thể giảng dạy Lời Đức Chúa Trời như Ngài dự định (Mac 1:38).

Nghi thức mô tả trong Le 14:1-57 trình bày một bức tranh tuyệt đẹp tiêu biểu cho công tác cứu chuộc. Hai con chim tượng trưng cho hai khía cạnh khác nhau trong chức vụ của Chúa chúng ta: sự hiện thân và sự chết của Ngài (con chim bị đặt trong chậu và rồi bị giết đi), và sự phục sinh cùng sự thăng thiên của Ngài (con chim bị nhúng trong máu và rồi được thả ra). Máu được bôi lên tai phải (Lời của Đức Chúa Trời), ngón cái tay phải (công việc của Đức Chúa Trời), và ngón cái chân phải (đường lối của Đức Chúa Trời) của người được sạch. Kế đó dầu được bôi lên trên máu, tiêu biểu cho Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Đức Thánh Linh không thể nào ngự trên thân xác con người cho đến khi huyết Chúa Giê-xu đã đổ ra vì có họ.

Chúng ta cần phải học biết một số bài học thuộc linh quan trọng qua chương này. Trước tiên, nếu Con Đức Chúa Trời đã đến như một kẻ tội tở, thì việc trở nên một tội tở là sự kêu gọi cao trọng nhất. Chúng ta chỉ có thể ngày càng trở nên giống Chúa Giê-xu hơn khi chúng ta đang hầu việc người khác. Kể đến, Đức Chúa Trời san sẻ uy quyền của Ngài cho các tội tở Ngài. Chỉ những người phục dưới uy quyền mới có quyền thực hi uy quyền. Cuối cùng, nếu bạn có ý định trở thành một tội tở, hãy chắc chắn là mình có lòng hay thương xót vì mọi người sẽ đến xin bạn giúp đỡ bất cứ lúc nào chớ không đợi bạn cho biết là điều đó có thuận lợi hay không!

Tuy nhiên, thật là một đặc ân khi được trở thành một trong những tội tở đầy lòng thương xót của Đức Chúa Trời, noi theo dấu chân Chúa Giê-xu Christ và đáp ứng nhu cầu của những người quanh mình.

2. ĐIỀU NGƯỜI TỘI TỞ BAN CHO BẠN (Mac 2:1-3:12)

Với một tốc độ đáng ngạc nhiên, tin tức lan truyền rằng một giáo sư thi hành phép lạ đã đến Ca-bê-na-um và bất cứ nơi nào Chúa chúng ta đi đến thì những đoàn dân đông cũng tụ tập theo. Họ muốn nhìn thấy Ngài chữa lành những kẻ đau và đuổi quỷ. Giá như họ quan tâm đến sứ điệp của Phúc Âm, thì những đoàn dân đông này rất có thể đã là một sự khích lệ lớn lao cho Chúa Giê-xu nhưng Ngài biết rằng phần lớn họ có suy nghĩ rất hời hợt và mù lòa đối với nhu cầu của chính mình. Nhiều lúc Chúa thấy việc rời khỏi thành thị và đi vào nơi đồng vắng để cầu nguyện là điều cần thiết (Lu 5:15-16). Mỗi tội tở của Đức Chúa Trời cần phải noi theo gương Ngài và biệt riêng thì giờ để gặp gỡ Đức Chúa Cha và cầu nguyện với Ngài hầu cho tâm linh được tươi mới và nhận được sức sống mới từ Ngài.

Bây giờ đã đến lúc Chúa Giê-xu bày tỏ với mọi người về chức vụ của Ngài. Xét cho cùng, Ngài đã đến không phải chỉ để chữa lành những người đau và những kẻ bị tà ma ám. Những phép lạ đó thật diệu kỳ, nhưng còn có điều lớn lao hơn họ cần phải nắm trái – đó là họ có thể vào hưởng Nước của Đức Chúa Trời! Họ cần phải hiểu được những bài học thuộc linh đằng sau những phép lạ thuộc thể mà Ngài đang thực hiện.

Trong phần này, Chúa chúng ta vạch rõ rằng Ngài đến để ban cho tất cả những ai tin cậy Ngài ba món quà thật kỳ diệu: sự tha thứ (Mac 2:1-12), sự ứng nghiệm trọn vẹn những lời hứa của Đức Chúa Trời (Mac 2:13-22), và sự tự do (Mac 2:23-3:12).

1. Sự tha thứ (Mac 2:1-12)

Sự kiện này xảy ra tại nhà riêng của Chúa (“Ngài ở trong nhà”), hay tại nhà của Phi-e-rơ, điều đó không được nêu rõ. Vì có lòng hiếu khách là một trong những phép tắc căn bản của phương Đông, dân chúng trong thành Ca-bê-na-um không chờ được mời mà chỉ việc lũ lượt kéo đến nhà. Điều này có nghĩa là một số người thật sự cùng khốn không thể nào tiến đến đủ gần với Chúa Giê-xu để nhận sự cứu giúp của Ngài. Tuy nhiên, bốn người bạn của một người đau bại đã quyết định dùng bạn mình xuống qua mái nhà với đức tin là Chúa Giê-xu sẽ chữa lành cho người ấy và Chúa Giê-xu đã làm điều đó. Phép lạ chữa lành này đem đến cho Chúa Giê-xu cơ hội để dạy họ một bài học quan trọng về sự tha thứ.

Hãy xem xét sự kiện này qua cái nhìn của Chúa Giê-xu. Khi Ngài nhìn lên, Ngài thấy bốn người trên mái nhà cùng với người bạn đang đau bại của họ. Những ngôi nhà tại Do Thái vào thời đó đều có mái bằng có thể leo lên được bằng một cầu thang ở phía ngoài. Việc dời ngói, gỡ móng, và cỏ lợp trên mái để tạo một khoảng trống đủ rộng để dùng giường của bạn họ xuống không khó khăn gì.

Chúng ta hẳn phải khâm phục một số đặc tính của những người này, là những đức tính đặc trưng chúng ta cần phải có với tư cách “những tay đánh lưới người.” Trước hết, họ quan tâm sâu sắc đến bạn mình và mong muốn nhìn thấy người ấy được cứu giúp. Họ có đức tin để tin rằng Chúa Giê-xu có thể và chắc chắn sẽ đáp ứng nhu cầu của người bạn ấy. Họ không chỉ “cầu nguyện về điều này,” nhưng họ cũng hành động song song với những lời cầu nguyện đó và họ không để cho hoàn cảnh khó khăn khiến phải ngã lòng. Họ đã hiệp lực với nhau và dám làm một điều khác thường, và Chúa Giê-xu đã ban thưởng cho những nỗ lực của họ. Rất có thể dễ dàng cho họ biết bao khi nói rằng, “Ồ, hôm nay không cách gì chúng ta có thể đến gần Chúa Giê-xu được! Có lẽ chúng ta có thể trở lại vào ngày mai.”

Khi Chúa Giê-xu nhìn xuống, Ngài nhìn thấy người bại đang nằm trên giường mình và ngay lập tức Ngài đi vào trọng tâm vấn đề của người bại – đó là tội lỗi. Không phải tất cả mọi tật bệnh đều do tội lỗi gây ra (Gi 9:1-3), nhưng rõ ràng tình trạng của người này là kết quả của việc ông ta không vâng lời Đức Chúa Trời. Ngay cả trước khi chữa lành cho thân thể của người bại này, Chúa Giê-xu cũng đã phán bình an với tấm lòng của người ấy và công bố rằng tội lỗi của ông đã được tha! Sự tha thứ là phép lạ vĩ đại nhất mà Chúa Giê-xu từng thực hiện. Nó đáp ứng nhu cầu lớn lao nhất nó đòi hỏi giá phải trả cao nhất và nó đem đến phước hạnh dư dật nhất và những kết quả lâu dài nhất.

Rồi Chúa Giê-xu nhìn quanh và thấy những kẻ chỉ trích đã đến để dò xét Ngài (Lu 5:17). Những nhà lãnh đạo tôn giáo này chắc chắn có mọi quyền hạn để điều tra chức vụ của vị giáo sư mới mẻ này, vì đời sống tôn giáo của cả dân tộc đều thuộc quyền giám sát của họ (Phu 13:1-18). Nhưng lẽ ra họ nên đến với đầu óc và tấm lòng cởi mở, tìm kiếm chân lý, thay vì với đầu óc phê phán, cố tìm cho được những hiện tượng dị giáo để bắt bớ. Một số thái độ tiêu cực từng hiển hiện trong xứ Giu-đê (Gi 4:1-4) giờ đây đã lan tràn sang xứ Ga-li-lê, và đây là khởi điểm của sự chống đối công khai mà cuối cùng dẫn đến việc bắt bớ và giết hại Chúa chúng ta. Hiện giờ Ngài thật nổi tiếng

đến độ những nhà lãnh đạo Do Thái không dám làm ra vẻ không biết đến Ngài. Trên thực tế, chắc hẳn họ đã đến nơi nhóm lại rất sớm, vì họ có mặt ngay lúc mọi việc diễn ra! Hoặc cũng có thể Chúa Giê-xu đã ân cần dành cho họ những chỗ ngồi ngay hàng đầu.

Khi Chúa Giê-xu nhìn thấu suốt bên trong lòng những nhà lãnh đạo Do Thái, Ngài thấy thái độ phê phán trong lòng họ và biết rằng họ đang cáo buộc Ngài về tội lộng ngôn. Xét cho cùng, chỉ một mình Đức Chúa Trời mới có thể tha tội và Chúa Giê-xu lại vừa mới phán với người bại rằng tội lỗi của ông đã được tha. Chúa Giê-xu đang tự nhận mình chính là Đức Chúa Trời!

Nhưng vài phút sau, Ngài đã chứng minh Chính Ngài là Đức Chúa Trời qua việc đọc được những tư tưởng trong lòng họ và nói cho họ biết điều đó (Gi 2:25 He 3:13). Vì có họ muốn “lý luận” về những việc xảy ra, Ngài nêu vấn đề để họ suy xét: Điều nào dễ hơn, chữa lành cho người bại hay bảo với người ấy rằng tội lỗi người đã được tha? Hiển nhiên, việc nói rằng, “Tội lỗi người đã được tha!” dễ dàng hơn vì không ai có thể chứng minh là sự tha thứ có thật sự diễn ra hay không. Do đó, để hỗ trợ cho lời phán của Ngài, Chúa Giê-xu lập tức chữa lành người bại và bảo ông trở về nhà. Việc chữa lành thân thể của người bại chỉ là một hình ảnh minh họa và sự biểu hiện của việc chữa lành tâm linh người ấy (Thi 103:3). Các thầy tế lễ và những người Pha-ri-si, hẳn nhiên, không thể nào chữa lành cho người bại hay tha tội cho người ấy được vì thế họ bị rơi vào bẫy do chính mình giăng ra cũng như bị những ý tưởng của chính mình lên án.

Chúa Giê-xu khẳng định thần tánh của Ngài không chỉ qua việc tha thứ tội lỗi của người bại và chữa lành thân thể ông, nhưng còn qua việc dùng danh xưng “Con người” để nói về Chính mình Ngài. Danh xưng này được dùng mười bốn lần trong sách Phúc Âm Mác, và trong số những lần nhắc đến này thì mười hai lần được tìm thấy sau Mac 8:29 khi Phi-e-rơ xưng Chúa Giê-xu là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời (2:10,28 8:31,38 9:9,12,31 10:33,45 13:26 14:21,41,61). Đây rõ ràng là một danh xưng của đấng Mê-si-a (Da 7:13-14) và người Do Thái cũng đã hiểu danh xưng này theo cách đó. Chúa Giê-xu dùng danh xưng này khoảng tám mươi lần trong các sách Phúc Âm.

Giả sử những nhà lãnh đạo tôn giáo đã mở lòng mình ra với chân lý ngày hôm đó thì họ đã có thể học được điều gì? Trước tiên, họ đã có thể học biết rằng tội lỗi giống như bệnh tật và sự tha thứ giống như việc sức khỏe bạn được phục hồi trở lại. Đây không phải là một chân lý mới mẻ, vì Thánh Kinh Cựu Ước cũng đã nói đến điều này (Es 1:5-6,16-20 Thi 103:3) nhưng giờ đây họ đã được tận mắt chứng kiến chân lý ấy. Họ cũng đã có thể học biết rằng Chúa Giê-xu Christ ở Na-xa-rét quả thực là Đấng Christ có thẩm quyền tha thứ tội – và tội lỗi của chính họ đã có thể được tha! Họ đã bỏ lỡ một cơ hội quý biết bao khi đến dự buổi nhóm với một tinh thần phê phán thay vì với một tấm lòng biết ăn năn!

2. Sự ứng nghiệm trọn vẹn (Mac 2:13-22)

Chẳng bao lâu việc Chúa Giê-xu đang cố tình hòa nhập với những người bị xã hội Do Thái ruồng bỏ trở nên thật rõ ràng. Thậm chí Ngài còn kêu gọi một người thu thuế trở thành môn đệ của Ngài nữa! Chúng ta không biết rằng Lê-vi có phải là một người không lương thiện không mặc dầu hầu hết những người thu thuế đều như vậy nhưng sự kiện ông làm việc cho Vua Hê-rốt và người La Mã đã đủ để khiến ông bị ghét bỏ giữa vòng những người Do Thái trung thành. Tuy nhiên, khi Chúa Giê-xu kêu gọi ông,

Lê-vi đã không tranh cãi hay trì hoãn. Ông đứng dậy và đi theo Chúa Giê-xu, bất chấp việc ông biết rằng La Mã sẽ không bao giờ cho ông trở lại nghề thu thuế của mình. Ông đoạn tuyệt với quá khứ (“Và ông bỏ hết mọi sự lại đằng sau” – Lu 5:28 bản văn NASB), nhận lãnh một tên mới (“Ma-thi-ơ, quà tặng của Đức Chúa Trời”), và hăng hái mời một số bạn bè vốn cũng là “kẻ có tội” giống như ông đến gặp gỡ Chúa Giê-xu. Họ là người Do Thái giống như chính mình ông, không tuân giữ Luật pháp hay tỏ vẻ quan tâm nhiều đến những điều thuộc lãnh vực tôn giáo. Đó chính là hạng người mà Chúa Giê-xu muốn đến gần.

Dĩ nhiên, những kẻ chỉ trích Chúa đã phải có mặt ở đó nhưng Chúa lại dùng lời chất vấn của họ để dạy dỗ những người khách dự tiệc về Chính mình Ngài và công tác thuộc linh Ngài đến để thực hiện. Ngài giải thích sứ mạng của mình qua việc dùng ba hình ảnh so sánh thật thú vị.

Người Thầy thuốc (Mac 2:16-17). Chúa Giê-xu không xem những người này là “những kẻ bỏ đi,” ngay cho dù họ đã bị những nhà lãnh đạo tôn giáo dứt phép thông công. Bạn bè của Ma-thi-ơ là những bệnh nhân cần đến thầy thuốc, và Chúa Giê-xu chính là vị Thầy thuốc ấy. Chúng ta đã thấy rằng tội lỗi có thể được so sánh với bệnh tật và sự tha thứ được ví như việc sức khỏe bạn được phục hồi. Giờ đây chúng ta thấy Cứu Chúa của chúng ta có thể được ví sánh như một vị thầy thuốc: Ngài đến với chúng ta khi chúng ta cần Ngài Ngài chẩn đoán thật chính xác Ngài chữa trị tận gốc rễ và Ngài lại trả cả tiền khám bệnh nữa! Thật là một vị thầy thuốc diệu kỳ!

Nhưng có ba loại “bệnh nhân” mà Chúa Giê-xu không thể nào chữa lành căn bệnh tội lỗi của họ: (1) những người không biết về Ngài (2) những người biết về Ngài nhưng lại không chịu tin cậy Ngài và (3) những người không thừa nhận rằng mình cần Ngài. Các thầy tế lễ và những người Pha-ri-si thuộc hạng người thứ ba đó, cũng như tất cả những tội nhân cậy vào sự công bình riêng ngày nay. Nếu chúng ta không thừa nhận mình là người có tội, đáng phải chịu sự đoán phạt của Đức Chúa Trời thì chúng ta không thể nào được cứu. Chúa Giê-xu chỉ cứu vớt kẻ có tội mà thôi (Lu 19:10).

Vào thời Chúa Giê-xu, cũng như vào thời của các đấng tiên tri, có những kẻ tự nhận có thể đem đến sự chữa lành về tâm linh cho dân chúng, nhưng phương cách chữa trị của họ thật vô hiệu. Giê-rê-mi đã quở trách các thầy tế lễ và các tiên tri giả trong thời của ông vì họ là những thầy thuốc vô ích chỉ đem lại hy vọng giả dối cho dân tộc. “Chúng nó rịt vít thương cho con gái dân ta cách sơ sài, nói rằng: Bình an, bình an! mà không bình an chi hết” (Gie 6:14 8:11). Họ dùng những loại thuốc sơ sài để chữa trị những triệu chứng bên ngoài chứ không đi sâu vào vấn đề chính yếu – đó là tấm lòng tội lỗi của con người (Gie 17:9). Chúng ta phải thận trọng đối với những thầy thuốc vô ích như thế trong thời đại ngày nay.

Chàng rể (Mac 2:18-20). Trong khi lời chất vấn đầu tiên họ nêu lên liên quan đến hạng người Chúa Giê-xu đang giao tiếp thì sự chất vấn thứ nhì của họ đưa ra vấn đề tại sao Chúa Giê-xu lại đang vui vẻ ngồi ăn đồng bàn với những người này như thế. Đối với họ, cách xử sự của Ngài dường như không thích hợp. Giăng Báp-tít là một người khổ hạnh, phần nào sống theo lối ẩn dật còn Chúa Giê-xu lại chấp nhận những lời mời đến dùng bữa, chơi đùa với trẻ con, và ưa thích những cuộc hội họp giao du với đủ mọi hạng người (Mat 11:16-19). Chắc hẳn các môn đệ của Giăng có phần cảm thấy chướng tai gai mắt khi nhìn thấy Chúa Giê-xu tại một bữa tiệc, và các môn đệ

sùng kính của những người Pha-ri-si (Mat 23:15) đã vội vàng nhập bọn với họ để bày tỏ sự thối nát của mình.

Chúa Giê-xu đã bày tỏ rõ ràng rằng Ngài đến để biến cải những kẻ có tội, chứ không phải để khen ngợi những kẻ cậy sự công bình riêng. Giờ đây Ngài phán với họ rằng Ngài đến để đem lại sự vui mừng, chứ không phải sự buồn rầu. Bởi các thầy tế lễ và những người Pha-ri-si bắt người ta phải tuân giữ luật pháp quá nghiêm ngặt nên tôn giáo của người Do Thái đã trở nên một gánh nặng nề. Những người nghèo khổ bị đè nặng bởi những luật lệ và phép tắc mà họ không thể nào làm theo được (Mat 23:4). “Cuộc sống không được coi như một lễ tang!” Chúa Giê-xu phán cùng họ. “Đức Chúa Trời muốn cuộc sống là một bữa tiệc cưới! Ta là Chàng Rể và những người này là những vị khách mời dự tiệc cưới của Ta. Những người khách dự tiệc cưới không được phép vui mừng sao?”

Người Do Thái hiểu rằng hôn nhân là một trong những hình ảnh được dùng trong Cựu Ước để minh họa mối quan hệ giữa dân Y-sơ-ra-ên với Đức Chúa Trời. Họ đã “kết hôn với Đức Giê-hô-va” và họ chỉ thuộc về Ngài (Es 54:5 Gie 31:32). Khi dân sự quay sang thờ lạy các thần ngoại bang, như đã thường làm, họ đã phạm tội “tà dâm thuộc linh.” Họ không chung thủy với Chồng mình, và họ phải bị sửa phạt. Chủ đề chính của sách Ô-sê là sự yêu thương của Đức Chúa Trời đối với người vợ tà dâm của Ngài và lòng Ngài mong muốn phục hồi dân tộc Y-sơ-ra-ên để họ lại được hưởng ân huệ của Ngài lần nữa.

Giăng Báp-tít đã tuyên bố rằng Chúa Jê-sus là Chàng Rể (Gi 3:29), và Chúa chúng ta đã thực hiện phép lạ đầu tiên của Ngài tại một bữa tiệc cưới đầy vui mừng (Gi 2:1-11). Giờ đây Ngài lại đang mời gọi mọi người đến dự tiệc cưới! Xét cho cùng, việc trở thành một Cơ Đốc nhân không khác gì việc bước vào mối quan hệ trong hôn nhân (Ro 7:4 – “anh em được thuộc về (kết hôn với) người khác . . .”). Hai người không bước vào hôn nhân chỉ vì quen biết nhau, hay thậm chí vì có những cảm xúc mạnh mẽ về nhau. Để kết hôn, họ phải cam kết với nhau và bày tỏ cho mọi người biết sự cam kết này. Trong hầu hết các xã hội, người nam và người nữ công khai xác nhận sự cam kết này khi mỗi người đều nói, “Tôi xin hứa!”

Sự cứu rỗi khỏi tội lỗi bao gồm nhiều điều hơn là việc một người biết về Đấng Christ, hay ngay cả việc có “những cảm nghĩ tốt đẹp” đối với Đấng Christ. Sự cứu rỗi đến khi tội nhân cam kết với Chúa Giê-xu Christ và nói rằng, “Con xin hứa!” Sau đó người tín đồ lập tức hưởng được những sự vui mừng của mối quan hệ hôn nhân thuộc linh này: người ấy được mang tên Ngài được chia sẻ sự giàu có và quyền phép của Ngài được nếm trải sự yêu thương và bảo bọc của Ngài và một ngày kia được sống trong nhà vinh hiển của Ngài trên thiên đàng. Khi bạn “kết hôn với Đấng Christ,” cuộc sống bạn trở nên một tiệc cưới đầy vui mừng, bất chấp những thử thách và khó khăn có thể xảy ra.

Câu 20 là một ngụ ý nói về sự chết đã được biết trước của Chúa, sự phục sinh, và sự thăng thiên của Ngài. Không chắc là các môn đệ của Chúa, vào buổi đầu đi theo Ngài, có thể hiểu được những điều Ngài muốn nói. Tuy nhiên, Chúa Giê-xu không đang ám chỉ rằng sự vắng mặt của Ngài trên đất này sẽ có nghĩa là những kẻ theo Ngài sẽ phải thay thế tiệc cưới bằng một lễ tang! Ngài chỉ đang vạch ra rằng việc thỉnh thoảng kiêng ăn sẽ thích hợp vào một thời điểm trong tương lai, còn buổi tiệc đầy vui mừng đó cần phải là từng trải bình thường của những kẻ tin theo Ngài.

Chiếc Áo và Bầu Rượu Da (Mac 2:21-22). Chúa Giê-xu đã dạy chúng ta hai bài học quan trọng về chức vụ của Ngài: (1) Ngài đến để cứu những kẻ có tội, chớ không phải để kêu gọi những kẻ công bình riêng và (2) Ngài đến để đem lại sự vui mừng chớ không phải sự buồn rầu. Bài học thứ ba là: Ngài đến để giới thiệu cái mới, chớ không phải để chấp vá cái cũ.

Những nhà lãnh đạo tôn giáo cảm kích trước sự giảng dạy của Chúa, và có lẽ họ sẽ lấy làm vui sướng áp dụng một số ý tưởng của Ngài vào truyền thống tôn giáo của riêng họ. Họ đang hy vọng một kiểu thỏa hiệp nào đó sẽ giữ lại những điều tốt đẹp nhất trong Do Thái giáo của người Pha-ri-si và những điều tốt đẹp nhất trong những gì Đấng Christ đã dạy dỗ. Nhưng Chúa Giê-xu phán rõ rằng phương cách ấy là một việc làm thiếu khôn ngoan. Nó sẽ giống như việc xé những miếng vá từ một chiếc áo mới chưa co giãn và may chúng vào một chiếc áo đã cũ. Bạn sẽ làm hư chiếc áo mới và khi đem giặt chiếc áo cũ, những miếng vá sẽ co rút lại, kéo rách toạt ra, và làm hư cả chiếc áo đó nữa (xin lưu ý Lu 5:36-39). Hoặc là, nó sẽ giống như việc đổ rượu mới chưa lên men vào những bầu da cũ đã giòn. Ngay khi rượu bắt đầu lên men và sủi bọt, những bầu da cũ sẽ bị vỡ ra – và bạn sẽ mất cả rượu lẫn các bầu da.

Chúa Giê-xu đến để mở ra những điều mới mẻ, chớ không phải để liên hiệp với những điều cũ kỹ. Cơ cấu của Luật pháp Môi se đang suy tàn, già cỗi, và gần tiêu mất đi (He 8:13). Chúa Giê-xu sẽ thiết lập một giao ước mới trong huyết Ngài (Lu 22:19-20). Luật pháp sẽ được viết trên tấm lòng của con người, chớ không phải trên bảng đá (He 10:15-18 IICo 3:1-3) và sự ngự trị của Đức Thánh Linh sẽ giúp dân sự Đức Chúa Trời có thể làm trọn sự công bình của Luật pháp (Ro 8:1-4).

Bằng cách sử dụng hình ảnh minh họa này, Chúa Giê-xu bác bỏ một lần nữa cả tư tưởng phổ biến của một hình thức “tôn giáo toàn cầu” có tính cách thỏa hiệp. Những nhà lãnh đạo đầy thiện chí nhưng lại mù lòa thuộc linh đã gợi ý là chúng ta nên lấy “những điều tốt đẹp nhất” từ mỗi tôn giáo, kết hợp với những điều “tốt đẹp nhất” trong niềm tin Cơ Đốc, và từ đó tạo ra một đức tin tổng hợp có thể chấp nhận được đối với mọi người. Nhưng niềm tin Cơ Đốc thì độc nhất vô nhị về đặc điểm, vì nó sẽ không chấp nhận bất cứ niềm tin nào khác là ngang hàng với nó hay trội vượt hơn nó. “Chẳng có sự cứu rỗi trong Đấng nào khác vì ở dưới trời, chẳng có danh nào khác ban cho loài người, để chúng ta phải nhờ đó mà được cứu” (Cong 4:12).

Sự cứu rỗi không phải là việc vá vúi một phần của đời sống con người đó là một chiếc áo choàng công bình mới mẻ nguyên vẹn (Es 61:10 IICo 5:21). Đời sống Cơ Đốc không phải là một sự pha trộn giữa cái cũ và cái mới đúng hơn, đó là một sự làm trọn cái cũ trong cái mới. Có hai cách để hủy phá một vật: bạn có thể đập nó vỡ tan hoặc bạn có thể để nó tự hủy. Chẳng hạn như, chúng ta có thể dùng búa đập vỡ một quả sồi, hoặc chúng ta có thể trồng nó và để nó mọc lên thành một cây sồi. Trong cả hai ví dụ, sự hủy phá quả sồi đều đã được hoàn tất nhưng trong ví dụ thứ hai, quả sồi đã tự hủy đi.

Chúa Giê-xu đã làm trọn những lời tiên tri, những kiểu mẫu, và những đòi hỏi của Luật pháp Môi se. Luật pháp đã chấm dứt tại đời Gô-gô-tha khi tế lễ trọn vẹn đã một lần được dâng lên vì có tội lỗi của cả thế gian (He 8:1-10:39). Khi bạn tin nơi Chúa Giê-xu, bạn trở nên một phần của sự dựng nên mới (IICo 5:17), và bạn sẽ luôn có những kinh nghiệm mới mẻ về ân điển và sự vinh hiển của Ngài. Thật đáng thương thay cho những ai cứ nắm giữ truyền thống tôn giáo đã chết trong khi họ có thể nhận lãnh

chân lý thuộc linh sống động. Tại sao lại cứ áp ú những điều có ý nghĩa hình bóng trong khi những điều hiện thực đã đến? (He 10:1tt). Trong Chúa Giê-xu Christ tất cả những lời hứa của Đức Chúa Trời đã được làm thành (IICo 1:20).

3. Sự tự do (Mac 2:23-28 3:1-12)

(Mac 2:23-28). Ngày Sa-bát được người Do Thái tuân giữ như một thể chế thiêng liêng. Đức Chúa Trời ban cho dân tộc Y-sơ-ra-ên ngày Sa-bát sau khi họ ra khỏi xứ Ai Cập (Ne 9:14 Xu 20:8-11), và đó là một dấu hiệu đặc biệt giữa dân Y-sơ-ra-ên và Đức Giê-hô-va (Xu 31:13-17). Trong Thánh Kinh không nơi nào ghi lại rằng Đức Chúa Trời đã từng ban ngày Sa-bát cho bất cứ dân tộc nào khác. Vì thế, khi Chúa Giê-xu bắt đầu công khai vi phạm những truyền thống của ngày Sa-bát, điều đó giống như việc tuyên chiến chống lại cả hệ thống tôn giáo. Ngài bắt đầu chiến dịch của Ngài bằng việc chữa lành một người bị bệnh đã ba mươi tám năm (Gi 5:1-47), và rồi nối tiếp với những sự kiện đã được ghi lại trong phần này.

Theo truyền thống của người Do Thái có ba mươi chín công việc bị nghiêm cấm trong ngày Sa-bát. Môi-se đã cấm làm việc vào ngày Sa-bát, nhưng ông không nêu ra nhiều chi tiết (Xu 20:10). Trong ngày Sa-bát không được phép nổi lửa trong nhà để nấu ăn (Xu 35:3), lượm củi (Dan 15:32tt), khiêng gánh nặng (Gie 17:21tt), hay thực hiện việc buôn bán (Ne 10:31 13:15,19). Nhưng truyền thống của người Do Thái lại đi sâu vào những chi tiết nhỏ nhặt và thậm chí quy định quãng đường mà dân sự được phép đi trong ngày Sa-bát (200 cu-bít, tức khoảng 91m5, dựa vào Gios 3:4). Tóm lại, Ngày Sa-bát đã trở thành một cái ách nặng nề, một biểu tượng của sự bó buộc tôn giáo đầy phiền toái đã trói buộc cả dân tộc.

Sau khi chữa lành người bại tại Ao Bê-tết-đa, hành động “coi thường ngày Sa-bát” kế tiếp của Chúa chúng ta là đi qua đồng lúa mì vào ngày Sa-bát và cho phép các môn đệ Ngài bứt bông lúa mì, vò ra để ăn. Không có gì là vi phạm luật khi một người đang đói hái một ít trái cây hay bứt bông lúa mì của kẻ lân cận mình ăn, miễn là người ấy đừng bỏ đầy giỏ mình hay đặt lưới hái vào đồng lúa của người khác (Phu 23:24-25). Tuy nhiên, đó không phải là điều khiến những người Pha-ri-si khó chịu. Điều khiến họ khó chịu chính là sự kiện các môn đệ đã làm việc vào Ngày Sa-bát!

Khi bạn đọc sách Ma-thi-ơ ký thuật sự kiện này, bạn nhận thấy là Chúa Giê-xu nêu lên ba lý lẽ để bênh vực cho các môn đệ của Ngài: điều vua Đa-vít đã làm (Mac 12:3-4), điều các thầy tế lễ làm (cc. 5-6), và điều Tiên tri Ô-sê đã nói (c.7-8). Các độc giả La Mã của Mác sẽ không quan tâm đến các đấng tiên tri và các thầy tế lễ của người Do Thái, vì thế Mác tập trung vào vua Đa-vít – người mà những người La Mã sẽ nhận biết như một vị anh hùng và một vị vua vĩ đại. Lý lẽ nêu lên thật hợp lý: nếu vua cùng những kẻ tùy tùng đang đói được phép ăn bánh thánh nơi đền thờ (ISa 21:1-6), thì việc Chúa của ngày Sa-bát cho phép các môn đệ Ngài ăn bông lúa mì nơi đồng lúa của Ngài là điều phải lẽ. Vua Đa-vít đã phạm một luật định rõ ràng do Môi-se đề ra, vì bánh trần thiết dành riêng cho các thầy tế lễ mà thôi (Le 24:5-9) nhưng điều các môn đệ đã vi phạm chỉ là một truyền thống do con người đặt ra. Đức Chúa Trời chắc hẳn quan tâm đến việc đáp ứng nhu cầu của con người hơn là việc bảo vệ truyền thống tôn giáo. Những người Pha-ri-si đã khiến cho những điều ưu tiên của họ bị đảo lộn.

Liệu Chúa Giê-xu có nhầm lẫn không khi Ngài nhắc đến A-bia-tha là thầy cả thượng phẩm? Dựa theo ISa 21:1-15 thì A-bi-mê-léc, cha của A-bia-tha (ISa 22:20) mới là thầy cả thượng phẩm vì thế câu nói của Chúa chúng ta có vẻ là một sự trái ngược.

Không phải vậy. Có thể là cả cha lẫn con mỗi người đều có hai tên (ISu 18:16 và 24:6 ISa 22:20 và IISa 8:17). Cũng có thể là Chúa dùng tên gọi “A-bia-tha” để ám chỉ đoạn Kinh Thánh trong Cựu Ước về A-bia-tha hơn là nói về chính mình ông. Đây là cách người Do Thái nhận ra các phần của Lời Thánh Kinh vì các bản Kinh Thánh viết tay của họ không có phân ra đoạn và câu như trong Kinh Thánh chúng ta đang dùng ngày nay (Mac 12:26).

(Mac 3:1-12). Cũng trong Ngày Sa-bát đó, Chúa Giê-xu đi vào nhà hội để thờ phượng và trong lúc ở đó, Ngài đã cố tình chữa lành một người teo tay. Hẳn nhiên là Ngài đã có thể chờ thêm một ngày, nhưng một lần nữa Ngài muốn thách thức với những truyền thống tuân giữ luật pháp của người Pha-ri-si. Lần này những người Pha-ri-si (Lu 6:7) đang trông mong Ngài chữa bệnh, vì thế họ cố mở to đôi mắt nhìn xem Ngài hành động. Câu hỏi của Chúa chúng ta trong Mac 3:4 không hề nhận được sự đáp lời từ phía những kẻ chống đối Ngài. Vì có gì việc dữ luôn hành động mỗi ngày, kể cả Ngày Sa-bát, vậy tại sao việc lành lại không được hành động y như thế? Sự chết luôn hành động, nhưng điều đó không được ngăn cản chúng ta cố gắng để cứu người.

Chúa Giê-xu có thể nhìn thấy “sự cứng cõi của lòng họ,” và tội lỗi của họ khiến Ngài nổi giận. Chúa không bao giờ giận dữ với những kẻ thù và những người có tội, nhưng Ngài đã bày tỏ sự tức giận đối với những người Pha-ri-si cậy sự công bình riêng (Mat 23:1-39). Họ thà bảo vệ những truyền thống của mình hơn là nhìn thấy một người bệnh được chữa lành! Người teo tay, hẳn nhiên, không biết nhiều về mối xung đột thuộc linh này. Ông ta chỉ vâng theo lời phán của Chúa, giơ bàn tay mình ra, và lập tức được chữa lành.

Những người Pha-ri-si vô cùng căm tức trước những điều Chúa Giê-xu đã làm, đến nỗi họ đã liên kết với những người thuộc phe Hê-rốt và bắt đầu lập mưu bắt Chúa Giê-xu và giết hại Ngài. Những người thuộc phe Hê-rốt không phải là một đảng phái tôn giáo họ là một nhóm người Do Thái đồng tình với vua Hê-rốt và ủng hộ sự cai trị của vua. Phần lớn người Do Thái khinh miệt Hê-rốt và miễn cưỡng thi hành các luật lệ của ông vì thế thật ngạc nhiên khi những người Pha-ri-si, vốn là những người Do Thái nghiêm ngặt, lại kết thân với những phần tử chính trị không trung thành này. Nhưng chính Chúa Giê-xu – kẻ thù chung của hai phe – đã đem hai nhóm người này đến gần nhau.

Để đối phó với sự chống đối có liên kết này, Chúa Giê-xu chỉ lánh đi khỏi nơi đó nhưng Ngài không thể nào ngăn cản việc những đoàn dân đông đi theo Ngài. Những đoàn dân này gây nguy hiểm cho mục đích của Ngài, hẳn nhiên, vì họ không được thúc bởi nhu cầu tâm linh và những bậc cầm quyền có thể cáo Ngài về tội lãnh đạo dân chúng nổi loạn chống lại người La Mã. Thế nhưng Chúa Giê-xu vẫn tiếp đón mọi người, chữa lành những kẻ đau và giải phóng những người bị quỷ ám. Một lần nữa, Ngài cấm các quỷ không được tiết lộ Ngài là ai (Mac 1:23-26).

Giờ đây Chúa chúng ta đã tiến đến một bước ngoặt trong chức vụ của Ngài. Những đoàn dân đông đảo đang đi theo Ngài, nhưng mối quan tâm của họ không phải là những điều thuộc linh. Các nhà lãnh đạo tôn giáo thì muốn tiêu diệt Ngài, và ngay cả một số bạn bè của Hê-rốt cũng đang có âm mưu đó. Việc làm kế tiếp của Ngài sẽ là dành trọn một đêm trong sự cầu nguyện (Lu 6:12), lựa chọn mười hai người làm sứ

đồ để giúp đỡ Ngài, và giảng một bài – đó là Bài Giảng trên Núi – giải nghĩa về nền tảng thuộc linh của Nước Ngài.

Ngài ban cho họ sự tha thứ, sự thực hiện trọn vẹn những lời hứa của Đức Chúa Trời, và sự tự do nhưng họ từ chối sự ban cho của Ngài.

Bạn đã nhận lãnh sự ban cho của Chúa chưa?

3. NGƯỜI TÔI TỚ, ĐOÀN DÂN ĐÔNG VÀ VƯƠNG QUỐC (Mac 3:13-4:34)

Dù đi đến nơi nào, Tôi tớ của Đức Chúa Trời vẫn luôn bị vây lấy bởi những đoàn dân đông đầy kích động (Mac 3:7-9,20,32 4:1). Nếu Chúa Giê-xu là một “người nổi danh” chớ không phải một tôi tớ, thì rất có thể Ngài đã chu cấp cho đoàn dân đông và cố làm vừa lòng họ (Mat 11:7-15). Thay vào đó, Ngài đã rút lui khỏi đoàn dân đông và bắt đầu dạy dỗ đặc biệt cho các môn đệ Ngài. Chúa Giê-xu biết rằng phần lớn những người chen lấn để đến gần Ngài đều hời hợt và giả dối, nhưng các môn đệ Ngài lại không biết điều này. Lo ngại rằng họ sẽ xem nặng tất cả “sự thành công” này, Chúa Giê-xu đã phải dạy dỗ những môn đệ này chân lý về những đoàn dân đông và vương quốc của Ngài. Trong phần này, chúng ta thấy ba phản ứng của Chúa trước áp lực của quần chúng.

1. Ngài lập một dân mới (Mac 3:13-19)

Con số của các môn đệ thật ý nghĩa vì có mười hai chi phái trong dân tộc Y-sơ-ra-ên. Trong Sáng Thế ký, Đức Chúa Trời đã bắt đầu với mười hai con trai của Gia-cốp, và trong Xuất Ê-díp-tô ký, Ngài lập họ thành một dân tộc hùng mạnh. Y-sơ-ra-ên được chọn để đưa Đấng Mê-si-a vào trong thế gian hầu cho qua Ngài tất cả mọi dân tộc trên đất có thể được phước (Sa 12:1-3). Tuy nhiên, dân tộc Y-sơ-ra-ên giờ đây đã sa bại về tâm linh và sẵn sàng khước từ chính Đấng Mê-si-a của mình. Đức Chúa Trời đã phải lập “một dân thánh, một dân riêng (được chuộc mua)” (IPhi 2:9), và mười hai sứ đồ là trung tâm của dân tộc “thuộc linh” mới mẻ này (Mat 21:43).

Chúa Giê-xu dành trọn đêm để cầu nguyện trước khi chọn lựa mười hai người (Lu 6:12). Khi Ngài chọn họ, Ngài hướng đến ba mục đích: (1) huấn luyện họ bằng cách đích thân Ngài nêu gương cho họ và dạy dỗ họ, (2) sai họ đi ra rao giảng Phúc Âm, và (3) ban cho họ quyền phép để chữa bệnh và đuổi quỷ. (Mac 1:14-15,38-39 6:7-13). Mười hai người này do đó sẽ có thể tiếp tục công tác của Ngài khi Ngài trở về với Đức Chúa Cha, và họ cũng sẽ có thể huấn luyện những người khác để chăm lo công việc Chúa nối tiếp họ (ITi 2:2).

Trong Tân Ước, bạn sẽ tìm thấy ba danh sách khác kể tên mười hai môn đệ: Mat 10:2-4 Lu 6:14-16 và Cong 1:13. Lu-ca cho chúng ta biết rằng Chúa Giê-xu ban cho họ danh hiệu đặc biệt là các “sứ đồ.” Một môn đệ là một người học bằng cách thực hành từ tương đương hiện đại của chúng ta có thể là “một người học việc.” Một “sứ đồ” là một người được sai đi hầu việc chính thức với một sự ủy thác. Chúa Giê-xu có nhiều môn đệ nhưng chỉ có mười hai sứ đồ, là các “đại sứ” đặc biệt của Ngài.

Khi so sánh các danh sách này, bạn sẽ thấy hình như các tên được sắp xếp từng đôi một: Phi-e-rơ và Anh-rê Gia-cơ và Giăng Phi-líp và Ba-thê-lê-my (hay Na-tha-na-ên Gi 1:45) Tô-ma và Ma-thi-ơ (tức Lê-vi) Gia-cơ, con A-phê, và Tha-đê (hay Giu-đa, con của Gia-cơ, chớ không phải Ích-ca-ri-ốt! Gi 14:22) Si-môn Xê-lốt và Giu-đa Ích-

ca-ri-ốt. Vì Chúa Giê-xu sai các sứ đồ Ngài đi ra từng đôi một, nên đây là cách hợp lý để kể tên họ ra (Mac 6:7).

Tên của Si-môn được đổi lại là Phi-e-rơ, nghĩa là “đá” (Gi 1:40-42) và tên của Lê-vi được đổi là Ma-thi-ơ, “quà tặng của Đức Chúa Trời.” Gia-cơ và Giăng được ban cho biệt hiệu là “Bô-a-net – con trai của sấm sét.” Chúng ta thường nghĩ đến Giăng như vị sứ đồ của tình yêu thương, nhưng chắc hẳn là ông đã không bắt đầu với danh hiệu như thế, cả em ông là Gia-cơ cũng vậy (Mac 9:38-41 10:35-39 Lu 9:54-55). Thật khích lệ khi nhìn thấy điều Chúa Giê-xu đã có thể làm với một nhóm ứng viên đa dạng hóa không chút hứa hẹn gì trong công tác hầu việc Chúa. Vì thế, vẫn còn có hy vọng cho chúng ta!

Mác định nghĩa từ Hy-bá-lai Bô-a-net vì ông đang viết cho các độc giả La Mã. Trong sách Phúc Âm Mác, bạn sẽ tìm thấy một số “chú thích đặc biệt dành cho các dân ngoại” này (Mac 5:41 7:11,34 11:9 14:36 15:22,34). Từ người Ca-na-an trong 3:18 không liên quan gì đến nguồn gốc dân tộc hay chủng tộc. Đó là từ Hy-bá-lai cananaean, ra từ một từ ngữ có nghĩa là “tha thiết bảo vệ, nhiệt thành.” Những người Xê-lốt là một nhóm người Do Thái quá khích được tổ chức để lật đổ đế quốc La Mã và họ dùng mọi phương tiện có thể có được, kể cả việc giết người, để đẩy mạnh chính nghĩa của mình. Sử gia Josephus gọi họ là “những tay dao găm.” Thật thú vị khi biết được Si-môn Xê-lốt đã phản ứng thế nào khi ông lần đầu tiên gặp gỡ Ma-thi-ơ, nguyên là một tay sai của chính quyền La Mã.

Nếu bạn tham khảo bốn sách Phúc Âm cách hài hòa song song nhau, bạn sẽ thấy là giữa Mac 3:19,20, Chúa Giê-xu giảng Bài Giảng trên Núi (Mat 5:1-7:29) và tham dự vào những sự kiện được mô tả trong Lu 7:1-8:3. Sách Phúc Âm Mác không bao gồm bài giảng nổi tiếng ấy vì ông nhấn mạnh vào những việc Chúa Giê-xu làm hơn là những điều Chúa Giê-xu giảng dạy.

2. Ngài thiết lập một gia đình mới (Mac 3:20-21,31-35)

Những bạn hữu của Chúa Giê-xu quả quyết rằng Ngài bị rối trí, và có thể lắm đã bị loạn trí nữa! Những đoàn dân đông đảo mà họ thấy đang đi theo Ngài, và những lời tường thuật đầy kinh ngạc mà họ nghe về Ngài, khiến họ tin rằng Ngài đang rất cần được giúp đỡ. Ngài hoàn toàn không đang sống một cuộc đời bình thường, vì thế các bạn hữu của Ngài đã đến Ca-bê-na-um để “canh chừng Ngài.” Kế đó mẹ và “các anh em” Ngài (Mac 6:3) phải trải qua ba mươi dặm đường từ Na-xa-rét đến để nài khuyên Ngài về nhà và nghỉ ngơi, nhưng ngay cả họ cũng không thể đến gần Ngài được. Đây là chỗ duy nhất trong sách Phúc Âm Mác bà Ma-ri được nhắc đến, và sự cố gắng của bà đã không có kết quả.

Lịch sử cho thấy rằng các tội tở của Đức Chúa Trời thường bị những người cùng thời đánh giá sai, và thường bị gia đình mình hiểu lầm. D.L. Moody được nhiều người ở Chicago gọi là “Moody Điên,” và cả đến vị Đại Sứ đồ Phao-lô cũng bị coi là điên cuồng (Cong 26:24-25). Emily Dickenson đã viết:

Rồ dại đời này chính là . . . sự khôn ngoan!

Sự khôn ngoan của người khôn ngoan nhất.

Sự khôn ngoan tỏ bày trong lẽ thật,

Khôn ngoan tuyệt vời, nhưng lại tựa . . . cuồng điên.

Giữa đời này, đối với chuyện chung, riêng
Sự thắng thế luôn thuộc về đa số.
Có lẽ, bạn sẽ được người đời ủng hộ
Nếu bạn tán đồng cách sống của phần đông
Còn ngược lại, bạn tỏ ra chống đối
Chắc chắn là nhiều nguy hiểm chờ trông.
Nếu bạn sống theo ý mình mong muốn
Thì . . . cuộc đời này dành cho bạn xiềng gông!

Chúa chúng ta không đang thiếu lễ độ đối với gia đình của Ngài khi Ngài vẫn cứ ở trong nhà chớ không tìm cách gặp những người thân. Ngài biết rằng động cơ của họ là đúng đắn nhưng mục đích của họ lại hoàn toàn sai. Nếu Chúa Giê-xu đã nhượng bộ gia đình, thì rất có thể Ngài đã làm lợi cho chính kẻ chống đối Ngài. Những nhà lãnh đạo tôn giáo rất có thể đã nói, “Hãy xem kìa, Ngài đồng lòng với gia đình Ngài – Ngài cũng cần được giúp đỡ vậy! Đừng xem Giê-xu người Na-xa-rét là quá quan trọng.” Thay vì chịu thua, Ngài đã dùng cơn khủng hoảng này như một cơ hội để dạy họ một bài học thuộc linh: gia đình của Ngài được cấu thành bởi tất cả những ai làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Những người anh em cùng mẹ của Chúa chúng ta cũng không tin Ngài (Gi 7:1-5) và Chúa Giê-xu cảm thấy gần gũi với những người thân thuê và những kẻ có tội có lòng tin nơi Ngài hơn là đối với Gia-cơ, Giô-sê, Giu-đa, và Si-môn.

Chúa không đang ám chỉ rằng những kẻ tin Ngài phải thờ ơ hoặc bỏ mặc gia đình mình để hầu việc Đức Chúa Trời, nhưng Ngài chỉ muốn nói rằng họ cần đặt ý chỉ Đức Chúa Trời lên trên tất cả mọi điều khác trong đời sống mình. Lòng chúng ta yêu mến Đức Chúa Trời cần phải thật lớn lao đến nỗi tình yêu thương của chúng ta dành cho gia đình sẽ có vẻ như là sự ghét bỏ trong cách so sánh (Lu 14:26). Đương nhiên ý muốn của Đức Chúa Trời là chúng ta phải chăm sóc cho gia đình mình và chu cấp cho họ (ITi 5:8), nhưng chúng ta không được để cho ngay cả những người thân yêu nhất của mình tác động, khiến chúng ta xa khỏi ý muốn của Đức Chúa Trời. Khi xem xét tầm quan trọng của gia đình trong xã hội Do Thái, bạn có thể hình dung được những lời dạy dỗ của Đấng Christ chắc hẳn nghe có vẻ cấp tiến biết bao đối với những kẻ nghe Ngài.

Một người bước vào gia đình của Đức Chúa Trời bằng cách nào? Bởi việc dựng nên mới, một sự sanh lại trong tâm linh (Gi 3:1-7 IPhi 1:22-25). Khi tội nhân tin nhận Chúa Giê-xu Christ làm Cứu Chúa mình, người ấy kinh nghiệm sự tái sinh mới mẻ này và bước vào gia đình của Đức Chúa Trời. Người ấy được san sẻ bản tánh thiên thượng của Đức Chúa Trời (IPhi 1:3-4) và có thể gọi Đức Chúa Trời là “Cha” (Ro 8:15-16). Sự sanh lại thuộc linh này không phải là một điều mà chúng ta tự mình hoàn thành được, những người khác cũng không thể thực hiện điều đó cho chúng ta (Gi 1:11-13). Đó là việc làm đầy ân điển của Đức Chúa Trời tất cả mọi điều chúng ta có thể làm là tin và nhận lãnh mà thôi (Eph 2:8-9).

3. Ngài công bố một vương quốc mới (Mac 3:22-4:34)

Những đoàn dân đông hy vọng rằng Chúa Giê-xu sẽ giải phóng dân tộc mình và đánh bại La Mã. Thay vào đó, Ngài lại kêu gọi mười hai người tầm thường và lập nên một “dân mới,” một dân tộc thuộc linh gồm những công dân có tên mình được ghi trên thiên đàng (Lu 10:20 Phi 3:20). Những đoàn dân đông muốn Chúa Giê-xu xử sự như một người Do Thái trung thành và tôn trọng gia đình Ngài, nhưng Chúa Giê-xu lại thiết lập một “gia đình mới” được cấu thành bởi tất cả những ai tin nhận Ngài và làm theo ý chỉ của Đức Chúa Trời. Những đoàn dân đông cũng trông mong Ngài phục hồi đất Nước và đem lại cho Y-sơ-ra-ên sự vinh hiển đã đánh mất nhưng sự đáp ứng của Ngài là công bố một vương quốc mới, một vương quốc thuộc linh.

“Vương quốc (hay nước)” là một từ trọng tâm trong phần này (Mac 3:24 4:11,26,30). Giảng Báp-tít đã công bố rằng vị vua mới sắp đến và ông đã báo trước cho dân chúng để chuẩn bị ra mắt Ngài (1:1-8). Chúa Giê-xu đề cập đến sứ điệp của Giảng và rao giảng Tin Mừng về Nước Trời cùng sự thiết yếu đối với kẻ có tội là phải ăn năn và tin (1:14-15). Nhưng nước này ra sao? Nếu Chúa không đang lập lại Y-sơ-ra-ên và thiết lập một vương quốc về chính trị, thì Ngài đang dự định thiết lập loại vương quốc như thế nào?

Vào lúc này, Mác giới thiệu một từ mới – các ẩn dụ (3:23 4:2,10-11,13,33-34). Chúa Giê-xu đã giải thích về Nước Trời, không phải bằng cách diễn thuyết về thần học, nhưng bằng cách vẽ lên những bức tranh thu hút sự chú ý của dân chúng và buộc họ phải dùng trí tưởng tượng của mình và suy nghĩ. Từ ẩn dụ (parable) trong tiếng Anh ra từ hai từ ngữ Hy Lạp có nghĩa là “đặt song song với” (para – ‘alongside’, nghĩa là ‘song song với’ ballo – ‘to throw’ hay ‘to cast’ nghĩa là ‘quăng, ném’đặt). Một ẩn dụ là một câu chuyện kể hay một nhân vật được đặt song song với một sự giảng dạy để giúp chúng ta hiểu ý nghĩa của sự giảng dạy đó. Nó không chỉ là “một câu chuyện thuộc đời này với một ý nghĩa thuộc linh,” và chắc chắn nó không phải là một “hình ảnh minh họa” như là một nhà truyền đạo sẽ dùng trong một bài giảng. Một ẩn dụ thật khiến cho người nghe phải quan tâm sâu sắc đến và giục giã người ấy tiến tới một quyết định cá nhân về chân lý của Đức Chúa Trời và đời sống của riêng mình. Các ẩn dụ của Chúa chúng ta thật sâu sắc và lên án cá nhân đến nỗi, sau khi nghe một vài ẩn dụ, những nhà lãnh đạo tôn giáo chỉ muốn giết Chúa Jê-sus mà thôi! (Mat 21:45-46).

Một ẩn dụ thường bắt đầu là một bức tranh lôi cuốn sự chú ý và gọi lên mối quan tâm của chúng ta. Nhưng khi bạn nghiên cứu bức tranh, thì nó trở thành một tấm gương soi trong đó chúng ta bất ngờ nhìn thấy chính mình. Nếu chúng ta tiếp tục ngắm nhìn bởi đức tin, tấm gương soi ấy trở nên một khung cửa sổ qua đó chúng ta nhìn thấy Đức Chúa Trời và lẽ thật của Ngài. Cách chúng ta đáp lại lẽ thật ấy sẽ quyết định lẽ thật sâu xa hơn mà Đức Chúa Trời sẽ dạy dỗ chúng ta.

Tại sao Chúa Jê-sus lại dạy dỗ bằng các ẩn dụ? Các môn đệ Ngài đã hỏi Ngài chính câu hỏi đó (Mac 4:10-12 Mat 13:10-17). Khi nghiên cứu kỹ câu trả lời của Chúa Jê-sus, chúng ta sẽ thấy rằng Ngài đã dùng các ẩn dụ vừa để giữ kín chân lý vừa để bày tỏ chân lý. Đoàn dân đông không xét đoán các ẩn dụ ngược lại các ẩn dụ đã xét đoán đoàn dân đông. Người nào không chăm chú lắng nghe, tưởng rằng mình đã biết hết mọi điều, sẽ chỉ nghe một câu chuyện kể mà người ấy không thật sự hiểu được và kết quả là người ấy chuốc lấy sự đoán xét trong đời sống mình (Mat 11:25-30). Người nào chân thành lắng nghe, với lòng mong ước hiểu biết chân lý của Đức Chúa Trời, sẽ suy gẫm lời ẩn dụ, thú nhận sự ngu dốt của mình, phục tùng Chúa, thì sẽ bắt đầu hiểu thấu bài học thuộc linh mà Chúa Giê-xu muốn dạy dỗ.

Chúa Giê-xu xem việc nghe Lời của Đức Chúa Trời là vô cùng quan trọng. Dưới hình thức này hay hình thức khác, từ nghe được dùng mười ba lần trong sách Mac 4:1-34. Thật rõ ràng, Chúa chúng ta đang phán dạy, không phải về việc nghe thuộc thể, nhưng về việc nghe với sự nhận thức sâu sắc về thuộc linh. Nghe Lời Đức Chúa Trời có nghĩa là hiểu và làm theo Lời ấy (Gia 1:22-25).

Chúa có một số ẩn dụ để giúp đỡ mọi người (và điều đó bao gồm cả các môn đệ Ngài) hiểu được tính chất của Nước Ngài.

Người Mạnh Sức (Mac 3:22-30). Chúa Giê-xu đã chữa lành một người bị quỷ ám vừa mù vừa câm (Mat 12:22-24), và các thầy thông giáo cùng những người Pha-ri-si đã dùng phép lạ này như một cơ hội để tấn công Ngài. Đoàn dân đang bàn tán, “Có lẽ người này thực sự là Con cháu Đa-vít, là Đấng Mê-si-a.” Nhưng những nhà lãnh đạo tôn giáo thì nói, “Ồ không đâu, ông ta cùng phe với Bê-ên-xê-bun! Đó chính là quyền lực của Sa-tan đang hành động trong ông ta, chớ không phải là quyền phép của Đức Chúa Trời.”

“Bê-ên-xê-bun” là một danh xưng dành cho ma quỷ, và nó có nghĩa là “chủ nhà.” Chúa Giê-xu dựa vào ý nghĩa này và phán dạy một ẩn dụ về một người mạnh sức canh giữ nhà mình. Để lên vào nhà, một người trước hết phải thắng hơn người mạnh sức này.

Chúa Giê-xu đã phơi bày cả hệ thống thần học lẫn luận lý sai lầm của họ. Nếu chính do quyền lực của Sa-tan mà Ngài đã đuổi được ma quỷ, tức là Sa-tan đang thực sự chống lại chính mình! Điều này có nghĩa là nhà và nước của Sa-tan đều bị phân chia và do đó sắp phải sụp đổ. Sa-tan đã canh giữ người ấy cẩn thận vì ma quỷ không hề muốn mất bất kỳ lãnh thổ nào nó đã chiếm hữu cả. Sự kiện Chúa Giê-xu giải thoát người bệnh là bằng chứng cho thấy là Ngài mạnh sức hơn Sa-tan và Sa-tan không thể nào ngăn cản Ngài được.

Chúa Giê-xu làm nhiều điều hơn là chỉ đáp lại lời cáo buộc giả dối của họ. Ngài tiếp tục giải thích mức độ nghiêm trọng của điều họ nói. Xét cho cùng, lời nói của chúng ta bộc lộ điều giấu kín trong lòng mình (Mat 12:35), và điều chứa trong lòng chúng ta quyết định tính cách, đạo đức, và số phận của chúng ta. Đôi lúc chúng ta nói, “Nói chuyện chẳng mất mát gì cả!” Nhưng trên thực tế, điều chúng ta nói có thể rất đắt giá. Chúa Giê-xu đã cảnh cáo những nhà lãnh đạo Do Thái rằng họ đang gặp nguy cơ của việc phạm một tội không thể tha thứ được và còn hậu quả đến cõi đời đời (Mat 12:32).

Khi bạn hỏi mọi người rằng, “Tội không thể tha thứ được là tội gì?” họ thường đáp, “Đó là tội phạm đến Đức Thánh Linh” hay “Đó là tội cho rằng những việc làm của Đức Thánh Linh là do ma quỷ thực hiện.” Nói về mặt lịch sử thì những câu này đúng nhưng chúng không thực sự trả lời câu hỏi nêu trên. Chúng ta ngày nay nói phạm đến Đức Thánh Linh như thế nào? Những phép lạ nào Đức Thánh Linh đang thực hiện ngày nay có thể bị chúng ta phát biểu cách cấu thả hoặc thậm chí cố tình rằng do Sa-tan làm? Phải chăng một người phải nhìn thấy một phép lạ mới phạm tội kinh khiếp này?

Chúa Giê-xu bày tỏ rõ rằng Đức Chúa Trời sẽ tha thứ mọi tội lỗi và mọi lời nói phạm thượng, kể cả lời nói phạm đến chính Con Đức Chúa Trời! (Mat 12:32). Phải chăng điều này có nghĩa là Con Đức Chúa Trời kém quan trọng hơn Đức Thánh Linh

không? Tại sao tội phạm đến Con Đức Chúa Trời lại có thể tha thứ được còn tội phạm đến Đức Thánh Linh thì không thể tha thứ?

Câu trả lời nằm trong bản thánh của Đức Chúa Trời và trong sự kiên nhẫn của Ngài đối với dân tộc Y-sơ-ra-ên. Đức Chúa Cha sai Giăng Báp-tít chuẩn bị lòng dân sự cho việc hiện đến của Đấng Mê-si-a. Nhiều người thuộc tầng lớp bình dân đã đáp lại sự kêu gọi của Giăng Báp-tít và đã ăn năn (Mat 21:32), nhưng những nhà lãnh đạo tôn giáo đã để cho Giăng bị bắt và cuối cùng bị giết chết. Đức Chúa Con đến theo như lời đã hứa và kêu gọi cả dân tộc hãy tin nhận Ngài, nhưng cũng chính những nhà lãnh đạo tôn giáo ấy đã đòi là Chúa Jêsus phải bị giết chết. Trên thập tự giá, Chúa chúng ta đã cầu nguyện, “Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì” (Lu 23:34).

Đức Thánh Linh đã giáng lâm vào ngày lễ Ngũ tuần và bày tỏ năng quyền của Đức Chúa Trời trong nhiều cách thức cáo trách tội lỗi con người. Cũng chính những nhà lãnh đạo tôn giáo ấy đã đáp ứng ra sao? Bằng cách bắt giữ các sứ đồ, cấm họ không được nói gì, và rồi đích thân họ đã giết chết Ê-tiên! Ê-tiên cho họ biết tội lỗi của họ là: “Các người cứ nghịch với Đức Thánh Linh hoài” (Cong 7:51). Họ đã phạm tội nghịch với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con, nhưng đã được tha thứ cách đầy ân điển. Khi họ phạm tội nghịch với Đức Thánh Linh, họ đã phạm thượng tới “mức độ cùng cực” và không thể nào có sự tha thứ nữa.

Con người ngày nay không thể nào phạm “tội lỗi không thể tha thứ được” theo y như cách những nhà lãnh đạo tôn giáo Do Thái đã thực hiện khi Chúa Giê-xu đang thi hành chức vụ trên đất. Tội lỗi duy nhất ngày nay mà Đức Chúa Trời không thể tha thứ là tội chối bỏ Con Ngài (Gi 3:16-21,31). Khi Thánh Linh của Đức Chúa Trời cáo trách tội nhân và bày tỏ về Đấng Christ, tội nhân có thể kháng cự Đức Thánh Linh và chối bỏ lời chứng của Lời Đức Chúa Trời, nhưng điều đó không có nghĩa là người ấy đã để mất mọi cơ hội để được cứu. Nếu người ấy ăn năn và tin, Đức Chúa Trời vẫn có thể tha thứ cho người ấy. Ngay cả cho dù tội nhân ấy thật cứng lòng đến nỗi dường như không hề cảm xúc trước những sự khuyên nài của Đức Chúa Trời, nhưng bao lâu mà người ấy vẫn còn sống, thì vẫn còn có hy vọng. Chỉ Đức Chúa Trời mới biết được là người ấy đã đến lúc chết chưa và khi nào người ấy sẽ lìa đời. Bạn và tôi không bao giờ được tuyệt vọng về bất cứ tội nhân nào (ITi 2:4 IIPhi 3:9).

Mac 4:1-34

Người Gieo Giống và Những Loại Đất (Mac 4:1-20). Ẩn dụ này giúp các môn đệ hiểu được vì sao Chúa Giê-xu không cảm kích khi những đoàn dân đông theo Ngài. Ngài biết rằng đa số họ sẽ không bao giờ kết quả từ những đời sống được biến đổi, vì Lời mà Ngài đang dạy dỗ họ giống như hạt giống rơi vào nơi đất xấu.

Hạt giống tượng trưng cho Lời Đức Chúa Trời (Lu 8:11) và người gieo giống là tôi tớ của Đức Chúa Trời san sẻ Lời Ngài với những người khác (ICo 3:5-9). Tấm lòng con người giống như đất: nó phải được chuẩn bị để nhận lấy hạt giống trước khi hạt giống có thể bén rễ và cho ra một vụ mùa. Giống như hạt giống, Lời Chúa là Lời sống và có thể sinh ra bông trái thuộc linh, nhưng hạt giống phải được gieo trồng và vun xới trước khi mùa gặt đến.

Vào thời ấy thế nào, ngày nay cũng vậy, có bốn loại tấm lòng và họ đáp ứng lại sứ điệp của Đức Chúa Trời theo bốn cách khác nhau. Tấm lòng cứng cõi (Mac 4:4,15) kháng cự Lời Đức Chúa Trời và khiến cho Sa-tan (những chim trời) dễ dàng cướp Lời

ấy đi mất. Đất trở nên cứng khi quá nhiều bàn chân dẫm lên trên. Những người liêu lĩnh “mở lòng mình ra” cho tất cả mọi hạng người và mọi ảnh hưởng đang lâm vào nguy cơ ngày càng trở nên cứng lòng hơn (Ch 4:23). Những tấm lòng cứng cõi phải được “cày xới lên” trước khi chúng có thể nhận lấy hạt giống, và điều này có thể là một từng trải đau đớn (Gie 4:3 Os 10:12).

Tấm lòng cạn cợt (Mac 4:5-6,16-17) giống như đất đá sỏi, rất đặc thù đối với xứ Palestine. Vì không có chiều sâu, nên bất cứ thứ gì gieo trồng đều không thể sống lâu vì không có rễ. Điều này tượng trưng cho “những người nghe đạo dễ cảm xúc” vui mừng nhận lấy Lời Đức Chúa Trời nhưng không thực sự hiểu được giá phải trả để trở thành một Cơ Đốc nhân chân thật. Người ấy có thể nhiệt thành mạnh mẽ trong vài ngày hoặc vài tuần nhưng khi sự bắt bớ hay khó khăn bắt đầu, lòng hăng hái mất dần và sự vui mừng không còn nữa. Bản tánh con người sa ngã dễ giả mạo “những cảm xúc tôn giáo” và tạo cho Cơ Đốc nhân hữu danh một cảm giác tin cậy giả tạo.

Tấm lòng nghệt ngời (Mac 4:7,18-19) mô tả người nhận lấy Lời Chúa nhưng không thực sự ăn năn và nhổ “những thứ cỏ dại” ra khỏi lòng mình. Người này nghe đạo nhưng có quá nhiều loại “giống” khác – những sự lo lắng về đời này, sự mê đắm về giàu sang, và các sự tham muốn khác – thấu vào lòng họ và hạt giống tốt của Lời Đức Chúa Trời không có chỗ để mọc lên. Nói cách khác, người này vừa muốn bước đi trong “đường rộng” cũng vừa muốn đi “đường hẹp” (Mat 7:13-14) và điều này không thể nào thực hiện được.

Tấm lòng kết quả (Mac 4:8,20) mô tả người tín đồ thật, vì bông trái – tức một đời sống được biến đổi – là bằng chứng của sự cứu rỗi thật (II Co 5:17 Ga 5:19-23). Ba tấm lòng kia không kết quả, vì thế chúng ta có thể kết luận rằng đó là tấm lòng của những người chưa hề được tái sinh. Không phải mọi tín đồ thật đều kết quả như nhau nhưng đời sống của mọi Cơ Đốc nhân chân thật sẽ luôn bày tỏ một chứng cứ nào đó của bông trái thuộc linh.

Mỗi tấm lòng trong ba tấm lòng không kết quả này đều bị tác động bởi một kẻ thù khác nhau: tấm lòng cứng cõi – chính ma quỷ cướp đi hạt giống gieo ra tấm lòng cạn cợt – xác thịt giả mạo những cảm xúc tôn giáo tấm lòng nghệt ngời – những điều trong thế gian bóp chết sự tăng trưởng và ngăn cản một mùa gặt. Đây là ba kẻ đại thù của Cơ Đốc nhân: thế gian, xác thịt, và ma quỷ (Eph 2:1-3).

Ngọn đèn (Mac 4:21-25). Trong ẩn dụ này, Chúa chúng ta đã dùng một vật thông dụng (một ngọn đèn) trong một bối cảnh quen thuộc (một ngôi nhà). Ngọn đèn là một cái đĩa bằng đất sét đổ đầy dầu, với một cái bắc nhúng trong dầu. Để tỏ ra ánh sáng, ngọn đèn phải “tự đốt cháy đến khô cạn” và dầu phải được châm đầy lại. Nếu ngọn đèn không được thắp sáng, hoặc nếu nó bị che khuất đi, nó không đem lại ích lợi gì cho căn nhà đó.

Các sứ đồ cũng giống như ngọn đèn ấy: họ được kêu gọi để tỏa sự sáng của Đức Chúa Trời ra và bày tỏ chân lý của Ngài. Nhưng họ không thể nào “chiếu sáng ra” nếu trước tiên họ không “nhận lãnh vào” do đó, chúng ta có lời cảnh cáo trong các câu 24-25. Càng nghe Lời Đức Chúa Trời, chúng ta càng có thể san sẻ lời ấy với những người khác hữu hiệu hơn. Chính lúc chúng ta cho rằng mình đã biết tất cả, thì những điều chúng ta cho rằng mình đã biết sẽ bị cất đi khỏi chúng ta. Chúng ta phải cẩn thận về điều mình nghe (c.24) cũng như cẩn thận về cách mình nghe (Lu 8:18). Những điều thuộc linh chúng ta nghe biết phải được san sẻ lại cho những người khác ở một mức

độ nào đó. Thật không khôn ngoan nếu cố gắng “che giấu mọi điều” vì một ngày kia Đức Chúa Trời sẽ khiến cho tất cả mọi sự tỏ lộ rõ ràng.

Hạt giống Mọc lên (Mac 4:26-34). Ấn dụ đầu tiên nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta không thể nào làm cho hạt giống mọc lên thực ra, chúng ta thậm chí không thể nào giải thích được nó mọc lên như thế nào. Việc hạt giống mọc lên và mùa màng phát triển là một điều huyền bí. Để làm một nông gia cần phải có nhiều đức tin, và phải thật nhẫn nại nữa. Trong Ấn dụ về Người Gieo Giống và các Loại Đất, Chúa ám chỉ rằng phần lớn hạt giống được gieo ra sẽ rơi vào đất không kết quả. Thực tế này có thể khiến cho những người hầu việc Ngài nản lòng vì thế, trong ấn dụ này, Ngài đoán chắc một lần nữa với họ “nếu chúng ta không nản chí thì đến kỳ chúng ta sẽ gặt” (Ga 6:9).

Ấn dụ thứ hai đem đến cho các môn đệ lời cảnh cáo lẫn sự khích lệ. Sự khích lệ đó là, từ những sự khởi đầu rất nhỏ bé, Nước Trời cuối cùng sẽ lớn lên về quy mô lẫn về ảnh hưởng. Trong khi một hạt cải không phải là hạt giống nhỏ nhất trên thế giới, có lẽ nó là hạt giống nhỏ nhất mà những người Do Thái trồng trong vườn của họ. Nó là một hình ảnh tượng trưng lâu đời về một vật gì thật nhỏ bé. Chúa chúng ta bắt đầu với mười hai sứ đồ. Sau đó, có đến khoảng 500 tín đồ (ICo 15:6). Phi-e-rơ chinh phục được 3.000 người vào lễ Ngũ tuần và trong suốt sách Công vụ các Sứ đồ, con số đó đều đặn tăng lên (Cong 4:4 5:14 6:1,7). Bất chấp tội lỗi và những sự yếu đuối của Hội Thánh, sứ điệp của Phúc Âm đã được đem đến các quốc gia khác và một ngày kia, các thánh đồ từ mọi quốc gia sẽ thờ phượng trước ngai Ngài (Kh 5:9).

Nhưng việc hạt giống mọc lên chỉ là một phần của câu chuyện chúng ta cũng phải giải thích rõ những con chim trời trên các cành. Trong Ấn dụ về Người Gieo Giống và Các Loại Giống, các chim trời tượng trưng cho Sa-tan, là kẻ cướp hạt giống đi (Mac 4:15). Nếu chúng ta phải kiên định trong sự giải nghĩa của mình, thì chúng ta phải xem xét điều này, vì cả hai ấn dụ đều được dạy vào cùng một ngày. Sự phát triển của Nước Trời sẽ không đem đến kết quả là sự trở lại đạo của thế giới. Thực ra, một số sự phát triển sẽ tạo cơ hội cho Sa-tan xen vào và hành động! Đã từng có Giu-đa trong vòng các môn đệ, và A-na-nia cùng Sa-phi-ra trong vòng các tín hữu tại Hội Thánh Giê-ru-sa-lem (Cong 5:1-11). Si-môn, vốn làm nghề phù phép, là một thành viên của Hội Thánh tại Sa-ma-ri (Cong 8:1-24), và những kẻ giúp việc của Sa-tan đã dám tràn vào Hội Thánh Cô-rinh-tô (ICo 11:13-15). Lưới càng rộng bao nhiêu, thì khả năng đánh bắt cả cá tốt lẫn cá xấu càng nhiều bấy nhiêu (Mat 13:47-50).

Bởi đức tin nơi Đấng Christ Jêsus, chúng ta trở nên những công dân của Nước Trời, con cái trong gia đình Đức Chúa Trời, và thần dân của Vua trên muôn vua và Chúa trên các chúa. Thật là một đặc ân khi được biết Chúa Giê-xu Christ!

4. NGƯỜI TÔI TỐ CHIẾN THẮNG (Mac 4:35-5:43)

Tôi tố của Đức Chúa Trời, Chúa Giê-xu Christ, là Người Chủ của mọi tình huống và Đấng Chiến thắng mọi kẻ thù. Nếu chúng ta tin cậy Ngài và vâng theo mệnh lệnh của Ngài, chúng ta không bao giờ cần phải sợ hãi. Sự chiến thắng là chủ đề chính nổi kết phần Kinh Thánh thật dài này lại với nhau. Mác ký thuật lại bốn phép lạ mà Chúa Giê-xu đã thực hiện, và mỗi phép lạ công bố cho cả chúng ta ngày nay sự đánh bại một kẻ thù.

1. Chiến thắng hiểm nguy (Mac 4:35-41)

“Đến chiều ngày ấy” ám chỉ ngày mà Chúa Giê-xu đã phán “các ẩn dụ về Nước Trời.” Ngài đã từng dạy dỗ các môn đệ về Lời Đức Chúa Trời và giờ đây Ngài sẽ dành cho họ một cuộc thử nghiệm thực tiễn để xem họ đã thực sự tiếp thu bao nhiêu. Rốt lại thì, việc nghe Lời Đức Chúa Trời nhằm đem lại đức tin (Ro 10:17) và đức tin phải luôn được thử nghiệm. Quả là không đủ nếu chúng ta chỉ học một bài học hoặc có thể nhắc lại một lời giảng dạy nào đó. Chúng ta cũng phải có khả năng thực hành bài học ấy bởi đức tin, và đó là lý do vì sao Đức Chúa Trời cho phép những sự thử thách xảy đến với đời sống chúng ta.

Chúa Giê-xu có biết là cơn bão sẽ đến không? Dĩ nhiên, Ngài biết chứ! Cơn bão là một phần của chương trình ngày hôm ấy. Nó sẽ giúp các môn đệ hiểu một bài học mà họ thậm chí không biết mình cần phải học: Chúa Giê-xu có thể được tin cậy trong những cơn bão tố của cuộc đời. Nhiều người cho rằng những cơn bão tố chỉ xảy đến với đời sống họ khi họ không vâng lời Đức Chúa Trời, nhưng không phải luôn luôn là như vậy. Giô-na lâm vào một cơn bão vì cố sự không vâng lời của ông, nhưng các môn đệ gặp bão vì cố họ vâng theo lời của Chúa.

Biển Ga-li-lê có vị trí về địa lý khiến xuất hiện các cơn bão dữ dội bất ngờ không phải là điều bất thường. Trong khi băng qua chính vùng biển này một buổi chiều mùa hạ nọ, tôi đã hỏi một hướng dẫn viên du lịch người Do Thái là bản thân anh đã bao giờ gặp một cơn bão như thế chưa. “Hẳn nhiên là có chứ!” anh đáp, hai tay giơ lên trời và lắc đầu. “Và tôi không hề mong muốn bị rơi vào một trận bão như thế một lần nữa!”

Cơn bão mô tả ở đây chắc hẳn là dữ dội cách đặc biệt nếu nó đã khiến cho các ngư phủ lão luyện như các môn đệ phải khiếp sợ. Có ít nhất ba lý do chính đáng cho biết lẽ ra không người nào ở trên thuyền nên bối rối sợ hãi, cho dù tình huống lúc đó có vẻ đáng sợ lắm.

Trước hết, họ có lời hứa của Ngài là họ sẽ qua bờ bên kia (Mac 4:35). Ngài luôn ban cho quyền phép để thực hiện các mệnh lệnh của Ngài và không gì có thể ngăn cản Ngài thực hiện chương trình Ngài đã vạch ra. Ngài không hứa hẹn một cuộc hành trình dễ dàng, nhưng Ngài đã hứa chắc chắn họ sẽ đến nơi an toàn.

Thứ nhì, Chính mình Chúa ở với họ, vì thế có gì phải sợ hãi? Họ đã từng chứng kiến quyền phép Ngài thi thố trong các phép lạ Ngài làm, vì vậy lẽ ra họ phải có lòng tin cậy trọn vẹn rằng Ngài có thể giúp họ vượt qua mọi khó nguy. Vì một lý do nào đó, các môn đệ chưa hiểu được rằng Ngài thực sự là Người Chủ của mọi tình huống.

Cuối cùng, họ đã có thể nhìn thấy là Chúa Giê-xu hoàn toàn bình an, kể cả giữa cơn bão tố. Một mình sự kiện này lẽ ra đã đủ để khích lệ họ. Chúa Giê-xu đang làm theo ý muốn Đức Chúa Trời và biết rằng Đức Chúa Cha sẽ quan phòng Ngài, vì vậy Ngài đã chợp mắt ngủ. Giô-na đã ngủ suốt cơn bão vì ông có một ý thức sai trật về sự an toàn, mặc dù ông đang chạy trốn khỏi Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu đã ngủ giữa cơn bão tố vì Ngài thật sự an ninh trong ý chỉ của Đức Chúa Trời. “Hỡi Đức Giê-hô-va, tôi sẽ nằm và ngủ bình an vì chỉ một mình Ngài làm cho tôi được ở yên ổn” (Thi 4:8).

Thật thường xuyên biết bao trong những thử thách của đời sống, chúng ta có khuynh hướng bắt chước các môn đệ vô tín và kêu thét lên, “Thầy ôi, thầy không lo chúng ta chết sao? (thầy không quan tâm sao?)” Hẳn nhiên, Ngài lo chứ! Ngài đã thức dậy và quở cơn bão và ngay lập tức gió bão liền yên lặng như tờ. Nhưng Chúa Giê-xu

không dừng lại với việc khiến cho sức mạnh thiên nhiên phải lặng yên, vì mối hiểm nguy lớn nhất không phải là sóng to gió lớn: đó chính là sự vô tín trong lòng các môn đệ. Những nan đề lớn lao nhất của chúng ta là ở trong chúng ta, chứ không phải chung quanh chúng ta. Điều này giải thích vì sao Chúa Giê-xu đã nhẹ nhàng quở trách họ và gọi họ là “những kẻ ít đức tin.” Họ đã từng nghe Ngài dạy dỗ Lời Đức Chúa Trời và thậm chí đã từng chứng kiến Ngài làm phép lạ, thế nhưng họ vẫn không có đức tin. Chính sự vô tín của họ đã khiến họ sợ hãi, và nỗi sợ hãi đã khiến họ nghi ngờ liệu Chúa Giê-xu có lo cho họ chăng. Chúng ta phải cẩn thận kéo lòng mình thành ra “lòng dửng và chẳng tin” (He 3:12).

Đây chỉ là một trong nhiều bài học Chúa Giê-xu dạy dỗ các môn đệ Ngài trong vùng Biển Ga-li-lê quen thuộc, và mỗi bài học sẽ bày tỏ một chân lý mới mẻ diệu kỳ nào đó về Cứu Chúa Giê-xu. Họ đã biết rằng Ngài có quyền tha tội, đuổi quỷ, và chữa bệnh. Giờ đây họ khám phá rằng Ngài cũng có quyền trên gió và biển. Điều này có nghĩa là họ không có lý do gì để lại sợ hãi nữa, vì Chúa của họ luôn làm chủ mọi tình huống.

2. Chiến thắng ma quỷ (Mac 5:1-20)

Khi Chúa Giê-xu và các môn đệ đến bờ bên kia, họ bắt gặp hai người bị quỷ ám, một trong hai người ấy đặc biệt to tiếng (Mat 8:28). Toàn thể cảnh tượng này dường như rất không thật đối với chúng ta là những người sống trong cái gọi là “nền văn minh hiện đại,” nhưng nó sẽ thật ở nhiều phạm vi truyền giáo. Trên thực tế, một số giáo sư Kinh Thánh tin rằng việc bị quỷ ám đang càng trở nên phổ biến hơn trong “xã hội hiện đại” ngày nay.

Chúng ta thấy trong cảnh tượng này ba sức mạnh khác nhau đang hành động: Sa-tan, xã hội, và Đấng Christ. Cũng ba sức mạnh này hiện vẫn đang hành động trong thế giới chúng ta, cố tìm cách khống chế đời sống của con người.

Trước tiên, chúng ta nhìn thấy những điều Sa-tan có thể làm cho con người. Sa-tan là một tên trộm cướp nhắm đến mục đích cuối cùng của nó là hủy diệt (Gi 10:10 Kh 9:11). Chúng ta không được cho biết là các quỷ đã nhập vào hai người này và điều khiến họ ra sao, nhưng có thể lắm đó là kết quả của việc họ nhượng bộ đối với tội lỗi. Ma quỷ là “các tà linh” và có thể dễ dàng chiếm một chỗ đứng trong đời sống của những kẻ miệt mài trong những việc làm đầy tội lỗi.

Vì có họ đã khuất phục trước Sa-tan, là tên trộm cướp, hai người này đánh mất mọi thứ! Họ đánh mất tổ ấm của mình và mối giao hảo trong gia đình cùng bạn hữu. Họ đánh mất sự chính tề lịch sự của mình khi trần truồng chạy quanh nơi mồ mả. Họ đánh mất sự tự chủ và sống như những con thú hoang, gào thét, tự rạch mình máu, và khiến đồng loại khiếp sợ. Họ đánh mất sự bình an và mục đích sống của mình, và rất có thể họ sẽ cứ ở mãi trong cảnh khốn cùng tuyệt vọng ấy nếu Chúa Giê-xu đã không đến qua một cơn bão tố để giải cứu họ.

Đừng bao giờ đánh giá thấp quyền lực hủy diệt của Sa-tan. Nó là kẻ thù của chúng ta và sẽ hủy diệt tất cả chúng ta nếu có thể được. Giống như một con sư tử đang gầm rống, nó tìm cách để cắn xé chúng ta (IPhi 5:8-9). Chính Sa-tan là kẻ đang hành động trong đời sống của những người vô tín, khiến họ trở nên “những con cái bạn nghịch” (Eph 2:1-3). Hai người trong phần mộ miền Giê-ra-sê chắc hẳn là những thí dụ đặc

biệt về những điều Sa-tan có thể làm cho con người, nhưng những gì họ biểu lộ đủ để khiến chúng ta muốn chống cự lại Sa-tan và không muốn dính dáng gì đến nó cả.

Sức mạnh thứ hai đang hành động trên hai người này là xã hội, nhưng xã hội không thể nào làm được nhiều điều. Hầu như tất cả những gì xã hội có thể làm cho những người gặp nạn đề là cô lập họ, canh chừng họ và, nếu cần, trói họ lại (Lu 8:29). Thường thì những người này đã bị xiềng lại, nhưng ma quỷ đã ban cho họ sức mạnh để bẻ gãy xích xiềng. Ngay đến những nỗ lực để chế ngự những người này cũng đã thất bại. Với tất cả những thành tựu khoa học diệu kỳ của nó, xã hội vẫn không thể đương đầu với những vấn đề do Sa-tan và tội lỗi gây ra. Chúng ta cảm tạ Đức Chúa Trời vì xã hội đã thực sự giúp đỡ phần nào trong việc kiềm chế và bảo vệ nhưng chúng ta phải thừa nhận rằng xã hội không thể giải quyết những vấn đề này và giải phóng những nạn nhân bị Sa-tan khủng bố cách lâu dài và thường xuyên được.

Điều này đưa chúng ta đến với sức mạnh thứ ba, quyền năng của Đấng Christ. Chúa Giê-xu Christ đã làm gì cho hai người này? Trước tiên, Ngài đã ân cần đến với họ bằng tình yêu thương, và thậm chí đã vượt qua cơn bão tố để làm điều đó. Một số người cho rằng chính cơn bão có thể ra từ Sa-tan, vì Chúa Giê-xu đã dùng những lời để quở biển lặng yên tương tự như những lời Ngài đã dùng để đuổi quỷ (so sánh Mac 1:25 và 4:39). Có lẽ Sa-tan đang cố gắng tiêu diệt Chúa Giê-xu, hay ít ra ngăn cản Ngài không đến được với những người đang cần đến Ngài. Nhưng không điều gì có thể ngăn cản Chúa đến vùng mộ phần đó và đem sự giải phóng đến với hai người này.

Chúa Giê-xu không chỉ đến với họ, mà Ngài còn phán cùng họ và cho phép họ nói với Ngài. Các dân cư trong vùng đó tránh xa hai người bị quỷ ám, nhưng Chúa Giê-xu đối xử với họ bằng tình yêu thương và tôn trọng. Ngài đã đến để tìm và cứu kẻ bị hư mất (Lu 19:10).

Điều thú vị đáng lưu ý là, khi ma quỷ nói qua người đàn ông, chúng xưng ra những gì chúng thật sự tin. Ma quỷ có đức tin và thậm chí run sợ vì có những gì chúng tin (Gia 2:19) nhưng đức tin của chúng cũng như sự sợ hãi của chúng không thể nào cứu chúng được. Ma quỷ tin rằng Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời và Ngài có quyền trên chúng. Chúng tin vào sự thực hữu của sự phán xét và một ngày kia chúng sẽ bị quăng vào địa ngục (xin xem Mat 8:29). Điều chúng tin vượt hơn cả điều nhiều người sùng đạo ngày nay tin nữa!

Không nơi nào Kinh Thánh giải thích về tâm sinh lý của việc bị quỷ ám. Người nói chuyện với Chúa Giê-xu đang ở dưới sự kiểm soát của một quân đoàn ma quỷ, và một quân đoàn La Mã có thể lên đến 6.000 người! Thật khủng khiếp khi nghĩ đến những nỗi kinh hãi người đàn ông này phải trải qua cả ngày lẫn đêm khi hàng ngàn tà linh quấy nhiễu người ấy. Chắc hẳn là người bị quỷ ám kia cũng từng trải sự đau đớn dành cho mình y như vậy.

Sa-tan cố tìm cách tiêu diệt hai người này, nhưng Chúa Giê-xu đã đến để giải phóng họ. Bởi năng quyền của Lời Ngài, Ngài đã đuổi ma quỷ và khiến hai người được tự do. Ma quỷ cũng tin vào sự cầu nguyện nữa, vì chúng cầu xin Chúa Giê-xu đừng khiến chúng xuống vực sâu, là nơi khổ hình (Mac 5:7 Lu 8:31). Điều khích lệ cần lưu ý là ma quỷ không biết Chúa Giê-xu định làm gì. Điều này ám chỉ là Sa-tan chỉ có thể biết những kế hoạch của Đức Chúa Trời khi Đức Chúa Trời tiết lộ mà thôi. Thực ra, trong Thánh Kinh không hề có chứng cứ gì cho thấy Sa-tan có thể đọc được tư tưởng của một tín đồ, huống chi là tư tưởng của Đức Chúa Trời.

Mac 5:1-20 thuật lại ba lời cầu xin: ma quỷ cầu xin Chúa Giê-xu cho chúng nhập vào bầy heo (c.12) dân cư nơi đó cầu xin Chúa Giê-xu rời khỏi vùng này (c.17) và một trong hai người đã bị quỷ ám trước đây cầu xin Chúa Giê-xu cho phép người đi theo Ngài (c.18). Chúa chúng ta đã chấp nhận hai lời cầu xin đầu nhưng không chấp nhận lời cầu xin thứ ba.

Chúa Giê-xu có quyền tiêu diệt 2.000 con heo và có thể khiến cho những người chủ của chúng phải sạt nghiệp không? Nếu họ là người Do Thái, thì dù thế nào chăng nữa họ cũng không có quyền chăn nuôi và bán những con heo ô uế. Tuy nhiên, đây là vùng đất của dân ngoại, vì vậy những người chủ có lẽ là các dân ngoại.

Hẳn nhiên, Chúa Giê-xu có quyền đuổi ma quỷ đến bất cứ nơi nào Ngài muốn – xuống vực sâu, vào trong bầy heo, hoặc vào bất cứ nơi nào khác mà Ngài chọn. Vậy thì tại sao lại cho chúng nhập vào bầy heo? Về một mặt, bằng cách làm điều đó, Chúa Giê-xu chứng tỏ cho tất cả những người chứng kiến rằng một phép lạ của sự giải phóng đã thực sự diễn ra. Sự tiêu diệt bầy heo cũng xác quyết với hai người bị quỷ ám rằng các tà linh đã thật sự đi khỏi. Nhưng trên hết mọi sự, việc bầy heo 2.000 con bị chết chìm là một bài học thực tế sống động đối với đoàn dân đông đang chối bỏ Đấng Christ này rằng, đối với Sa-tan, một con heo cũng có giá trị như một con người! Trên thực tế, Sa-tan sẽ biến một người thành một con heo! Chúa đang cảnh cáo dân cư thành này trước những quyền lực của tội lỗi và Sa-tan. Đây là một bài giảng gây ấn tượng sâu sắc chính họ nhìn thấy: “Tiền công của tội lỗi là sự chết!”

Những gã chăn heo không muốn bị quở trách vì sự thiệt mất bầy heo, vì vậy họ lập tức chạy báo cho chủ những gì đã xảy ra. Khi những người chủ đến nơi, họ sợ hãi khi nhìn thấy những đổi thay lạ lùng đã diễn ra trong hai người bị quỷ ám. Thay vì chạy quanh trong tình trạng lỏa lồ, họ đã được mặc áo quần, và ngồi với tâm thần tỉnh táo. Họ là những tạo vật mới! (II Co 5:17).

Tại sao những người chủ yêu cầu Chúa Giê-xu rời khỏi nơi ấy? Tại sao họ không mời Ngài ở lại và thực hiện những sự chữa lành tương tự cho những người khác cũng đang cần đến Ngài? Những người chủ này chỉ có một mối quan tâm chính yếu – việc làm ăn – và họ sợ rằng nếu Chúa Giê-xu còn ở lại lâu hơn, Ngài sẽ càng gây “thiệt hại” nhiều hơn cho nền kinh tế địa phương! Chúa chúng ta không ở lại nơi nào không cần đến Ngài, vì thế Ngài đã ra đi. Những người này đã bỏ lỡ một dịp tiện quý biết bao!

Tại sao Chúa Giê-xu không cho phép người bị quỷ ám đã được chữa lành đi theo Ngài? Lời cầu xin của người này chắc hẳn xuất phát từ lòng yêu mến Chúa Giê-xu Christ, và ông ta đã có một lời chứng hùng hồn dường nào! Nhưng Chúa Giê-xu biết rằng chỗ của người này là ở tại nhà riêng của mình, cùng với những người ông yêu mến, nơi ông có thể làm chứng cho Đấng Christ. Rốt lại thì, đời sống Cơ Đốc nhân có kết quả phải bắt đầu tại gia đình, nơi mọi người biết chúng ta rõ nhất. Nếu chúng ta tôn cao Đức Chúa Trời tại đó, thì chúng ta có thể nghĩ đến việc dâng mình để hầu việc bất cứ nơi nào khác. Người đàn ông này trở thành một trong những nhà truyền giáo trước tiên cho dân ngoại. Chúa Giê-xu đã phải ra đi, nhưng người này ở lại đó và trung tín làm chứng cho ân điển và quyền năng của Chúa Giê-xu Christ. Chúng ta tin rằng nhiều người trong vòng những dân ngoại đó đã tin vào Đấng Christ qua lời chứng của người này.

3. Chiến thắng bệnh tật (Mac 5:21-34)

Một đám đông thờ dài nhẹ nhóm khi họ thấy Chúa Giê-xu đi khỏi, nhưng một đám đông khác đang chờ đợi đón tiếp Ngài khi Ngài trở về nhà để đến Ca-bê-na-um. Trong đám đông thứ hai đó có hai người đặc biệt ước ao nhìn thấy Ngài – đó là Giai-ru, một người có cô con gái đang hấp hối và một phụ nữ không rõ tên đang đau đớn vì một căn bệnh nan y. Chính Giai-ru là người đến với Chúa Giê-xu trước tiên, nhưng chính người đàn bà này lại là người được cứu giúp trước hết vì thế chúng ta sẽ bắt đầu với bà ta.

Sự tương phản giữa hai người đang cần cứu giúp này thật nổi bật và nó bày tỏ lòng yêu thương và sự thương xót rộng lớn của Đấng Christ. Giai-ru là một viên quản nhà hội quan trọng, và người đàn bà này là một kẻ “tầm thường vô danh tiểu tốt” vậy mà Chúa Giê-xu đã tiếp đón họ và cứu giúp cả hai. Giai-ru sắp mất một cô con gái đã từng đem đến cho ông mười hai năm hạnh phúc (c.42), và người đàn bà này thì sắp mất một nỗi đau đớn đã đem lại cho bà mười hai năm sầu khổ. Là một viên quản nhà hội, Giai-ru chắc hẳn giàu có nhưng sự giàu có của ông không thể nào cứu được người con gái đang hấp hối của mình. Người đàn bà thì lại hoàn toàn trắng tay! Bà đã trả cho các lương y tất cả tiền bạc mình có, thế nhưng không ai trong số họ có thể chữa trị được cho bà. Cả Giai-ru và người đàn bà nghèo đều tìm được câu giải đáp cho nhu cầu của họ tại chân Chúa Giê-xu (c.22,33).

Người đàn bà đã bị một căn bệnh mất huyết rõ ràng là vô phương cứu chữa và căn bệnh này đang từ từ hủy phá bà. Người ta chỉ có thể hình dung sự đau đớn và áp lực về tình cảm làm hao mòn sức lực của bà ngày nay sang ngày khác. Khi bạn xem xét những nỗi thất vọng của bà với các lương y và sự nghèo thiếu căn bệnh này đem đến cho bà, bạn sẽ ngạc nhiên làm thế nào bà chịu đựng được lâu như vậy. Nhưng lại thêm một gánh nặng nữa: theo Luật pháp, thì về nghi thức bà đã bị ô uế, điều này vô cùng hạn chế cả đời sống tôn giáo lẫn đời sống xã hội của bà (Le 15:19tt). Bà phải mang một gánh nặng lớn dường nào!

Tuy nhiên, bà không để cho điều gì ngăn đường mình khi bà chen qua đoàn dân đông đến với Chúa Giê-xu. Bà đã có thể dùng bất cứ lời bào chữa nào để tự thuyết phục mình đừng tìm đến Ngài. Bà đã có thể nói: “Mình hèn mọn quá chẳng xứng đáng cầu xin Ngài cứu giúp!” hay “Nhìn kìa, Ngài đang đi với Giai-ru, vì vậy mình sẽ không quấy rầy Ngài lúc này đâu.” Bà đã có thể tranh luận rằng không ai từng cứu giúp bà, vậy thì tại sao phải cố gắng lần nữa? Hoặc bà đã có thể kết luận rằng thật không phải lẽ khi đến với Chúa Giê-xu như một cứu cánh cuối cùng, sau khi đã nhờ vả tất cả các thầy thuốc khác. Thế nhưng, bà đã gạt mọi lý lẽ và lời bào chữa đó qua một bên và đến với Chúa Giê-xu bởi đức tin.

Bà đã có loại đức tin nào? Đức tin của bà thật yếu ớt, nhút nhát, và có lẽ phần nào mê tín. Bà cứ tự nhủ rằng mình phải rờ vào áo của Ngài để được chữa lành (Mac 3:10 6:56). Bà đã từng được nghe lời tường thuật của những người khác được Chúa Giê-xu chữa lành (5:27), vì thế bà đã thực hiện nỗ lực lớn lao này để đến với Đấng Christ. Bà không thất vọng: Chúa Giê-xu trân trọng đức tin của bà, dù nó thực sự yếu ớt, và đã chữa lành bệnh cho bà.

Tại đây có một bài học thật hay cho tất cả chúng ta. Không phải mọi người đều có cùng mức độ đức tin như nhau, nhưng Chúa Giê-xu luôn đáp lại đức tin chúng ta dù cho nó có thể yếu đuối đến đâu đi nữa. Khi chúng ta tin, Ngài san sẻ năng quyền của Ngài với chúng ta và một điều gì đó xảy ra trong đời sống chúng ta. Có nhiều người

khác trong đoàn dân đông ấy đang ở sát cạnh Ngài và thậm chí đang ép người vào Ngài, nhưng họ không từng trải một phép lạ nào. Tại sao vậy? Vì họ không có đức tin. Đám đông vây lấy Ngài là một việc, nhưng tin cậy Ngài lại là một việc khác hẳn.

Người đàn bà này định lẩn trốn đi và biến mất trong đám đông, nhưng Chúa Giê-xu đã quay lại và ngăn bà lại. Thật diệu dàng, Ngài gọi cho bà thuật lại một lời chứng diệu kỳ về điều Chúa đã làm cho bà. Tại sao Chúa Giê-xu lại tiếp xúc với bà cách công khai? Tại sao Ngài không để mặc cho bà ở trong tình trạng ẩn danh và tiếp tục đi theo đường riêng mình?

Một mặt, Ngài làm điều đó vì lợi ích của chính bà. Ngài mong muốn trở thành một điều gì đó đến với bà còn quan trọng hơn là Đấng chữa bệnh: Ngài mong muốn trở thành Cứu Chúa và Bạn Hữu của bà nữa. Ngài muốn bà nhìn vào mặt Ngài, cảm nhận sự diệu dàng của Ngài, và nghe được những lời lẽ xác quyết đầy yêu thương của Ngài. Khi Ngài vừa dứt lời với bà, bà kinh nghiệm được một điều gì đó hơn cả sự chữa lành về thể xác. Ngài đã gọi bà là “con gái” và cầu chúc bà lên đường bình an (c.34). Được “ban cho bình an” mang nhiều ý nghĩa hơn là chỉ nhận được sự chữa lành thuộc thể. Chúa Giê-xu cũng đã ban cho bà sự chữa lành thuộc linh nữa!

Ngài đã tiếp xúc với bà cách công khai không chỉ vì lợi ích của bà, nhưng cũng vì lợi ích của Giai-ru nữa. Con gái ông đang gần kề cái chết và ông cần mọi sự khích lệ mà ông có thể có được. Thật tệ hại là đoàn dân đông đang cản trở sự tiến tới của họ, nhưng giờ đây người đàn bà này đã phải chen vào và khiến Chúa Giê-xu phải dừng bước! Khi một trong các bạn hữu của Giai-ru tới nơi và thông báo rằng con gái ông đã chết, chắc hẳn Giai-ru đã cảm thấy rằng mọi sự đã chấm dứt. Những lời Chúa phán với người đàn bà về đức tin và sự bình an chắc hẳn đã khích lệ Giai-ru y như đã khích lệ bà này vậy.

Cuối cùng, Chúa Giê-xu đã tiếp xúc với bà cách công khai để bà có thể có cơ hội làm chứng về Chúa và tôn vinh Ngài. “Các người Đức Giê-hô-va đã chuộc khỏi tay kẻ hà hiếp hãy nói đều đó . . . Ngài ra lệnh chữa lành họ . . . Nguyên người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì sự nhân từ Ngài, và vì các công việc lạ lùng Ngài làm cho con cái loài người!” (Thi 107:2,20-21). Chắc chắn một số người trong đoàn dân đông đó đã nghe lời chứng của bà và đã tin nhận Đấng Christ và khi bà về đến nhà, bà đã biết được làm chứng cho Đấng Christ có nghĩa ra sao.

4. Chiến thắng sự chết (Mac 5:35-43)

Đối với Giai-ru thật không dễ dàng khi đến với Chúa Giê-xu cách công khai và cầu xin Ngài cứu giúp. Các nhà lãnh đạo tôn giáo chống đối Chúa Giê-xu chắc chắn sẽ không tán đồng, và một số người cai nhà hội khác cũng vậy. Những điều mà Chúa Giê-xu đã làm và dạy dỗ trong các nhà hội đã khơi dậy lòng căm tức nơi những thầy thông giáo và những người Pha-ri-si, trong bọn họ một số người có lẽ là bạn hữu của Giai-ru. Nhưng Giai-ru đã ở trong tình trạng tuyệt vọng, giống như nhiều người khác khi họ đến với Chúa Giê-xu. Ông thà mất bạn hữu mình để cứu mạng đứa con gái mà ông yêu quý.

Thật thích biết bao khi nhìn xem Chúa Giê-xu tiếp chuyện với Giai-ru và đưa ông đến sự đắc thắng đầy vui mừng. Trong suốt toàn bộ sự kiện này, chính lời phán của Chúa chúng ta thật là quan trọng. Hãy xem xét ba lời phán của Ngài.

(1) *Lời phán của đức tin* (Mac 5:36). Vào lúc này, Giai-ru phải tin vào người bạn ông hoặc vào Cứu Chúa Giê-xu. Chắc hẳn là cả con người ông đã phản ứng cách đau thương bán loạn khi ông nghe rằng đứa con gái yêu quý của mình đã lìa đời. Nhưng Chúa Giê-xu lại quả quyết với ông, “Đừng sợ, chỉ tin mà thôi.” Nói cách khác, “Con đã có một lượng đức tin nào đó khi con đến với Ta, và đức tin của con đã được hỗ trợ khi con nhìn thấy điều Ta đã làm cho người đàn bà ấy. Đừng bỏ cuộc! Hãy cứ tin mà thôi!”

Thật dễ dàng hơn cho Giai-ru tin cậy nơi Chúa khi con gái ông vẫn còn sống, và khi Chúa Giê-xu vẫn đang đi theo ông về nhà. Nhưng khi Chúa Giê-xu dừng lại để chữa lành người đàn bà, và khi người bạn ông đem tin buồn đến, Giai-ru gần như mất đức tin. Chúng ta chớ quá khắc nghiệt với ông. Có thể chúng ta đã mở đường cho những sự nghi ngờ khi hoàn cảnh và cảm xúc lấn áp chúng ta. Đôi lúc Đức Chúa Trời đã chậm trễ và chúng ta thắc mắc không hiểu vì sao. Đó là khi chúng ta cần “lời phán của đức tin” đặc biệt từ nơi Chúa đó, và chúng ta nhận lãnh lời ấy khi chúng ta dành thời gian suy gẫm Lời Ngài.

(2) *Lời phán đầy hy vọng* (Mac 5:39). Khi Chúa Giê-xu và Giai-ru đến nơi, họ thấy và nghe tiếng những người Do Thái làm nghề than khóc mướn, là những kẻ luôn được mời tới khi có người qua đời. Theo tục lệ cổ xưa họ thường kêu gào lớn tiếng, khóc lóc, và hướng dẫn gia đình cùng bạn hữu trong sự than khóc. Sự hiện diện của những người than khóc mướn trong nhà là dấu chứng rằng cô bé đã thực sự lìa đời, vì gia đình rất có thể đã không gọi họ đến nếu đã có dù chỉ một hy vọng mỏng manh nhất là cô bé vẫn còn sống.

“Đứa trẻ chẳng phải chết, nhưng nó ngủ!” là lời phán đầy hy vọng cho Giai-ru và vợ ông. Đối với người tín đồ, sự chết chỉ là một giấc ngủ vì thân thể nghỉ yên cho đến khi được sống lại (ITe 4:13-18). Thần linh không hề ngủ vì trong sự chết, thần linh của người tín đồ lìa khỏi thân xác (Gia 2:26) và đi ở với Đấng Christ (Phi 1:20-23). Chỉ có thân xác là ngủ, chờ đợi sự trở lại của Chúa và sự sống lại (ICo 15:51-58). Chân lý này là một sự khích lệ lớn lao đối với tất cả chúng ta khi có những người thân yêu và bạn bè trong Chúa đi vào cõi chết. Đó là lời đầy hy vọng của Ngài dành cho chúng ta.

(3) *Lời phán đầy yêu thương và năng quyền* (Mac 5:41). Sự vô tín nhạo báng Lời Đức Chúa Trời, nhưng đức tin nắm giữ lấy Lời ấy và từng trải năng quyền của Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu không thu hút sự chú ý vào phép lạ này. Ngài biểu lộ sự cảm thông trước những cảm xúc của cha mẹ đứa trẻ và đau lòng trước thái độ khinh thường của những kẻ than khóc mướn. Talitha curni là câu nói bằng tiếng A-ram có nghĩa là “Hỡi con gái nhỏ, hãy chỗi dậy!”. Chúa Giê-xu lại phán nữa, “Ta truyền cho ngươi” (với chữ Ta được nhấn mạnh), vì chính nhờ uy quyền của Ngài mà thần linh trở lại cùng thân xác của cô bé. (Lu 8:55). Những lời này không phải là một công thức ma thuật nào đó mà bất cứ ai cũng có thể dùng để kêu kẻ chết sống lại.

Cô bé này không chỉ sống lại, nhưng còn được chữa lành bệnh tật của mình, vì cô đã có thể ra khỏi giường và bước đi. Luôn là vị Lương y đầy yêu thương, Chúa Giê-xu truyền cha mẹ cô bé đem cho cô ít thức ăn vì sợ cô phát bệnh lại. Những phép lạ thiên thượng không hề thay thế sự chăm sóc theo lẽ thường của con người nếu không thì, chúng ta đang thử Đức Chúa Trời vậy.

Như với các phép lạ trước đây, Chúa Giê-xu truyền cho những người chứng kiến phải giữ yên lặng (Mac 1:44 3:12). Có lẽ những kẻ than khóc đã truyền miệng rằng cô

bé đã bị “trong tình trạng hôn mê” chớ không thực sự chết hẳn. Theo họ, rốt lại thì chẳng hề có phép lạ gì xảy ra cả! Tuy nhiên, đã có những người chứng kiến phép lạ ấy. Luật pháp đòi hỏi chỉ cần hai hay ba người chứng để xác minh sự thật (Phu 17:6 19:15), nhưng đối với phép lạ này có đến năm người chứng! Chúng ta có lý do để kết luận rằng Giai-ru và vợ ông đã trở thành tín đồ của Chúa Giê-xu Christ, mặc dầu trong phần ký thuật của các sách Phúc Âm không có đề cập gì thêm về họ cả. Trọn đời mình, cô con gái này là một chứng nhân cho năng quyền của Chúa Giê-xu Christ.

Thực vậy, Tội tở của Đức Chúa Trời là đáng chiến thắng hiểm nguy, ma quỷ, bệnh tật, và sự chết. Loạt phép lạ này là hình ảnh minh họa Chúa Giê-xu đã gặp gỡ và cứu giúp đủ mọi hạng người, từ các môn đệ riêng của Ngài đến hai người bị quỷ ám và điều này đảm bảo với chúng ta rằng Ngài có thể cứu giúp chúng ta ngày nay.

Điều này không ám chỉ là Đức Chúa Trời phải luôn giải cứu dân sự Ngài khỏi hiểm nguy (Cong 12:1-19) hoặc chữa lành mọi bệnh tật (II Co 12:1-10) nhưng nó thực sự hàm ý là Ngài nắm giữ uy quyền tối hậu và chúng ta không bao giờ cần phải sợ hãi cả. Chúng ta “nhờ Đấng yêu thương mình mà thắng hơn bội phần” (Ro 8:37).

5. AI SẼ TIN CẬY TÔI TỞ ĐỨC CHÚA TRỜI CHĂNG? (Mac 6:1-56)

Charles Darwin đã nói rằng niềm tin là “nét khác biệt hoàn toàn nhất giữa con người và các sinh vật hạ đẳng.” Nếu nhận xét này là đúng, thì nó ám chỉ rằng nếu con người thiếu đức tin thì sẽ bị đặt ngang hàng với loài vật! Nhà hùng biện của thuyết bất khả tri Col. Robert Ingersoll có một quan điểm khác hẳn, vì ông đã có lần mô tả một tín đồ như “một con chim không hót trong lồng.” Có lẽ bạn sẽ đồng ý rằng lời lẽ của ông ta mô tả một kẻ vô tín thì tốt hơn!

Một trong những chủ đề chính trong phân đoạn này của Sách Phúc Âm Mác là sự vô tín của những người tiếp xúc với Tôi Tở Đức Chúa Trời. Tất cả những người này có mọi lý lẽ để tin vào Chúa Giê-xu Christ, thế nhưng tất cả bọn họ đều không chịu tin Ngài, kể cả các môn đệ của chính Ngài nữa! Khi bạn nghiên cứu chương này, hãy ghi nhớ lời khuyên trang nghiêm trong He 3:12, “Hỡi anh em, hãy giữ lấy, kéo ai trong anh em có lòng dữ và chẳng tin mà trái bỏ Đức Chúa Trời hằng sống chẳng.” Đức Chúa Trời xem nặng tội vô tín, và chúng ta cũng cần phải như vậy.

1. Sự vô tín của những kẻ quen biết Ngài (Mac 6:1-6)

Chúa Giê-xu trở về Na-xa-rét nơi mà một năm trước Ngài đã bị mọi người chối bỏ và bị đuổi ra khỏi nhà hội (Lu 4:16-30). Đây quả hẳn là một việc làm đầy ân điển của Chúa khi đem đến cho mọi người một cơ hội khác để nghe Lời Ngài, tin nhận Ngài, và được cứu thế nhưng lòng họ vẫn cứng cõi. Lần này, họ không đuổi Ngài: họ chỉ không xem trọng Ngài thôi.

Danh tiếng của Chúa chúng ta một lần nữa lại đi trước Ngài, vì thế Ngài được phép dạy dỗ trong nhà hội. Hãy ghi nhớ là Ngài đang rao giảng cho những kẻ biết rõ Ngài, vì Na-xa-rét là “quê hương” của Ngài. Tuy nhiên, những người quen biết này đã không có sự am hiểu thuộc linh chi cả. Thực ra, Chúa Giê-xu nhắc họ nhớ đến những điều Ngài đã dạy bảo họ vào lần viếng thăm đầu tiên đầy ấn tượng đó, rằng một tiên tri không được tôn trọng tại quê hương mình và giữa vòng người nhà mình. (Mac 6:4 Lu 4:24 Gi 4:44).

Hai điều đã làm những người này kinh ngạc, đó là những việc làm đầy quyền năng của Ngài và sự khôn ngoan khác thường của Ngài. Thực ra, Chúa Giê-xu đã không thực hiện bất kỳ việc lạ lùng nào trong khi Ngài ở đó, vì vậy dân chúng chắc hẳn đã dựa vào những lời tường thuật họ nghe được về các phép lạ của Ngài (Mac 1:28,45 3:7-8 5:20-21). Trên thực tế, lòng vô tín của họ đã ngăn trở Chúa Giê-xu không thể thi hành một chức vụ lớn lao hơn giữa vòng họ được.

Vấn đề của họ là gì? Tại sao họ không thể tin Ngài và kinh nghiệm những điều lạ lùng của quyền năng và ân điển Ngài như những người khác đã từng kinh nghiệm? Họ cho rằng họ thật sự biết Ngài. Xét cho cùng, Ngài đã từng ở bên họ suốt gần ba mươi năm, họ đã nhìn thấy Ngài làm việc trong tiệm mộc, và Ngài có vẻ giống như mọi người Na-xa-rét khác. Ngài là một “người bình dân” và người ta không nhìn thấy lý do gì để phò thác chính mình cho Ngài cả!

“Quen quá hóa nhờn” là một câu châm ngôn nổi tiếng có từ thời của Publius người Xy-ri, sống vào năm 2 T.C. Aesop đã viết một ngụ ngôn để minh họa điều này. Trong ngụ ngôn của Aesop, một chú cáo trước đây chưa hề thấy một con sư tử, và khi nó gặp vị chúa tể sơn lâm lần đầu tiên, chú cáo gần như sợ hãi cực độ. Vào lần gặp gỡ thứ nhì, cáo ta không còn khiếp sợ nhiều như trước nữa và lần thứ ba gặp con sư tử, chú cáo đi tới và trò chuyện với sư tử! “Và thế đấy,” Aesop kết luận, “sự quen thuộc khiến cho ngay đến những vật đáng sợ nhất cũng dường như hoàn toàn vô hại.”

Thế nhưng, câu châm ngôn này phải được nêm thêm muối. Chẳng hạn như, bạn có thể nào hình dung một cặp vợ chồng yêu thương nhau lại ít nghĩ đến nhau hơn vì có họ biết quá rõ về nhau không? Hoặc hai người bạn thân bắt đầu xem thường nhau bởi vì tình bạn của họ đã quá sâu đậm theo năm tháng? Phillips Brooks phát biểu thật hay: “Quen quá hóa nhờn, chỉ với những việc Ê-tiên bí hay giữa vòng những người ti tiện mà thôi.” Sự xem thường mà những người ở Na-xa-rét biểu lộ không nói lên điều gì về Chúa Giê-xu Christ, nhưng lại bày tỏ nhiều điều về chính mình họ!

Một du khách, nôn nóng được xem tất cả mọi thứ trưng bày trong phòng triển lãm, chạy vội vàng từ bức tranh này sang bức tranh nọ, và hầu như chẳng chú ý đến nội dung những bức tranh ấy. “Tôi chẳng thấy có gì đặc biệt lắm ở đây,” ông ta nói với một trong những người bảo vệ khi ra về. Người bảo vệ đáp, “Thưa ông, không phải là những bức tranh đang được xem xét và trải nghiệm nơi đây – mà chính là những người khách đến xem tranh đấy ạ.”

Một người thợ mộc là một thợ thủ công được kính trọng vào thời đó, nhưng không ai mong đợi một người thợ mộc làm những phép lạ hay dạy dỗ những chân lý thâm thúy trong nhà hội cả. Vậy thì Ngài đã nhận tất cả quyền năng và sự khôn ngoan này từ đâu? Từ Đức Chúa Trời hay từ Sa-tan? (Mac 3:22). Và tại sao các anh chị em của Ngài lại không có được cùng quyền năng và sự khôn ngoan này? Thậm chí hơn thế nữa, tại sao các anh chị em của Ngài lại không tin vào Ngài? Những kẻ gọi Ngài là “con trai Ma-ri” thực sự đang lăng nhục Ngài vì vào thời đó bạn nhận diện một người bằng cách gọi người ấy là con trai của cha người ấy, chứ không phải con trai của mẹ người ấy.

Những người dân thành Na-xa-rét “vấp phạm vì có Ngài,” điều đó theo nghĩa đen có nghĩa là “họ vấp phạm vì có Ngài mà vấp ngã.” Từ Hy Lạp cho chúng ta từ tiếng Anh scandalize (làm xúc phạm đến luân thường đạo lý). Kenneth Wuest đã viết trong quyển sách của ông tựa đề Những sự Nghiên cứu Từ ngữ của Wuest (Eerdmans), “Họ

không thể nào giải thích về Ngài, vì thế họ đã chối bỏ Ngài.” Chúa Giê-xu chắc chắn là một “hòn đá vấp chân” đối với họ vì có lòng vô tín của họ (Es 8:14 Ro 9:32-33 IPhi 2:8).

Hai lần trong phần ký thuật của các sách Phúc Âm bạn thấy Chúa Giê-xu kinh ngạc. Như đoạn Kinh Thánh này cho thấy, Ngài kinh ngạc trước sự vô tín của những người Do Thái, và Ngài kinh ngạc trước đức tin lớn của một thầy đội La Mã, là một người thuộc dân ngoại (Lu 7:9). Thay vì ở lại Na-xa-rét, Chúa Giê-xu đã rời khỏi đó và lại đi khắp các thành các làng trong vùng Ga-li-lê. Lòng Ngài vỡ tan khi Ngài nhìn thấy cảnh cùng khốn tuyệt vọng của dân chúng (Mat 9:35-38), vì vậy Ngài đã quyết định sai các môn đệ Ngài đến cùng họ với thẩm quyền và quyền năng của Ngài.

2. Sự vô tín của những kẻ thù Ngài (Mac 6:7-29)

Khi Chúa đầu tiên kêu gọi mười hai sứ đồ, mục đích của Ngài là dạy dỗ và huấn luyện họ để họ có thể giúp đỡ Ngài và cuối cùng có thể thay thế chỗ của Ngài khi Ngài trở về cùng Đức Chúa Cha (Mac 3:13-15). Trước khi sai họ ra đi, Ngài tái xác quyết thẩm quyền chữa lành bệnh tật và đuổi quỷ của họ (c.7) và Ngài ban cho họ những lời chỉ dạy rõ ràng (Xem Mat 10:1-42 để có chi tiết hơn về bài giảng này).

Ngài truyền cho họ đem theo những gì họ đã có sẵn và đừng ra ngoài mua sắm những đồ dùng đặc biệt cho những chuyến truyền giảng lưu động của mình. Họ không được đem theo hành lý dư thừa khiến phải mang gánh nặng nề. (Bạn không thể nào bỏ qua sự lưu ý về tính khẩn cấp trong “bài giảng ủy thác” này.) Chúa Giê-xu muốn họ được chu cấp đầy đủ, nhưng không phải đến độ không còn sống bởi đức tin nữa. Từ ngữ cái bao có nghĩa là “cái bao khát thực.” Dứt khoát là họ không được đi xin đồ ăn hay tiền bạc.

Khi đi rao giảng từ nơi này sang nơi khác, họ sẽ đối diện cả lòng hiếu khách lẫn sự ghen ghét, cả bạn lẫn thù. Ngài nhắc nhở họ phải ở lại tại một nhà trong mỗi vùng và không được “kén chọn” là sẽ ăn gì hoặc ở đâu. Rốt lại thì, họ đến nơi đó để làm những kẻ tội tở hữu ích, chớ không phải để làm những vị khách cần được nuông chiều. Nếu một nhà hay một làng nào không tiếp đón họ, họ được Ngài cho phép công bố sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên những người đó. Người Do Thái có thông lệ phủ bụi dưới chân mình khi họ rời khỏi lãnh thổ của dân Ngoại, nhưng đối với người Do Thái thì làm điều này với đồng bào Do Thái của mình là một việc mới mẻ (Lu 10:10-11 Cong 13:51).

Từ ngữ được dịch là “sai đi” trong câu 7 là apostello trong tiếng Hy Lạp và cho ra từ tiếng Anh là apostle (sứ đồ). Từ này có nghĩa là “sai một người nào đó đi với một sứ mệnh đặc biệt là đại diện cho một người khác và làm tròn công tác của người ấy.” Chúa Giê-xu ban cho mười hai người này cả thẩm quyền của các sứ đồ lẫn khả năng thiên thượng để làm công việc mà Ngài sai họ làm. Họ không “đại diện cho cá nhân mình” họ đại diện cho Ngài trong tất cả những gì họ làm và nói.

Chúng ta đã lưu ý trước đây (Mac 3:16-19) rằng khi so sánh các danh sách kể tên các sứ đồ chúng ta thấy là các tên của họ được ghi từng đôi một: Phi-e-rô và Anh-rê, Gia-cơ và Giăng, Phi-líp và Ba-thê-lê-my, v. v. . . Chúa Giê-xu sai họ đi từng đôi một vì luôn dễ dàng hơn và an toàn hơn nếu các tội tở đi đây đó và làm việc chung với nhau. “Hai người hơn một” (Tr 4:9), và Luật pháp, như đã được tuân giữ trước đây,

đòi hỏi phải có hai người chứng để xác minh một vấn đề (Phu 17:6 19:15 IICo 13:1). Họ sẽ không chỉ giúp đỡ nhau họ cũng sẽ học hỏi lẫn nhau nữa.

Các môn đệ đi ra và làm theo điều Chúa Giê-xu phán dạy họ làm. Thật đáng chú ý là một nhóm người tầm thường đã có thể đi ra theo cách này để đại diện cho Đức Chúa Trời Toàn Năng, và họ đã có thể biểu lộ thẩm quyền của mình bằng cách thi hành các phép lạ. Các điều răn của Đức Chúa Trời luôn bao gồm sự ban cho tài năng từ nơi Ngài (IICo 3:5-6). Họ công bố Phúc Âm của Nước Trời, kêu gọi người có tội phải ăn năn, và chữa cho nhiều kẻ đau được lành (Mac 6:12-13 Lu 9:6).

Những lời tường thuật về chức vụ của Đấng Christ, thêm vào đó là chức vụ của các môn đệ Ngài (Lu 9:7), thậm chí vang đến tận cung của Hê-rốt An-ti-ba. Mác gọi Ông ta là “vua,” vốn là danh xưng mà Hê-rốt mong muốn được mọi người gọi nhưng trên thực tế, Hê-rốt trái đạo lý này chỉ là một chư hầu, cai trị một phần tư xứ sở. Khi Hê-rốt Đại đế qua đời, người La Mã chia lãnh thổ của ông cho ba con trai ông và An-ti-ba được phong làm chư hầu của vùng Bê-rê và vùng Ga-li-lê.

Hê-rốt An-ti-ba cưới con gái của Vua A-ri-tạc IV và rồi ly dị bà để có thể cưới Hê-rô-đi-a, vợ của em vua là Hê-rốt Phi-líp. Đó là một sự kết hiệp xấu xa trái ngược với Luật pháp Môi-se (Le 18:16 20:21), và Giăng Báp-tít dũng cảm đã tố giác tội lỗi của vua. Khi Hê-rốt nghe về những việc làm lạ lùng của Chúa Giê-xu, ông đoán chắc rằng Giăng Báp-tít đã từ kẻ chết sống lại để ám ảnh ông và kết tội ông! Lương tâm của Hê-rốt đang khiến ông buồn bực, nhưng ông không muốn đối diện với tội lỗi mình cách thẳng thắn và ăn năn.

Vào thời điểm này, Mác chuyển sang một đoạn dẫn để giải thích Giăng Báp-tít đã bị bắt giữ và giết hại cách tàn ác và bất công như thế nào. Ngay trong đoạn văn tường thuật ngắn gọn này, chúng ta cảm thấy sự căng thẳng trong cung, vì Hê-rốt sợ Giăng, lắng nghe ông giảng cách kín nhiệm, và đang trong một tình trạng bối rối không biết phải làm gì. Mặc khác, “Hoàng hậu” Hê-rô-đi-a, căm ghét Giăng, muốn giết chết ông, và kiên nhẫn chờ đợi thời điểm thuận lợi nhất. Trong tính chất xấu xa và những việc làm trái luật pháp của họ, hai người này nhắc chúng ta nhớ đến A-háp và Giê-sa-bên (IVua 18:1-21:29).

“Ngày chiến lược” đã đến (Mac 6:21) để Hê-rô-đi-a thực hiện kế hoạch của mình: ngày kỷ niệm sinh nhật của Hê-rốt. Những bữa yến tiệc trọng thể thật phung phí, cả trong sự khoe khoang của cải lẫn trong sự sắm sửa để hưởng lạc thú của họ. Người Do Thái sẽ không cho phép một phụ nữ nhảy múa trước một nhóm đàn ông, và hầu hết các bà mẹ thuộc dân ngoại rất có thể sẽ ngăn cấm con gái mình làm những gì con gái của Hê-rô-đi-a đã làm. (Lịch sử cho chúng ta biết rằng tên của nàng là Sa-lô-mê.) Nhưng người nữ này là một phần trong kế hoạch của mẹ nàng để loại trừ Giăng Báp-tít, và Sa-lô-mê đã diễn vai trò mình thật xuất sắc.

Khi Hê-rốt nghe lời cầu xin khủng khiếp của nàng, ông “lấy làm buồn rầu lắm” (14:34, nơi mà cùng động từ này đã được dùng nói về Chúa Giê-xu) nhưng ông ta phải giữ lời hứa của mình nếu không sẽ mất mặt trước một nhóm người đầy uy thế. Từ ngữ lời thề trong câu 26 thực ra ở số nhiều – “vì có những lời thề mình” – vì Hê-rốt đã nhiều lần tỏ lòng mong ước ban thưởng cho nàng vì có sự nhảy múa của nàng. Đây là một cách thức để ông ta tạo ấn tượng nơi các khách mời của mình, nhưng nó lại đem đến một kết quả trái với sự mong đợi của ông ta. Hê-rốt đã không đủ can đảm

để làm theo lời can gián của Giăng, nhưng giờ đây ông ta lại phải làm theo lời chính mình đã nói ra! Kết quả là cái chết của một người vô tội.

Điều đáng chú ý là không có chứng cứ gì cho thấy có người nào trong số các nhà lãnh đạo Do Thái đã làm bất cứ điều gì để giải cứu Giăng Báp-tít sau khi ông đã bị bắt giữ. Những người bình dân xem Giăng là một tiên tri được Đức Chúa Trời sai xuống, nhưng những người lãnh đạo tôn giáo lại không vâng theo sứ điệp của Giăng (Mac 11:27-33). Cái chết của Giăng là cái chết đầu tiên trong ba cái chết khủng khiếp rất nổi tiếng trong lịch sử của Y-sơ-ra-ên. Hai cái chết kia là sự đóng đinh Đấng Christ và việc ném đá Ê-tiên (Cong 7:1-60). Để hiểu được tầm quan trọng của những biến cố này, xin xem lại những lời chú giải về Mac 3:22-30. Hê-rốt đã e sợ rằng những sứ điệp của Giăng sẽ gây ra một cuộc nổi loạn giữa vòng dân chúng, là điều ông ta muốn ngăn ngừa. Cũng vậy, ông ta muốn làm vừa lòng vợ mình, ngay cho dù điều đó có nghĩa là việc sát hại một người tin kính.

Các môn đệ của Giăng được phép đem thi hài của thầy mình đi chôn cất, và rồi họ đến thuật cho Chúa Giê-xu những việc đã xảy ra (Mat 14:12). Chắc hẳn lời tường thuật về cái chết của Giăng đã khuấy động lòng Chúa chúng ta cách sâu xa, vì Ngài biết rằng một ngày kia chính mạng sống của Ngài sẽ phải chịu hy sinh.

Chúng ta gặp lại Hê-rốt An-ti-ba một lần nữa trong các sách Phúc Âm, khi ông “xét xử” Chúa Giê-xu và hy vọng nhìn thấy Ngài thi hành một phép lạ (Lu 23:6-12). Chúa Giê-xu thậm chí không hề phán với kẻ tà dâm và giết người này, huống chi là làm hài lòng ông ta bởi việc làm một phép lạ! Chúa Giê-xu gọi Hê-rốt là một “con cáo” (Lu 13:31-35), một sự mô tả thích hợp đối với kẻ quỷ quyệt này. Vào năm 39 S.C., Hê-rốt Ac-ríp-ba (Cong 12:1), cháu của Hê-rốt An-ti-ba, tố giác chú của mình với hoàng đế La Mã, và An-ti-ba bị hạ bệ và bị đi đày. “Người nào nếu được cả thiên hạ mà mất linh hồn mình, thì có ích gì?” (Mac 8:36).

3. Sự vô tín của các môn đệ Ngài (Mac 6:30-56)

Chúa Giê-xu đem các môn đệ Ngài đến một nơi hẻo lánh để họ có thể nghỉ ngơi sau khi bận rộn mệt nhọc. Ngài muốn bàn luận với họ về chức vụ của họ và chuẩn bị họ cho sứ mệnh kế tiếp. Như Vance Havner đã nói, “Nếu bạn không tách riêng ra để nghỉ ngơi, thì bạn sẽ rời rã.” Ngay đến Người Tôi Tớ Con Đức Chúa Trời cũng cần thời gian để nghỉ ngơi, thông công với các bạn hữu Ngài, và tìm sự tươi mới nơi Đức Chúa Cha.

Một yếu tố khác là sự chống đối ngày càng tăng của cả những nhà lãnh đạo chính trị lẫn tôn giáo. Việc Hê-rốt sát hại Giăng Báp-tít là chứng cứ đủ để “xu thế” lúc bấy giờ đang đổi thay và Chúa Giê-xu cùng các môn đệ Ngài phải thận trọng. Trong chương kế, chúng ta sẽ đối diện lòng ghen ghét của những nhà lãnh đạo tôn giáo Do Thái, và, dĩ nhiên, sự hăng say về chính trị của những đoàn dân đông luôn là một nan đề (Gi 6:15tt). Điều tốt nhất cần làm là đi khỏi nơi ấy.

Nhưng những đoàn dân đông quá hăng hái sẽ không chịu để Ngài ở một mình. Họ đi theo Ngài đến miền gần Bết-sai-đa, hy vọng nhìn thấy Ngài thực hiện một số phép lạ chữa bệnh (Lu 9:10-11 Gi 6:1tt). Bất chấp sự gián đoạn đối với những kế hoạch của Ngài, Chúa đã tiếp đãi họ, dạy dỗ họ Lời Đức Chúa Trời, và chữa lành những kẻ đau. Đã từng trải những sự gián đoạn nhiều lần trong chính đời sống và chức vụ của riêng

mình, tôi ngạc nhiên trước sự nhẫn nại và ân điển của Ngài biết bao! Thật là một gương mẫu để chúng ta noi theo!

Mác ghi lại hai phép lạ Chúa Giê-xu đã thực hiện.

(1) **Nuôi 5.000 người ăn** (Mac 6:33-44). Chúa Giê-xu sai mười hai sứ đồ ra đi giảng đạo vì Ngài thương xót những đoàn dân đông đang cùng khốn (Mat 9:36-38). Lần này, những đoàn dân đông đang thiếu thốn lại đến với họ – còn các môn đệ thì muốn họ giải tán đi! Cho đến lúc này, họ vẫn chưa học biết được phải nhìn cuộc sống bằng cặp mắt của Thầy mình. Đối với họ, những đoàn dân đông là một nan đề, có lẽ thậm chí là một sự phiền toái nữa, nhưng đối với Chúa Giê-xu, họ như những con chiên không có người chăn.

Khi D.L. Moody đang xây dựng Trường Chúa Nhật to lớn của mình tại Chicago, trẻ em từ khắp nơi đến với ông. Chúng thường đi ngang qua những ngôi nhà thờ và những Trường Chúa Nhật khác để đến với Ông Moody. Khi được hỏi tại sao phải đi bộ xa như thế để tham dự Trường Chúa Nhật của Moody, một cậu bé trả lời, “Bởi vì chúng yêu thích một ‘cái ông!’” Trẻ em cũng đã có thể nhận ra sự khác biệt rồi.

Các môn đệ có hai đề nghị để giải quyết vấn đề: hoặc cho dân chúng ra về để tự tìm lương thực cho mình, hoặc thu góp đủ tiền để mua một ít bánh cho mọi người. Đối với các môn đệ, họ đang ở tại một nơi không đúng chỗ vào một thời điểm không đúng lúc, và không thể làm gì được cả! Với cách thức giải quyết như vậy, rất có thể họ đã trở nên những thành viên của một ủy ban lý tưởng! Có người đã định nghĩa một ủy ban là một nhóm người trong đó từng cá nhân không thể làm được việc gì và cả tập thể đều quyết định là không thể làm gì được.

Chúa Giê-xu đã nhìn vào tình cảnh đó, không phải như một nan đề, mà như một cơ hội để tin cậy Đức Chúa Cha và tôn vinh danh Ngài. Một nhà lãnh đạo hữu hiệu là một người nhìn thấy khả năng trong những vấn đề và sẵn sàng hành động bởi đức tin. Hành động dựa trên sự khôn ngoan của con người, các môn đệ Ngài chỉ nhìn thấy nan đề chớ không nhìn thấy khả năng. Biết bao lần dân sự Đức Chúa Trời đã than phiền, “Giá mà chúng ta chỉ có đủ tiền thôi, thì chúng ta đã có thể làm được một điều gì đó!” Hai trăm đơ-ni-ê tương đương với tiền lương một năm của một người lao động trung bình! Nhưng bước đầu tiên không phải là đo lường tiềm năng kinh tế của chúng ta, mà là xác định ý muốn của Đức Chúa Trời và tin cậy Ngài sẽ thỏa mãn nhu cầu chúng ta.

Chính Anh-rê là người tìm ra đứa bé có bữa ăn trưa (Gi 6:8-9). Chúa truyền cho dân chúng ngồi xuống theo từng nhóm có trật tự trên nền cỏ xanh (Thi 23:2 78:19), thật là một hình ảnh trái ngược với bữa yến tiệc phủ phê, xa hoa của Hê-rốt. Chúa Giê-xu cầm lấy bữa ăn trưa ít ỏi, chúc phước, bẻ ra, và trao cho các môn đệ để phân phát cho những người đang đói. Phép lạ diễn ra trong đôi tay Ngài, chớ không phải trong đôi tay họ vì bất kỳ điều gì chúng ta dâng lên cho Ngài, Ngài đều có thể chúc phước và khiến nó nhiều lên gấp bội. Chúng ta không phải là những nhà chế tạo chúng ta chỉ là những kẻ phân phát mà thôi.

Giảng cho chúng ta biết rằng Chúa Giê-xu đã dùng phép lạ này làm nền tảng cho một bài giảng về “bánh của sự sống” (Gi 6:22tt). Rốt lại thì, Ngài đã không thi hành phép lạ chỉ để thỏa mãn nhu cầu của con người, mặc dầu điều đó quan trọng. Ngài muốn mỗi phép lạ là một sự mạc khải về Chính Mình Ngài, một bài giảng sống động. Phần lớn, dân chúng ngạc nhiên trước các phép lạ, cảm kích sự cứu giúp Ngài dành

cho họ, nhưng lại không hề nhận lãnh sứ điệp thuộc linh từ Ngài (Gi 12:37). Họ muốn nhận quà tặng chứ không muốn nhận Đấng Ban Tặng, muốn được hưởng những phước hạnh thuộc thể chứ không muốn được sự giàu có về những phước hạnh thuộc linh.

(2) *Quả bão lạng yên* (Mac 6:45-56). Một số phép lạ có liên quan đến trong sự kiện này: Chúa Giê-xu đi bộ trên mặt nước, Phi-e-rơ đi bộ trên mặt nước (Mác không ký thuật điều này Mat 14:28-32), Chúa Giê-xu quả bão phải yên lặng, và chiếc thuyền đậu vào bờ ngay lúc Chúa Giê-xu bước lên thuyền (Gi 6:21). Đó chắc hẳn là một “đêm đầy những điều lạ lùng” đối với Mười Hai Sứ đồ vậy!

Tại sao Chúa Giê-xu buộc các môn đệ Ngài phải rời khỏi nơi đó? Bởi lẽ đám đông đang ngày càng hiếu động, và có hiểm họa họ có thể tạo nên một cuộc nổi loạn trong dân chúng để tôn Chúa Giê-xu làm vua (Gi 6:14-15). Mười hai sứ đồ chưa sẵn sàng để đương đầu loại thử nghiệm này, bởi vì những khái niệm của họ về Nước Trời vẫn còn tinh thần quốc gia và mang tính chính trị thái quá.

Có một nguyên do thứ hai: Ngài muốn dạy họ một bài học về đức tin sẽ giúp chuẩn bị họ cho công tác đang đợi chờ họ phía trước sau khi Ngài đã ra đi. Các môn đệ vừa hoàn tất một sứ mệnh rất thành công, chữa lành kẻ đau và rao giảng Phúc Âm. Họ đã dự phần trong phép lạ nuôi 5.000 người ăn. Họ đang ở trên một “đỉnh cao thuộc linh” và điều này tự nó thật nguy hiểm. Thật thú vị khi đứng trên chóp núi nếu bạn không trở nên bất cẩn và bước ra khỏi vách đá dưới chân mình.

Những phước hạnh thuộc linh phải cân xứng với những gánh nặng và những chiến trận nếu không, chúng ta có thể trở nên những con trẻ bị vấp ngã thay vì những con cái thành nhân. Vào một dịp trước đó, Chúa Giê-xu đã đưa các môn đệ vào một cơn bão sau một ngày giảng dạy đầy thú vị (Mac 4:35-41). Giờ đây, sau một thời gian thi hành chức vụ cách diệu kỳ, một lần nữa Ngài lại đưa họ vào một cơn bão. Trong Sách Công vụ, điều lý thú đáng lưu ý là “cơn bão” bách hại chính thức đã khởi sự sau khi các môn đệ đã chinh phục được 5.000 người cho Đấng Christ (Cong 4:1-4). Có lẽ trong khi đang bị giam cầm, các sứ đồ đã nhớ lại cơn bão tiếp nối sau việc nuôi 5.000 người ăn, và chắc hẳn họ đã khích lệ nhau với sự xác quyết rằng Chúa Giê-xu sẽ đến với họ và giải cứu họ.

Mỗi từng trái mới mẻ của việc thử nghiệm đòi hỏi nơi chúng ta đức tin và lòng dạn dĩ càng hơn. Trong kinh nghiệm bị bão đầu tiên đó, các môn đệ có Chúa Giê-xu trên thuyền với họ nhưng lần này, Ngài đang ở trên núi cầu nguyện cho họ. Ngài đang dạy họ sống bởi đức tin. (Về vấn đề đó, ngay cả khi Ngài ở trên thuyền với họ, họ vẫn cứ sợ hãi!) Cảnh tượng này minh họa tình cảnh của dân sự Đức Chúa Trời ngày nay: Chúng ta đang ở giữa thế giới đầy bão tố này, vật lộn với cuộc sống và có vẻ như sắp chìm, nhưng Ngài ở nơi vinh hiển đang cầu thay cho chúng ta. Khi giờ phút dường như đen tối nhất, Ngài sẽ đến với chúng ta – và chúng ta sẽ cập bến an toàn!

Những lượn sóng làm kinh hãi các môn đệ (kể cả các ngư phủ trong nhóm) chỉ là những bậc thang đem Chúa Giê-xu Christ đến cùng họ. Ngài chờ đợi cho đến khi tình cảnh họ thật tuyệt vọng đến nỗi họ chẳng thể làm gì để tự cứu lấy mình. Nhưng tại sao Ngài lại hành động như thể Ngài sẽ bỏ mặc họ? Bởi vì Ngài muốn họ nhận ra Ngài, tin cậy Ngài, và mời Ngài vào thuyền. Họ đã không nhận ra Ngài, nhưng thay vào đó đã sợ hãi la to lên vì họ cho rằng Ngài là một con ma!

Chúa Giê-xu đoan chắc với họ một lần nữa với lời phán của Ngài: “Hãy yên lòng ta đây, đừng sợ chi” (Mac 6:50). Vào lúc này, Phi-e-rơ xin Chúa Giê-xu cho ông đi bộ trên mặt nước nhưng Mác bỏ qua chi tiết này. Theo truyền thuyết thì Mác viết sách này như là người phát ngôn của Phi-e-rơ, vì thế có lẽ Phi-e-rơ dè dặt không kể lại kinh nghiệm này e rằng nó sẽ tạo cho mọi người ấn tượng không đúng. Thật dễ dàng phê phán Phi-e-rơ vì đã chìm xuống nước – nhưng bản thân bạn đã bao giờ bước ra khỏi thuyền chưa?

Các môn đệ đã thất bại trong sự thử nghiệm của mình vì họ thiếu sự sáng suốt thuộc linh và tấm lòng mềm mại để tiếp thu. Phép lạ năm cái bánh và hai con cá đã không tạo được ấn tượng lâu dài trong họ. Xét cho cùng, nếu Chúa Giê-xu đã có thể khiến thức ăn tăng lên gấp bội để nuôi hàng ngàn người ăn, thì chắc chắn Ngài có thể che chở họ trong cơn bão tố. Ngay cả một môn đệ của Chúa Giê-xu Christ cũng có thể trở nên cứng lòng nếu người ấy không chịu đáp ứng lại những bài học thuộc linh mà họ phải học suốt cuộc đời và chức vụ của mình.

Khi ôn lại hai phép lạ này, bạn thấy rằng Chúa Giê-xu Christ đem đến sự chu cấp và sự che chở. “Đức Giê-hô-va là đấng chặn giữ tôi tôi sẽ chẳng thiếu thốn gì . . . Tôi sẽ chẳng sợ tai họa nào” (Thi 23:1,4). Nếu chúng ta tin cậy Ngài, chúng ta sẽ luôn được đầy đủ và an ninh, dù cho hoàn cảnh có thể ra sao đi nữa. Điều quan trọng là chúng ta tin cậy nơi Ngài.

Mác kết thúc phân đoạn này với một lời ghi chú tích cực khi ông mô tả dân chúng đem những kẻ đau bệnh đến nhờ Chúa Giê-xu chữa lành. Những người này có đức tin và đức tin của họ đã được ban thưởng. Cảnh tượng này trái ngược hẳn với cảnh tượng ở Na-xa-rét nơi mà rất ít người được chữa lành vì có dân chúng thiếu đức tin.

“Và sự thắng hơn thế gian, ấy là đức tin của chúng ta” (IGi 5:4). Hãy tin cậy người Tôi Tớ này! Ngài không bao giờ thất bại.

6. NGƯỜI THẦY – TÔI TỚ (Mac 7:1-8:26)

Trong suốt sách Phúc Âm của mình, Mác nhấn mạnh chủ yếu vào những điều Chúa Giê-xu đã làm. Tuy nhiên, trong phân đoạn nghiên cứu này của chúng ta, bạn sẽ thấy Mác ký thuật lại một số lời giảng dạy quan trọng của Chúa. Mác cũng mô tả chức vụ của Ngài giữa vòng các dân ngoại, vốn là mối quan tâm đặc biệt đối với những độc giả La Mã. Chúng ta thấy trong phân đoạn này ba chức vụ của Chúa Giê-xu, Người Thầy - Tôi Tớ.

1. Dạy dỗ những người Do Thái (Mac 7:1-23)

Có bốn màn trong vở kịch này, và *màn đầu là sự kiện cáo* (Mac 7: 1-5). Những nhà lãnh đạo tôn giáo Do Thái giờ đây công khai thù địch với Chúa và chức vụ của Ngài. Không có gì là bất thường khi họ theo Ngài từ nơi này đến nơi khác, chỉ trông chờ dịp tiện để phê phán Ngài. Trong trường hợp này, họ cáo buộc các môn đệ vì đã không chịu thực hành nghi thức rửa tay của người Do Thái. Những việc rửa tay này chẳng liên hệ gì đến vệ sinh cá nhân, cũng chẳng được đòi hỏi trong Luật pháp. Chúng là một phần của truyền thống mà những thầy thông giáo và những người Pha-ri-si đã truyền dạy cho dân chúng để chất thêm gánh nặng cho họ (Mat 23:4).

Chúa đã vi phạm những truyền thống về ngày Sa-bát của họ (Mac 2:23-3:5), vì vậy người Do Thái sốt sắng kết tội Ngài khi họ thấy các môn đệ “dùng tay chưa tinh sạch”

mà ăn. Tại sao một vấn đề có vẻ tầm thường như thế lại khiến cho những nhà lãnh đạo tôn giáo này khó chịu? Tại sao họ lại cảm thấy bị thúc ép phải bênh vực cho những việc rửa tay có tính cách nghi thức này? Về một mặt, những nhà lãnh đạo này phần nộ việc đó khi Chúa chúng ta công khai khích bác thẩm quyền của họ. Xét cho cùng, những nghi thức này đã được truyền lại từ cha ông họ và chứa đựng thẩm quyền của nhiều đời nay! Những người Do Thái gọi lời truyền khẩu là “hàng rào của Luật pháp.” Không phải Luật pháp bảo vệ cho lời truyền khẩu, mà là truyền thống bảo vệ cho Luật pháp!

Nhưng một điều quan trọng hơn nhiều có liên quan đến ở đây. Kể khi nào những người Do Thái thực hành việc rửa tay này, họ đều tuyên bố rằng mình “đặc biệt” và những người khác đều “không tinh sạch” cả! Nếu một người Do Thái đi đến nơi họp chợ để mua đồ ăn, người ấy có thể bị “ô uế” bởi một người Ngoại hoặc một người Sa-ma-ri. Truyền thống này đã bắt đầu nhiều thế kỷ trước để nhắc những người Do Thái rằng họ là tuyển dân của Đức Chúa Trời và vì vậy phải giữ mình biệt riêng. Tuy nhiên, một điều dùng để nhắc nhở tốt đẹp đã dần dà thoái hóa thành một nghi thức rỗng tuếch, và kết quả là sự kiêu ngạo và sự cô lập về tôn giáo mà thôi.

Những việc rửa tay này không chỉ cho thấy một thái độ sai trật đối với con người, mà cũng nói lên một quan niệm sai lầm về bản chất của tội lỗi và sự thánh khiết cá nhân. Chúa Giê-xu vạch rõ trong Bài Giảng Trên Núi rằng sự thánh khiết thật là một vấn đề của tình cảm và thái độ bên trong chứ không phải chỉ là những hành động và những sự giao tiếp bên ngoài. Những người Pha-ri-si sùng đạo cho rằng mình thánh khiết bởi lẽ họ vâng giữ Luật pháp và tránh sự không tinh sạch bên ngoài. Chúa Giê-xu dạy rằng một người vâng giữ Luật pháp bên ngoài có thể vẫn vi phạm Luật pháp trong lòng mình, và “sự ô uế” bên ngoài có liên hệ rất ít với tình trạng của con người bề trong.

Vì vậy, sự xung đột không chỉ giữa chân lý của Đức Chúa Trời với truyền thống của con người, mà còn giữa hai quan điểm khác nhau về tội lỗi và sự thánh khiết nữa. Sự xung đột này không phải là cuộc đụng độ nhỏ thứ yếu nó ăn sâu vào tận tâm của đức tin tôn giáo chân thật. Mỗi thế hệ mới phải tham gia một cuộc xung đột tương tự, vì bản chất con người có khuynh hướng nắm giữ những truyền thống cũ mòn do con người tạo ra và bỏ qua hoặc không vâng theo Lời hằng sống của Đức Chúa Trời. Đúng là một số truyền thống giúp ích trong việc nhắc nhở về di sản giàu có của chúng ta, hoặc chúng giống như “xi măng” để nối kết các thế hệ với nhau, nhưng chúng ta phải thường xuyên cảnh giác, kéo truyền thống lại thay thế cho chân lý. Thật ích lợi cho chúng ta khi xem xét những truyền thống của Hội Thánh mình trong ánh sáng của Lời Đức Chúa Trời và có đủ can đảm để thực hiện những sự đổi thay. (Xin lưu ý là từ ngữ lời truyền dạy trong IITe 2:15 ám chỉ toàn thể lẽ đạo được các sứ đồ “truyền lại” cho các nhà lãnh đạo trong Hội Thánh. Xin cũng xem IITi 2:2.)

Màn kế tiếp có thể được coi là sự lên án (Mac 7:6-13) khi Chúa Giê-xu bênh vực các môn đệ Ngài và phơi bày sự giả hình của những kẻ kiện cáo họ. Điều đầu tiên Ngài làm là trích dẫn từ sách Tiên tri Ê-sai (Es 29:13), và rồi Ngài đưa vào Luật pháp của Môi-se (Xu 20:12 21:17 Le 20:9). Làm thế nào những người Pha-ri-si lại có thể tranh cãi với Luật pháp và các Đấng Tiên tri được?

Trong việc bênh vực cho lời truyền thống của mình, những người Pha-ri-si làm cho những tính chất của chính mình và cả tính chất của Lời Đức Chúa Trời bị xói mòn

đi. Họ là những kẻ giả hình, “những người đóng kịch,” và sự thờ phượng của họ chỉ là vô ích. Sự thờ phượng thật phải xuất phát từ tấm lòng, và nó phải hướng đến chân lý của Đức Chúa Trời, chứ không phải những quan niệm cá nhân của con người. Thật đáng buồn biết bao khi những người sùng kính thực hành tôn giáo của mình cách ngu dốt và trở nên tồi tệ hơn vì làm điều đó!

Nhưng họ không chỉ đang hủy hoại tính cách của mình mà thôi họ cũng đang hủy hoại ảnh hưởng và thẩm quyền của chính Lời Đức Chúa Trời mà họ tự nhận là đang bênh vực. Hãy lưu ý chuỗi sự kiện thảm hại đã diễn ra: họ dạy dỗ các triết thuyết của mình như là Lời Đức Chúa Trời (Mac 7:7) bỏ qua điều răn của Đức Chúa Trời (c.8) chối bỏ Lời Đức Chúa Trời (c.9) cuối cùng, tước đi thẩm quyền của Lời Đức Chúa Trời (c.13). Những kẻ tôn kính truyền thống do con người đặt ra hơn Lời Đức Chúa Trời cuối cùng đánh mất uy quyền của Lời Đức Chúa Trời trong đời sống mình. Cho dù họ có thể tỏ ra thành kính đến đâu đi nữa, nhưng lòng họ vẫn xa cách Đức Chúa Trời.

Lịch sử cho thấy rằng những nhà lãnh đạo tôn giáo Do Thái đã đi đến chỗ tôn kính những truyền thống của họ hơn Lời của Đức Chúa Trời. Ra bi Eleazer đã nói, “Người nào giải nghĩa Thánh Kinh đối lập với truyền thống thì không có phần gì trong thế giới hầu đến.” Tài liệu Mishna, một bộ sưu tập những lời truyền khẩu của người Do Thái trong Tập hợp những văn bản cổ về luật và truyền thống Do Thái, ghi lại rằng, “Dạy dỗ bất kỳ điều gì trái ngược với tiếng nói của những ra bi là một sự xúc phạm lớn lao hơn cả việc phủ nhận chính lời của Thánh Kinh.” Nhưng trước khi phê phán những bạn hữu Do Thái của mình, có lẽ chúng ta nên xem xét “các bậc cha ông trong Hội Thánh” đang có những ảnh hưởng gì trên các Hội Thánh Cơ Đốc của chính chúng ta. Chúng ta có thể cũng phạm tội thay thế chân lý của Đức Chúa Trời với những truyền thống của con người.

Một khi Ngài đã vạch trần sự giả hình của họ, Chúa Giê-xu trở lại với Luật pháp của Môi-se và quở trách họ vì đã vi phạm điều răn thứ năm. Họ có một cách thức tài tình để vi phạm Luật pháp mà vẫn không cảm thấy tội lỗi gì. Thay vì dùng của cải mình có để nuôi nấng cha mẹ, những người Pha-ri-si đã dâng của cải ấy cho Đức Chúa Trời (“Co-ban”= “một của lễ, một quà tặng” xin xem Dan 30:1-17) và tự cho là của cải ấy giờ đây chỉ có thể được dùng cho “những mục đích thuộc linh” mà thôi. Tuy nhiên, họ tiếp tục nhận phúc lợi từ của cải ấy, ngay cho dù về nguyên tắc nó đã thuộc về Đức Chúa Trời rồi. Những người này tự cho là mình yêu kính Đức Chúa Trời, nhưng họ chẳng có lòng yêu kính cha mẹ gì cả!

Màn thứ ba là sự công bố (Mac 7:14-16). Chúa Giê-xu tuyên bố với cả đoàn dân đông rằng nguồn mạch của sự sống thánh khiết là từ bên trong, chứ không phải từ bên ngoài. Thực ra, Ngài đang công bố rằng toàn bộ hệ thống Môi-se về sự tinh sạch và không tinh sạch” không có giá trị nhưng vào lúc đó, Ngài đã không giải thích chân lý căn bản này cho đám đông. Về sau, Ngài đã giải nghĩa điều này cách riêng tư cho các môn đệ mình.

Nhưng sự công bố này chắc chắn được những kẻ thù của Ngài am hiểu. Họ nhận ra rằng Ngài đang phá đổ một trong những “bức tường” ngăn cách người Do Thái với các dân ngoại. Dĩ nhiên, Luật pháp tự nó không bị gạt qua một bên cho đến khi Chúa Giê-xu chết trên thập tự giá (Eph 2:14-15 Co 2:14), nhưng các nguyên tắc Chúa Giê-xu tuyên bố hoàn toàn đúng trải các thời đại. Trong mọi giai đoạn của lịch sử, sự thánh

khiết chân thật luôn là một vấn đề của tấm lòng, một mối tương quan phải lẽ với Đức Chúa Trời bởi đức tin. Sự tinh sạch về nghi thức là một vấn đề của sự tuân giữ bên ngoài đối với một luật lệ như là chứng cứ của đức tin ấy (Thi 51:6,10,16-17). Môi-se vạch rõ trong Phục truyền Luật lệ ký rằng Đức Chúa Trời mong muốn lòng yêu mến và sự vâng lời ra từ tấm lòng, chớ không phải chỉ là sự vâng giữ bên ngoài đối với các phép tắc mà thôi (Phu 6:4-5 10:12 30:6,20).

Lời giải thích của Chúa chúng ta (Mac 7:17-23) được phán dạy cách riêng tư với các môn đệ Ngài khi họ hỏi Ngài “liên quan đến các ẩn dụ.” Lời giải thích của Ngài dường như rõ ràng đối với chúng ta, nhưng chúng ta phải nhớ rằng mười hai người này đã từng được nuôi dưỡng dưới điều luật về sự kiêng ăn thật nghiêm khắc của Do Thái giáo, theo đó tất cả các thức ăn đều được phân loại là “tinh sạch” hoặc “không tinh sạch” (Le 11:1-47). Trên thực tế, Cong 10:14 cho thấy là Phi-e-rơ đã giữ luật này suốt nhiều năm, thậm chí sau khi ông đã được nghe chân lý này. Không dễ mà thay đổi những truyền thống tôn giáo đã được dạy dỗ và thực hành trong nhiều thế kỷ.

Tấm lòng con người đầy tội lỗi và sản sinh mọi loại ham muốn, ý tưởng, và việc làm xấu xa, mọi việc từ giết người đến ghen tỵ (“con mắt xấu xa”). Chúa Giê-xu không có những hình ảnh minh họa về bản tánh của con người, như một số nhà thần học tự do và các giáo sư nhân văn học ngày nay. Ngài mô tả chính xác rằng con người là một tội nhân, không có khả năng làm chủ hoặc biến đổi bản chất của chính mình và đó là lý do vì sao Chúa Giê-xu đã đến trên đất này – để chết thay cho tội nhân hư mất.

Các luật lệ về sự kiêng ăn của người Do Thái được Đức Chúa Trời ban bố để dạy tuyến dân của Ngài phân biệt điều gì là tinh sạch và điều gì là ô uế. (Chắc chắn cũng có một số nguyên do thực tế liên quan đến, chẳng hạn như sự cải thiện điều kiện vệ sinh và sức khỏe.) Không tuân giữ các luật lệ này là đã bị ô uế về nghi thức, và đó là một vấn đề bên ngoài. Thức ăn kết thúc trong bao tử, nhưng tội lỗi thì bắt đầu trong tấm lòng. Thức ăn chúng ta ăn vào được tiêu hóa và cặn bã được thải ra, nhưng tội lỗi thì tồn tại và nó sinh ra sự ô uế và sự chết.

Bài học đầy ẩn tượng về “chân lý chống lại truyền thống” này có thể chỉ càng làm những nhà lãnh đạo tôn giáo Do Thái tức giận hơn và khiến họ muốn làm cho Ngài phải nín lặng đi. Sự chống đối càng gia tăng là lý do vì sao Ngài rời khỏi những nơi đông đúc và đưa các môn đệ mình vào lãnh thổ của dân ngoại.

Tuy nhiên, trước khi chúng ta chấm dứt phân đoạn này, có lẽ sẽ tốt cho chúng ta nếu đối chiếu những lời truyền khẩu của con người với lẽ thật của Đức Chúa Trời.

Truyền thống của con người
Những hình thức bên ngoài nô lệ
Những luật lệ tầm thường
Sự sùng kính bên ngoài
Sự thờ ơ, thay thế Lời Đức Chúa Trời
Chân lý của Đức Chúa Trời
Đức tin bên trong – sự tự do
Những nguyên tắc cơ bản
Sự thánh khiết chân thật bên trong

2. Giúp đỡ các dân ngoại (Mac 7:24-37 8:1-9)

Mác ký thuật ba phép lạ Chúa Giê-xu đã thực hiện khi Ngài giảng dạy cho các dân ngoại trong vùng Ty-rơ và Si-đôn. Đây là trường hợp cá biệt duy nhất được ký thuật lại về việc Chúa chúng ta thực sự rời khỏi xứ Palestine. Ngài đang thực hành điều Ngài vừa mới dạy dỗ các môn đệ: không có sự phân biệt giữa người Do Thái và các dân ngoại, vì tất cả đều là tội nhân và cần đến Đấng Christ.

(1) *Đuổi qui* (Mac 7:24-30). Trong số ba mươi lăm phép lạ được ký thuật trong các sách Phúc Âm, bốn phép lạ liên quan trực tiếp đến phụ nữ: việc chữa lành cho bà gia Phi-e-rơ (Mac 1:30-31) việc kêu con trai người đàn bà góa sống lại (Lu 7:11-17) việc kêu La-xa-rơ sống lại (Gi 11:1-46) và việc đuổi qui như được ký thuật ở đây.

Chúa Giê-xu đã đến miền này (cách Ca-bê-na-um khoảng bốn mươi dặm) để có thể có chút ít thì giờ riêng tư, nhưng một bà mẹ đầy lo âu đã phát hiện ra Ngài đang ở đó và đến xin Ngài cứu giúp. Có nhiều trở lực trên đường đi, thế nhưng bà đã thắng hơn tất cả những trở lực ấy bởi đức tin và nhận được điều bà cần.

Trước tiên, quốc tịch của bà chống lại bà: bà là một người Ngoại còn Chúa Giê-xu lại là một người Do Thái. Bên cạnh đó, bà lại là một phụ nữ và xã hội vào thời đó do nam giới cai trị. Sa-tan đang chống lại bà vì một trong các qui dữ của nó đã cầm quyền trong đời sống của con gái bà. Các môn đệ chống lại bà họ muốn Chúa Giê-xu đuổi bà đi và để cho Ngài (và cả họ) được nghỉ ngơi. Trong một lúc, ngay đến Chúa Giê-xu dường như cũng chống lại bà! Đó chẳng phải là một tình cảnh dễ dàng, thế nhưng bà đã chiến thắng vì có đức tin lớn của mình.

Samuel Rutherford, một mục sư rất thánh thiện người Tô Cách Lan đã chịu nhiều đau đớn vì có Đấng Christ, có lần đã viết cho một người bạn: “Việc làm của đức tin là xác nhận và thách thức sự nhân từ của Đức Chúa Trời từ tất cả những đòn mạnh mẽ nhất của Ngài.” Đó đúng là những gì người mẹ Ngoại bang này đã làm, và chúng ta ngày nay có thể học được nhiều điều nơi bà.

Khi bà thoát tiên cầu xin Ngài cứu giúp, Chúa Giê-xu thậm chí đã không đáp lời bà! Được khích lệ bởi sự yên lặng của Ngài, các môn đệ nài xin Ngài hãy đuổi bà ta đi. Khi Chúa Giê-xu truyền phán, thì không phải với người đàn bà đó, mà là với các môn đệ và lời phán của Ngài dường như loại trừ bà hoàn toàn: “Ta chịu sai đến đây, chỉ vì các con chiên lạc mất của nhà Y-sơ-ra-ên đó thôi” (Mat 15:24). Tuy nhiên, không một chương ngại nào trong những điều này ngăn cản bà thôi tiếp tục khẩn khoản van nài.

Lần đầu tiên kêu xin cứu giúp, người mẹ này gọi Chúa Giê-xu là “Con cháu vua Đa-vít,” một danh xưng của người Do Thái nhưng lần kế tiếp kêu xin cứu giúp, bà chỉ thưa, “Lạy Chúa, xin Chúa giúp tôi cùng” (Mat 15:22,25). Chính lúc ấy Chúa Giê-xu mới phán về việc phải nuôi con cái (tức dân Y-sơ-ra-ên) trước hết chớ không quảng bánh của chúng cho “những con chó con” ăn. Chúa Giê-xu không đang gọi các dân ngoại là “những con chó ăn đồ bẩn thỉu” như nhiều người Do Thái kiêu căng đã gọi Ngài đang ban cho bà hy vọng, và bà nắm chặt lấy hy vọng ấy.

Câu trả lời của bà cho thấy rằng đức tin đã chiến thắng. Bà không phủ nhận địa vị đặc biệt của “con cái” (những người Do Thái) trong chương trình của Đức Chúa Trời, bà cũng không muốn chiếm lấy địa vị đó. Tất cả mọi điều bà mong muốn là một vài

mẫu ơn phước từ bàn rơi xuống vì, xét cho cùng, “Sự cứu rỗi bởi người Do Thái mà đến” (Gi 4:22). Chắc hẳn câu trả lời của bà đã làm vui lòng Ngài khi bà đã nhận lấy chính những lời phán của Ngài và dùng chúng như một nền tảng cho sự nài xin của mình! Bà chấp nhận địa vị mình, bà tin Lời của Ngài, và kiên trì trong sự nài xin mình và Chúa Giê-xu không chỉ thỏa mãn nhu cầu của bà, nhưng còn khen ngợi đức tin của bà nữa.

Điều quan trọng đầy ý nghĩa là hai lần trong các sách Phúc Âm khi Chúa Giê-xu khen ngợi “đức tin lớn,” Ngài đang đáp lại đức tin của những người Ngoại chớ không phải những người Do Thái: người đàn bà Sy-rô-phê-ni-xi này và thầy đội La Mã (Mat 8:5-13). Cũng đáng lưu ý là trong cả hai trường hợp, Chúa Giê-xu đã chữa lành từ một khoảng cách, ám chỉ khoảng cách tâm linh giữa người Do Thái và các dân ngoại vào thời đó (Eph 2:11-22). Cuối cùng, dân chúng trong thành Ty-rơ và thành Si-đôn không được mọi người biết đến về đức tin của họ (Mat 11:21-22), thế nhưng người đàn bà này đã dám tin rằng Chúa Giê-xu có thể giải cứu con gái bà.

Đức tin lớn là đức tin nắm lấy Lời phán của Đức Chúa Trời và sẽ không buông ra cho đến khi Đức Chúa Trời đáp ứng nhu cầu. Đức tin lớn có thể nắm giữ lấy ngay cả sự khích lệ mỏng manh nhất và biến nó trở thành một lời hứa được thực hiện trọn vẹn. “Lạy Chúa, xin thêm đức tin cho chúng con.”

(2) *Chữa lành một người điếc* (Mac 7:31-37). Địa phận Đê-ca-bô-lơ (“mười thành”) cũng là bờ cõi của dân Ngoại, nhưng trước khi Chúa Giê-xu rời khỏi vùng này, dân chúng đang ngợi khen Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên (Mat 15:30-31). Người đàn ông họ đem tới cho Chúa Giê-xu vừa điếc lại vừa ngọng, và Chúa Giê-xu đã chữa lành cho người. Phép lạ này chỉ được Mác ký thuật lại và sẽ được những độc giả La Mã của ông đặc biệt cảm kích, vì địa phận “mười thành” này giống như một “La Mã cách xa khỏi La Mã.”

Chúa Giê-xu đem người riêng ra để việc chữa lành có được sự riêng tư và người sẽ không trở nên một sự thu hút công khai. Vì người điếc, nên không thể nghe được lời phán của Chúa, nhưng người có thể cảm nhận những ngón tay của Ngài trong lỗ tai mình, chạm đến trên lưỡi mình và điều này sẽ khích lệ đức tin của người. Tiếng “thở ra” là một tiếng rên rỉ trong lòng, sự đáp ứng đầy thương xót của Chúa chúng ta trước sự đau đớn và buồn khổ tội lỗi đã đem vào thế gian. Đó cũng là một lời nguyện cầu với Đức Chúa Cha vì có người tàn tật này. (Từ ngữ tương tự được dùng liên hệ tới sự cầu nguyện trong Ro 8:23 và danh từ trong Ro 8:26.)

Ép-pha-ta là một từ ngữ A-ram có nghĩa là “hãy mở ra, hãy được giải thoát.” Người này không nghe được tiếng Chúa Giê-xu phán, nhưng Vật Thọ tạo nghe mệnh lệnh của Đấng Tạo hóa, và người được chữa lành. Cả lưỡi và tai hoạt động bình thường trở lại. Bất chấp mệnh lệnh nghiêm ngặt của Chúa chúng ta là phải giữ im lặng về các phép lạ, họ lại đồn tin tức khắp nơi (Mac 1:34,44 3:12 5:43) kết quả dẫn đến việc một đoàn dân rất đông tụ họp lại, đem theo những kẻ đau bệnh hoặc tàn tật. Mặc dầu Chúa Giê-xu đang cố tìm cách nghỉ ngơi, Ngài đã dành thời gian chữa lành cho tất cả. Kết quả ra sao? Những người dân Ngoại này “ngợi khen Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên” (Mac 15:31).

(3) *Nuôi 4.000 người ăn* (Mac 8:1-9). Những người cố tìm những sự mâu thuẫn trong Kinh Thánh thường nhầm lẫn phép lạ này với việc cho 5.000 người ăn được ghi lại trong cả bốn sách Phúc Âm. Chỉ có Ma-thi-ơ và Mác ghi lại sự kiện này, và việc

phân biệt phép lạ này với phép lạ hóa bánh và cá kia không có gì khó. Phép lạ đầu tiên xảy ra tại vùng Ga-li-lê, gần Bết-sai-đa, và gồm phần lớn là người Do Thái. Phép lạ này diễn ra gần Đê-ca-bô-lơ và gồm hầu hết là những người Ngoại. Trong phép lạ đầu tiên, Chúa Giê-xu khởi sự với năm cái bánh và hai con cá, trong khi ở đây Ngài có bảy cái bánh “và vài con cá.” 5.000 người kia đã ở với Ngài một ngày, nhưng 4.000 người này thì đã ở với Ngài đến ba ngày. Sau khi cho 5.000 người ăn thì còn dư lại mười hai giỏ bánh vụn, nhưng chỉ có bảy giỏ bánh vụn còn lại sau khi cho 4.000 người ăn. Thậm chí có hai loại giỏ được dùng: đối với 5.000 người là loại giỏ nhỏ đan bằng liễu gai đựng thức ăn trưa (kophinos) đối với 4.000 người là loại thùng lớn, to đủ để chứa một người (spuris, xin xem Cong 9:2).

Một lần nữa, chúng ta được khích lệ bởi lòng thương xót của Chúa và sự làm chủ trọn vẹn của Ngài trên hoàn cảnh. Tuy nhiên, chúng ta bị nản chí bởi sự mù lòa và vô tín của các môn đệ. Phải chăng họ đã hoàn toàn quên phép lạ trước đó? Chúng ta đừng quá nghiêm khắc đối với họ. Bao nhiêu lần chúng ta đã quên những sự thương xót của Chúa? Chúng ta cần nhắc nhở chính mình rằng Chúa Giê-xu Christ vẫn y nguyên và Ngài có giải pháp cho mọi nan đề. Tất cả điều chúng ta cần làm là tin cậy Ngài, dâng hiến cho Ngài mọi sự mình có, và vâng lời.

3. Cảnh tỉnh các môn đệ (Mac 8:10-26)

Chúa Giê-xu và các môn đệ băng qua bờ phía tây của Biển Ga-li-lê nơi họ lại đương đầu với những người Pha-ri-si vẫn còn căm giận Ngài vì có trước đó Ngài đã cáo buộc họ về tội giả hình (Mac 7:1-23). Lần này họ khích Ngài chứng tỏ uy quyền thiên thượng của Ngài bằng việc ban cho họ một dấu lạ từ trời. Họ không muốn một phép lạ thuộc về đất, chẳng hạn như việc chữa lành một kẻ đau. Họ muốn Ngài làm một điều gì đó thu hút sự chú ý của nhiều người, giống như đem lửa từ trời hoặc bánh từ trời (Gi 6:30-31). Điều này sẽ chứng minh Ngài thực sự được sai đến từ Đức Chúa Trời.

Phản ứng của Chúa chúng ta là một nỗi đau đớn và thất vọng sâu xa (Mac 7:34). Thật đáng buồn biết bao khi những nhà lãnh đạo tôn giáo của tuyến dân Đức Chúa Trời lại quá cứng lòng và mù lòa thuộc linh như thế! Sự ước ao một dấu lạ từ trên trời của họ chỉ là một chứng cứ khác của lòng vô tín trong họ, vì đức tin không đòi hỏi các dấu lạ. Đức tin thật nhận lấy Lời Đức Chúa Trời và thỏa mãn với sự làm chứng bên trong của Đức Thánh Linh.

Vì Mác đang viết chủ yếu cho các độc giả người Ngoại, ông không thuật lại những lời phán của Chúa liên hệ đến dấu lạ của Đấng Tiên tri Giô-na (Mat 16:4 Mat 12:38-41). “Dấu lạ của Đấng Tiên tri Giô-na” là gì? Sự chết, sự chôn, và sự sống lại. Bằng có chứng tỏ Chúa Giê-xu chính là Đấng mà Ngài tự nhận là thực tế về sự chết, sự chôn, và sự sống lại của chính mình Ngài (Cong 2:22-36 3:12-26).

Chúa Giê-xu rời khỏi họ và băng qua bờ phía đông của Biển Ga-li-lê, và dọc đường Ngài dạy dỗ các môn đệ một bài học thuộc linh quan trọng. Họ có vẻ hầu như cũng mù lòa như những người Pha-ri-si vậy! Các môn đệ này đang bàn luận riêng tư về sự chu cấp thức ăn cho họ, vì có người đã quên mang bánh theo. Ai đáng bị khiển trách đây?

Chắc hẳn Chúa Giê-xu rất đau lòng vì những môn đệ được Ngài chọn lựa kỹ lưỡng lại quá chậm hiểu về mặt thuộc linh. Sự kiện Ngài đã hóa bánh ra nhiều vào hai cơ hội và cho trên 10.000 người ăn rõ ràng đã gây ấn tượng rất ít trên họ! Tại sao lại lo

lắng và tranh cãi về một ổ bánh khi bạn có Chúa Giê-xu trên thuyền với mình? Đầu óc họ chậm hiểu, tấm lòng họ cứng cõi (xin xem Mac 6:52), mắt họ mù lòa, và tai họ chẳng nghe được (4:11-12).

Dân sự của Đức Chúa Trời thường có khuynh hướng quên đi các phước hạnh của Ngài (Thi 103:1-2). Ngài đáp ứng những nhu cầu của chúng ta, nhưng rồi khi nan đề kế tiếp phát sinh, chúng ta lại phàn nàn hoặc trở nên sợ hãi. Chỉ cần chúng ta ở với Ngài, thì chúng ta có thể chắc chắn Ngài sẽ chăm lo cho chúng ta. Thật ích lợi cho tất cả chúng ta khi thỉnh thoảng tạm nghỉ ngơi và ôn lại sự tốt lành và thành tín của Ngài.

Nhưng bài học chính có liên quan đến men chớ không phải đến bánh mì. Trong Kinh Thánh, men thường xuyên là một biểu tượng của cái xấu. Mỗi mùa lễ Vượt Qua, những người Do Thái phải dẹp bỏ tất cả men khỏi nhà họ (Xu 12:18-20), và trong những cửa lễ không được phép có men (Xu 23:18 34:25 Le 2:11 6:17). Cái xấu, giống như men, nhỏ và ẩn giấu, nhưng nó lan tràn và chẳng bao lâu tác hại đến toàn thể (Ga 5:9).

Kinh Thánh dùng men làm hình ảnh của giáo lý giả dối (Ga 5:1-9), tội lỗi không bị đoán xét trong Hội Thánh (ICo 5:1-13), và sự giả hình (Lu 12:1). Liên quan đến vấn đề này, Chúa Giê-xu cảnh cáo chúng ta về sự dạy dỗ (giáo lý giả dối) của những người Pha-ri-si và những kẻ theo phe Hê-rốt. Những người Pha-ri-si “nói mà không làm” nói cách khác, họ thực hành và khuyến khích sự giả hình (xin lưu ý Mac 7:6). Những kẻ theo phe Hê-rốt là một nhóm người thế tục phục vụ cho Hê-rốt, chấp nhận lối sống La Mã, và nhìn thấy nơi Hê-rốt và sự cai trị của vua này vương quốc đã hứa ban cho dân tộc Do Thái. Nếu sự giảng dạy giả dối này thâm nhập vào lòng và trí của các môn đệ, nó sẽ gây tác hại cho họ và làm vẩn đục chân lý Chúa Giê-xu đã truyền dạy họ để công bố về Chính mình Ngài và nước của Ngài.

Chúng ta không bao giờ có thể quá cẩn thận về việc nhận ra và tránh xa giáo lý giả dối. Chỉ một sự sai lạc nhỏ khỏi Lời Đức Chúa Trời đã có thể len lỏi vào một cá nhân hoặc một Hội Thánh, nhưng chẳng bao lâu nó sẽ lớn dần và tác hại mọi thứ. Chúa chúng ta ít khi phán rằng “Hãy cẩn thận!” nhưng khi Ngài phán vậy thì điều đó thật quan trọng!

Trong phân đoạn này, Mác ký thuật lại hai phép lạ không tìm thấy trong các sách Phúc Âm khác: việc chữa lành người vừa điếc lẫn ngọng (7:31-37), và việc chữa lành người mù phía ngoài thành Bết-sai-đa (8:22-26). Có lẽ chúng ta có thể thấy trong hai người này những hình ảnh minh họa tình trạng thuộc linh của các môn đệ mô tả trong 8:18! Những độc giả người Do Thái sẽ nối kết hai phép lạ này với những lời hứa về đấng Mê-si-a trong Es 35:1-10.

Trong cả hai tình huống này, các bạn hữu đã đem những người bệnh đến với Chúa Giê-xu và trong cả hai tình huống, Chúa Giê-xu đã đưa những người bệnh đó ra khỏi đám đông. Thực ra, trong trường hợp sau, Ngài đã đưa người bệnh ra khỏi thành phố. Tại sao? Có lẽ vì thành Bết-sai-đa đã bị đoán xét vì có sự vô tín của nó (Mat 11:21-24). Không còn chứng cứ nào khác để giải thích những sự việc này.

Điều độc đáo về phép lạ chữa lành này là nó xảy ra từ từ chớ không ngay tức khắc. Các sách Phúc Âm ghi lại ít nhất bảy trường hợp người mù được chữa lành, và chúng cho thấy rằng Chúa chúng ta đã sử dụng nhiều cách thức khác nhau. Có lẽ chính bầu không khí vô tín tại thành Bết-sai-đa đã ngăn trở Ngài (Mac 6:5-6), hoặc đó có thể là tình trạng thuộc linh của chính người bị mù. Vì một lý do nào đó không được nêu lên,

người mù này chưa sẵn sàng để nhìn thấy ngay tức khắc, vì thế Chúa Giê-xu đã phục hồi người từ từ. Sự kiện người mù này nhận ra người ta và cất tiếng nói rằng người ấy không phải bị mù bẩm sinh nhưng đã bị mù bởi tai nạn hoặc bệnh tật.

Người mù này không phải ở tại Bết-sai-đa, vì Chúa Giê-xu truyền cho người về nhà và cảnh cáo người không được trở vào thành đó. Giờ đây người đã được chữa lành, tại sao lại đi đến thành Bết-sai-đa đầy vô tín nơi Chúa Giê-xu đã từng bị khước từ? Việc của người ấy là trở về nhà và rao báo Phúc Âm về Nước Trời, và chứng minh quyền năng của Phúc Âm ấy bằng cách bày tỏ cho người khác những gì Chúa Giê-xu đã làm cho mình (2:11 5:34 10:52). Người ấy không cần phải tạo một cơ hội khác cho dân chúng trong thành Bết-sai-đa sao? Có lẽ họ sẽ tin nếu họ được nghe Chúa Giê-xu đã phục hồi thị giác của người ấy ra sao. Không, thành Bết-sai-đa đã được ban cho đủ chứng cứ, nhưng vẫn cứ từ chối không chịu tin. Thật là một điều nguy hiểm cho bất cứ ai khước từ sứ điệp của Đức Chúa Trời và làm cho lòng mình cứng cõi trong sự vô tín.

Các môn đệ học được một số bài học quý giá trong chuyến đi này, những bài học mà họ sẽ cần ghi nhớ và áp dụng trong những năm chức vụ sau đó. Chúng ta ngày nay cần học những bài học tương tự này:

(1) đừng tìm kiếm dấu lạ, nhưng hãy sống bởi đức tin nơi Lời Ngài

(2) hãy tin cậy Chúa Giê-xu sẽ đáp ứng nhu cầu

(3) tránh xa men của giáo lý giả dối

(4) hãy để Chúa Giê-xu hành động như Ngài muốn, và trông chờ những cách thức khác nhau trong sự hành động của Ngài.

Mác đã ký thuật các sự kiện diễn ra trong những ngày bận rộn trong chức vụ của người Tôi Tớ Đức Chúa Trời! Kế tiếp ông sẽ đưa chúng ta vào nơi “hậu trường” khi người Tôi Tớ dạy dỗ các môn đệ Ngài và chuẩn bị họ cho sự chết của Ngài trên thập tự giá.

7. NHỮNG BÍ MẬT CỦA NGƯỜI TÔI TỚ (Mac 8:27-9:50)

Một bí mật đã được định nghĩa như là “một điều gì đó mà mỗi lần bạn chỉ nói cho một người.” Thỉnh thoảng, Chúa Giê-xu san sẻ “những bí mật” đặc biệt với các môn đệ Ngài, và ba người trong số họ được nêu lên ở đây. Tín đồ ngày nay cần hiểu và áp dụng những bí mật thuộc linh này nếu đời sống của riêng họ muốn trở nên như điều Đức Chúa Trời mong muốn.

1. Sự chịu khổ dẫn đến sự vinh hiển (Mac 8:27-38 9:1-13)

Chúa Giê-xu đã và đang chuẩn bị các môn đệ Ngài cho cuộc gặp gỡ riêng tư này qua đó Ngài dự định bày tỏ cho họ những điều sẽ xảy đến với Ngài tại Giê-ru-sa-lem. Dọc đường đi Ngài đã nói với họ những lời đầy ẩn ý, nhưng giờ đây Ngài sẽ giải thích các vấn đề cho họ cách đầy đủ hơn. Về nơi chốn, Ngài chọn vùng Sê-sa-rê Phi-líp, một thành phố cách Bết-sai-đa khoảng hai mươi lăm dặm về phía bắc, nằm ở chân ngọn núi Hec-môn xinh đẹp. Thành này được đặt theo tên Sê-sa Au-gút-tơ và Hê-rốt Phi-líp, và nó có một đền thờ bằng cẩm thạch để tưởng nhớ Au-gút-tơ. Đó là một nơi dành cho sự vinh quang của La Mã, và sự vinh quang ấy giờ đây đã qua đi, nhưng sự vinh hiển của Chúa Giê-xu Christ vẫn còn và sẽ còn đến đời đời.

(A) **Sự xưng nhận** (Mac 8:27-30). Nếu bạn có ý định đi vòng quanh hỏi thăm bạn hữu mình, “Người ta nói gì về tôi?” họ sẽ xem điều đó như một bằng chứng của sự kiêu ngạo. Người ta nghĩ gì hoặc nói gì về chúng ta điều đó thật sự có quan trọng gì? Chúng ta không quan trọng đến thế đâu! Nhưng người ta tin gì và nói gì về Chúa Giê-xu Christ mới thật quan trọng, vì Ngài là Con Đức Chúa Trời và là Cứu Chúa duy nhất của các tội nhân.

Sự xưng nhận của bạn liên quan đến Chúa Giê-xu Christ là một vấn đề của sự sống và sự chết (Gi 8:21,24 I Gi 2:22-27 4:1-3). Các dân cư thành Sê-sa-rê Phi-líp nói rằng, “Sê-sa là chúa!” Sự xưng nhận đó có thể cho thấy họ là những công dân La Mã trung thành, nhưng không bao giờ nó có thể cứu họ khỏi tội lỗi và khỏi địa ngục đời đời. Sự xưng nhận duy nhất cứu rỗi chúng ta là “Chúa Giê-xu là Chúa!” (ICo 12:1-3) khi sự xưng nhận ấy xuất phát từ một tấm lòng thực sự tin nơi Ngài (Ro 10:9-10).

Những ý kiến khác biệt nhau người ta có về Chúa Giê-xu thật đáng chú ý, mặc dầu tình trạng tương tự có lẽ ngày nay vẫn còn tồn tại. Việc một số người nghĩ Ngài là Giăng Báp-tít đặc biệt gây ra sự khó hiểu, vì Giăng và Chúa Giê-xu đã từng được nhìn thấy đi chung với nhau cách công khai. Họ hoàn toàn khác biệt về tính cách và chức vụ (Mat 11:16-19), vì vậy có vẻ lạ khi người ta nhầm lẫn họ với nhau.

Giăng Báp-tít đã đến “trong tâm thần và quyền phép của Ê-li” (Lu 1:17), trong một chức vụ đoán xét, trong khi Chúa Giê-xu đến trong một tâm thần nhu mì và hầu việc. Giăng không làm phép lạ nào (Gi 10:41), nhưng Chúa Giê-xu là đấng làm phép lạ. Giăng thậm chí ăn mặc giống như đấng Tiên tri Ê-li (IIVua 1:8 Mac 1:6). Làm thế nào người ta có thể nhầm lẫn hai người được?

Một số cho rằng Chúa Giê-xu là một trong các đấng tiên tri, có lẽ là Giê-rê-mi (Mat 16:14). Giê-rê-mi là “vị tiên tri than khóc,” và Chúa Giê-xu là một Thống khổ nhân vì vậy có một sự tương đương rõ rệt. Giê-rê-mi kêu gọi dân chúng đến sự ăn năn thật từ tấm lòng, và Chúa Giê-xu cũng làm điều đó. Cả hai người đều bị hiểu lầm và bị chính đồng bào mình khước từ, cả hai đều lên án những nhà lãnh đạo tôn giáo giả dối và sự thờ lạy giả hình trong đền thờ, và cả hai đều bị bắt bớ bởi những kẻ cầm quyền.

Trong những lời Ngài phán và những việc Ngài làm, Chúa Giê-xu luôn chứng tỏ cho mọi người rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời, là đấng Mê-si-a, thế nhưng họ lại không nhận lấy sứ điệp đó. Thay vì sốt sắng tìm kiếm chân lý, người ta lại lắng nghe ý kiến của dân chúng và làm theo ý kiến ấy, y như nhiều người làm ngày nay. Họ nêu ý kiến thay vì nhận thức tội lỗi của mình, và đây là điều dẫn họ đi sai lạc. Elbert Hubbard đã định nghĩa ý kiến quần chúng là “ý kiến của số đông người bất tài bất năng, chống lại ý kiến của số ít người sáng suốt.” Hãy cảm tạ Đức Chúa Trời vì số ít người sáng suốt này!

Sự xưng nhận của Phi-e-rơ thật dạn dĩ và không thỏa hiệp, và sự xưng nhận của chúng ta cũng cần phải giống như vậy: “Ngài là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời hằng sống!” (Mat 16:16). Từ ngữ Đấng Christ có nghĩa là “Đấng Chịu xúc dầu, Đấng Mê-si-a đã hứa.” Các đấng tiên tri, các thầy tế lễ, và các vị vua thầy đều được xúc dầu khi được phong chức, và Chúa chúng ta giữ cả ba chức vụ trên.

Tại sao Chúa Giê-xu lại cảnh cáo họ không được nói gì về Ngài? Về một mặt, bản thân các môn đệ vẫn còn nhiều điều để học biết về Ngài và việc theo Ngài thực sự có nghĩa gì. Những nhà lãnh đạo tôn giáo của đất nước đã có định ý sẵn về Ngài, và việc công bố Ngài là đấng Mê-si-a vào lúc này sẽ chỉ làm đảo lộn các kế hoạch của Đức

Chúa Trời mà thôi. Những người bình dân muốn nhìn thấy các phép lạ của Ngài, nhưng họ ít có lòng ao ước phục tùng theo sứ điệp Ngài rao giảng. Việc công bố Ngài là đấng Mê-si-a có thể không tránh khỏi dẫn đến một cuộc nổi dậy về chính trị sẽ chỉ gây tổn hại mà thôi.

(B) *Sự bối rối* (Mac 8:31-38). Giờ thì các môn đệ đã xưng nhận đức tin nơi Đấng Christ (Gi 6:66-71), họ đã sẵn sàng đón nhận “bí mật” Chúa Giê-xu mong muốn san sẻ với họ: Ngài sẽ cùng đi với họ đến Giê-ru-sa-lem nơi Ngài sẽ chịu chết trên cây thập tự. Từ thời điểm này trở đi, Mác sẽ tập trung vào cuộc hành trình của họ đến Giê-ru-sa-lem và sẽ nhấn mạnh vào sự chết và sự phục sinh sắp tới của Chúa Giê-xu (Mac 9:30-32 10:32-34).

Sự công bố này khiến các môn đệ sửng sờ. Nếu Ngài thực sự là Đấng Christ từ Đức Chúa Trời, như họ đã xưng nhận, thì tại sao Ngài sẽ bị những nhà lãnh đạo tôn giáo khước từ? Tại sao những nhà lãnh đạo này lại sẽ đóng đinh Ngài? Chẳng phải là Thánh Kinh Cựu Ước đã hứa rằng đấng Mê-si-a sẽ đánh bại mọi kẻ thù nghịch của họ và thiết lập một nước vinh hiển cho dân Y-sơ-ra-ên sao? Có một điều gì đó sai trật ở một điểm nào đó và các môn đệ cảm thấy bối rối.

Đúng với bản tánh mình, chính Phi-e-rơ là người biểu lộ sự lo lắng của họ. Giây phút trước đó Phi-e-rơ đã được Đức Chúa Trời dẫn dắt để xưng nhận đức tin của mình nơi Chúa Giê-xu Christ (Mat 16:17), và giây phút kế tiếp ông lại đang suy nghĩ như một kẻ vô tín và đang bộc lộ những ý tưởng của Sa-tan! Đây là một lời cảnh tỉnh đối với chúng ta là khi chúng ta tranh cãi với Lời Đức Chúa Trời, chúng ta đã mở lối cho những sự lừa dối của Sa-tan. Phi-e-rơ bắt đầu quở trách Thầy mình, và Mác đã dùng cùng từ ngữ mô tả lời quở trách ma quỷ của Chúa chúng ta (Mac 1:25 3:12).

Sự phản kháng của Phi-e-rơ xuất phát từ việc ông không hiểu biết ý muốn Đức Chúa Trời và từ lòng yêu Chúa sâu xa của ông. Giây phút trước Phi-e-rơ là một “tảng đá,” nhưng giây phút kế tiếp ông lại là một hòn đá vấp chân! Tiến sĩ G. Campbell Morgan đã nói, “Người nào yêu Chúa Giê-xu, nhưng lại tránh xa phương pháp của Đức Chúa Trời, thì là một hòn đá vấp chân đối với Ngài.” Phi-e-rơ chưa hiểu được mối quan hệ giữa việc chịu khổ và sự vinh hiển. Cuối cùng ông cũng sẽ học được bài học này và thậm chí sẽ nhấn mạnh nó trong Thư tín Đầu tiên của mình (xin lưu ý IPhi 1:6-8 4:13-5:10).

Tuy nhiên, hãy lưu ý rằng khi Chúa Giê-xu quở trách Phi-e-rơ, Ngài cũng “ngó các môn đệ Ngài,” vì họ đều đồng ý với sự đánh giá tình huống của Phi-e-rơ! Đắm chìm trong cách hiểu truyền thống của người Do Thái, họ không thể nào hiểu được làm thế nào đấng Mê-si-a của họ lại có thể bị chịu khổ và chịu chết. Thật ra, một số đấng tiên tri đã viết về những sự chịu khổ của đấng Mê-si-a, nhưng về sự vinh hiển của đấng Mê-si-a thì họ viết nhiều điều hơn. Một số ra bi thậm chí đã dạy rằng sẽ có hai đấng Mê-si-a, một đấng sẽ chịu khổ và một đấng sẽ trị vì (IPhi 1:10-12). Không ngạc nhiên gì khi các môn đệ bối rối như vậy.

Nhưng vấn đề không chỉ có tính cách thần học nó rất thực tiễn, Chúa Giê-xu đã kêu gọi những người này theo Ngài, và họ biết rằng hễ điều gì xảy ra cho Ngài cũng sẽ xảy ra cho họ. Nếu có một thập tự giá dành cho tương lai của Ngài, thì cũng sẽ có một thập tự giá dành cho tương lai của họ nữa. Đó là lý do đủ để bất đồng với Ngài rồi! Bất chấp sự hết lòng của họ đối với Ngài, các môn đệ vẫn không biết gì về mối quan hệ thật giữa thập tự giá và mào triều thiên. Họ đang theo triết lý của Sa-tan

(vinh hiển mà không phải chịu khổ) thay vì triết lý của Đức Chúa Trời (sự chịu khổ được biến hóa thành vinh hiển). Việc bạn chấp nhận triết lý nào sẽ xác định cách bạn sống và cách bạn hầu việc.

Mac 8:34 cho thấy rằng, mặc dầu Chúa Giê-xu và các môn đệ Ngài đã gặp gỡ nơi riêng tư, nhưng đoàn dân đông vẫn ở cách đó không xa. Chúa Giê-xu kêu dân chúng đến và truyền dạy họ điều Ngài đã dạy dỗ các môn đệ của chính mình: có một giá phải trả để trở thành môn đệ thật. Ngài biết rằng đoàn dân đông đang theo Ngài chỉ vì phép lạ, và hầu hết họ không sẵn sàng trả giá để trở nên môn đệ thật.

Chúa Giê-xu nêu lên ba điều kiện để làm môn đệ thật:

(1) chúng ta phải đầu phục Ngài hoàn toàn

(2) chúng ta phải đồng nhất hóa với Ngài trong sự chịu khổ và sự chết

(3) chúng ta phải theo Ngài cách thuận phục, dù cho nơi nào Ngài dẫn chúng ta đi. Nếu chúng ta sống cho chính mình, chúng ta sẽ mất chính mình, nhưng nếu chúng ta mất chính mình vì có Ngài và vì có Phúc Âm, chúng ta sẽ tìm lại được chính mình.

Việc từ chối chính mình không giống như việc ép xác khổ tu. Chúng ta thực hành việc ép xác khổ tu khi, vì một mục đích tốt đẹp, chúng ta đôi khi từ bỏ nhiều điều hoặc những hoạt động ưa thích. Nhưng chúng ta từ chối chính mình khi chúng ta đầu phục Đấng Christ và quyết tâm vâng theo ý muốn của Ngài. Sự dâng mình một lần đủ cả này được theo sau bởi “việc chết đối với chính mình” hàng ngày khi chúng ta vác thập tự giá và đi theo Ngài. Theo quan điểm của con người, chúng ta đang mất chính mình, nhưng theo cái nhìn thiên thượng, chúng ta đang tìm lại được chính mình. Khi chúng ta sống cho Đấng Christ, chúng ta trở nên giống Ngài hơn, và điều này làm nổi bật tính chất cá nhân độc đáo của chúng ta.

Nhưng hãy lưu ý động cơ của việc trở nên môn đệ thật: “vì có Ta và vì có Phúc Âm” (c.35). Đánh mất chính bạn không phải là một việc làm liêu lĩnh tuyệt vọng đó là một hành động hiến dâng. Nhưng chúng ta không dừng lại ở đó: sự dâng mình cách cá nhân sẽ dẫn đến bốn phận thực tiễn, đó là chia sẻ Phúc Âm với một thế giới hư mất. “Vì có Ta” có thể dẫn đến chủ nghĩa biệt lập tôn giáo vị kỷ, vì thế nó phải được cân xứng với “và vì có Phúc Âm.” Vì chúng ta sống cho Ngài, chúng ta sống cho những người khác.

Việc trở nên môn đệ là một vấn đề có lợi lẫn thua thiệt, một vấn đề có liên quan đến việc hoặc chúng ta sẽ phung phí cuộc đời mình hay sẽ đầu tư đời sống mình. Hãy lưu ý lời cảnh cáo nghiêm trọng Chúa Giê-xu phán với chúng ta ở đây: một khi chúng ta đã tiêu phí cuộc sống mình, chúng ta không thể nào mua lại được! Hãy nhớ, Ngài đang dạy dỗ các môn đệ Ngài, những người đã xưng nhận Ngài là Con Đức Chúa Trời. Ngài không đang phán dạy họ làm thế nào để được cứu và lên thiên đàng, nhưng làm thế nào để bảo lưu cuộc sống mình và tận dụng mọi cơ hội mình có trên đất. “Việc bạn mất linh hồn mình” tương đương với việc bạn phí phạm đời sống mình, bỏ lỡ những cơ hội lớn lao Đức Chúa Trời ban cho để khiến đời sống bạn có giá trị. Bạn có thể “được cả thiên hạ” và là một kẻ thành công dưới mắt con người, thế nhưng bạn không có gì để có thể khai trình khi ra mắt Đức Chúa Trời cả. Nếu điều đó xảy ra, thì mặc dầu bạn thực sự có cả thiên hạ, đó sẽ không phải là một cái giá thích đáng dâng lên cho Đức Chúa Trời để mua một cơ hội khác trong cuộc sống.

Có phần thưởng nào dành cho người vốn là một môn đệ thật không? Vâng, có chứ: người ấy trở nên giống Đấng Christ hơn và một ngày kia được dự phần trong sự vinh hiển của Ngài. Sa-tan hứa ban vinh hiển cho bạn, nhưng cuối cùng bạn nhận lãnh sự đau đớn. Đức Chúa Trời hứa ban cho bạn sự chịu khổ, nhưng cuối cùng sự chịu khổ lại biến thành vinh hiển. Nếu chúng ta xưng nhận Đấng Christ và sống cho Ngài, một ngày kia Ngài sẽ xưng nhận chúng ta và san sẻ vinh hiển Ngài với chúng ta.

(C) *Sự chứng thực* (Mac 9:1-8). Cần phải có đức tin để chấp nhận và thực hành bài học về việc trở nên môn đệ này, vì vậy sáu ngày sau, Chúa ban cho chúng ta chứng cứ đáng kinh ngạc là Đức Chúa Trời thực sự biến sự đau đớn thành ra vinh hiển. (Thời gian “độ tám ngày sau” của sách Lu-ca gồm cả ngày học bài này và ngày Chúa hóa hình, Lu 9:28). Ngài đem Phi-e-rơ, Gia-cơ, và Giăng lên một đỉnh núi (có thể đó là Núi Hết-môn), và tại đó Ngài bày tỏ sự vinh hiển mình. Sự kiện này là một sự chứng thực sống động của những lời Ngài phán như được ký thuật lại trong Mac 8:38 cũng như là một sự chứng minh cho sự vinh hiển trong nước tương lai (9:1 Gi 1:14 IPhi 1:12-21). Sứ điệp thật rõ ràng: trước hết là sự chịu khổ, kế đến là sự vinh hiển.

Môi-se đại diện cho Luật pháp và Ê-li đại diện các đấng tiên tri, cả hai điều đó đã được ứng nghiệm trong Chúa Giê-xu Christ (He 1:1-2 Lu 24:25-27). Môi-se đã qua đời và thân xác người đã được chôn cất, nhưng Ê-li đã được cất lên trời (IIVua 2:11). Khi Chúa Giê-xu trở lại, Ngài sẽ khiến thân xác của các thánh đã qua đời được sống lại và sẽ cất các thánh vẫn còn sống lên (ITe 4:13-18). Chúa Giê-xu một ngày kia sẽ thiết lập nước vinh hiển của Ngài và làm trọn nhiều lời hứa đã được các đấng tiên tri truyền phán. Sự đau đớn của Đấng Christ và sự chết của Ngài sẽ không ngăn Đức Chúa Trời thiết lập Nước Ngài đúng hơn, bởi việc giải quyết vấn đề tội lỗi trong thế giới của Đức Chúa Trời, thập tự giá sẽ giúp khiến cho Nước Trời thành hiện thực.

Từ được biến hóa mô tả một sự thay đổi ở bên ngoài vốn xuất phát từ bên trong. Nó là từ phản nghĩa của từ “giả trang,” vốn là một sự thay đổi bên ngoài không xuất phát từ bên trong. Chúa Giê-xu cho phép sự vinh hiển của Ngài phát tỏa qua toàn thể con người Ngài, và đỉnh núi trở nên một nơi thánh trong những nơi thánh khiết! Khi bạn suy gẫm sự kiện này, hãy ghi nhớ rằng Ngài đã san sẻ sự vinh hiển này với chúng ta và hứa ban cho chúng ta một nhà vinh hiển đời đời (Gi 17:22-24). Theo Ro 12:1-2 và IICo 3:18, tín đồ ngày nay có thể kinh nghiệm vinh hiển của sự biến hóa tương tự này.

Ba môn đệ đã ngủ gục trong lúc Chúa Giê-xu đang cầu nguyện (Lu 9:29,32), một sự thất bại họ sẽ lặp lại trong Vườn Ghết-sê-ma-nê. Suýt nữa họ đã không nhìn thấy được Môi-se và Ê-li cùng Chúa Giê-xu trong sự vinh hiển Ngài! Lời đề nghị của Phi-e-rơ một lần nữa phản ánh cách suy nghĩ của con người chớ không phải sự khôn ngoan thiên thượng. Thật tuyệt biết bao khi ở lại trên đỉnh núi và chìm ngập trong sự vinh hiển Ngài! Nhưng việc làm môn đệ của Chúa có nghĩa là từ chối chính mình, vác cây thập tự, và theo Ngài và bạn không thể làm điều đó mà lại ở trên ngọn núi đầy vinh hiển cách vị kỷ được. Có những nhu cầu cần phải đáp ứng trong thung lũng bên dưới. Nếu chúng ta mong muốn san sẻ sự vinh hiển của Đấng Christ trên đỉnh núi, chúng ta phải sẵn sàng theo Ngài vào những nơi đau khổ của thung lũng bên dưới.

Đức Chúa Cha khiến Phi-e-rơ ngưng bật và tập trung sự chú ý của họ, không phải vào sự hiện thấy, mà vào Lời phán của Đức Chúa Trời: “Hãy nghe Người!” Ký ức về những khái tượng sẽ mờ nhạt đi, nhưng Lời bất biến của Ngài còn đến đời đời. Sự

hiện thấy đầy vinh hiển tự nó không phải là một cứu cánh đó là cách thức của Đức Chúa Trời để xác chứng Lời Ngài (IIPhi 1:12-21). Việc trở nên môn đệ không được xây dựng trên những khái tượng thu hút sự chú ý của mọi người nhưng trên Lời được linh cảm và bất biến của Đức Chúa Trời. Chúng ta cũng không đặt Môi-se, Ê-li, và Chúa Giê-xu ngang hàng với nhau, như Phi-e-rơ đã ngụ ý. Chỉ “một mình Chúa Giê-xu” – Lời phán của Ngài, ý muốn của Ngài, Nước của Ngài, và sự vinh hiển của Ngài mà thôi.

Ba người không được phép thuật lại cho chín môn đệ kia những gì họ đã thấy trên núi. Có lẽ điều này giúp làm gia tăng “sự tranh cãi” trong nhóm để xem ai là người lớn nhất! Chắc chắn lời giải thích của họ sau khi Ngài sống lại đã đem đến sự khích lệ lớn lao cho các tín đồ những người mà chính họ cũng sẽ kinh nghiệm sự chịu khổ và sự chết vì có Ngài.

(D) *Sự sửa đổi* (Mac 9:11-13). Các môn đệ giờ đây đã hiểu kế hoạch của Đức Chúa Trời tận tường hơn nhiều, nhưng họ vẫn còn bối rối về việc Ê-li phải đến để dọn đường cho đấng Mê-si-a. Họ biết những lời tiên tri trong Ma 3:1 và 4:5-6, và các giáo sư của họ mong đợi những lời tiên tri này được ứng nghiệm trước khi đấng Mê-si-a hiện đến (Gi 1:21). Phải chăng Ê-li đã đến rồi và họ đã không gặp được người, hay là người chưa đến? Có lẽ việc hiện ra của Ê-li trên núi là sự ứng nghiệm của lời tiên tri.

Chúa Giê-xu đã làm sáng tỏ hai sự kiện. Trước tiên, đối với những người đã tin nơi Ngài, thì “Ê-li” này là Giăng Báp-tít, vì Giăng đã thực sự dọn đường cho Ngài. Giăng đã từ chối không nhận rằng mình là Ê-li (Gi 1:21,25), nhưng người đã thực sự rao giảng trong “tâm thần và quyền phép của Ê-li” (Lu 1:16-17). Thứ hai, sẽ có một sự hiện đến trong tương lai của Ê-li, y như Ma-la-chi đã dự ngôn (Mat 17:11), trước thời gian của cơn bách hại lớn. Một số người nghiên cứu Kinh Thánh liên hệ điều này với Kh 11:2-12. Cả dân tộc đã không chấp nhận sự rao giảng của Giăng. Nếu họ đã tiếp đón Giăng, rất có thể người đã hầu việc như đấng tiên tri “Ê-li” Đức Chúa Trời sai đến và rất có thể họ đã tiếp đón Chúa Giê-xu. Thay vào đó, họ chối bỏ cả hai người và để cho cả hai phải chịu giết hại.

2. Quyền phép đến từ đức tin (Mac 9:14-29)

Đời sống Cơ Đốc nhân là “một xứ có núi và trũng” (Phu 11:11). Trong một ngày, các môn đệ có thể đi từ sự vinh hiển của thiên đàng đến những sự tấn công của địa ngục. Khi Chúa chúng ta và ba bạn của Ngài trở lại chỗ của chín môn đệ kia, họ thấy các môn đệ này đang bị lâm vào nan đề: họ không thể nào giải cứu một đứa bé trai khỏi bị quỷ ám, và các thầy thông giáo lại đang cãi lẽ với họ và có lẽ thậm chí đang nhạo báng họ vì có sự thất bại của họ. Như mọi khi, chính Chúa Giê-xu là Đấng can thiệp vào để giải quyết vấn đề.

Đứa trẻ vừa điếc lại vừa câm (Mac 9:17,25), và quỷ dữ đang cố gắng hết sức mình để hủy diệt nó. Hãy tưởng tượng người cha ấy sẽ như thế nào khi cố tìm cách chăm lo cho con trai mình và bảo vệ nó! Chúa Giê-xu đã ban cho các môn đệ Ngài thẩm quyền để đuổi quỷ (6:7,13), thế nhưng chức vụ của họ đối với đứa trẻ này không hiệu quả chút nào. Không có gì phải ngạc nhiên khi Chúa buồn lòng vì họ! Đã bao lần Ngài phải buồn lòng vì có chúng ta khi chúng ta thất bại trong việc sử dụng những nguồn tài nguyên thuộc linh Ngài đã ban cho dân sự Ngài cách đầy ân điển!

Vì có các môn đệ đã thất bại, người cha đầy tuyệt vọng thậm chí không tin chắc rằng Chúa Giê-xu có thể thành công vì thế ông đã thưa, “Nếu thầy có thể làm được việc gì” (9:22). Tuy nhiên, người cha đủ chân thành để thú nhận sự vô tín của chính mình và cầu xin Chúa cứu giúp ông và con trai ông. Chúa Giê-xu đã đuổi được quỷ dữ và trao trả đứa trẻ về cho cha nó.

Bài học chính của phép lạ này là năng lực của đức tin để thắng hơn kẻ thù (c.19,23-24, và xin xem Mat 17:20). Tại sao chín môn đệ đã thất bại? Bởi vì họ không thận trọng trong đời sống thuộc linh riêng của mình và đã sao lãng sự cầu nguyện và kiêng ăn (c.29). Thậm chí quyền mà Chúa Giê-xu đã ban cho họ chỉ hữu hiệu khi được thực thi bởi đức tin, nhưng đức tin phải được vun xới qua kỷ luật thuộc linh và sự cầu nguyện. Có thể là sự vắng mặt của Chúa, hoặc việc Ngài đem ba môn đệ thân tín theo và để họ lại phía sau, đã khiến tâm linh họ không còn hăng hái và đức tin họ giảm sút đi. Sự thất bại của họ không chỉ khiến họ bối rối, nhưng nó còn cướp đi sự vinh hiển của Chúa và tạo cơ hội để kẻ thù gièm chê nữa. Chính đức tin của chúng ta nơi Đức Chúa Trời sẽ tôn vinh Ngài (Ro 4:20).

3. Sự hầu việc dẫn đến sự tôn trọng (Mac 9:30-50)

Chúa Giê-xu vẫn đang dẫn đường các môn đệ đến Giê-ru-sa-lem, và trong lúc đi đường, Ngài nhắc nhở họ về những việc sẽ xảy ra cho Ngài tại đó. Hãy lưu ý là Ngài cũng nhắc nhở họ về sự phục sinh của Ngài, nhưng họ không thể hiểu được điều Ngài đang phán dạy (Mat 17:9). Họ “vô cùng lo buồn” (“đau lòng cách sâu xa” Mat 17:23, bản NASB).

Tuy vậy, họ không đủ đau lòng để gạt qua một bên sự tranh cãi riêng tư về việc ai là người lớn nhất! Sau khi họ nghe những gì Chúa Giê-xu đã phán về sự đau đớn và sự chết của chính Ngài, bạn sẽ cho rằng rất có thể họ đã quên đi những hoạch định vị kỷ của riêng mình và tập trung vào Ngài. Có lẽ sự kiện Phi-e-rơ, Gia-cơ, và Giăng được cùng lên trên núi với Chúa Giê-xu đã thêm dầu vào những ngọn lửa tranh cạnh trong lòng họ.

Để dạy cho họ (và cả chúng ta) một bài học về sự cao trọng, Chúa Giê-xu đặt một đứa trẻ trước mặt họ và giải thích rằng cách để được làm đầu là làm rốt hết, và cách để làm rốt hết là làm tôi tớ mọi người. Đứa trẻ không bị hư hỏng là một thí dụ về sự thuận phục và hạ mình. Một đứa trẻ biết nó là một đứa trẻ và xử sự như một đứa trẻ, và đó là bí quyết của nó để thu hút sự yêu thương và quan tâm nơi mọi người. Đứa trẻ nào cố gắng gây ấn tượng nơi chúng ta bằng cách hành động như một người trưởng thành sẽ không nhận được sự chú ý tương tự.

Sự khiêm nhường thật có nghĩa là biết chính mình, chấp nhận chính mình, trung thực với chính mình – con người tốt nhất của mình – và từ bỏ chính mình vì người khác. Triết lý của thế gian là bạn “vĩ đại” nếu những người khác đang làm việc cho bạn, nhưng sứ điệp của Đấng Christ là sự vĩ đại đến từ việc chúng ta phục vụ người khác. Vì hai từ “đứa trẻ” và “tôi tớ” giống nhau trong tiếng A-ram, thật dễ nhìn thấy tại sao Chúa Giê-xu liên hệ hai điều này với nhau. Nếu chúng ta có tấm lòng của một đứa trẻ, chúng ta sẽ ít gặp khó khăn khi làm tôi tớ và nếu chúng ta có thái độ của tôi tớ, chúng ta sẽ tiếp đón con trẻ như những người đại diện của Chúa Giê-xu Christ và của Đức Chúa Cha.

Tại điểm này, Giăng cảm thấy cần phải bênh vực cho các môn đệ (Mac 9:38-41) bằng cách chỉ ra sự nhiệt thành của họ. Hãy hình dung việc bảo một người thôi đuổi quỷ khi chín môn đệ đã không giải cứu được đứa trẻ bị điếc và câm khỏi quyền lực của Sa-tan! Việc sử dụng danh Chúa Giê-xu tương tự như việc hành động dưới thẩm quyền của Ngài, vì thế những người này không có quyền ngăn cản người này. “Nó đứng hay ngã, ấy là việc chủ nó” (Ro 14:4).

Mac 9:40 cần phải được so sánh với Mat 12:30, “Hễ ai không nghịch cùng Ta là thuộc về Ta.” Cả hai câu đều cho thấy không thể có thái độ trung lập trong mối quan hệ của chúng ta với Chúa Giê-xu Christ. Vì chúng ta không thể nào trung lập được, nên nếu chúng ta không đứng với Ngài, thì chắc hẳn chúng ta nghịch cùng Ngài còn nếu chúng ta không nghịch cùng Ngài, thì chắc hẳn chúng ta thuộc về Ngài. Người đuổi tà ma vô danh kia đang đem sự vinh hiển đến cho danh Ngài, vì vậy người đã phải đứng với Đấng Christ chớ không nghịch cùng Ngài được.

Nhưng không cần thiết phải thi hành những phép lạ lớn lao để chứng tỏ lòng yêu Chúa của chúng ta. Khi chúng ta âu yếm tiếp đón một đứa trẻ hoặc san sẻ một tách nước lạnh với lòng cảm thương, chúng ta đang chứng tỏ rằng mình có tấm lòng khiêm nhường của một tôi tớ. Xét cho cùng, chúng ta đang hầu việc Đấng Christ, và đó là sự hầu việc cao trọng nhất trong thế gian này (Mat 25:31-46).

Chúa Giê-xu đã không xem nhẹ câu nói của Giăng trên thực tế, Ngài tiếp tục giải thích mối nguy hiểm của việc gây cho người khác vấp phạm và bởi đó không hầu việc Chúa nữa (Mac 9:42-50). “Những đứa trẻ này” ám chỉ con cái Đức Chúa Trời là những người đi theo Đấng Christ và cố gắng hầu việc Ngài. Cách thức tín đồ đối xử với những người khác trong gia đình của Đức Chúa Trời là một điều hệ trọng, và Đức Chúa Trời mong muốn chúng ta “phải hòa thuận cùng nhau” (c.50). Các môn đệ không hòa thuận với nhau, và họ cũng không hòa thuận với các tín đồ khác nữa!

Sứ điệp nghiêm trọng về địa ngục này chứa đựng một lời cảnh cáo đối với tất cả chúng ta để xử lý tội lỗi cách triệt để. Bất cứ điều gì trong đời sống khiến chúng ta vấp ngã, và bởi đó gây cho những người khác vấp ngã, đều phải được cất bỏ đi như thể bằng cách phẫu thuật vậy. Tay, chân, và mắt được xem là những phần quý giá của thân thể, thế nhưng chúng phải được loại bỏ đi nếu chúng đang gây ra tội lỗi. Dĩ nhiên, Chúa không đang ra lệnh phải phẫu thuật về thể xác theo nghĩa đen, vì Ngài đã vạch rõ rằng tội lỗi do nơi tấm lòng (7:20-23). Điều Ngài đang phán dạy là tội lỗi đối với con người bề trong giống như một ung bướu nguy hiểm đối với thân thể, và nó phải được xử lý cách triệt để.

Một số người “bị sốc” khi nghe từ môi miệng Chúa Giê-xu những lời lẽ đáng sợ như thế về địa ngục (Es 66:24). Chúa Giê-xu tin vào một chốn gọi là địa ngục, một chốn đau khổ và hình phạt công bình đến đời đời (Lu 16:19tt). Sau khi một vị tuyên úy bảo với binh sĩ của mình rằng ông không tin vào địa ngục, một số người trong họ đề nghị là những buổi lễ của ông không còn cần đến nữa. Xét cho cùng, nếu không có địa ngục, thì tại sao lại lo lắng về cái chết? Nhưng nếu có một địa ngục, thì vị tuyên úy này đang dẫn họ đi lạc đường rồi! Hoặc thế nào đi chăng nữa, tốt hơn là họ ra đi mà chẳng cần đến ông ta!

Từ ngữ được dịch là “địa ngục” là gehenna. Nó xuất phát từ một câu Hy-bá-lai “trúng (ge) Hi-nôm” ám chỉ một thung lũng có thật bên ngoài Giê-ru-sa-lem nơi vị

vua A-cha gian ác thờ lạy Mô-lóc, vị thần lửa, và thậm chí thiêu con cái mình trong lửa (IISu 28:1-3 Gie 7:31 32:35).

Một số bản cổ sao không có Es 66:24 được trích dẫn trong Mac 9:44,46, nhưng câu này được trích dẫn trong câu 48, và một mình câu đó đã đủ. Địa ngục không phải tạm thời nó còn đời đời (Kh 20:10). Tội nhân cần thiết phải tin nhận Chúa Giê-xu Christ và được cứu khỏi địa ngục đời đời biết đường nào, và đối với tội nhân việc đem sứ điệp cứu rỗi này đến với một thế giới hư mất thật quan trọng biết bao!

Một người nào đó có thể lập luận, “Nhưng đó chẳng phải là một sự hy sinh quá lớn lao đòi hỏi nơi chúng ta sao? Xử lý cách triệt để đối với tội lỗi sẽ khiến chúng ta phải trả giá quá nhiều!” Trong Mac 9:49-50, Chúa Giê-xu đã dùng ý niệm về “của lễ sống” để minh họa quan điểm của Ngài (Ro 12:1-2). Của lễ được dâng lên bàn thờ và được thiêu hóa bằng lửa. Bạn thích chịu đựng lửa địa ngục như một tội nhân hư mất hay lửa tinh luyện của Đức Chúa Trời như một của lễ dâng lên vì có sự vinh hiển của Ngài? Xin hãy nhớ, Sa-tan hứa ban cho bạn sự vinh hiển ngay bây giờ, nhưng sự đau đớn sẽ đến sau đó. Chúa Giê-xu kêu gọi bạn đến sự đau đớn hiện giờ, và rồi chúng ta sẽ vui hưởng sự hiển vinh.

Người Do Thái không được phép dùng men hoặc mật trên của lễ của họ, nhưng họ được đòi hỏi phải dùng muối (Le 2:11,13). Muối nói đến sự tinh khiết và bảo tồn. Nó được dùng trong thời Cựu Ước trong việc thiết lập các giao ước. Các môn đệ là muối của Đức Chúa Trời (Mat 5:13), nhưng họ đang rơi vào hiểm họa mất vị mặn của mình và trở nên vô giá trị. Muối của chúng ta ngày nay được tinh chế và không mất vị mặn của nó nhưng muối của thời đó chứa những chất bẩn và có thể mất vị mặn. Một khi bạn đã đánh mất đặc tính Cơ Đốc nhân quý giá ấy, làm thế nào bạn có thể phục hồi lại được?

Thay vì quả trách những người khác, lẽ ra các môn đệ nên xét lại tấm lòng của chính mình! Thật dễ đánh mất “vị mặn” của chúng ta và trở nên vô dụng đối với Đức Chúa Trời. Cơ Đốc nhân sẽ từng trải ngọn lửa thử thách và bắt bớ (IPhi 1:6-7 4:12) và họ cần đứng chung với nhau, dù cho ai là người lớn nhất đi nữa! Tinh thần dẫn thân và đặc tính là những điều cần yếu, nếu chúng ta muốn tôn vinh Ngài và hòa thuận với nhau.

Ba bài học Chúa Giê-xu đã phán dạy trong phân đoạn này thật căn bản đối với đời sống Cơ Đốc nhân ngày nay. Nếu chúng ta đầu phục Ngài, thì sự chịu khổ sẽ đưa đến sự vinh hiển, đức tin sẽ phát sinh năng quyền, và sự hầu việc đầy hy sinh của chúng ta sẽ dẫn đến sự tôn trọng. Bất chấp sự nóng nảy và đôi lúc phạm lỗi lầm, Phi-e-rơ đã hiểu được sứ điệp này và đã viết: “Đức Chúa Trời ban mọi ơn đã gọi anh em đến sự vinh hiển đời đời của Ngài trong Đấng Christ, thì sau khi anh em tạm chịu khổ, chính Ngài sẽ làm cho anh em trọn vẹn, vững vàng và thêm sức cho. Nguyên xin quyền năng về nơi Ngài, đời đời vô cùng” (IPhi 5:10).

8. NHỮNG ĐIỀU NGHỊCH LÝ TRONG SỰ DẠY DỠ CỦA NGƯỜI TÔI TỚ (Mac 10:1-52)

Là một Giáo sư đại tài, Chúa chúng ta dùng nhiều phương pháp khác nhau để chia sẻ Lời Đức Chúa Trời: các biểu tượng, các phép lạ, các kiểu mẫu, các ẩn dụ, câu châm ngôn, và những điều nghịch lý. Một sự nghịch lý là một câu nói dường như mâu thuẫn với chính nó nhưng lại diễn tả một lẽ thật hoặc nguyên lý hợp lô-gíc. “Khi tôi yếu đuối,

ấy là lúc tôi mạnh mẽ” là một điều nghịch lý (IICo 12:10 xin cũng xem IICo 6:8-10). Có nhiều khi cách tốt nhất để nêu lên một chân lý là dùng sự nghịch lý và chương này mô tả Chúa chúng ta đang làm y như vậy. Ngài đã có thể giảng những bài thật dài nhưng thay vào đó, Ngài lại dạy chúng ta năm bài học quan trọng có thể được diễn tả trong năm câu nói ngắn gọn xúc tích, có tính cách nghịch lý.

1. Hai sẽ trở nên một (Mac 10:1-12)

Chúa Giê-xu hoàn tất chức vụ của Ngài tại Ga-li-lê, rời khỏi Ca-bê-na-um, và đến địa phận bên kia sông Giô-đanh, vẫn còn đang trên đường đến thành Giê-ru-sa-lem (c.32). Vùng này do Hê-rốt An-ti-ba cai quản, điều này có thể giải thích vì sao những người Pha-ri-si đã cố gài bẫy Ngài bằng cách nêu một câu hỏi về việc ly dị. Xét cho cùng, Giảng Báp-tít đã bị giết hại vì ông rao giảng chống lại cuộc hôn nhân tội lỗi của Hê-rốt (Mac 6:14-29).

Nhưng câu hỏi mưu mẹo của họ không chỉ liên quan tới chính trị, vì việc ly dị là một đề tài gây ra sự tranh luận rất lớn giữa vòng những ra bi Do Thái. Dù Chúa Giê-xu trả lời ra sao đi nữa, chắc hẳn Ngài đã làm một số người phật ý, và điều này có thể tạo nên cơ hội để bắt giữ Ngài. Những động từ cho thấy là những người Pha-ri-si “cứ tiếp tục hỏi Ngài,” như thể họ hy vọng khiêu khích Ngài nói một điều gì đó có tính cách buộc tội.

Vào thời đó có hai quan điểm xung đột nhau về việc ly dị, và bạn tán thành quan điểm nào tùy thuộc vào cách bạn diễn giải cụm từ một sự ô uế nào đó trong Phu 24:1-4. Những môn đệ của Ra bi Hillel hoàn toàn phóng khoáng trong cách diễn giải của họ và cho phép một người nam ly dị vợ mình vì bất cứ lý do gì, kể cả việc làm khét thức ăn. Nhưng trường phái của Ra bi Shimmai thì nghiêm khắc hơn nhiều và dạy rằng những từ một sự ô uế nào đó chỉ nhằm nói đến tội lỗi diễn ra trước khi kết hôn. Nếu một người chồng mới lấy vợ khám phá rằng vợ mình không còn đồng trinh, thì người ấy có thể ly dị nàng.

Như vẫn thường làm, Chúa Giê-xu không quan tâm đến những cuộc tranh luận đang diễn ra và tập trung sự chú ý vào Lời Đức Chúa Trời, trong trường hợp này, là Luật pháp của Môi-se trong Phu 24:1-4. Khi nghiên cứu phân đoạn này, điều quan trọng là cần lưu ý hai sự kiện. Trước tiên, chính người nam ly dị vợ, chứ không phải người vợ ly dị chồng vì phụ nữ không có quyền này tại xứ Y-sơ-ra-ên. (Phụ nữ La Mã thì có quyền ly dị.) Thứ nhì, “tờ giấy ly dị” chính thức được trao cho người vợ để công bố thân phận của nàng và để đảm bảo với bất cứ người chồng tương lai nào rằng nàng thực sự được tự do để tái hôn. Ngoài việc cho nàng tờ giấy ly dị này, yêu cầu duy nhất khác là nàng không được trở về với người chồng ban đầu nếu người chồng thứ nhì lại ly dị nàng. Giữa vòng những người Do Thái, vấn đề không phải là, “Một người vợ đã bị ly dị có thể kết hôn một lần nữa không?” bởi vì việc tái hôn được cho phép và thậm chí được mong đợi như vậy. Vấn đề lớn là, “Những lý do hợp pháp để một người nam ly dị vợ là gì?”

Luật pháp Môi-se không cho tội ngoại tình là lý do để ly dị vì tại Y-sơ-ra-ên, những người nam và người nữ phạm tội ngoại tình đều bị ném đá cho đến chết (Phu 22:22 Le 20:10 Gi 8:1-11). Bất kỳ điều gì Môi-se muốn nói đến qua câu “một sự ô uế nào đó” trong Phu 24:1 điều đó không thể nào là tội ngoại tình được.

Chúa Giê-xu giải thích rằng Môi-se đã ban luật định về sự ly dị vì có tình trạng tội lỗi của tấm lòng con người. Luật pháp bảo vệ người vợ bằng cách ngăn trở người chồng không được hấp tấp ly dị nàng và ngược đãi nàng như một món đồ đạc trong nhà không được ưa chuộng, thay vì đối xử với nàng như một con người. Không có tờ giấy ly dị, một phụ nữ có thể dễ dàng trở nên một người bị xã hội ruồng bỏ và bị đối xử như một kỹ nữ. Không người nam nào mong muốn cưới nàng, và nàng sẽ bị bỏ rơi không ai bảo vệ và phải chịu nghèo túng cơ cực.

Bằng cách ban bố điều răn này cho Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa Trời không đang tán đồng việc ly dị hay thậm chí đang cố vũ việc đó. Đúng hơn, Ngài đang tìm cách ngăn trở nó và khiến cho những người nam phải gặp khó khăn hơn khi đuổi vợ mình đi. Ngài đặt ra những quy luật thích đáng xoay quanh việc ly dị hầu cho những người vợ sẽ không trở thành nạn nhân của những ý thích bốc đồng nơi những người chồng.

Kể đó Chúa đem họ trở về xa hơn thời Môi-se đến phần kỹ thuật của Sự Sáng tạo đầu tiên (Sa 1:27 2:21-25). Xét cho cùng, buổi ban đầu, chính Đức Chúa Trời đã thiết lập hôn nhân và Ngài có quyền đặt ra các luật lệ. Theo Thánh Kinh, hôn nhân là giữa một người nam và một người nữ, chứ không phải hai người nam hoặc hai người nữ và mối quan hệ trong hôn nhân là thánh khiết và bền chặt. Đó là sự hiệp một thân thiết nhất trong dòng dõi loài người, vì hai người trở nên một thịt. Điều này không đúng đối với một người cha và con trai hoặc một người mẹ và con gái, nhưng đúng đối với một người nam và vợ mình.

Trong khi yếu tố thuộc linh có tầm quan trọng sống còn trong hôn nhân, điều nhấn mạnh ở đây là hôn nhân là một sự hiệp nhất về thể xác: hai người trở nên một thịt, chứ không phải một tâm linh. Vì hôn nhân là một sự hiệp nhất về thể xác, nên chỉ có nguyên nhân thuộc thể mới có thể phá vỡ nó được – hoặc là sự chết (Ro 7:1-3) hoặc là sự gian dâm (Mat 5:32 19:9). Mác không kể đến “điều khoản ngoại lệ” tìm thấy trong Ma-thi-ơ, nhưng ông cũng không nói rằng sự chết phá vỡ sự hiệp nhất trong hôn nhân.

Một cách riêng tư, Chúa đã giải thích vấn đề rõ hơn cho các môn đệ Ngài đang thắc mắc, những người mà đến lúc này đã tin chắc rằng lập gia đình là một việc nguy hiểm. Tái hôn sau khi ly dị, trừ ra vì lý do tà dâm, sẽ khiến người ấy thành ra phạm tội ngoại tình, và đây là một việc nghiêm trọng. Hãy lưu ý là Chúa Giê-xu bao gồm cả những người nữ trong lời cảnh cáo của Ngài, điều này chắc chắn nâng cao địa vị của họ trong xã hội và đem lại cho họ sự bình đẳng về trách nhiệm với nam giới. Các ra bi rất có thể đã không tiến xa đến như vậy.

Mac 10:9 cảnh cáo chúng ta rằng loài người không thể nào phân rẽ những kẻ đã được kết hợp trong hôn nhân, nhưng Đức Chúa Trời thì có thể. Vì Ngài đã thiết lập hôn nhân, nên Ngài có quyền đặt ra các luật lệ. Một cuộc ly dị có thể hợp pháp dựa theo các luật lệ của chúng ta nhưng vẫn không phải lẽ trong cái nhìn của Đức Chúa Trời. Ngài mong đợi những người đã kết hôn thực hành tinh thần dẫn thân đối với nhau (c.7) và chân thật đối với nhau. Quá nhiều người xem ly dị như “một phương cách dễ dàng để giải quyết vấn đề,” và không xem trọng những lời họ đã thề hứa với nhau và với Chúa.

2. Những người trưởng thành sẽ giống như con trẻ (Mac 10:13-16)

Trước tiên là hôn nhân, kế tiếp là con cái sự nối tiếp thật hợp lý. Không giống như nhiều “người hiện đại” ngày nay, những người Do Thái vào thời đó xem con cái như một phước hạnh chứ không phải một gánh nặng, một báu vật từ Đức Chúa Trời chứ không phải một của nợ (Thi 127:1-128:6). Việc son sẻ đem đến cho hai vợ chồng sự buồn rầu và nhục nhã.

Các bậc cha mẹ có tục lệ đem con cái mình đến cho các ra bi để được chúc phúc, và vì vậy thật hợp lý khi họ đem các con trẻ đến cùng Chúa Giê-xu. Một số còn bồng ẵm trên tay (Lu 18:15), trong khi một số khác đã biết đi và Ngài tiếp đón tất cả những con trẻ này.

Tại sao các môn đệ quở trách dân chúng và cố giữ không cho con trẻ đến gần Chúa Giê-xu? (Mat 15:23 Mac 6:36 để có thêm những thí dụ khác về việc tỏ ra cứng lòng của các môn đệ.) Có lẽ họ cho rằng họ đang làm ơn cho Ngài bằng cách giúp Ngài không phải phí phạm thời giờ và sức lực. Nói cách khác, họ không xem con trẻ là quan trọng! Thái độ của họ thật đáng ngạc nhiên, vì Chúa Giê-xu đã dạy họ phải tiếp đón các con trẻ trong danh Ngài và cẩn thận không được gây cho bất cứ ai trong bọn chúng vấp ngã (Mac 9:36tt). Một lần nữa, họ quên đi những gì Ngài đã dạy dỗ họ.

Cụm từ rất không hài lòng (giận) là quá nhẹ. Chúa chúng ta thật sự nổi giận khi Ngài công khai quở các môn đệ của mình vì đã ngăn trở Ngài. Kế đó Ngài tuyên bố rằng con trẻ là những ví dụ về Nước thiên đàng tốt đẹp hơn là những người trưởng thành. Chúng ta bảo con trẻ hãy xử sự như những người trưởng thành, nhưng Chúa Giê-xu bảo những kẻ trưởng thành hãy bắt chước theo con trẻ!

Con trẻ là một mẫu mực theo những cách thức nào? Trong sự phụ thuộc vào những người khác cách khiêm nhường, tính dễ tiếp thu, sự chấp nhận chính mình và địa vị của chúng trong cuộc sống. Dĩ nhiên, Chúa Giê-xu đang phán về một đứa trẻ không hư hỏng, chứ không phải một đứa trẻ đang cố gắng hành động như một người lớn. Một đứa trẻ thích thú nhiều điều nhưng chỉ có thể giải thích rất ít. Con trẻ sống bằng đức tin. Bởi đức tin chúng chấp nhận số phận của mình, tin cậy người khác sẽ chăm sóc chúng và giúp đỡ chúng.

Chúng ta bước vào Nước của Đức Chúa Trời bởi đức tin, giống như các con trẻ: bất lực, không thể nào tự cứu lấy mình, hoàn toàn nhờ cậy vào sự thương xót và ân điển của Đức Chúa Trời. Chúng ta hưởng được Nước Đức Chúa Trời bởi đức tin, tin rằng Đức Chúa Cha yêu thương chúng ta và sẽ chăm lo cho những nhu cầu hàng ngày của chúng ta. Một đứa trẻ làm gì khi nó bị thương tích hoặc gặp một vấn đề gì? Nó kể ngay cho Cha và Mẹ mình! Thật là một tấm gương cho chúng ta noi theo trong mối tương quan giữa chúng ta với Cha Thiên thượng của mình! Vâng, Đức Chúa Trời muốn chúng ta trở nên như con trẻ, chứ không phải trẻ con!

Ở đây không hề có gợi ý là Chúa Giê-xu làm phép báp-tem cho những con trẻ này, vì thậm chí Chúa Giê-xu cũng chẳng làm phép báp-tem cho người nào (Gi 4:1-2). Nếu các môn đệ đã từng quen với việc làm phép báp-tem cho trẻ con, thì chắc hẳn họ sẽ không đuổi đoàn dân đông đi. Chúa Giê-xu đã bồng những con trẻ quý báu này trong vòng tay yêu thương của Ngài và chúc phúc cho chúng – và đó chắc hẳn là một phước hạnh lớn biết bao!

3. Những kẻ đầu sẽ trở nên rốt (Mac 10:17-31)

Trong số tất cả những người đã từng đến dưới chân Chúa Giê-xu, đây là người duy nhất bỏ đi với tình trạng tồi tệ hơn khi mới đến. Vậy mà người này đã có quá nhiều đặc ân! Đó là một chàng trai trẻ (Mat 19:22) rất đời giàu có. Chàng được những người khác tôn trọng, vì giữ một chức quan nào đó, có lẽ tại một tòa án địa phương (Lu 18:18). Chắc hẳn chàng có tư cách và đạo đức, và trong lòng chàng khát khao những điều thuộc linh khiến chàng phải chạy đến với Chúa Giê-xu và quỳ dưới chân Ngài. Về mọi mặt, đây là một chàng trai lý tưởng và khi Chúa Giê-xu nhìn thấy chàng thì yêu mến.

Với tất cả những phẩm chất tốt đẹp của mình, chàng trai trẻ này lại rất nông cạn trong cái nhìn của mình về những điều thuộc linh. Chắc hẳn chàng đã có một quan điểm cạn kiệt về sự cứu rỗi, vì chàng cho rằng mình có thể làm một điều gì đó để có được hoặc xứng đáng hưởng sự sống đời đời. Đây là một niềm tin phổ biến vào thời đó giữa vòng những người Do Thái (Gi 6:28), và cũng rất phổ biến ngày nay. Hầu hết những người chưa được cứu nghĩ rằng Đức Chúa Trời một ngày kia sẽ cộng các việc lành và các việc xấu của họ lại và nếu các việc lành của họ nhiều hơn các việc xấu, họ sẽ được vào thiên đàng.

Bên cạnh phương pháp dùng các việc lành để đạt đến sự cứu rỗi này là một quan điểm nông cạn về tội lỗi, về con người, về Kinh Thánh, về Chúa Giê-xu Christ, và về sự cứu rỗi. Tội lỗi là sự phản loạn chống nghịch lại một Đức Chúa Trời thánh khiết. Đó không chỉ là một hành động đó là một thái độ bên trong tôn cao con người và coi thường Đức Chúa Trời. Phải chăng chàng trai trẻ này thực sự nghĩ rằng mình có thể làm một vài việc lành về tôn giáo và tính số mình với một Đức Chúa Trời thánh khiết?

Chàng trai trẻ này có một cái nhìn nông cạn về Chúa Giê-xu Christ. Chàng gọi Ngài là “Thầy nhân lành,” nhưng chúng ta có ấn tượng rằng chàng đang cố gắng dâng bực Chúa vì các ra bi Do Thái không cho phép áp dụng từ nhân lành với họ. Chỉ có Đức Chúa Trời là nhân lành, và từ này phải được dành riêng cho một mình Ngài thôi. Chúa Giê-xu không phủ nhận Ngài là Đức Chúa Trời đúng hơn, Ngài đang khẳng định điều đó. Ngài chỉ muốn chắc chắn rằng chàng trai này thực sự biết điều mình đang nói và sẵn sàng chấp nhận những trách nhiệm liên quan tới.

Điều này giải thích vì sao Chúa Giê-xu hướng sự chú ý của chàng trai này vào Luật pháp của Môi-se: Ngài muốn chàng nhìn thấy chính mình là một tội nhân quỳ trước một Đức Chúa Trời thánh khiết. Chúng ta không thể được cứu khỏi tội lỗi bởi việc giữ Luật pháp (Eph 2:8-10 Ga 2:16-21). Luật pháp là một tấm gương soi cho chúng ta thấy mình ô nhơ thế nào, nhưng tấm gương không thể nào rửa sạch chúng ta được. Một mục đích của Luật pháp là đem tội nhân đến với Đấng Christ (Ga 3:24), giống như trong trường hợp của chàng trai này. Luật pháp có thể đem tội nhân đến với Đấng Christ, nhưng Luật pháp không thể nào làm cho tội nhân được giống Đấng Christ cả. Chỉ ân điển mới có thể làm điều đó mà thôi.

Vị quan trẻ không nhìn thấy chính mình là một tội nhân bị kết án trước mặt Đức Chúa Trời thánh khiết. Chàng có một cái nhìn cạn kiệt về Luật pháp của Đức Chúa Trời, vì chàng đo lường sự vâng lời chỉ bởi những việc làm bên ngoài chứ không bởi những thái độ bên trong. Đối với những việc làm của chàng, chàng không chỗ trách được (Phi 3:6) nhưng thái độ bên trong của chàng không phải là không đáng chê trách, vì chàng trai này tham lam. Chàng có thể đã giữ một số Điều răn, nhưng lại vấp phải Điều răn sau cùng: “Người chớ tham lam!” Tham lam là một tội lỗi đáng sợ nó tinh

tế và khó nhận ra, thế nhưng nó có thể khiến cho một người phá vỡ tất cả những điều răn khác. “Vì sự tham tiền bạc là cội rễ của mọi điều ác” (ITi 6:10).

Nhìn vào chàng trai trẻ này, bạn sẽ kết luận rằng chàng ta có đủ mọi thứ, nhưng Chúa Giê-xu phán rằng chàng đang thiếu một điều: một đức tin sống động nơi Đức Chúa Trời. Tiền bạc là thần của chàng chàng tin cậy nó, tôn thờ nó, và nhờ nó mà có được mọi sự. Đạo đức và tư cách tốt đẹp của chàng chỉ che đậy một tấm lòng tham lam mà thôi.

Những lời chỉ dẫn của Chúa chúng ta trong Mac 10:21 không nhằm áp dụng cho mọi người mong muốn trở nên môn đệ Ngài, vì Chúa Giê-xu đang nói đến những nhu cầu cá biệt của vị quan trẻ giàu có này. Chàng ta giàu có, vì thế Chúa Giê-xu phán bảo chàng bán hết tài sản mình và ban phát cho kẻ nghèo khó. Chàng là một quan chức, vì thế Chúa Giê-xu bảo chàng phải vác cây thập tự và theo Ngài, và đó là một từng trải của sự hạ mình. Chúa Giê-xu hứa ban cho chàng món quà của sự sống đời đời, nhưng chàng gạt bỏ sự ban tặng ấy. Thật khó mà nhận lãnh một món quà khi tay bạn luôn bị buộc chặt quanh tiền bạc và những gì tiền bạc có thể mua được. Từ Hy Lạp được dịch là “rầu rĩ, buồn bã” nói lên hình ảnh của những đám mây đen vần vũ. Chàng trai bước ra khỏi ánh mặt trời và đi vào một cơn bão táp! Chàng muốn được hưởng sự cứu rỗi theo những giới hạn mình đặt ra, và cuối cùng đầy thất vọng.

Các môn đệ lấy làm đau buồn trước lời tuyên bố của Chúa về của cải, vì hầu hết người Do Thái đều cho rằng việc có nhiều của cải là chứng cứ về sự chúc phước đặc biệt của Đức Chúa Trời. Nhiều người ngày nay vẫn còn giữ mãi sai lầm này, bất chấp sự điệp của sách Gióp, gương mẫu của Đấng Christ, và các sứ đồ, và lời dạy dỗ rõ ràng của Tân Ước. Trong trường hợp của chàng trai trẻ này, của cải chàng có đã cướp mất khỏi người phước hạnh lớn lao nhất của Đức Chúa Trời, đó là sự sống đời đời. Ngày nay, của cải tiếp tục làm cho nhiều người giàu trở nên nghèo và những kẻ đầu trở nên rốt (ICo 1:26-31).

Tiền bạc là một tội tứ tuyệt diệu nhưng là một ông chủ đáng kinh khiếp. Nếu bạn có tiền bạc, hãy biết ơn Chúa và sử dụng nó cho sự vinh hiển của Đức Chúa Trời nhưng nếu tiền bạc làm chủ bạn, hãy cẩn thận! Thật tốt khi có những thứ mà tiền bạc có thể mua được, miễn là bạn đừng đánh mất những gì tiền bạc không thể nào mua được. Sự lừa dối của của cải đã làm cho mảnh đất lòng của chàng trai trẻ này quá nghệt ngời đến độ chàng không thể nhận lãnh hạt giống tốt của Lời Đức Chúa Trời để được cứu rỗi (Mat 13:22). Một ngày kia chàng sẽ thu hoạch một mùa gặt cay đắng biết bao!

Tuy nhiên, phản ứng của Phi-e-rơ cho thấy là trong chính tấm lòng của ông có một vài vấn đề chưa được sáng tỏ. “Vậy thì chúng tôi sẽ được chi?” (Mat 19:27). Câu nói này bộc lộ một quan điểm thương mại về đời sống Cơ Đốc nhân: “Chúng tôi đã từ bỏ mọi sự vì có Chúa giờ đây, chúng tôi sẽ nhận được gì để bù đắp lại?” Hãy đối chiếu những lời của Phi-e-rơ với những câu nói của ba bạn Hê-bơ-rơ trong Da 3:16-18, và với lời chứng sau đó của Phi-e-rơ trong Cong 3:6. Chắc hẳn ông đã trải qua một quá trình dài từ chỗ “Tôi sẽ nhận được gì?” đến “Những gì tôi có, tôi sẽ ban cho!”

Chúa Giê-xu xác quyết với các môn đệ Ngài rằng không người nào đi theo Ngài sẽ phải mất những gì thực sự quan trọng, hoặc trong đời này hoặc trong đời hầu đến. Đức Chúa Trời sẽ ban thưởng cho mỗi người. Tuy nhiên, chúng ta phải biết rõ động cơ của mình là đúng đắn: Vì có Ta và vì có Phúc Âm” (Mac 8:35). R.J. LeTourneau,

nhà tư bản công nghiệp Cơ Đốc nổi tiếng của thế kỷ trước đã từng nói, “Nếu bạn ban cho vì điều đó có lợi, thì nó sẽ chẳng mang lại lợi lộc đâu!” Nếu chúng ta hy sinh chỉ để nhận lãnh một sự ban thưởng, phần thưởng ấy sẽ chẳng bao giờ đến cả.

Hãy lưu ý là Chúa Giê-xu cũng hứa “những sự bắt bớ” nữa. Ngài đã bảo trước với các môn đệ những việc cả người Do Thái lẫn các dân ngoại sẽ làm cho Ngài tại Giê-ru-sa-lem, và giờ đây Ngài cho họ biết rằng họ sẽ có phần trong sự bắt bớ. Đức Chúa Trời làm cho các phước hạnh cân xứng với những chiến trận, qua đó giúp những con trai và con gái của Ngài được trở nên trưởng thành hơn.

Đối với công chúng, vị quan giàu có đứng đầu và các môn đệ nghèo khó đứng cuối. Nhưng Đức Chúa Trời nhìn mọi việc từ viễn cảnh của cõi đời đời – và những kẻ đầu trở nên rốt trong khi những kẻ rốt lại trở nên đầu! Những ai tự cho mình là đầu sẽ là rốt trước mắt Đức Chúa Trời, nhưng những ai tự cho mình là rốt sẽ được ban thưởng như là đầu! Thật khịch lệ biết bao cho các môn đệ chân thật vậy!

4. Đầy tớ sẽ là kẻ cai trị (Mac 10:32-45)

Họ vẫn đang hướng đến Giê-ru-sa-lem, và Chúa Giê-xu vẫn đang dẫn đường họ. Khi Mác tường thuật lại cuộc hành trình của Cứu Chúa đến đồi Gô-gô-tha, chắc hẳn ông đã suy gẫm nhiều về “Những Bài ca của Người Đầy Tớ” trong Es 42:1-53:12. Và, “Vì Chúa Giê-hô-va sẽ giúp ta, nên ta chẳng bị mắc cỡ: vậy ta làm cho mặt ta cứng như đá, vì biết mình sẽ chẳng có điều chi xấu hổ” (Es 50:7). Chúng ta không thể không thán phục lòng can đảm của Tôi Tớ Đức Chúa Trời khi Ngài tiến bước lên đồi Gô-gô-tha, và chúng ta càng phải yêu quý Ngài hơn biết bao vì Ngài đã làm điều đó vì có chúng ta.

Chúng ta phải cố gắng để hiểu sự bối rối và khiếp sợ của những kẻ theo Ngài, vì đây là một từng trải khó khăn đối với họ chớ không phải là những điều họ đã hoạch định hay trông mong chút nào. Mỗi một lời tuyên bố mới về sự chết của Ngài chỉ làm tăng thêm sự bối rối của họ. Trong hai lời tuyên bố đầu tiên (Mac 8:31 9:31), Chúa Giê-xu đã cho họ biết trước những điều sẽ xảy ra nhưng hiện nay Ngài cho họ biết nỗi khổ hình của Ngài sẽ diễn ra nơi đâu – trong thành thánh Giê-ru-sa-lem! Trong lời tuyên bố thứ ba này, Ngài cũng nói đến phần mà các dân ngoại sẽ dự vào trong sự thương khó và sự chết của Ngài, và lần thứ tư, Ngài hứa rằng Ngài sẽ sống lại (xin lưu ý 9:9). Ngài đã báo cho các môn đệ biết chân lý, nhưng họ không thể nào hiểu nổi điều đó.

Trong ánh sáng của lời Chúa tuyên bố về sự chết của Ngài, chúng ta ngỡ ngàng và xấu hổ khi đọc đến việc Gia-cơ và Giăng cầu xin được ngồi bên hữu và bên tả Ngài. Làm thế nào họ và mẹ của họ (Mat 20:20-21) lại có thể nhẫn tâm và ích kỷ đến như vậy? Phi-e-rơ đã đáp lại lời tuyên bố đầu tiên của Ngài bằng cách tranh cãi với Ngài sau lời tuyên bố thứ hai, các môn đệ đáp lại bằng cách tranh luận giữa vòng họ về việc ai là lớn nhất (Mac 9:30-34). Những người này dường như mù lòa trước ý nghĩa của thập tự giá.

Thực ra, Sa-lô-mê và hai con trai bà đang đòi những lời hứa Chúa Giê-xu đã truyền phán là, trong nước tương lai, các môn đệ sẽ ngồi trên mười hai ngôi với Cứu Chúa Giê-xu. (Xin xem Mat 19:28. Vì Mác đang viết đặc biệt cho các dân Ngoại, ông không kể đến lời hứa này.)

Về phần họ cần phải có một lượng đức tin lớn để đòi hỏi lời hứa này, đặc biệt vì Chúa Giê-xu vừa mới nhắc nhở họ về sự chết sắp xảy đến cho Ngài. Cả ba người đều

thuận ý với nhau (Mat 18:19), và họ có Lời phán của Ngài để khích lệ họ, vì thế không có lý do gì Chúa Giê-xu lại không ban cho họ điều họ cầu xin.

Ngoại trừ một việc: họ đang cầu xin cách vị kỷ, và Đức Chúa Trời không đáp lại những lời cầu nguyện vị kỷ (Gia 4:2-3). Nếu Ngài đáp lời, thì đó chỉ Ngài có thể kỷ luật chúng ta và dạy chúng ta cách thức cầu xin trong ý muốn Ngài (Thi 106:15 I Gi 5:14-15). Gia-cơ, Giăng, và Sa-lô-mê đã không nhận ra rằng phải trả một giá nào đó để nhận được sự đáp lời cầu xin. Để ban cho họ điều họ cầu xin, Chúa Giê-xu phải chịu khổ và chịu chết. Tại sao Ngài lại phải trả một giá lớn lao như thế chỉ để họ có thể hưởng được sự ngồi trên ngôi mà chẳng trả giá gì? Đó có phải là cách để tôn vinh Đức Chúa Trời chăng?

Chúa Giê-xu so sánh việc Ngài sắp chịu khổ và chịu chết với việc uống một chén đắng (Mac 14:32-36) và việc từng trải một phép báp-tem (Lu 12:50 Thi 41:7 69:2,15). Đó sẽ là một từng trải đau thương – thế mà Gia-cơ và Giăng lại nói họ sẽ có thể cùng nếm trải điều đó với Chúa Giê-xu! Họ ý thức rất ít những gì mình đang nói, vì vào những năm sau đó họ sẽ thực sự dự phần trong phép báp-tem và trong chén đắng ấy. Gia-cơ sẽ là người đầu tiên trong số các môn đệ bị tuận đạo (Cong 12:1-2), và Giăng sẽ từng trải sự bách hại lớn lao.

Vì lời cầu xin của họ được thúc đẩy bởi sự khôn ngoan thuộc về đất, chớ không phải sự khôn ngoan từ trời, Gia-cơ và Giăng đã khơi dậy lòng căm tức của các môn đệ khác và đem đến tình trạng bất hòa chia rẽ cho cả nhóm (Gia 3:13-4:1). Chắc hẳn hai người không vui vì họ đã không nghĩ đến việc cầu xin cho được làm đầu! Một lần nữa, Chúa Giê-xu cố gắng dạy dỗ họ việc trở nên một “người quan trọng” trong Nước Đức Chúa Trời có nghĩa gì (Mac 9:33-37).

Giống như nhiều người ngày nay, các môn đệ đang phạm sai lầm của việc học theo những tấm gương sai trật. Thay vì học theo gương Chúa Giê-xu, họ lại đang ao ước sự vinh quang và uy quyền của những bậc cầm quyền La Mã, là những người yêu thích địa vị và quyền hành. Trong khi không có gì sai trật với việc mong mỏi sự vĩ đại, chúng ta phải thận trọng cách chúng ta định nghĩa “sự vĩ đại” như thế nào và tại sao chúng ta lại muốn có được nó. Chúa Giê-xu phán, “Hễ ai muốn làm lớn trong các người, thì sẽ làm đầy tớ còn ai trong các người muốn làm đầu, thì sẽ làm tôi mọi người” (Mac 10:43-44).

Mẫu mực của Đức Chúa Trời trong Thánh Kinh là một người trước hết phải là một đầy tớ trước khi Đức Chúa Trời cất nhắc người ấy lên thành một người cai trị. Điều này đúng với Giô-sép, Môi-se, Giô-suê, Đa-vít, Ti-mô-thê, và cả đến Chính mình Chúa chúng ta nữa (Phi 2:1-11). Nếu chúng ta không biết vâng theo các mệnh lệnh như thế nào, thì chúng ta không có quyền ra lệnh. Trước khi một người hành sử thẩm quyền, người ấy phải biết việc vâng phục thẩm quyền có ý nghĩa ra sao. Nếu Chúa Giê-xu Christ đã theo mẫu mực này trong việc hoàn tất công tác cứu chuộc vĩ đại, thì chắc chắn không có khuôn mẫu nào khác để chúng ta noi theo cả.

5. Những kẻ nghèo trở nên giàu (Mac 10:46-52)

Một đoàn dân đông trên đường đi dự lễ Vượt Qua theo Chúa Giê-xu và các môn đệ Ngài đến thành Giê-ri-cô, cách Giê-ru-sa-lem chừng mười tám dặm. Thực ra có hai thành tên Giê-ri-cô: thành cũ hiện nay đã đổ nát, và thành mới cách đó một dặm nơi Đại đế Hê-rốt và những kẻ kế nghiệp ông xây dựng một cung điện mùa đông thật

hoang phí. Điều này có thể giúp giải thích điều có vẻ mâu thuẫn giữa Mac 10:46 và Lu 18:35.

Có hai người ăn xin mù đang ngồi bên đường (Mat 20:30), một trong hai người tên là Ba-ti-mê. Cả Mác và Lu-ca đều tập trung vào người vì người lớn tiếng hơn người kia. Hai người ăn mày đã nghe tin là Giê-xu người Na-xa-rét, Đấng Chữa bệnh, đang đi ngang qua họ cố hết sức mình để thu hút sự chú ý của Ngài hầu cho họ có thể nhận được sự cứu giúp đầy thương xót của Ngài và được chữa lành.

Trước tiên, đám đông cố tìm cách bắt họ phải im lặng, nhưng khi Chúa Giê-xu dừng lại và cho đòi hai người đến, đám đông lại khích lệ họ! Những người tuyệt vọng không để cho đám đông ngăn họ đến với Chúa Giê-xu (Mac 5:25-34). Ba-ti-mê quăng bỏ áo ngoài để nó sẽ không làm vướng chân ông, và vội vàng chạy đến Chúa. Chắc hẳn một số người đi dự lễ hoặc các môn đệ đã giúp đỡ ông.

“Người muốn Ta làm gì cho người?” có vẻ như một câu hỏi lạ kỳ để hỏi một người mù. (Cũng câu hỏi này Ngài đã hỏi Gia-cơ, Giăng, và Sa-lô-mê, c.36.) Nhưng Chúa Giê-xu muốn tạo cơ hội để người mù này nói lên ý kiến và bày tỏ đức tin của riêng ông. Ông thật sự tin Chúa Giê-xu có thể làm gì cho mình?

Khi Ba-ti-mê gọi Chúa Giê-xu là “Chúa,” ông dùng danh xưng Ra-bô-ni, có nghĩa là “Thầy của tôi.” Người duy nhất khác trong các sách Phúc Âm dùng từ này là Ma-ri (Gi 20:16). Người ăn xin đã hai lần gọi Ngài là “Con vua Đa-vít,” một danh xưng của dân Do Thái chỉ về đấng Mê-si-a, nhưng “Ra-bô-ni” là một từ bày tỏ đức tin cá nhân.

Ma-thi-ơ cho chúng ta biết rằng Chúa Giê-xu động lòng thương xót và rờ vào mắt họ (Mat 20:34), và lập tức họ được chữa lành. Do lòng biết ơn Chúa Giê-xu, hai người đã nhập vào đoàn người đi dự lễ và khởi sự hướng về Giê-ru-sa-lem, theo chân Chúa Giê-xu. Đây là phép lạ chữa bệnh sau cùng được ký thuật trong Mác, và chắc hẳn nó phù hợp với chủ đề “Người Tôi Tớ” của sách Mác. Chúng ta nhìn thấy Chúa Giê-xu Christ, Tôi Tớ Chịu Khổ của Đức Chúa Trời, đang trên đường bước lên thập tự giá, thế mà Ngài cũng đã dừng chân để hầu việc hai người ăn xin mù! Tình yêu của Ngài, sự thương xót của Ngài, và ân điển của Ngài sâu rộng biết dường nào!

9. NGƯỜI TÔI TỚ TẠI GIÊ-RU-SA-LEM (Mac 11:1-12:44)

Giê-ru-sa-lem vào mùa lễ Vượt Qua là sự vui mừng của những người Do Thái và là nỗi thất vọng của những người La Mã. Hàng ngàn người Do Thái mộ đạo từ khắp nơi trên thế giới sẽ đến Thành Thánh, lòng tràn đầy hứng khởi và nhiệt thành dân tộc. Dân cư thành Giê-ru-sa-lem tăng lên hơn gấp ba lần trong suốt kỳ lễ, khiến cho quân lính La Mã cần phải cảnh giác canh phòng đặc biệt. Họ sống với khả năng là một số người thuộc đảng cách mạng Do Thái nhiệt thành có thể tìm cách giết chết một viên chức La Mã hoặc khích động một cuộc nổi dậy, và luôn luôn có thể xảy ra những cuộc tranh luận giữa vòng các nhóm tôn giáo Do Thái khác nhau.

Người Tôi Tớ của Đức Chúa Trời bước vào cảnh trạng này với không đầy một tuần còn lại trước khi Ngài sẽ bị đóng đinh bên ngoài những bức tường thành. Trong phân đoạn này, chúng ta thấy Tôi Tớ của Đức Chúa Trời đang thi hành chức vụ trong ba vai trò chính thức khác hẳn nhau.

1. Vị vua - tôi tớ (Mac 11:1-11)

Trên con đường Chúa Giê-xu đi, khách lữ hành sẽ đến Bê-tha-ni trước và kế đó là làng Bê-pha-giê, cách Giê-ru-sa-lem chừng hai dặm. Địa điểm này ở độ cao khoảng 2.600 bộ (khoảng 870m), và từ đó bạn có một cảnh quang ngoạn mục của Thành Thánh. Chúa sắp làm một việc mà trước đây Ngài chưa bao giờ làm, một việc mà Ngài đã nhiều lần cảnh cáo những người khác không được làm cho Ngài: Ngài sắp cho phép những kẻ theo Ngài bày tỏ công khai lòng tôn kính đối với Ngài.

Chúa Giê-xu sai hai người trong các môn đệ đến làng Bê-pha-giê để lấy con lừa con mà Ngài cần cho sự kiện này. Đa số người ngày nay nghĩ đến một con lừa chỉ như một con vật khiêm tốn mang gánh nặng, nhưng vào thời đó, nó được xem là một con vật thích hợp cho một vị vua dùng (IVua 1:33). Chúa chúng ta cần con vật này để Ngài có thể làm trọn lời tiên tri về đấng Mê-si-a tìm thấy trong Xa 9:9. Mác không trích dẫn câu này hay nhắc đến nó vì ông đang viết chủ yếu cho các độc giả người Ngoại.

Trong việc làm trọn lời tiên tri này, Chúa Giê-xu hoàn thành hai mục đích:

(1) Ngài công bố Chính Ngài là Vua Y-sơ-ra-ên và là Đấng Mê-si-a

(2) Ngài cố tình thách thức những nhà lãnh đạo tôn giáo. Điều này khiến cho âm mưu chính thức dẫn đến việc bắt giữ Ngài, xét xử Ngài và đóng đinh Ngài biến thành hành động. Những nhà lãnh đạo Do Thái đã quyết định không bắt giữ Ngài trong suốt kỳ lễ, nhưng Đức Chúa Trời đã định đoạt cách khác. Chiên Con của Đức Chúa Trời phải chịu chết vào lễ Vượt Qua.

Nhiều người Do Thái yêu nước từ đoàn người đi dự lễ nô nức gia nhập vào cuộc diễu hành công bố Chúa Giê-xu là Vua, là Con vua Đa-vít nhân danh Chúa mà đến. Những vị khách từ vùng Ga-li-lê nổi bật nhất trong cuộc diễu hành, cùng với những người đã chứng kiến việc kê La-xa-rơ từ kẻ chết sống lại (Gi 12:12-18). Đôi khi bạn nghe nói rằng chính đoàn người đã la to “Hô-sa-na!” vào Chúa Nhật lễ Lá cuối cùng cũng đã gào thét “Hãy đóng đinh Hắn!” vào Thứ Sáu Tuần thánh, nhưng điều này không đúng. Đám đông mong muốn Ngài bị đóng đinh phần lớn đến từ xứ Giu-đê và thành Giê-ru-sa-lem, trong khi những người Do Thái vùng Ga-li-lê thì cảm thương với Ngài và chức vụ của Ngài.

Khi tiếp đón một vị vua, người ta thường có tục trải áo ngoài của mình trên đường, rồi rải thêm những nhánh cây lên trên (IIVua 9:13). Tiếng la “Hô-sa-na!” có nghĩa là “Xin hãy cứu ngay giờ này!” và xuất xứ từ Thi 118:25-26. Dĩ nhiên, Chúa Giê-xu biết rằng dân chúng đang trích dẫn từ một thi thiên nói về đấng Mê-si-a (hãy liên hệ Thi 118:22-23 với Mat 21:42-44 và Cong 4:11), nhưng Ngài cho phép họ cứ làm điều đó và la to như vậy. Ngài đang công khai khẳng định địa vị Con vua Đa-vít của Ngài.

Những người La Mã đang nghĩ gì khi họ nhìn xem cuộc diễu hành có không khí lễ hội này? Xét cho cùng, người La Mã rất thành thạo về những cuộc diễu hành và những buổi lễ hội trọng thể. Chúng ta gọi sự kiện này là “Sự Vào thành cách Khải hoàn,” nhưng không người La Mã nào lại muốn dùng từ đó. Một “Cuộc Khải hoàn của La Mã” theo nghi thức quả là một cảnh tượng ngoạn mục! Khi một vị tướng La Mã trở về La Mã sau một cuộc toàn thắng kẻ thù, vị ấy được tiếp đón bằng một cuộc diễu hành với tất cả những nghi thức vô cùng trọng thể. Trong cuộc diễu hành vị tướng ấy sẽ trưng bày những chiến lợi phẩm của mình và các tù nhân có tiếng mình đã bắt được. Vị tướng thắng trận cưỡi một cỗ xe ngựa bằng vàng, các thầy tế lễ đốt hương để tôn vinh ông, và dân chúng la to tên ông và ca tụng ông. Cuộc diễu hành kết thúc

tại hý trường nơi dân chúng tiêu khiển bằng cách xem các tù nhân đánh nhau với những con thú dữ. Đó là một “Cuộc Khải hoàn của La Mã.”

“Sự Vào thành Khải hoàn” của Chúa chúng ta không giống như thế chút nào, nhưng đó là một cuộc khải hoàn y như vậy. Ngài là Vị Vua và Cứu Chúa đã được xúc dầu của Đức Chúa Trời, nhưng chiến thắng của Ngài có tính cách thuộc linh chứ không phải về quân sự. Một vị tướng La Mã phải giết ít nhất 5.000 địch quân để xứng đáng với một Cuộc Khải hoàn nhưng trong vài tuần lễ, Phúc Âm sẽ “chinh phục” khoảng 5.000 người Do Thái và biến cải cuộc đời họ (Cong 4:4). “Cuộc khải hoàn” của Đấng Christ sẽ là chiến thắng của tình yêu đối với hận thù, chân lý đối với lỗi lầm, và sự sống đối với sự chết.

Sau khi nhìn vào khu vực đền thờ nơi Ngài sẽ trở lại ngày hôm sau, Chúa Giê-xu đã rời khỏi thành và trải qua đêm tại làng Bê-tha-ni, nơi an toàn hơn và yên tĩnh hơn. Chắc hẳn Ngài đã dành thời gian để cầu nguyện với các môn đệ Ngài, cố gắng chuẩn bị họ cho tuần lễ đầy gay go đang chờ phía trước.

2. Vị quan tòa - tôi tớ (Mac 11:12-26)

Việc Chúa quở cây vả và dẹp sạch đền thờ cả hai đều là những hành động có tính cách tượng trưng để minh họa tình trạng thuộc linh đáng buồn của dân tộc Y-sơ-ra-ên. Bất chấp nhiều đặc quyền và cơ hội ban cho mình, Y-sơ-ra-ên về bề ngoài thì không kết quả (cây vả) và bề trong thì lại bại hoại (đền thờ). Chúa Giê-xu không thường xuyên hành động trong sự đoán xét (Gi 3:17), thế mà đến một lúc đây lại là điều duy nhất Đức Chúa Trời có thể làm (Gi 12:35-41).

Rửa sả cây vả (Mac 11:12-14,20-26). Cây vả ra lá vào tháng Ba hoặc tháng Tư và rời bắt đầu ra trái vào tháng Sáu, và ra đọt thứ nhì vào tháng Tám và có thể một đọt thứ ba vào tháng Mười Hai. Sự hiện diện của lá có nghĩa là sự hiện diện của trái cho dù trái đó là “sót lại” từ mùa trước. Điều quan trọng là trong thí dụ này, Chúa Giê-xu không có sự hiểu biết đặc biệt để hướng dẫn Ngài Ngài đã phải đi đến cây vả và tự mình xem xét mọi việc.

Nếu Ngài có quyền năng để làm cây vả chết đi, tại sao Ngài không dùng quyền năng ấy để khiến nó sống lại và làm cho nó ra trái? Ngoài việc làm cho bầy heo chết đuối (Mac 5:13), đây là thí dụ duy nhất của Chúa chúng ta dùng đến phép lạ diệu kỳ của Ngài để hủy diệt một sinh vật trong thiên nhiên. Ngài làm điều này vì Ngài muốn dạy chúng ta hai bài học quan trọng.

Trước tiên là bài học về sự thất bại: Y-sơ-ra-ên đã thất bại không thể kết quả cho Đức Chúa Trời. Trong Cựu Ước, cây vả được gắn liền với dân tộc Y-sơ-ra-ên (Gie 8:13 Ne 3:12 Os 9:10). Giống như cây vả Chúa chúng ta đã rửa sả, Y-sơ-ra-ên “không có gì ngoài ra lá.” Hãy lưu ý là cây vả đã khô “đến tận rễ” (Mac 11:20). Ba năm trước, Giăng Báp-tít đã đặt một cái búa kề rễ cây (Mat 3:10), nhưng những nhà lãnh đạo tôn giáo không hề chú ý sứ điệp của người. Hễ khi nào một cá nhân hoặc một nhóm tín hữu “khô hạn” về tâm linh, thì thường là từ gốc rễ. Có thể có nhiều lá được người ta ngưỡng mộ, nhưng không có trái để mọi người có thể hưởng được.

Các môn đệ có lẽ liên hệ phép lạ này với ẩn dụ mà Chúa Giê-xu đã phán dạy vài tháng trước đó (Lu 13:1-9), và họ sẽ nhìn thấy trong phép lạ này một bức tranh sống động về sự đoán xét của Đức Chúa Trời đối với Y-sơ-ra-ên. Họ cũng có thể nhớ lại Mi 7:1-6 nơi đấng tiên tri công bố rằng Đức Chúa Trời đang tìm kiếm “trái vả đầu mùa”

từ dân sự Ngài. Đấng Christ vẫn đang tìm kiếm kết quả từ dân sự Ngài, và đối với chúng ta không kết quả tức là tội lỗi (Gi 15:16). Chúng ta phải cẩn thận vun xới rễ thuộc linh của mình chớ không nghỉ yên trên “lá” mà thôi.

Chúa Giê-xu cũng dùng phép lạ này để dạy chúng ta một bài học về đức tin. Sáng hôm sau, khi các môn đệ thấy cây vả đã chết, Chúa Giê-xu bèn phán, “Hãy có đức tin đến Đức Chúa Trời,” có nghĩa là “Hãy luôn tin cậy Đức Chúa Trời hãy sống trong một thái độ nương cậy nơi Ngài.” Trong hình ảnh của người Do Thái, một ngọn núi biểu thị một điều gì mạnh mẽ và không thể dời đi được, một vấn đề ngăn chặn đường đi (Xa 4:7). Chúng ta chỉ có thể dời những ngọn núi này bởi việc tin cậy Đức Chúa Trời mà thôi.

Dĩ nhiên, đây không phải là bài học duy nhất Chúa Giê-xu từng dạy về sự cầu xin và chúng ta phải cẩn thận chớ tách rời nó khỏi phần còn lại của Thánh Kinh. Sự cầu xin phải trong ý muốn của Đức Chúa Trời (IGi 5:14-15), và người cầu xin phải đang ở trong sự yêu thương của Đức Chúa Trời (Gi 15:7-14). Sự cầu xin không phải là một biện pháp khẩn cấp chúng ta hướng đến khi gặp một nan đề. Sự cầu nguyện thật là một phần của mối tương giao thường xuyên của chúng ta với Đức Chúa Trời và một phần của sự thờ phượng Đức Chúa Trời.

Chúng ta cũng không nên diễn giải Mac 11:24 là, “Nếu các ngươi hết sức cầu nguyện và thật lòng tin, Đức Chúa Trời bị buộc phải đáp lại những lời cầu xin của các ngươi, cho dù các ngươi cầu xin điều gì đi nữa.” Loại đức tin ấy không phải là đức tin nơi Đức Chúa Trời đúng hơn, đó không là gì cả ngoài ra đức tin nơi đức tin, hoặc đức tin nơi cảm xúc. Đức tin thật nơi Đức Chúa Trời dựa trên Lời Ngài (Ro 10:17 Gi 15:7), và Lời Ngài bày tỏ ý muốn của Ngài cho chúng ta. Có người đã từng nói rằng mục đích của sự cầu nguyện không phải là để ý muốn con người được thực hiện trên thiên đàng, mà là để ý muốn Đức Chúa Trời được thực hiện trên đất này.

Sự cầu nguyện thật bao gồm sự tha thứ cũng như đức tin. Tôi phải ở trong mối tương giao với cả Cha tôi trên trời lẫn anh em tôi dưới đất nếu Đức Chúa Trời sẽ đáp lại những lời cầu xin của tôi (Mat 5:21-26 6:14-15 18:15-35). Từ đầu tiên trong “Lời Cầu nguyện của Chúa” là chúng tôi – Lạy Cha chúng tôi ở trên trời” chớ không phải “Lạy Cha tôi ở trên trời.” Mặc dầu Cơ Đốc nhân có thể cầu nguyện trong nơi riêng tư, nhưng không Cơ Đốc nhân nào từng cầu nguyện một mình cả vì tất cả dân sự của Đức Chúa Trời đều là một phần của đại gia đình trên toàn thế giới hiệp nhất lại để tìm kiếm phước hạnh của Đức Chúa Trời (Eph 3:14-15). Sự cầu nguyện kéo chúng ta đến gần với nhau.

Chúng ta không kiếm được phước hạnh của Đức Chúa Trời bởi việc tha thứ cho nhau. Tinh thần tha thứ của chúng ta là một chứng cứ rằng tấm lòng chúng ta trọn lành trước mặt Đức Chúa Trời và chúng ta muốn vâng theo ý muốn Ngài, và điều này khiến Đức Chúa Cha có thể nghe chúng ta và nhậm lời chúng ta (Thi 66:18). Đức tin hành động bởi tình yêu thương (Ga 5:6). Nếu tôi có đức tin nơi Đức Chúa Trời, tôi cũng sẽ có tình yêu thương đối với anh em mình nữa.

Đẹp sạch đền thờ (Mac 11:15-19). Chúa Giê-xu đã dẹp sạch đền thờ trong suốt chuyến viếng thăm vào lễ Vượt Qua đầu tiên của Ngài (Gi 2:13-22), nhưng kết quả chỉ nhất thời thôi. Chẳng bao lâu sau, các nhà lãnh đạo tôn giáo lại cho phép những kẻ đổi bạc và những người mua bán trở lại. Các thầy tế lễ nhận được phần lợi nhuận của mình, và, xét cho cùng, những dịch vụ này là một sự tiện lợi đối với những người Do

Thái hành hương đến Giê-ru-sa-lem để thờ phượng. Hãy giả định một người Do Thái từ nước khác đến, mang theo con sinh tể của chính mình, và sau đó khám phá rằng nó bị khước từ vì có một tí vít nào đó thì sao? Tỉ lệ tiền luôn thay đổi, vì thế những người đối ngoại tể đang làm ơn cho các khách hành hương, ngay cho dù những người lái buôn đang kiếm một số tiền lời thật lớn. Thật dễ dàng để họ hợp lý hóa toàn bộ công việc làm ăn này.

“Nơi họp chợ tôn giáo” này được dựng lên trong Phần Sân dành cho các dân ngoại, là nơi duy nhất người Do Thái đáng lý ra phải đang bận lo công tác truyền giáo nặng nề của mình. Nếu một người Ngoại đến viếng thăm đền thờ và nhìn thấy những gì người Do Thái đang làm trong danh của Đức Chúa Trời chân thật, người ấy sẽ không bao giờ muốn tin những điều họ dạy dỗ. Người Do Thái không thể cho phép có các thần tượng bằng gỗ và đá trong đền thờ của họ, nhưng đã có những thần tượng tại đó y như vậy. Phần Sân dành cho các dân ngoại lẽ ra phải là một nơi để cầu nguyện, nhưng nó lại là một nơi để bóc lột và trục lợi.

Mác đặc biệt đề cập tới những người bán bồ câu. Bồ câu là một trong số rất ít của tế lễ mà những người nghèo có thể sắm sửa (Le 14:22). Đó là của tế lễ Giô-sép và Ma-ri đã đem đến khi họ dâng con trẻ Giê-xu trong đền thờ (Lu 2:24). Cả đến những người nghèo cũng là nạn nhân của những kẻ buôn bán tại đền thờ, và điều này tự nó chắc hẳn đã làm cho Chúa Giê-xu đau lòng, vì Ngài luôn thương xót kẻ nghèo khổ (Mac 12:41-44).

Chúa Giê-xu đã trích dẫn hai câu Thánh Kinh để bênh vực cho những việc Ngài làm – Es 56:7 và Gie 7:11. Cùng lúc đó, Ngài đã vạch trần tội lỗi của những nhà lãnh đạo tôn giáo. Những người Do Thái xem đền thờ chủ yếu là một nơi để dâng tế lễ, nhưng Chúa Giê-xu thì thấy đó là một nơi để cầu nguyện. Sự cầu nguyện thật tự nó đã là một tế lễ dâng lên cho Đức Chúa Trời rồi (Thi 141:1-2). Chúa Giê-xu đã có một cái nhìn thuộc linh về tôn giáo của người Do Thái, trong khi những nhà lãnh đạo thì đề xướng một quan điểm có tính cách truyền thống đã bị rối rắm bởi những luật lệ và phép tắc.

Campbell Morgan chỉ rõ rằng “một cái hang trộm cướp” là nơi bọn trộm cướp chạy đến khi chúng muốn ẩn trốn. Những thầy tế lễ cả và những thầy thông giáo đang sử dụng đền thờ và những dịch vụ tôn giáo của đền thờ để “che đậy” tội lỗi và sự giả hình của mình. Cả hai tiên tri Ê-sai (Es 1:10-17) và Giê-rê-mi (Gie 7:1-16) đều đã cảnh cáo dân sự trong thời của họ rằng sự hiện diện của đền thờ vật chất không hề bảo đảm sự chúc phước từ Đức Chúa Trời. Chính những gì dân sự làm tại đền thờ xuất phát từ tấm lòng họ mới thật sự quan trọng. Cả dân tộc đã không chú ý đến lời cảnh cáo của các đấng tiên tri, họ cũng không chú ý đến lời cảnh cáo của Chúa chúng ta nữa.

Khi những thầy thông giáo và những thầy tế lễ cả nghe thuật về những việc làm của Chúa chúng ta, họ luôn cố tìm cách để bắt Ngài (Mac 14:1-2). Giu-đa sẽ giải quyết vấn đề này cho họ. Trước khi chúng ta vội vàng lên án những nhà lãnh đạo tôn giáo Do Thái về tội lỗi của họ, chúng ta cần phải xem xét những công tác hầu việc Chúa của chính mình để xem liệu chúng ta có thể đang biến sứ điệp Phúc Âm thành một món hàng mua bán chẳng. Những người ngoại trong xã hội chúng ta đang sống có cho rằng những tòa nhà thờ của chúng ta là những ngôi nhà cầu nguyện không? Tất cả các dân tộc có được tiếp đón tại đó chẳng? Là những thuộc viên trong Hội Thánh chúng ta có đến nhà thờ vào những ngày Chúa nhật hầu cố gắng che đậy tội lỗi của

mình không? Chúng ta “đi nhà thờ” để giữ tiếng tăm mình hay để thờ phượng và tôn vinh Đức Chúa Trời? Nếu Cứu Chúa Giê-xu sẽ hiện đến trong ngôi nhà thờ phượng của chúng ta, Ngài sẽ thực hiện những đổi thay nào?

3. Đấng tiên tri - tôi tớ (Mac 11:27-12:44)

(Mac 11:27-33)

Vào những ngày sau đó, những người đại diện tổ chức tôn giáo và chính trị bắt ngò tấn công Chúa Giê-xu khi Ngài giảng dạy tại đền thờ, cố gắng hết sức mình để gài bẫy Ngài bằng những câu chất vấn của họ. Ngài trả lời bốn câu hỏi, và rồi đặt cho họ một câu hỏi khiến họ im lặng mãi mãi.

Câu hỏi về quyền năng (Mac 11:27-12:12). Là những người bảo vệ chính thức của Luật pháp, các thành viên thuộc toà công luận vừa có quyền vừa có trách nhiệm phải điều tra bất cứ ai tự xưng là được Đức Chúa Trời sai đến và việc đó bao gồm cả Chúa Giê-xu (Phu 18:15-22). Tuy nhiên, những người này không có đầu óc cởi mở và động cơ chân thật. Họ không đang tìm kiếm chân lý họ đang tìm kiếm chứng cứ để diệt Ngài đi (Mac 11:18). Chúa Giê-xu biết điều họ đang làm, vì thế Ngài đối diện lời chất vấn của họ bằng một câu hỏi khác và phơi bày sự giả hình của họ.

Tại sao lại đưa họ quay trở về với Giảng Báp-tít? Vì một lý do rất chính đáng: Đức Chúa Trời không dạy chúng ta chân lý mới mẻ nếu chúng ta khước từ chân lý Ngài đã bày tỏ rồi. Nguyên tắc căn bản này được bày tỏ trong Gi 7:17 “Nếu ai khứng làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời thì sẽ biết đạo lý Ta có phải là bởi Đức Chúa Trời hay là Ta nói theo ý Ta.” “Sự vâng lời là tiếng nói của sự hiểu biết thuộc linh,” nhà truyền đạo người Anh F.W. Robertson đã nói. Những nhà lãnh đạo tôn giáo Do Thái đã không chấp nhận những điều Giảng dạy dỗ, vì thế tại sao Đức Chúa Trời cần phải phán dạy thêm điều gì với họ nữa? Nếu họ đã vâng theo sứ điệp của Giảng, thì rất có thể họ đã vui mừng quy phục quyền năng của Đấng Christ, vì Giảng đã đến để giới thiệu đấng Mê-si-a cho dân tộc này.

Những nhà lãnh đạo Do Thái đã rơi vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan do chính mình gây ra. Họ không đang hỏi “Điều gì đúng?” hay “Điều gì phải lẽ?” mà lại hỏi “Điều gì an toàn?” Đây là cách đặt vấn đề của những kẻ giả hình ưa thích làm đẹp lòng đám đông. Đó chắc hẳn không phải là cách đặt vấn đề của Chúa Giê-xu (Mac 12:14) hay của Giảng Báp-tít (Mat 11:7-10). Chúa Giê-xu không từ chối trả lời câu hỏi của họ Ngài chỉ không chịu chấp nhận và tán thành sự giả hình của họ. Ngài không đang tránh né vấn đề Ngài đang rất trung thực.

Trước khi họ có cơ hội thoát khỏi nơi đó, Ngài kể cho họ một ẩn dụ cho thấy tội lỗi của họ đang dẫn họ đi đến đâu. Họ đã để cho Giảng Báp-tít bị giết hại, nhưng chẳng bao lâu nữa họ sẽ đòi đóng đinh Con Đức Chúa Trời!

(Mac 12:1-44)

Vườn nho là một hình ảnh quen thuộc của Y-sơ-ra-ên (Es 5:1-7 Thi 80:8-16). Theo Le 19:23-25, một người làm vườn sẽ không ăn trái cho đến năm thứ năm, mặc dầu chúng ta không chắc người Do Thái đang vâng giữ luật định này vào thời đó. Để không mất những quyền hợp pháp của mình đối với tài sản, người chủ phải nhận sản vật nơi các tá điền, ngay cho dù đó chỉ là một ít rau mọc giữa những hàng cây hoặc giữa những cây nho. Điều này giải thích vì sao các tá điền không chịu nộp cho chủ bất cứ hoa lợi gì: họ muốn đoạt vườn nho cho riêng mình. Điều đó cũng giải thích vì sao

người chủ tiếp tục sai các đầy tớ đến cùng họ đó hoàn toàn là một vấn đề liên quan đến thẩm quyền và quyền sở hữu.

Nếu Mac 12:2-5 bao gồm ba năm không được ăn trái, thì chính vào năm thứ tư mà người Con yêu dấu đã được sai đến. Đây là năm mà trái được dâng lên cho Đức Giê-hô-va (Le 19:24), và điều này khiến cho việc sai người Con đến lại có ý nghĩa hơn. Nếu các tá điền có thể tiêu diệt người con kế tự, họ sẽ có trọn quyền san đoạt tài sản vì thế họ quăng người con ra ngoài (xin xem He 13:12-13) và giết người. Họ muốn bảo vệ quyền lợi riêng của mình và thậm chí muốn giết người để hoàn thành mục đích gian ác của mình (Gi 11:47-53).

Kế đó Chúa Giê-xu đã hỏi, “Vậy thì chủ vườn nho sẽ làm thế nào?” Những nhà lãnh đạo trả lời câu hỏi này trước hết và bởi đó đã tự kết tội mình (Mat 21:41), và rồi Chúa Giê-xu đã nhắc lại câu trả lời của họ như một lời tuyên án trang nghiêm từ Đấng Phán Xét. Nhưng trước khi họ có thể kháng cáo, Ngài đã trích dẫn điều họ biết là một lời tiên tri về Đấng Mê-si-a trong Thi 118:22-23. Chúng ta đã gặp cùng Thi thiên này lúc Ngài vào thành cách khải hoàn (Mac 11:9-10). “Hòn đá” là một biểu tượng nổi tiếng chỉ về Đấng Mê-si-a (Xu 17:6 Da 2:34 Xa 4:7 Ro 9:32-33 ICo 10:4 IPhi 2:6-8). Người Tôi Tớ-Đấng Đoán Xét đã công bố một lời tuyên án gấp đôi: họ không chỉ khước từ Con, nhưng họ cũng đã chối bỏ Hòn Đá nữa! Chỉ có thể có một hậu quả dành cho họ mà thôi – đó là sự phán xét (Mat 22:1-14).

Câu hỏi liên quan đến trách nhiệm (Mac 12:13-17). Một sự đe dọa chung buộc hai kẻ thù phải liên kết với nhau, đó là những người Pha-ri-si và những người thuộc đảng Hê-rốt. Những kẻ thuộc đảng Hê-rốt ủng hộ gia đình của Hê-rốt cũng như là những người La Mã là kẻ ban cho họ thẩm quyền để cai trị. Tuy nhiên, những người Pha-ri-si xem đảng Hê-rốt là những kẻ gian ác chiếm đoạt ngôi của vua Đa-vít vì, xét cho cùng, Hê-rốt là một người Ê-đôm chứ không phải một người Do Thái. Những người Pha-ri-si cũng phản đối loại thuế thân mà những người La Mã đã đánh trên Giu-đa, và họ căm ghét chính sự hiện diện của La Mã trên xứ sở họ.

Sự liên minh tạm thời của họ là một cái bẫy khôn ngoan, vì cho dù Chúa Giê-xu trả lời câu hỏi của họ ra sao đi nữa, thì Ngài vẫn gặp rắc rối hoặc với La Mã hoặc với đảng Hê-rốt! Nhưng Chúa Giê-xu đã chuyển cuộc tranh luận từ lãnh vực chính trị sang lãnh vực nguyên tắc và khiến những kẻ giả hình phải rơi vào bẫy của chính họ. Chúng ta có thể nêu câu trả lời của Chúa đại khái như thế này: “Hình của Sê-sa được khắc trên những đồng tiền của người, vì vậy chúng phải được đúc bởi thẩm quyền của người. Sự kiện các ông sở hữu những đồng tiền này và dùng chúng cho thấy rằng các ông nghĩ chúng có một giá trị nào đó. Vì thế, các ông đang chấp nhận thẩm quyền của Sê-sa, nếu không các ông sẽ không dùng tiền của người! Nhưng đừng quên rằng các ông đã được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời và do đó cũng phải sống dưới thẩm quyền của Đức Chúa Trời nữa.”

Có lần tôi trao đổi thư từ ngắn với một người phản đối lời giải thích của tôi về Ro 13:1-14. Ông ta nói rằng mọi nhà cầm quyền đều thuộc về ma quỷ và Cơ Đốc nhân không được khuất phục trước thẩm quyền của “các thế lực đang cai trị.” Tôi chỉ cho ông thấy rằng ngay việc ông dùng dịch vụ thư tín của nước Mỹ đã là một sự chấp nhận thẩm quyền của nhà nước rồi. Tiền bạc ông dùng mua giấy và tem cũng đến từ “các thế lực đang cai trị.” Đối với vấn đề đó, chính sự tự do ông có để phát biểu ý kiến của mình là một cái quyền được đảm bảo bởi chính nhà cầm quyền vậy!

Từ ngữ dịch là “trả lại” trong Mac 12:17 có nghĩa là “trả một món nợ, hoàn lại.” Chúa Giê-xu xem những loại thuế là món nợ của người công dân đối với nhà cầm quyền để trả cho các dịch vụ được thực hiện. Ngày nay những dịch vụ này sẽ bao gồm, trong số nhiều điều khác, hỏa hoạn và sự che chở của cảnh sát, quốc phòng, lương bổng của các viên chức điều hành những công việc của nhà nước, những chương trình đặc biệt lo cho người nghèo và những người bị thiệt thòi về quyền lợi, v. v. . . Cá nhân người công dân Cơ Đốc có thể không tán đồng với cách thức nhà nước sử dụng tất cả số tiền nộp thuế của mình, và người ấy có thể biểu lộ điều đó bằng tiếng nói và lá phiếu của mình, nhưng người ấy phải chấp nhận sự kiện là Đức Chúa Trời đã lập nên nhà cầm quyền vì có lợi ích của chúng ta (Ro 13:1-14 ITi 2:1-6 IPhi 2:13-17). Ngay cho dù chúng ta không thể tôn trọng những người trong chức vụ, chúng ta vẫn phải tôn trọng chức vụ đó.

Câu hỏi về cõi đời đời (Mac 12:18-27). Đây là chỗ duy nhất trong sách Mác đề cập tới những người thuộc phe Sa-đu-sê. Nhóm người này chỉ chấp nhận Luật pháp Môi-se là có thẩm quyền về mặt tôn giáo đối với họ vì thế, nếu một giáo điều nào không thể được nằm sách đầu của Cựu Ước bảo vệ thì họ sẽ không chấp nhận giáo điều đó. Họ không tin vào sự hiện hữu của linh hồn, sự sống sau sự chết, sự sống lại, sự phán xét sau cùng, các thiên sứ, hay ma quỷ (Cong 23:8). Đa số những người Sa-đu-sê là những thầy tế lễ và giàu có. Họ tự cho mình là “những nhà quý tộc tôn giáo” của Do Thái giáo và có khuynh hướng xem thường mọi người khác.

Họ đặt ra một câu hỏi có tính cách giả thuyết cho Chúa Giê-xu, dựa trên luật lệ về hôn nhân được chép trong sách Phu 25:7-10. Người đàn bà này có cả bảy người chồng trong suốt cuộc đời bà, tất cả đều là anh em của nhau, và tất cả những người chồng này đều đã chết. Họ lập luận rằng, “Nếu như có một sự sống lại trong tương lai, thì bà này phải sống đời đời với cả bảy người chồng!” Đây dường như là một lý lẽ hoàn hảo, như hầu hết những lý lẽ dựa trên những tình huống có tính cách giả thuyết.

Những người Sa-đu-sê cho rằng mình khôn ngoan, nhưng chẳng bao lâu Chúa Giê-xu đã cho thấy họ ngu dốt về hai điều: quyền năng của Đức Chúa Trời và chân lý của Thánh Kinh. Sự sống lại không phải là việc hoàn trả sự sống trở lại như chúng ta hiểu đó là việc bước vào một sự sống mới khác biệt hẳn. Chính Đức Chúa Trời, Đấng đã tạo dựng các thiên sứ và ban cho họ tính chất riêng, cũng có thể ban cho chúng ta thân thể mới chúng ta sẽ cần đến cho sự sống mới ở trên trời (ICo 15:38tt). Chúa Giê-xu không phán rằng chúng ta sẽ trở nên các thiên sứ hoặc giống như các thiên sứ về mọi mặt, vì con cái Đức Chúa Trời thì cao trọng hơn các thiên sứ (Gi 17:22-24 IGi 3:1-2). Ngài phán rằng trong thân thể sống lại của chúng ta, chúng ta sẽ không có phái tính như các thiên sứ và vì thế hôn nhân sẽ không còn tồn tại nữa. Trong Nước đời đời, nơi thân thể mới của chúng ta trở nên toàn hảo và không có sự chết, sẽ không còn cần đến hôn nhân, sự sinh sôi nảy nở, và sự duy trì nòi giống nữa.

Những người Sa-đu-sê cũng ngu dốt về Thánh Kinh. Họ tự cho là chấp nhận thẩm quyền của Môi-se, nhưng họ không chịu lưu ý là Môi-se đã dạy sự tiếp nối của sự sống sau cái chết. Một lần nữa, Chúa chúng ta đã trở lại với Thánh Kinh (Mac 2:25 10:19 12:10), trong trường hợp này trở lại đoạn Kinh Thánh về bụi gai cháy (Xu 3:1-22). Đức Chúa Trời không phán cùng Môi-se rằng Ngài đã là (thời quá khứ) Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp. Ngài phán, “Ta là (thời hiện tại) Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, và Đức Chúa Trời của Y-sác, và Đức Chúa Trời của Gia-

cốp.” Các vị tộc trưởng vẫn đang sống khi Đức Chúa Trời phán những lời này với Môi-se do đó, Môi-se thực sự dạy rằng có sự sống sau cái chết.

Câu hỏi liên quan đến thứ tự ưu tiên (Mac 12:28-34). Người thách thức kế tiếp là một thầy thông giáo vốn cũng là một người Pha-ri-si (Mat 22:34-35). Những thầy thông giáo đã quyết định rằng người Do Thái bị buộc phải vâng giữ 613 giới luật trong Luật pháp, 365 giới luật tiêu cực và 248 giới luật tích cực. Một trong những điều họ ưa thích thực hành nhất là tranh luận điều nào là lớn nhất trong các điều răn thiên thượng này.

Chúa trích dẫn Phu 4:4-5, sự công xưng đức tin hệ trọng mà ngay đến ngày nay những người Do Thái sùng kính vẫn đọc thuộc lòng mỗi sáng và tối. Nó được gọi là “Kinh Shema” xuất phát từ chữ đầu tiên của lời công xưng vốn có nghĩa là “nghe.” Kế đó Ngài trích dẫn Le 19:18 là câu nhấn mạnh tình yêu thương đối với kẻ lân cận mình. Chúa Giê-xu biến tình yêu thương trở nên điều quan trọng nhất trong cuộc sống, vì “yêu thương là sự làm trọn Luật pháp” (Ro 13:8-10). Nếu chúng ta yêu Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ kinh nghiệm tình yêu thương của Ngài trong lòng mình và sẽ bộc lộ tình yêu thương ấy với những người khác. Chúng ta không sống bằng các luật lệ mà bằng những mối tương quan, một mối tương quan khăng khít với Đức Chúa Trời giúp chúng ta có thể có một mối tương quan khăng khít với những người khác.

Khi bắt đầu cuộc đối thoại này, thầy thông giáo chỉ là công cụ của những người Pha-ri-si là kẻ đang cố gắng tìm chứng cứ chống lại Chúa Giê-xu (Mat 22:35). Nhưng sau khi nghe câu trả lời của Chúa chúng ta, thầy thông giáo này đứng đó và dám khen ngợi lời đáp của Ngài. Lời Chúa phán đã chạm đến lòng của thầy này và ông đang bắt đầu có một sự thông hiểu thuộc linh sâu xa hơn đối với đức tin mà trước đó ông cho rằng mình đã hiểu. Ngay cả Thánh Kinh Cựu Ước cũng đã dạy rằng có nhiều điều đối với tôn giáo Do Thái hơn là việc dâng của lễ và tuân giữ các luật lệ (ISa 15:22 Thi 51:16-17 141:1-2 Gie 7:22-23 Os 6:6 Mi 6:6-8).

Khi một người “chẳng cách xa Nước Đức Chúa Trời” thì điều đó có nghĩa gì? Nó có nghĩa là người ấy đang đối diện chân lý cách chân thành chứ không quan tâm đến việc bênh vực cho một “đường lối đảng phái” nào hay cả đến những thành kiến cá nhân. Nó có nghĩa là người ấy đang thử nghiệm đức tin của mình bởi những gì Lời của Đức Chúa Trời phán chứ không phải những gì một số nhóm tôn giáo đòi hỏi. Những người gần với Nước Trời có can đảm ủng hộ cho những gì đúng, ngay cho dù họ phải mất một số bạn bè và tạo nên một số kẻ thù mới.

Câu hỏi liên quan đến sự nhận diện (Mac 12:35-37). Giờ đây đến lượt Chúa chúng ta nêu lên những câu hỏi, và Ngài tập trung vào câu hỏi quan trọng nhất trong tất cả: Đấng Mê-si-a là ai? “Về Đấng Christ, các ngươi nghĩ thế nào? Ngài là Con ai?” (Mat 22:42). Đây là một câu hỏi quan trọng hơn nhiều so với những câu hỏi kẻ thù của Ngài đã hỏi Ngài, vì nếu chúng ta nhầm lẫn về Chúa Giê-xu Christ, chúng ta cũng nhầm lẫn về sự cứu rỗi. Điều này có nghĩa là chúng ta đi đến chỗ kết án linh hồn của chính mình (Gi 3:16-21 8:24 IGi 2:18-23).

Chúa Giê-xu trích dẫn Thi 110:1 và bảo họ giải thích làm thế nào con của Đa-vít lại cũng có thể là Chúa của Đa-vít được. Những người Do Thái tin rằng đấng Mê-si-a sẽ là con của Đa-vít (Gi 7:41-42), nhưng cách duy nhất con của Đa-vít cũng có thể là Chúa của Đa-vít nếu đấng Mê-si-a là Đức Chúa Trời đến trong thân xác con người. Dĩ nhiên,

câu trả lời là sự hoài thai diệu kỳ và sự sanh hạ bởi nữ đồng trinh của Chúa chúng ta (Es 7:14 Mat 1:18-25 Lu 1:26-38).

(Mac 12:38-44). Phân đoạn này kết thúc bằng hai lời cảnh cáo của Chúa: một lời cảnh cáo đối với sự kiêu ngạo của những thầy thông giáo (Mac 12:38-40) và một lời cảnh cáo đối với sự kiêu ngạo của những kẻ giàu (c.41-44). Nếu một người “quan trọng” chỉ vì bộ đồng phục người ấy mặc, danh hiệu người ấy mang, hay chức vụ người ấy giữ, thì “tâm quan trọng” của người ấy là giả tạo. Chính tính cách của một người khiến cho người ấy có giá trị, và không ai có thể ban cho bạn tính cách được: bạn phải tự mình phát huy nó khi bạn bước đi với Đức Chúa Trời.

Có mười ba cái rương hình loa kèn xung quanh những bức tường của Phần Sân dành cho Các Bà, và tại đây người ta bỏ tiền dâng của mình vào. Những người giàu phô trương nhiều qua việc dâng tiền của họ (Mat 6:1-4), nhưng Chúa Giê-xu khước từ họ và những thứ họ dâng. Điều quan trọng không phải là phần của dâng mà chính là tỉ lệ dâng: những kẻ giàu dâng hiến từ của dư thừa mình có, nhưng người đờn bà góa nghèo đã dâng hết của mình có. Đối với những người giàu, những thứ họ dâng là một sự đóng góp nhỏ nhoi, nhưng đối với người đờn bà góa này, phần dâng của bà là sự hiến dâng chân thật của trọn đời sống bà.

Cách sống kiêu ngạo và việc dâng hiến kiêu ngạo là những tội lỗi chúng ta phải tránh xa bằng mọi giá. Thật đáng buồn là những nhà lãnh đạo đã nương vào một hệ thống tôn giáo mà chẳng bao lâu sẽ không còn tồn tại nữa. Thật lạ lùng là những người bình dân lại vui sướng lắng nghe Chúa Giê-xu và vâng theo Lời phán của Ngài.

Bạn thuộc về nhóm người nào?

10. NGƯỜI TÔI TỚ TIẾT LỘ TƯƠNG LAI (Mac 13:1-37)

(Mac 13:1-5). Những người Do Thái tự hào về đền thờ của họ, bất chấp sự kiện là nó được xây cất bởi gia đình của Hê-rốt để xoa dịu những người Do Thái. Chúa Giê-xu đã đánh giá đền thờ này (Mac 11:15-17), nhưng các môn đệ Ngài bị thu hút bởi sự nguy nga tráng lệ của cấu trúc đền thờ. Hãy tưởng tượng họ đau buồn biết bao khi Chúa Giê-xu báo trước cho họ rằng tòa nhà họ rất ưa thích ngắm nhìn này một ngày kia sẽ bị phá đổ. Những nhà lãnh đạo Do Thái đã làm cho nó ô uế Chúa Giê-xu sẽ rời khỏi nơi đó và để nó ra hoang phế (Mat 23:38) những người La Mã sẽ tàn phá nó.

Khi đã tách xa khỏi những đoàn dân đông, các môn đệ của Chúa Giê-xu hỏi Ngài khi nào biến cố quan trọng này sẽ diễn ra và điều gì sẽ xảy đến để cho thấy chẳng bao lâu nó sẽ ứng nghiệm. Những câu hỏi của họ biểu lộ rằng việc am hiểu lời tiên tri của họ vẫn còn hoàn toàn mơ hồ. Họ cho rằng sự hủy phá đền thờ xảy ra đồng thời với thời kỳ cuối cùng và sự trở lại của Chúa (Mat 24:3). Nhưng câu hỏi của họ tạo cho Chúa Giê-xu cơ hội để rao giảng một sứ điệp tiên tri thường được gọi là “Bài giảng trên Núi Ô-li-ve” (Mat 24:1-25:46 Lu 21:5-36).

Khi chúng ta nghiên cứu bài giảng quan trọng này, chúng ta phải tuân theo những nguyên tắc chỉ đạo thực tiễn. Trước tiên, chúng ta phải nghiên cứu bài giảng này trong ánh sáng của phần còn lại trong Thánh Kinh, đặc biệt là sách Đa-ni-ên. Những lời Thánh Kinh có tính cách tiên tri hòa hợp nhau nếu chúng ta xem xét tất cả những gì Đức Chúa Trời đã mặc khải.

Thứ nhì, chúng ta phải nhìn thấy sự áp dụng thực tiễn của bài giảng này. Chúa Giê-xu không giảng bài giảng này để thỏa mãn sự hiếu kỳ của các môn đệ Ngài, hoặc

thậm chí để làm sáng tỏ ý nghĩ mơ hồ của họ. Ít nhất bốn lần Ngài đã phán “Hãy giữ mình!” (Mac 13:5,9,23,33) và Ngài kết thúc lời giảng dạy bằng lời khuyên, “Hãy tỉnh thức!” Trong khi việc nghiên cứu bài giảng này có thể giúp chúng ta hiểu tận tường hơn những biến cố trong tương lai, chúng ta không được phạm sai lầm trong việc định ra ngày giờ đó! (c.32)

Thứ ba, khi nghiên cứu, chúng ta phải ghi nhớ “bầu không khí Do Thái” của bài giảng. Bài Giảng trên Núi Ô-li-ve phát sinh từ một số câu hỏi do bốn người Do Thái nêu lên cho một ra bi Do Thái, về tương lai ngôi đền thờ của người Do Thái. Những lời cảnh cáo về “Những Christ giả” sẽ đặc biệt liên quan đến người Do Thái (c.5-6,21-22), lời cảnh cáo về tòa án và những cuộc xét xử của người Do Thái (c.9) cũng vậy. Người Do Thái đặc biệt hiểu rõ việc nhắc đến “đấng tiên tri Đa-ni-ên” và lời khuyên phải trốn khỏi xứ Giu-đê (c.14).

Cuối cùng, chúng ta phải nhớ rằng chương này mô tả một khoảng thời gian được xem là “Thời kỳ Tai họa” (c.19,24 Mat 24:21,29). Các tiên tri trong Cựu Ước đã viết về giai đoạn này và gọi đó là “kỳ tai hại của Gia-cốp” (Gie 30:7), một ngày thanh nộ (So 1:15-18), và một thời kỳ giận dữ và sửa phạt (Es 26:20-21). Như chúng ta sẽ thấy, chính tiên tri Đa-ni-ên là đấng ban cho chúng ta “chìa khóa,” để giúp chúng ta hiểu thấu đáo hơn sự liên tục của các biến cố.

Trong Mac 13:1-37, Chúa Giê-xu mô tả ba giai đoạn trong thời kỳ Tai họa này: (1) giai đoạn khởi đầu (c.5-13), (2) giai đoạn giữa (c.14-18), và (3) các biến cố dẫn đến giai đoạn cuối cùng (c.19-27). Kế đó Ngài kết thúc bằng hai ẩn dụ giục giã tín đồ phải tỉnh thức và giữ mình (c.28-37). Sách Phúc Âm theo Ma-thi-ơ thì chi tiết hơn nhưng có những nét chính cơ bản giống nhau: sự khởi đầu của các tai họa (Mat 24:4-14), giai đoạn giữa của Thời kỳ Tai họa (24:15-28), và giai đoạn cuối cùng (24:29-31), sự áp dụng diễn đạt bằng ẩn dụ để kết thúc (24:32-44).

Tôi phải vạch ra rằng nhiều người nghiên cứu lời tiên tri tin rằng tín đồ trong thời kỳ hiện nay của Hội Thánh sẽ được Đấng Christ cất về trời trước khi Thời Kỳ Tai Họa bắt đầu (ITe 4:13-5:11 Kh 3:10-11). Vào lúc chấm dứt Thời kỳ Tai họa, họ sẽ trở lại trên đất cùng với Đấng Christ và được đồng trị với Ngài (Kh 19:11-20:6). Tôi đồng ý với cách giải nghĩa này nhưng tôi không biến nó thành một cuộc thử nghiệm tính chất chính thống hay tính chất thuộc linh.

1. Nửa giai đoạn đầu của thời kỳ tai họa (Mac 13:5-13)

Câu trọng tâm nằm ở cuối câu 8: “đó là đầu sự khốn khổ mà thôi.” Từ được dịch là “những sự khốn khổ” có nghĩa là “con đau đẽ,” ám chỉ rằng thế gian lúc bấy giờ sẽ giống như một người đòn bẩy trong cơn đau đẽ (Es 13:6-8 Gie 4:31 6:24 13:21 22:20-23 ITe 5:3). Cơn đau đẽ sẽ đến thành linh, gia tăng dần, và đưa đến một thời kỳ khốn khổ và tai họa kinh khiếp cho toàn thế giới.

(A) *“Đừng để bị lừa dối.”* Chúa Giê-xu liệt kê những điều không được xem là “các dấu hiệu” của việc Ngài đến. Đúng hơn, chúng là những dấu hiệu cho thấy rằng “con đau đẽ” của Thời kỳ Tai họa chỉ mới bắt đầu. Những dấu hiệu này là: sự thành công của các Christ giả (c.5-6), các dân tộc dấy nghịch nhau (c.7-8), những sự náo động của cõi thiên nhiên (c.8b), và những sự bách hại tôn giáo (c.9-13). Những dấu hiệu này đã luôn xảy ra với chúng ta, nhưng vì có những biến cố này được ví sánh với “con

đau đẽ,” Chúa chúng ta có thể đang phán rằng sự gia tăng nhanh chóng của những sự kiện này sẽ rất đáng kể.

Các đấng Mê-si-a giả. Những trang sách sử đầy những câu chuyện đáng buồn về các đấng Mê-si-a giả, các tiên tri giả, cùng những tín hữu hăng say nhưng bị lừa dối của họ. Chúa Giê-xu cảnh cáo về các tiên tri giả (Mat 7:15-20), như Phao-lô đã làm (Cong 20:28-31), và Giăng cũng vậy (IGi 4:1-6). Có một điều gì đó trong bản chất con người yêu thích một lời giả dối và không chịu tin những bài học đặc giá trong quá khứ. Mark Twain đã nói rằng một lời nói dối chạy quanh khắp thế giới trong khi chân lý đang bắt đầu mang giày. Những kẻ mù lòa thuộc linh thật dễ nghe theo những nhà lãnh đạo nổi tiếng và khờ khạo chấp nhận những giải pháp sai lầm cho các vấn đề trong đời sống biết bao. Chúa Giê-xu cảnh cáo các môn đệ Ngài đừng để bị lừa dối bởi những kẻ phỉnh gạt này, và lời cảnh cáo ấy có thể áp dụng ngày nay.

Những Xung đột về Chính trị. Ngài cũng cảnh cáo chúng ta đừng bối rối bởi những cuộc xung đột chính trị giữa vòng các dân tộc. Đế quốc La Mã đã tận hưởng một phương sách hòa bình suốt nhiều năm, nhưng điều đó sẽ chẳng kéo dài. Khi đế quốc này suy tàn và chủ nghĩa dân tộc phát triển, điều không thể tránh được là các dân tộc sẽ xung đột nhau. “Đế Quốc La Mã Hòa bình” sẽ không bao giờ tồn tại nữa.

Những Tai Ương. Chiến tranh thường để lại sự đói kém tiếp nối theo sau (II Vua 25:2-3 Exe 6:11). Sự đói kém cũng do việc con người lạm dụng môi trường sống, hoặc nó có thể do Đức Chúa Trời đem đến như một sự đoán phạt (IV Vua 17:1). Thường xuyên có những trận động đất, và một số xảy ra là chứng cứ của sự thịnh nộ từ Đức Chúa Trời (Kh 6:12 8:5 11:13 16:18). Vì những tai ương do nhiều nguyên nhân gây ra, nên thật nguy hiểm khi biến chúng thành “những dấu hiệu của các thời kỳ” cách giáo điều cứng nhắc.

(B) *“Đừng ngã lòng!”* Các tín đồ không những phải giữ mình và tránh những kẻ phỉnh gạt, nhưng họ cũng phải tự giữ mình (Mac 13:9-13). Tại sao? Vì họ sẽ đối diện sự chống đối và bắt bớ ngày càng gia tăng từ nhà cầm quyền (cc. 9-11) lẫn từ những kẻ lân cận mình (c. 12-13). Điều quan trọng là các tín đồ biết dùng những trải nghiệm này như những cơ hội để làm chứng cho Chúa Giê-xu Christ. Sự bắt bớ sẽ bắt đầu tại các tòa án Do Thái ở địa phương, nhưng nó sẽ chuyển lên các tòa án cao hơn, nơi những nhà cầm quyền và các vua sẽ ngồi xét xử. Bạn có thể thấy sự việc diễn tiến tương tự được ký thuật trong sách Công vụ các Sứ đồ (Cong 4:1-5:42 7:1-60 12:1-25 16:1-40 21:1-28:31).

Nhưng sự bắt bớ sẽ chỉ đưa đến kết quả là sự công bố đạo Chúa khắp nơi! Các tín đồ sẽ chịu khổ vì có Ngài và theo cách đó sẽ công bố Phúc Âm của Ngài. “Chúng tôi càng gia tăng gấp bội bất cứ khi nào chúng tôi bị các ông tàn hại,” Tertullian đã nói với những kẻ bắt bớ mình. “Huyết của những Cơ Đốc nhân là hạt giống đạo!” Trong khi tôi không nghĩ rằng việc đem Phúc Âm đến cho mọi dân tộc (Mac 13:10) là một điều kiện cho việc trở lại của Chúa chúng ta, đó chắc chắn là mệnh lệnh của Đấng Christ cho dân sự Ngài (Mat 28:19-20). Sự “cuối cùng” ở đây có nghĩa là “sự cuối cùng của thời kỳ,” tức là thời kỳ tai họa.

Đối với những “người bình dân” này thật không dễ dàng khi phải đối diện với tòa án, các bậc cầm quyền, và các vua nhưng Chúa Giê-xu đoán chắc với họ rằng Đức Thánh Linh sẽ hành động qua họ bất cứ khi nào họ có cơ hội để làm chứng (Mac 13:11). Phân đoạn này không nên được dùng như một lời bào chữa hay một chỗ nương tựa

cho những nhà truyền đạo không được chuẩn bị cẩn thận. Đó là một sự khích lệ đối với tất cả mọi tín đồ thành thật muốn làm chứng cho Đấng Christ và tôn vinh Ngài (Gi 14:26 Cong 4:8). Nếu chúng ta đang bước đi trong Thánh Linh, chúng ta sẽ không gặp khó khăn trong việc làm chứng cho Đấng Christ khi cơ hội đến (Gi 15:26-27).

Chúng ta có thể hiểu được sự bắt bớ của nhà cầm quyền, nhưng tại sao bạn bè và những người thân trong gia đình lại tạo nên khó khăn cho các tín đồ? (Mi 7:4tt Gi 15:18-27). Bạn sẽ cho rằng các gia đình người Do Thái đặc biệt trung thành với nhau. Nhưng đức tin Cơ Đốc bị cả người Do Thái lẫn các dân ngoại xem là dị giáo và một sự phạm thượng. Mỗi ngày hai lần, những người Do Thái chính thống đều khẳng định, “Hỡi Y-sơ-ra-ên! hãy nghe: Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta là Giê-hô-va có một không hai!” (Phu 6:4). Người Do Thái nào nói “Chúa Giê-xu là Chúa!” đã phạm tội lộng ngôn và đáng bị xử tử. La Mã trông mong các công dân của mình tuyên xưng “Sê-sa là chúa!” hoặc phải gánh chịu hậu quả. Do đó, các gia đình và bạn hữu sẽ bị giằng xé giữa lòng trung thành với “đức tin lâu đời” của họ và dân tộc họ, với sự hết lòng đối với những người thân yêu của mình.

Nguyên nhân thực sự của việc bắt bớ được nêu trong Mac 13:13, “vì có danh Ta.” Nếu chúng ta đồng nhất hóa với Chúa Giê-xu Christ, chúng ta có thể trông mong thế gian đối xử với chúng ta theo cách nó đã đối xử với Ngài (Gi 15:20tt). Bạn có thể thuộc về đủ loại giáo phái huyền bí ngày nay mà chẳng phải chịu nhiều sự chống đối từ gia đình và bè bạn, nhưng giây phút bạn xưng nhận danh Chúa Giê-xu và chia sẻ Phúc Âm, người ta sẽ bắt đầu chống đối bạn. Danh của Ngài vẫn còn bị con người ghen ghét.

Đừng hiểu câu 13 là một điều kiện để được cứu, vì nó áp dụng chủ yếu cho các chứng nhân trong suốt Thời kỳ Tai họa. Dù một người sống trong thời kỳ nào đi nữa, nếu người ấy thật sự được sanh lại, Đức Chúa Trời sẽ yêu mến người (Gi 13:1 Ro 8:35-38) và gìn giữ người (Gi 10:27-29 Ro 8:29-34). Vì “sự cuối cùng” trong Mac 13:7 có nghĩa là “sự cuối cùng của thời kỳ,” điều đó có thể là điều được nói đến trong câu 13. Trong suốt Thời kỳ Tai họa, các tín đồ thật sẽ chứng tỏ đức tin bằng sự trung tín của mình. Họ sẽ không chịu khuất phục trước những áp lực vô thần của tà giáo (Kh 13:1-18).

2. Giai đoạn giữa của thời kỳ tai họa (Mac 13:14-18)

Cụm từ “sự tàn nát góm ghiếc” ra từ Sách Đa-ni-ên và ám chỉ việc các dân ngoại làm ô uế đền thờ của người Do Thái bởi việc thờ lạy hình tượng. Đối với người Do Thái, tất cả các thần tượng đều là một sự góm ghiếc (Phu 29:17 II Vua 16:3). Đền thờ Do Thái giáo đã bị ô uế vào năm 167 T.C, bởi vua Sy-ri là Antiochus IV (cũng gọi là “Epiphanes,” nghĩa là “vinh quang”) khi ông ta rưới huyết của con heo trên bàn thờ. Sự kiện này đã được báo trước trong Da 11:31. Đền thờ cũng bị ô uế bởi người La Mã vào năm 70 S.C. khi họ chiếm giữ và hủy phá thành Giê-ru-sa-lem. Tuy nhiên, những biến cố này chỉ là những sự thấy trước của “sự tàn nát góm ghiếc” cuối cùng được tiên đoán trong Da 9:27 và 12:11.

Để hiểu Da 9:24-27 chúng ta phải nhớ rằng lịch Do Thái dựa vào một loạt những con số bảy. Ngày thứ bảy trong tuần là ngày Sa-bát, và tuần lễ thứ bảy sau lễ Vượt Qua đem đến lễ Ngũ Tuần. Tháng thứ bảy đem đến lễ Thối Kèn, Ngày Đại lễ Chuộc Tội, và lễ Lều Tạm. Năm thứ bảy là năm Sa-bát, và sau bảy năm Sa-bát là đến Năm Hân Hỉ.

Đa-ni-ên nhìn thấy bảy tuần lễ, hay khoảng thời gian bảy năm, đã được định cho người Do Thái và cho thành thánh của họ là Giê-ru-sa-lem. Khoảng thời gian 490 năm này bắt đầu với sắc lệnh của vua At-ta-xét-xe vào năm 445 T.C. cho phép người Do Thái trở về xứ sở và xây dựng lại thành Giê-ru-sa-lem (Exo 1:1-4). Tại sao thành này phải được xây dựng lại? Bởi vì 483 năm sau (7 x 69), Đấng Mê-si-a sẽ hiện đến tại thành này và phó sự sống Ngài vì có những kẻ có tội.

Giờ đây chúng ta phải làm một số bài toán đơn giản. Hầu hết các sử gia đều đồng ý rằng Chúa Giê-xu giáng sinh vào năm 5 T.C. vì Đại đế Hê-rốt lúc bấy giờ vẫn còn sống, và ông qua đời vào Tháng Ba, năm 4 T.C. Nếu Chúa chúng ta chịu chết vào khoảng tuổi 33, lúc đó sẽ vào khoảng năm 27 hoặc 28 S.C., và khi sắc lệnh này được ban hành thì sẽ là 483 năm sau năm 445 T.C.!

Chúng ta đã tính được 483 trong số 490 năm của Đa-ni-ên, nhưng còn về bảy năm còn lại thì sao? Da 9:27 quy chúng vào thời kỳ Tai Họa mà chúng ta đang nghiên cứu. (Xin lưu ý là Da 9:26 cũng tiên đoán sự hủy phá thành Giê-ru-sa-lem – bởi tay người La Mã, những nhà chú giải kết luận vậy – nhưng hai biến cố này không được lẫn lộn.) “Kỳ tai họa của Gia-cốp” sẽ kéo dài bảy năm.

Nhưng điều gì báo hiệu sự khởi đầu của thời kỳ bảy năm kinh khiếp này? Việc ký kết của một giao ước giữa dân tộc Y-sơ-ra-ên và “vua hầu đến” (Da 9:26). “Vua” này là kẻ độc tài thế giới sắp đến mà chúng ta thường gọi là “Antichrist.” Trong Sách Khải huyền, hắn được gọi là “Con Thú” (Kh 13:1-14:20). Hắn sẽ đồng ý bảo vệ Y-sơ-ra-ên khỏi nhiều kẻ thù của họ trong bảy năm, và sẽ cho phép người Do Thái xây dựng lại đền thờ của họ và khôi phục lại nghi thức tế lễ và các của lễ cổ xưa của họ. Người Do Thái đã chối bỏ Đấng Mê-si-a thật của mình nhưng sẽ chấp nhận một đấng Mê-si-a giả (Gi 5:43). Tuy nhiên, sau ba năm rưỡi, Antichrist sẽ phá vỡ giao ước này, xâm chiếm đền thờ, dựng ảnh tượng của chính mình lên, và buộc thế giới phải thờ lạy Satan (Kh 13:1-18 IITe 2:1-12). Đây là “sự tàn nát gớm ghiếc” của Đa-ni-ên, và nó sẽ mở ra nửa thời kỳ Tai họa sau cùng, một thời kỳ được mệnh danh là “Cơn Đại Nạn” (Mat 24:21). Hãy chú ý trong Mac 13:14 phần trong ngoặc đơn của Mác là dành cho các độc giả vào một thời kỳ trong tương lai, chớ không phải những thánh giá khi Chúa Giê-xu rao giảng sứ điệp này. Sứ điệp này sẽ có ý nghĩa đặc biệt đối với họ khi họ nhìn thấy những biến cố này xảy ra.

Chúa Giê-xu ban một lời cảnh cáo đặc biệt cho các tín đồ Do Thái tại Giê-ru-sa-lem và xứ Giu-đê: “Hãy trốn khỏi thành càng nhanh càng tốt!” Lời cảnh cáo tương tự này có thể áp dụng khi La Mã tấn công thành Giê-ru-sa-lem vào năm 70 S.C. (Xin xem Lu 21:20-24 và hãy nhớ rằng Da 9:26 đã tiên đoán sự xâm chiếm này.) Những điều xảy ra vào năm 70 S.C. báo trước những điều sẽ xảy ra trong giai đoạn giữa của Thời Kỳ Tai Họa. Tiến Sĩ Harry Rimmer đã từng nói, “Những biến cố sắp đến giăng bóng của chúng trước. Ngay đằng trước có ngày hôm qua!” Những lời cảnh cáo trong Mac 13:14-18 không áp dụng cho tín đồ ngày nay, nhưng chúng thực sự nhắc nhở chúng ta rằng dân sự Đức Chúa Trời trong mọi thời đại phải nhận biết Lời tiên tri và được chuẩn bị để vâng lời Đức Chúa Trời vào bất cứ lúc nào.

3. Nửa giai đoạn cuối của thời kỳ tai họa (Mac 13:19-37)

Trong Sách Khải huyền, nửa giai đoạn cuối của Thời Kỳ Tai Họa được gọi là “cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời” (Kh 14:10,19 15:1,7 16:1,19 19:15). Trong suốt thời gian này, Đức Chúa Trời sẽ đoán xét thế gian và chuẩn bị dân Y-sơ-ra-ên cho sự hiện đến

của đấng Mê-si-a. Đó sẽ là một thời kỳ đoán xét cao nhất mà thế gian chưa bao giờ chứng kiến hoặc sẽ từng được chứng kiến một lần nữa. Trong sự đoán xét này, Đức Chúa Trời sẽ thực hiện các mục đích của Ngài và chuẩn bị cho sự hiện đến của Đấng Đắc Thắng (Kh 19:11tt).

Ngay cả trong cơn thanh nộ của Ngài, Đức Chúa Trời vẫn nhớ lại sự thương xót (Ha 3:2) và vì có những kẻ Ngài đã chọn, Ngài giảm bớt những ngày của Thời kỳ Tai họa. (Những “kẻ được chọn” ám chỉ dân Y-sơ-ra-ên và các dân ngoại trở lại tin trong suốt Thời Kỳ Tai họa. Xin xem Kh 14:1-20) “Giảm bớt các ngày ấy” có nghĩa là Ngài giới hạn chúng là ba năm rưỡi đã định và dừng lại đúng thời hạn.

Sự lừa dối của Sa-tan sẽ tiếp tục cho đến cuối cùng, và các Christ giả cùng các tiên tri giả sẽ dẫn người ta đi lạc đường. Trên thực tế, thậm chí chúng sẽ làm các phép lạ nữa (Mat 7:21-23 ITe 2:9-12 Kh 13:13-14). Những phép lạ này sẽ lừa dối mọi người đến nỗi ngay cả những kẻ được chọn cũng sẽ bị cám dỗ tin vào những lời dối gạt của chúng. Tự chúng, các phép lạ này không phải là một dấu chứng của sự kêu gọi và sự phê chuẩn từ thiên thượng (Phu 13:1-5). Sự thử nghiệm cuối cùng là Lời của Đức Chúa Trời.

Thời kỳ Tai Họa sẽ lên cao điểm với sự xuất hiện của những dấu hiệu kinh hãi trên trời và sự hỗn loạn khắp nơi trên đất (Lu 21:25-26). Những dấu hiệu này, đã được các đấng tiên tri báo trước (Es 13:10 34:4 Gio 2:10 3:15), sẽ mở đường cho sự hiện đến của Chúa Giê-xu Christ trên đất này. Đó sẽ là một sự tỏ lộ của vinh hiển lớn lao Ngài (Da 7:13-14 Mac 8:38) khi Ngài đến để thiết lập sự cai trị của Ngài trên đất (Cong 1:11 Kh 1:7).

Mac 13:27 mô tả sự tụ họp lại của dân Y-sơ-ra-ên từ các dân tộc mà họ đã bị tản lạc khắp thế giới (Phu 30:3-6 Es 11:12 Gie 31:7-9). Họ sẽ nhìn thấy đấng Mê-si-a và tin cậy Ngài, và cả dân tộc sẽ được lập lại trong sự thánh khiết và vinh hiển (Xa 12:9-13:1 14:4-11). Việc có một tương lai vinh hiển cho dân Y-sơ-ra-ên được Phao-lô nêu lên trong Ro 11:1-36.

Chúa Giê-xu không muốn các môn đệ Ngài quá bị thu hút vào những lời tiên tri về tương lai đến nỗi họ sẽ sao lãng trách nhiệm của mình trong hiện tại vì thế Ngài kết thúc Bài Giảng trên Núi Ô-li-ve bằng hai ẩn dụ. (Mat 25:1-46 có thêm ba ẩn dụ khác – những người nữ đồng trinh, các ta lạng, và sự chia chian với dê ra trong ngày phán xét sau cùng.) Hãy lưu ý rằng ẩn dụ đầu tiên (Mac 13:28-31) chú trọng việc biết rằng sự hiện đến của Ngài đã gần kề, trong khi ẩn dụ thứ hai nhấn mạnh việc không biết thời gian Ngài trở lại. Liệu điều này có mâu thuẫn không? Không mâu thuẫn chút nào, vì hai ẩn dụ được phán với hai nhóm người khác nhau – ẩn dụ thứ nhất phán với các thánh đồ của Thời kỳ Tai Họa, và ẩn dụ thứ hai, với tất cả các tín đồ thuộc mọi thời đại.

Cây vả có một sự gắn bó đặc biệt với dân tộc Y-sơ-ra-ên (xin xem Mac 11:12-14, nhưng hãy lưu ý là Lu 21:29 thêm vào “và các cây khác”). Hầu hết các loại cây tại xứ Palestine lá thường xanh và không thay đổi theo mùa. Cây vả thì không như thế nó là một trong những cây ra lá muộn nhất vào mùa xuân, vì vậy các chồi non của nó là một dấu hiệu cho biết mùa hạ thật gần rồi.

Là tín đồ Cơ Đốc ngày nay, chúng ta không đang tìm kiếm “những dấu hiệu” về sự hiện đến của Ngài chúng ta đang tìm kiếm chính Ngài! Nhưng những người sống trong suốt Thời Kỳ Tai Họa sẽ có thể nhìn thấy những việc này xảy ra và sẽ biết rằng

việc hiện đến của Ngài gần rồi. Sự biết chắc này sẽ giúp họ chịu đựng (Mac 13:13) và trở thành những chứng nhân đặc lực.

Chúng ta nghĩ đến một “thế hệ” như một nhóm người sống vào cùng một thời trong lịch sử. Nhưng Chúa Giê-xu đang ám chỉ “thế hệ” nào trong câu 30? Không phải là thế hệ lúc ấy đang sống tại xứ Giu-đê, bởi lẽ họ không nhìn thấy “tất cả mọi điều này” thật sự xảy ra. Có lẽ Ngài muốn nói đến thế hệ đang sống trong Thời kỳ Tai Họa. Nhưng vì Thời Kỳ Tai Họa chỉ trải qua bảy năm, tại sao lại đề cập đến cả một thế hệ? Vì vấn đề đó, vài thế hệ khác nhau cùng sống chung trong suốt mọi giai đoạn của lịch sử.

Từ Hy Lạp được dịch là “thế hệ” cũng có thể có nghĩa là “dòng dõi, dòng họ, gia đình.” Vào nhiều dịp, Chúa Giê-xu đã dùng từ này để ám chỉ dân tộc Do Thái (Mac 8:12,38 9:19) và đó có thể là cách Ngài dùng từ này trong Mac 13:30. Dân tộc được chọn, tuyển dân của Đức Chúa Trời, sẽ được bảo toàn cho đến cuối cùng và Đức Chúa Trời sẽ làm trọn những lời Ngài đã hứa với họ. Lời Ngài sẽ không bao giờ qua đi (Gios 21:45 IVua 8:56 Mat 24:35). Là tín đồ chúng ta không dựa vào các dấu hiệu chúng ta nương trên Lời bất biến của Ngài, “lời chắc chắn của các đấng tiên tri” (IIPhi 19-21).

Ấn dụ về Cây Vả cảnh cáo các thánh đồ trong Thời kỳ Tai Họa phải tỉnh thức và nhận biết “những dấu hiệu của các thời kỳ.” Nhưng Ấn dụ về Người Quản gia cảnh tỉnh tất cả chúng ta ngày nay (Mac 13:37) phải thức canh, vì chúng ta không biết lúc nào Ngài sẽ trở lại đem chúng ta về trời (ICo 15:51-52). Giống như người quản gia trong câu chuyện, trước khi Chúa từ biệt chúng ta về trời, Ngài ban cho mỗi chúng ta công tác để thực hiện. Ngài trông mong chúng ta trung tín trong lúc Ngài vắng mặt và đang làm việc khi Ngài trở lại. Lời khuyên nhủ của Ngài là “Hãy giữ mình, tỉnh thức và cầu nguyện.”

Từ “tỉnh thức” có nghĩa là tỉnh táo, cảnh giác, không đang ngủ. Tại sao chúng ta phải tỉnh thức? Vì không ai biết được khi nào Chúa Giê-xu Christ sẽ trở lại. Khi còn ở tại thế trong sự hạ mình, Chúa Giê-xu không biết ngày hoặc giờ nào Ngài sẽ trở lại. Cả đến thiên sứ cũng không biết được. Thế gian chưa được cứu nhạo báng chúng ta vì chúng ta cứ tiếp tục giữ mãi “hy vọng phước hạnh” này, nhưng Ngài sẽ trở lại như Ngài đã hứa (IIPhi 3:1-18). Nhiệm vụ của chúng ta là trung tín và hầu việc Ngài, chớ không phải nghiên cứu hay bàn cãi về những chi tiết còn kín nhiệm của lời tiên tri.

Sự tỉnh thức không liên quan gì đến việc lên thiên đàng. Đó thuần túy chỉ là việc làm đẹp lòng Ngài, nghe lời khen ngợi đầy yêu thương của Ngài, và nhận lãnh sự ban thưởng của Ngài (Mat 25:14-30). Ở đây không ám chỉ là, khi Chúa Giê-xu trở lại, Ngài sẽ chỉ đem những kẻ trung tín về trời và để những kẻ khác lại trên đất để gánh chịu Thời Kỳ Tai Họa. Gia đình của Ngài chỉ là một, và Ngài hiện đang sắm sẵn một chỗ ở cho tất cả những kẻ thuộc về gia đình đó, cả đến những người không xứng đáng nhất (Gi 14:1-6). Chúng ta lên thiên đàng vì có ân điển của Ngài, chớ không phải vì sự trung tín hay những việc lành của mình (Eph 2:8-10).

Những Cơ Đốc nhân đã đọc sách Phúc Âm của Mác cuối cùng phải đối diện sự bắt bớ kinh khiếp của La Mã (IPhi 4:12tt), và sứ điệp đặc biệt này chắc hẳn đã đem lại sự yên ủi và sức mạnh cho họ. Xét cho cùng, nếu Đức Chúa Trời có thể giúp đỡ dân sự Ngài làm chứng trong suốt Cơn Đại Nạn, là sự bắt bớ kinh khiếp hơn hết, thì chắc chắn Ngài đã có thể làm cho vững mạnh các thánh đồ trong Đế Quốc La Mã khi họ đối diện sự thử thách khốc liệt xảy đến với mình.

Trong khi Cơ Đốc nhân ngày nay sẽ không từng trải những sự khốn khổ mô tả trong chương này, chúng ta sẽ được dự phần trong sự bắt bớ và tai họa trong thế gian này trước khi Chúa trở lại (Gi 16:33 Cong 14:22). Nhưng những lời cảnh cáo của sứ điệp này trong Mac 13:1-37 có thể được ứng dụng trong đời sống riêng của chúng ta: “Hãy giữ mình kéo có ai lừa dối các ngươi chẳng” (c. 5,23) “Hãy giữ mình để các ngươi không ngã lòng và bỏ cuộc” (c.9) “Hãy giữ mình, tỉnh thức và cầu nguyện” (c.33).

“Điều mà Ta nói cùng các ngươi, Ta cũng nói cho mọi người: Hãy tỉnh thức!” (Lu 13:37).

11. NGƯỜI TÔI TỚ CHỊU KHỔ (Mac 14:1-15:20)

Trong lúc hàng ngàn người hành hương đi dự lễ Vượt Qua đang sửa soạn cho những thú vui trong kỳ lễ, Chúa Giê-xu lại đang chuẩn bị cho sự thử thách của việc xét xử và đóng đinh Ngài. Ngài đã kiên quyết đi đến thành Giê-ru-sa-lem (Lu 9:51), thế nên Ngài cũng kiên quyết làm theo ý chỉ của Đức Chúa Cha. Người Tôi Tớ đã “vâng phục cho đến chết, thậm chí chết trên cây thập tự” (Phi 2:8).

Hãy theo bước chân Ngài trong suốt những ngày giờ của tuần lễ cuối cùng, và rồi bạn sẽ kinh ngạc khi nhìn thấy những phản ứng của đủ mọi hạng người đối với Chúa Giê-xu Christ.

1. Tại Bê-tha-ni - được tôn quý (Mac 14:1-11)

Sự kiện này diễn ra sáu ngày trước lễ Vượt Qua, tức vào ngày Thứ Sáu trước khi Chúa Vào thành cách Khải hoàn (Gi 12:1). Bằng cách đặt câu chuyện này giữa những lời tường thuật về âm mưu bắt giữ Chúa Giê-xu, Mác đối chiếu sự đối gạt của Giu-đa và những nhà lãnh đạo với lòng yêu kính và trung thành của Ma-ri. Sự xấu xa của tội lỗi họ khiến cho vẻ đẹp của sự hy sinh nơi bà càng có ý nghĩa hơn.

Cả Mác lẫn Ma-thi-ơ đều không nêu tên người phụ nữ này, nhưng Giảng cho chúng ta biết rằng đó chính là Ma-ri tại làng Bê-tha-ni, chị em của Ma-thê và La-xa-rơ (Gi 11:1-2). Ma-ri được nhắc đến ba lần trong chuyện kể của các sách Phúc Âm và mỗi lần, bà đều ngồi dưới chân Chúa Giê-xu (Lu 10:38-42 Gi 11:31-32 12:1-8). Ma-ri có một mối thâm giao với Chúa khi bà ngồi dưới chân Ngài và lắng nghe Lời Ngài. Bà là một gương mẫu tốt đẹp cho tất cả chúng ta noi theo.

Việc Ma-ri xúc dầu cho Chúa không nên bị nhầm lẫn với một sự kiện tương tự được ghi lại trong Lu 7:36-50. Người phụ nữ vô danh trong nhà của Si-môn người Pha-ri-si là một kỵ nữ đã được biến đổi đang biểu lộ lòng yêu kính của mình đối với Đấng Christ vì có Ngài đã khoan nhân tha thứ cho những tội lỗi của bà. Trong nhà của Si-môn người được chữa lành bệnh phong, Ma-ri đã biểu lộ lòng yêu kính của mình đối với Đấng Christ vì Ngài sắp phải lên thập tự giá để chịu chết thế cho bà. Bà sửa soạn cho việc chôn xác Chúa khi bà xúc dầu cho đầu Ngài (Mac 14:3) và chân Ngài (Gi 12:3). Bà bày tỏ lòng yêu mến đối với Chúa Giê-xu trong khi Ngài vẫn đang còn sống.

Bà đã dâng lên cho Chúa là một lễ vật thật đặc giá. Dầu cam tùng hương được nhập từ Ấn Độ, và một chai dầu nguyên rất có thể trị giá tương đương với tiền thu nhập một năm của một người lao động bình thường. Ma-ri dâng hiến cách thật hào phóng và đầy lòng yêu thương. Bà không hổ thẹn khi công khai bày tỏ lòng yêu kính của mình đối với Đấng Christ.

Hành vi tôn kính Chúa của bà đem lại ba kết quả. Trước hết, cả nhà đều sực nức hương thơm của dầu cam tùng (Gi 12:3 xin cũng lưu ý ICo 2:15-16). “Hương thơm thuộc linh” luôn tỏa ngát trong nhà nào mà Chúa Giê-xu được yêu mến và tôn thờ.

Thứ nhì, các môn đệ, do Giu-đa dẫn đầu, lên án Ma-ri vì đã phí phạm tiền của mình! Thoạt nghe thì Giu-đa có vẻ sùng kính vô cùng khi nói về những người nghèo khổ, nhưng thực tế hẳn chỉ muốn chiếm đoạt số tiền cho bản thân mình! (Gi 12:4-6). Ngay cả trong Phòng Cao, sáu ngày sau đó, các môn đệ vẫn cho rằng Giu-đa quan tâm đến việc cứu giúp những người nghèo thiếu (Gi 13:21-30). Thật thú vị là từ ngữ được dịch là “phí phạm” trong Mac 14:4 lại được dịch là “sự hư mất” trong Gi 17:12 và áp dụng cho Giu-đa! Giu-đa đã lên án Ma-ri vì “phí phạm tiền,” nhưng hẳn lại bỏ phí cả đời mình!

Thứ ba, Chúa Giê-xu khen ngợi Ma-ri và chấp nhận quà tặng đầy ý nghĩa của bà. Ngài biết tấm lòng của Giu-đa và hiểu vì sao các môn đệ khác lại làm theo gương xấu của hắn. Ngài cũng biết tấm lòng của Ma-ri và vội vàng bênh vực cho bà (Ro 8:33-39). Dù cho những người khác có thể nói gì về sự thờ phượng và hầu việc của chúng ta, điều quan trọng nhất là chúng ta làm đẹp lòng Chúa. Sự kiện những người khác hiểu lầm và phê phán chúng ta không thể khiến chúng ta thôi bày tỏ lòng yêu mến của mình đối với Đấng Christ. Điều chúng ta cần nên quan tâm là sự tán đồng của Ngài mà thôi.

Khi Ma-ri dâng hiến điều tốt nhất của mình dưới chân Chúa Giê-xu, bà khiến cho một “làn sóng phước hạnh” bắt đầu và liên tục dâng trào cho đến ngày nay. Bà là một nguồn phước cho Chúa Giê-xu khi bà san sẻ lòng yêu kính của mình, và bà là một nguồn phước cho gia đình mình khi hương thơm lan tỏa ra. Nếu không vì có Ma-ri thì ngôi làng Bê-tha-ni của bà có lẽ đã không còn được nhớ đến. Hội Thánh ban đầu đã được phước khi nghe thuật lại việc làm này của bà và, vì có những lời ký thuật trong ba sách Phúc Âm, Ma-ri đã trở nên một nguồn phước cho cả thế giới – và vẫn còn là nguồn phước cho đến ngày nay! Lời báo trước của Chúa chắc chắn đã được ứng nghiệm.

Ma-ri dâng hiến điều tốt nhất của mình bởi đức tin và lòng yêu thương Giu-đa dâng điều xấu nhất của hắn trong sự vô tín và lòng ghen ghét. Hắn đã giải quyết vấn đề làm thế nào những nhà lãnh đạo Do Thái có thể bắt giữ Chúa Giê-xu mà không gây ra một cuộc bạo động trong suốt kỳ lễ. Hắn đã bán Thầy mình với giá của một tên nô lệ (Xu 21:32), hành động bội phản thấp hèn nhất trong lịch sử.

2. Trong phòng cao - bị phản bội (Mac 14:12-26)

Chiên con lễ Vượt Qua được chọn vào ngày thứ mười của tháng Nisan (khoảng Tháng Ba, tháng Tư của chúng ta), được xem xét kỹ xem có tí vết gì không, và rồi bị giết chết vào ngày thứ mười bốn của tháng này (Xu 12:3-6). Con chiên phải bị giết chết trong khuôn viên đền thờ và bữa tối được ăn trong phạm vi giới hạn của thành Giê-ru-sa-lem. Đối với người Do Thái, lễ Vượt Qua là để kỷ niệm một chiến thắng trong quá khứ, nhưng Chúa Giê-xu lập nên một bữa ăn mới để kỷ niệm sự chết của Ngài.

Phi-e-rơ và Giăng lo liệu chuẩn bị bữa ăn tối (Lu 22:8). Thật không khó khi nhận ra một người nam xách vò nước vì phụ nữ thường làm công việc này. Người này có phải là cha của Giăng Mác không? Có phải Chúa Giê-xu ăn lễ Vượt Qua trong một phòng cao tại nhà của Giăng Mác không? Đây là những sự phỏng đoán thú vị, nhưng

chúng ta không có bằng chứng để có thể khẳng định chúng. Tuy nhiên, chúng ta thật sự biết rằng nhà của Giăng Mác là một nơi nhóm họp thông công của các tín hữu tại Giê-ru-sa-lem (Cong 12:12).

Lễ Vượt Qua đầu tiên gồm có thịt chiên quay, bánh không men, và cá với rau đắng (Xu 12:8-10). Con chiên nhắc người Do Thái nhớ đến huyết được bôi lên mày cửa tại xứ Ai Cập để giữ cho thiên sứ không giết chết con đầu lòng của họ. Bánh nhắc họ nhớ đến việc họ hối hả rời khỏi xứ Ai Cập (Xu 12:39), và rau đắng nói đến nỗi khổ của họ khi còn là nô lệ của Pha-ra-ôn. Vào một lúc nào đó trong những thế kỷ nối tiếp, người Do Thái đã thêm vào nghi thức này việc uống bốn chén rượu nho pha với nước.

Vì đối với người Do Thái một ngày mới bắt đầu khi mặt trời lặn, nên khi Chúa Giê-xu cùng các môn đệ họp nhau tại Phòng Cao là vào ngày Thứ Sáu. Đây là lễ Vượt Qua cuối cùng của Ngài, và vào hôm ấy, Ngài sẽ làm trọn ý nghĩa của lễ Vượt Qua bằng cách chết trên cây thập tự như Chiên Con không tì vết của Đức Chúa Trời (Gi 1:29 ICo 5:7 IPhi 2:21-24).

Giữa Mac 14:17,18 là những chi tiết về việc rửa chân các môn đệ và bài học về sự khiêm nhường (Gi 13:1-20). Theo sau bài học ấy, Chúa Giê-xu trở nên rất đổi buồn bực và cho biết là một trong các môn đệ là kẻ phản bội. Lời tuyên bố này khiến tất cả các môn đệ đều sửng sốt trừ ra Giu-đa, là kẻ đã biết rằng Chúa Giê-xu đang nói về mình. Cho đến giây phút cuối cùng, Chúa Giê-xu vẫn không tỏ lộ cho các môn đệ khác biết chân tướng của kẻ phản bội Ngài, vì Ngài muốn cho Giu-đa mọi cơ hội để xoay khỏi tội lỗi. Ngài thậm chí cũng đã rửa chân cho Giu-đa nữa! Giá mà Phi-e-rơ đã biết sự thật về Giu-đa, thì có thể lắm ông đã giết hắn đi.

Một số người cố gắng bênh vực cho Giu-đa bằng cách lập luận rằng hắn phản bội Chúa Giê-xu để thúc bách Ngài bày tỏ năng quyền của mình và lập nên nước Do Thái. Những người khác cho rằng hắn không là gì cả ngoài ra là một kẻ tội tó đã ngoan ngoãn làm trọn Lời phán của Đức Chúa Trời. Giu-đa không phải là một kẻ tuận đạo cũng không phải là một người máy. Hắn là một con người có trách nhiệm đã tự mình có những quyết định riêng nhưng, trong khi làm như vậy, đã làm ứng nghiệm Lời Đức Chúa Trời. Hắn không thể nào được xem như một anh hùng (“Xét cho cùng, phải có một người nào đó phản bội Chúa Giê-xu!”) hoặc một nạn nhân đáng thương của sự tiền định thật tàn nhẫn. Giu-đa bị hư mất vì nguyên do tương tự như hàng triệu người đang hư mất ngày nay: hắn không ăn năn các tội lỗi mình và tin nơi Chúa Giê-xu Christ (Gi 6:64-71 13:10-11). Nếu bạn chưa từng được sanh lại, thì một ngày kia bạn sẽ ước ao là mình đừng được sanh ra trên đời thì hơn.

Không ai trong các môn đệ khác thực sự nghĩ chính mình sẽ là kẻ phản bội, vì câu hỏi của họ hàm ý một câu trả lời phủ định: “Không phải là tôi, phải không?” Những môn đệ này đã thường tranh cãi nhau về việc ai trong vòng họ là người lớn nhất, nhưng giờ đây họ lại đang bàn luận xem ai trong họ là kẻ hèn hạ nhất. Để làm cho vấn đề tệ hại hơn, Chúa Giê-xu phán rằng kẻ phản Ngài thậm chí đã từng ngồi chung bàn ăn bánh với Ngài! Ở Đông phương, bẻ bánh với một người nào đó có nghĩa là bước vào một hiệp ước của tình bằng hữu và tin cậy lẫn nhau. Đó sẽ là một hành động phản bội đê tiện nhất nếu cùng bẻ bánh và rồi phản bội lại chủ mình. Tuy nhiên, ngay đến điều này cũng là sự ứng nghiệm Lời Đức Chúa Trời đã phán (Thi 41:9).

Giu-đa đang ngồi trong chỗ danh dự bên tả Chúa chúng ta, trong khi Giăng đang nghiêng người bên hữu Ngài (Gi 13:23). Khi Chúa Giê-xu đưa cho Giu-đa miếng bánh

đã nhúng trong rau đắng, đó là hành động của một người chủ đối với một người khách đặc biệt. Ngay đến điều này cũng không khiến cho lòng Giu-đa tan vỡ, vì sau khi Giu-đa cầm lấy miếng bánh, Sa-tan liền chiếm hữu lòng hắn. Giu-đa bèn rời khỏi Phòng Cao để đi sắp đặt lần chót việc bắt Chúa Giê-xu. Nhưng cả đến lúc đó các môn đệ cũng không biết sự thật về Giu-đa (Gi 13:27-30) và họ sẽ không khám phá ra sự thật này cho đến khi họ gặp lại hắn sau đó trong Vườn Ghết-sê-ma-nê.

Sau khi Giu-đa đi rồi, Chúa Giê-xu thiết lập điều mà các Cơ Đốc nhân thường gọi là “Bữa Tiệc của Chúa” hay “lễ Tiệc Thánh.” (Từ lễ Tiệc Thánh ra từ một từ ngữ Hy Lạp có nghĩa là “cảm tạ.”) Sau khi uống chén thứ ba của lễ Vượt Qua, Chúa Giê-xu lấy một trong những ổ bánh không men, chúc phước, bẻ ra, và nói với các môn đệ, “Đây là thân thể Ta.” Đoạn Ngài lấy chén thứ tư cũng là chén cuối cùng của lễ Vượt Qua, chúc phước, và ban chén ấy cho họ, nói rằng, “Đây là huyết Ta” (ICo 11:23-26).

Bánh và rượu nho là hai món thông thường được dùng hầu như trong mỗi bữa ăn, nhưng Chúa Giê-xu ban cho chúng một ý nghĩa mới mẻ lạ lùng. Khi Chúa Giê-xu phán “Đây là thân thể Ta” và “Đây là huyết Ta,” Ngài không hóa bánh hoặc rượu nho ra thành bất cứ món gì khác đi. Khi các môn đệ ăn bánh, đó vẫn là bánh khi họ uống rượu nho, đó vẫn là rượu nho. Tuy nhiên, Chúa ban một ý nghĩa mới cho bánh và rượu, hầu cho, từ giờ phút ấy trở đi, họ sẽ dùng bánh và rượu để kỷ niệm sự chết của Ngài.

Vậy thì, Chúa Giê-xu đã hoàn tất điều gì bởi sự chết Ngài? Trên thập tự giá, Chúa Giê-xu đã làm trọn Giao ước Cũ và thiết lập một Giao ước Mới (He 9:1-10:39). Giao ước Cũ đã được thông qua bởi huyết của các con sinh tể, nhưng Giao ước Mới được thông qua bởi huyết của chính Con Đấng Chúa Trời. Giao ước Mới trong huyết Ngài sẽ thực hiện những gì các của lễ trong Giao ước Cũ không thể nào làm trọn – cất tội lỗi đi và tẩy sạch tấm lòng và lương tâm của người tín đồ. Chúng ta không được cứu khỏi tội lỗi mình bởi việc tham gia vào một nghi thức tôn giáo, nhưng bởi việc tin nhận Chúa Giê-xu Christ làm Cứu Chúa của mình.

Mệnh lệnh của Chúa chúng ta là, “Hãy làm điều này để nhớ đến Ta” (ICo 11:24-25). Từ ngữ được dịch là “nhớ” hàm nhiều ý nghĩa hơn là “tưởng nhớ,” vì bạn có thể làm một điều gì đó để tưởng nhớ một người đã qua đời – thế nhưng Chúa Giê-xu vẫn đang sống! Từ này có ý nói đến một sự dự phần hiện tại trong một biến cố quá khứ. Vì Chúa Giê-xu vẫn đang sống, khi chúng ta kỷ niệm lễ Tiệc Thánh, bởi đức tin chúng ta được thông công với Ngài (ICo 10:16-17). Đây không phải là một kinh nghiệm “có tính cách ma thuật” do bánh và chén tạo nên. Đó là một từng trải thuộc linh đến từ việc chúng ta nhận biết rõ Đấng Christ và ý nghĩa của lễ Tiệc Thánh (ICo 11:27-34).

Điều cuối cùng Chúa Giê-xu và các môn đệ Ngài đã làm tại Phòng Cao là hát thơ thánh kỷ niệm lễ Vượt Qua dựa trên Thi 115:1-118:29. Hãy hình dung việc Chúa chúng ta ca hát khi thập tự giá đang chờ đợi mình chỉ vài giờ sau đó!

3. Trong vườn - bị lừa bỏ (Mac 14:27-52)

Trên đường đến Vườn Ghết-sê-ma-nê (“bàn ép dầu”), Chúa Giê-xu cảnh cáo các môn đệ rằng hết thảy họ đều sẽ lừa bỏ Ngài nhưng Ngài liền quả quyết với họ rằng Ngài sẽ gặp lại họ tại xứ Ga-li-lê sau khi Ngài sống lại. Thậm chí Ngài cũng trích dẫn Xa 13:7 – “Ta sẽ đánh kẻ chăn, thì bầy chiên sẽ tan lạc” – để hỗ trợ cho lời cảnh cáo của Ngài. Tâm trí và tấm lòng của họ không thể nào nhận lãnh hay ghi nhớ những

lời phán của Ngài, vì ba ngày sau đó, họ đã không tin những lời tường thuật về sự sống lại của Ngài! Và chính thiên sứ cũng phải đặc biệt nhắc nhở họ hãy đến xứ Ga-li-lê để gặp Ngài (Mac 16:6-7). Nếu họ đã lắng nghe lời Ngài phán và tin lời ấy, thì rất có thể họ đã tránh được nhiều nỗi lo âu và Phi-e-rơ rất có thể đã không chối Chúa.

Câu trích dẫn từ Xa-cha-ri cho các môn đệ biết phải làm gì khi những người Do Thái đến bắt Chúa Giê-xu: tản lạc đi! Thực ra, chính vào giờ phút Ngài bị bắt, Chúa Giê-xu đã phán, “Hãy để cho những kẻ này (các môn đệ) đi” (Gi 18:8). Nói cách khác, “Các người hãy đi khỏi đây!” Tôi đã từng đọc nhiều bài giảng hùng biện trách Phi-e-rơ vì đã “theo Chúa xa xa,” nhưng họ hoàn toàn bỏ quên điểm chính yếu. Ông không có nhiệm vụ phải đi theo chút nào! Nếu ông đã vâng theo lời Chúa, thì rất có thể ông đã không dùng gươm mình tấn công một người và cũng đã không chối Chúa ba lần.

Phi-e-rơ dường như khó mà áp dụng các mệnh lệnh của Chúa Giê-xu cho chính mình. Các môn đệ khác có thể lìa bỏ Ngài, còn Phi-e-rơ vẫn sẽ trung thành và, nếu cần thiết, sẽ đồng tù đồng chết với Ngài. Dĩ nhiên, các môn đệ khác đã lặp lại lời nói khoác của Phi-e-rơ vì thế ông không phải là người tự tin duy nhất trong cả nhóm. Cuối cùng, tất cả nhóm họ đều đã thất bại.

Khi sắp trải qua nỗi đau thương, hầu hết mọi người đều mong muốn có ai đó bên cạnh mình, cùng giúp san sẻ gánh nặng với mình. Thường xuyên trong chức vụ mục sư của tôi, tôi đã từng ngồi với những người tại bệnh viện, chờ đợi vị bác sĩ giải phẫu cho biết kết quả. Là một con người hoàn toàn, Chúa Giê-xu mong được có người bên cạnh khi Ngài đối diện với thập tự giá, và Ngài đã chọn Phi-e-rơ, Gia-cơ, và Giăng, những người đã cùng đi theo Ngài đến nhà của Giai-ru (Mac 5:37) và lên trên Núi Hóa Hình (9:2). Ba kinh nghiệm này tương đương với Phi 3:10 “Cho đến nỗi tôi được biết Ngài (Núi Hóa Hình), và quyền phép sự sống lại của Ngài (nhà của Giai-ru), và sự thông công thương khó của Ngài” (Vườn Ghết-sê-ma-nê).

Sự chiến đấu của Chúa chúng ta trong Vườn Ghết-sê-ma-nê chỉ có thể hiểu được trong ánh sáng của những gì sẽ xảy đến với Ngài trên thập tự giá Ngài sẽ trở nên tội lỗi vì chúng ta (II Co 5:21) và gánh lấy sự rủa sả của Luật pháp (Ga 3:13). Không phải sự đau đớn về thể xác hầu như đã khiến Ngài chìm ngập trong “đau khổ và buồn rầu,” mà là sự chờ đợi việc bị Cha Ngài lìa bỏ (Mac 15:34). Đây là “chén đắng” mà Ngài sẽ uống (Gi 18:11). Theo He 5:7-9, Ngài đã nài xin để được cứu, không phải “khỏi sự chết” mà là ra khỏi sự chết đó là, được sống lại từ trong kẻ chết và Đức Chúa Cha đã nhậm lời cầu xin của Ngài.

“A-ba” là một từ trong tiếng A-ram có nghĩa là “cha.” Nó biểu lộ mối quan hệ thân thiết giữa Chúa chúng ta với Cha Ngài. Các tín đồ ngày nay có lẽ sẽ không dùng danh xưng này trước mặt mọi người, nhưng nó thực sự thuộc về chúng ta vì chúng ta thuộc về Ngài (Ro 8:15 Ga 4:6). Xin lưu ý là Chúa Giê-xu không bảo Đức Chúa Cha phải làm gì Ngài hoàn toàn tin cậy nơi ý chỉ của Đức Chúa Trời. Ba lần Ngài đã cầu nguyện về vấn đề này, và mỗi lần Ngài đều vâng phục ý muốn của Cha mình trong sự đầu phục đầy yêu thương.

Ba môn đệ đang làm gì? Họ đang ngủ! Và Phi-e-rơ đã thề rằng ông sẽ cùng chết với Chúa mình – thế nhưng ông thậm chí đã không thể tỉnh thức với Ngài! Chúa Giê-xu đã quở trách các môn đệ và cảnh tỉnh họ nhẹ nhàng biết bao! “Hãy tỉnh thức và cầu nguyện” là lời khuyên thường được lặp đi lặp lại trong Thánh Kinh (Ne 4:9 Mac

13:33 Eph 6:18 Co 4:2). Nó có nghĩa là, “Hãy tỉnh táo khi bạn cầu nguyện! Hãy giữ cặp mắt thuộc linh của bạn mở ra, vì kẻ thù đang ở gần!”

Lần thứ ba Chúa chúng ta trở lại chỗ các môn đệ đang ngủ gục, Ngài phán, “Bây giờ các ngươi ngủ và nghỉ ngơi ư? Thôi (Đã đủ rồi), giờ đã tới rồi” (Mac 14:41). Đó chính là giờ Chúa phải chịu hy sinh, khi Ngài sẽ chịu chết vì có tội lỗi của thế gian. Vào giây phút đó, Giu-đa và kẻ trông coi đền thờ đến để bắt Chúa Giê-xu, và Giu-đa đã hôn Chúa Giê-xu nhiều lần như dấu hiệu cho biết Ngài chính là kẻ cần bắt giữ. Thật giả hình biết bao!

Sự kiện Giu-đa đem theo một toán đông người cầm gươm và gậy như thế cho thấy rằng cả hẩn lẫn các nhà lãnh đạo tôn giáo đều thật sự không hiểu về Chúa Giê-xu. Chúng cho là Chúa Giê-xu sẽ tìm cách lẩn trốn, hoặc là những kẻ theo Ngài sẽ chống cự lại, hoặc là có thể Ngài sẽ làm một phép lạ. Những lời Chúa chúng ta phán trong Mac 14:49 chứng tỏ Ngài đang nắm quyền điều khiển, vì chúng đã có thể bắt Ngài nhiều lần trước đó, trừ ra việc giờ Ngài chưa đến.

Phi-e-rơ đã làm một việc đại dột bằng cách tấn công Man-chu (Gi 18:10), vì chúng ta không chiến đấu trong chiến trận thuộc linh với những vũ khí thuộc thể (II Co 10:3-5). Ông đã dùng không đúng vũ khí, vào một thời điểm sai trật, nhằm mục đích sai trật, với động cơ sai trật. Nếu Chúa Giê-xu không chữa lành cho Man-chu, thì rất có thể Phi-e-rơ cũng đã bị bắt nữa và có thể đã có bốn cây thập tự trên đời Gô-gô-tha rồi.

Vào lúc này, các môn đệ đều lìa bỏ Chúa Giê-xu và chạy trốn, kể cả một thanh niên vô danh đã vào trong vườn và đã chứng kiến việc bắt giữ Ngài. Đây có phải là Giảng Mác không? Chúng ta không biết, nhưng vì Sách Phúc Âm Mác là sách duy nhất trong bốn Sách Phúc Âm ký thuật lại sự kiện này, nên tác giả có thể lẩn đang viết về chính mình. Nếu Phòng Cao ở trong nhà của Giảng Mác, thì có lẽ Giu-đa đã dẫn quân lính đến đó trước hết. Giảng Mác có thể đã vội vã khoác áo ngoài vào và đi theo đám người này tới vườn. Quân lính có thể thậm chí đã cố tìm cách bắt ông, vì thế ông đã chạy trốn.

Các môn đệ bị tản lạc và Người Tôi Tớ giờ đây đơn độc một mình, “nhưng Ta không ở một mình, vì Cha ở cùng Ta” (Gi 16:32). Chẳng bao lâu, cả đến Cha Ngài cũng sẽ lìa bỏ Ngài!

4. Tại dinh thầy cả thượng phẩm - bị chối bỏ (Mac 14:53-72)

Cả xử án Do Thái lẫn xử án La Mã đều gồm ba giai đoạn. Việc xử án Do Thái trước hết do An-ne, nguyên là thầy cả thượng phẩm, xét xử (Gi 18:13-24). Kế đó chuyển đến tòa công luận để nghe những lời chứng (Mac 14:53-65), và rồi chuyển đến một buổi họp vào lúc sớm mai để lấy ý kiến cuối cùng cho việc định tội (15:1). Chúa Giê-xu kể đó được giải nộp cho Phi-lát (Mac 15:1-5 Gi 18:28-38), Phi-lát nộp Ngài cho Hê-rốt (Lu 23:6-12), đoạn Hê-rốt trả Ngài về cho Phi-lát (Mac 15:6-15 Gi 18:39-19:6). Phi-lát nhượng bộ trước tiếng la hét của đám đông và giao Chúa Giê-xu để đem đi đóng đinh.

Vào lúc quân lính tới dinh của thầy cả thượng phẩm, Phi-e-rơ và Giảng, không chú ý đến những lời cảnh cáo lặp đi lặp lại của Chúa, đã đi theo đám đông và thậm chí đã vào tận sân trong. Đêm ấy Chúa Giê-xu đã đổ mồ hôi “như những giọt máu lớn” (Lu 22:44), nhưng Phi-e-rơ thì đang lạnh và ngồi bên ngọn lửa của kẻ thù! Cả hai môn đệ không thể nào chứng kiến sự xét xử cụ thể, nhưng ít ra họ cũng đủ gần để nhìn thấy kết quả (Mat 26:58 Gi 18:15).

Sau khi tra hỏi và xúc phạm đến Chúa Giê-xu, An-ne trao Chúa Giê-xu lại cho con rể mình là thầy cả thượng phẩm Cai-phe. Tòa công luận đã nhóm họp lại và những kẻ làm chứng đã sẵn sàng. Cần thiết phải có hai người chứng trước khi bị cáo có thể bị công bố là có tội và đáng phải chết (Phu 17:6). Nhiều kẻ đã làm chứng nghịch cùng Chúa Giê-xu, nhưng vì họ không đồng ý nhau, nên lời chứng của họ không có giá trị. Thật đáng buồn biết bao khi một nhóm nhà lãnh đạo tôn giáo lại khuyến khích dân chúng làm chứng dối, và ngay trong suốt một mùa lễ thánh đặc biệt như vậy!

Suốt thời gian kiện cáo giả dối này, Chúa chúng ta không nói lời nào (Es 53:7 IPhi 2:23). Nhưng khi thầy cả thượng phẩm bắt Ngài thề, Chúa Giê-xu phải đáp lời, và Ngài làm chứng rõ ràng rằng Ngài thật sự là Con Đức Chúa Trời. Danh hiệu “Con người” chỉ về Đấng Mê-si-a (Da 7:13), và các thành viên của hội đồng hiểu chính xác điều Chúa Giê-xu đang nói: Ngài đang tự xưng là Đức Chúa Trời đến trong thân xác con người! Dĩ nhiên, lời xưng nhận này là lộng ngôn đối với những người Do Thái, và họ công bố Ngài có tội và đáng phải chết. Vì Tòa Công Luận thông thường không bỏ phiếu về những vụ án tử hình vào ban đêm, nên hội đồng nhóm họp lại sớm mai hôm sau và công bố lời kết án chính thức (Mac 15:1).

Trong lúc Chúa Giê-xu đang bị chế nhạo và lẳng nhục, Phi-e-rơ đang ở sân trong bên dưới, cố tìm cách thoát khỏi sự nhận diện của mọi người. Nếu ông đã chú ý những lời cảnh cáo của Chúa, rất có thể ông đã tránh được sự cám dỗ và không chối Thầy mình ba lần. Ông là một sự cảnh tỉnh cho tất cả chúng ta, vì, xét cho cùng, nếu một sứ đồ đã từng bước đi với Đấng Christ lại chối Chúa của mình, thì chúng ta có thể làm được gì trong những hoàn cảnh tương tự? Các tín đồ La Mã đọc Sách Phúc Âm của Mác chắc hẳn học được nhiều điều từ lời tường thuật này, vì chẳng bao lâu chính mình họ cũng sẽ bước vào lò lửa bách hại.

Trước hết, một trong những đày tớ gái của thầy cả thượng phẩm nói với Phi-e-rơ, và ông chối không biết gì về Chúa Giê-xu. Rồi gà gáy. Một người tớ gái khác chỉ Phi-e-rơ ra cho một số người đứng gần bên, và một lần nữa Phi-e-rơ lại chối không biết Chúa Giê-xu. Cuối cùng, một người kết tội ông cũng đã từng là một trong các môn đệ, và một số kẻ đứng gần cũng nói vào như vậy nhưng Phi-e-rơ kiên quyết chối không hề biết Chúa Giê-xu, và thậm chí còn rửa mà thề nữa. Tức thì gà gáy lần thứ hai và lời báo trước của Chúa đã ứng nghiệm (xin xem Mac 14:30).

Tuy nhiên, không phải tiếng gà gáy đã cáo trách Phi-e-rơ, mà chính là việc ông nhớ lại lời Đấng Christ đã phán. Lúc nào Lời Chúa cũng xuyên thấu vào lòng và đem đến sự ăn năn thật. Phi-e-rơ suy nghĩ về những điều Chúa Giê-xu đã phán và những việc bản thân ông đã làm và rồi, trên đường đến nơi Phi-lát xử án, Chúa Giê-xu đã xây mặt lại ngó Phi-e-rơ. Chắc hẳn đó là một cái nhìn đầy yêu thương, nhưng tình yêu thương đã bị thương tổn (Lu 22:61). Tấm lòng ông tan vỡ, Phi-e-rơ vội vã đi ra ngoài và khóc lóc đắng cay.

Trước khi đoán xét Phi-e-rơ quá nghiêm khắc, chúng ta cần xét lại đời sống của chính mình. Bao nhiêu lần chúng ta đã chối Chúa và đánh mất cơ hội chia sẻ Phúc Âm với những người khác? Liệu chúng ta có nói khi cần phải lắng nghe, tranh cãi khi cần phải vâng lời, ngủ nghỉ khi cần phải cầu nguyện, và chiến đấu khi cần phải chịu phục tòng, giống như Phi-e-rơ không? Ít ra Phi-e-rơ đã đau buồn vì tội lỗi của mình và khóc lóc về những tội lỗi ấy, và Chúa đã thực sự tha thứ cho ông. Sau khi sống lại, Chúa Giê-xu đã gặp gỡ Phi-e-rơ cách riêng tư (Lu 24:34) kể đó Chúa Giê-xu đã giúp

Phi-e-rơ xưng nhận tội lỗi mình trước mặt mọi người khi Ngài gặp lại các môn đệ tại xứ Ga-li-lê (Gi 21:1-25).

5. Tại trường án của Phi-lát - bị kết tội (Mac 15:1-20)

Ngay khi buổi họp buổi sớm mai vừa xong, và lời tuyên án đã chính thức được ghi lại, những nhà lãnh đạo Do Thái giải Chúa Giê-xu nộp cho Tổng Đốc La Mã là Phi-lát. Tổng Đốc thường ở tại Sê-sa-rê, nhưng ông ta có lệ đến tại Giê-ru-sa-lem mỗi năm để dự lễ. Sự hiện diện của ông ta làm hài lòng một số người Do Thái, và ông ta cũng có thể sẵn sàng ra tay nếu có biến động gì xảy ra giữa vòng hàng ngàn người lũ lượt kéo về Giê-ru-sa-lem. Các tổng đốc La Mã xử án vào buổi sớm mai, vì thế ông ta đã hoàn toàn sẵn sàng khi chúng đem tù nhân đến.

Hội đồng Do Thái phải làm cho Phi-lát tin rằng Chúa Giê-xu đã phạm tội tử hình và do đó đáng phải chết (Gi 18:31-32). Bất chấp sự thối nát về chính trị của mình, nhiều viên chức La Mã có một sự nhận thức rõ về công lý và đã cố gắng xét xử công bình với các phạm nhân. Hơn nữa, Phi-lát không thực sự ưa thích người Do Thái và không hề có ý định ủng hộ họ chút nào. Ông ta biết rằng những nhà lãnh đạo Do Thái không quan tâm đến việc nhìn thấy công lý được thi hành điều họ thật lòng mong muốn là sự báo thù (Mac 15:10).

Giảng thuật lại cho chúng ta những chi tiết đầy đủ nhất về việc xét xử của người La Mã, và khi bạn kết hợp những phần kỹ thuật của bốn sách Phúc Âm, bạn khám phá rằng Phi-lát đã nhiều lần phát biểu ông ta không thấy Chúa Giê-xu có tội lỗi gì cả (Gi 18:38 Lu 23:14 Gi 19:4 Lu 23:22 Mat 27:24). Vấn đề của ông ta là ông thiếu sự can đảm để bênh vực cho điều mình tin. Ông ta muốn tránh một cuộc nổi loạn (Mat 27:24), vì thế ông ta “muốn cho đẹp lòng dân” (Mac 15:15). Phi-lát không hỏi, “Làm thế có đúng không?” Thay vào đó, ông ta đã hỏi, “Làm thế có an toàn không? Có hợp với dân chúng không?”

Hội đồng Do Thái chỉ có một tội tử hình để họ có thể trình lên cho Phi-lát: Chúa Giê-xu đã tự xưng là vua và Ngài đã khích động dân chúng. Họ cố tìm cách gán cho Ngài là một nhà cách mạng nguy hiểm đang ngấm ngầm làm suy yếu uy quyền của La Mã. Khi Phi-lát tra gạn Chúa Giê-xu, Ngài chỉ lặng thinh, nhưng các thầy tế lễ cả cứ kiện cáo Ngài và cố tìm cách làm cho viên tổng đốc mất dần sự nhẫn nại.

Phi-lát nghĩ là ông ta có thể tránh né sự quyết định bằng cách giao Chúa Giê-xu cho Hê-rốt, vua xứ Ga-li-lê (Lu 23:6-12), nhưng Hê-rốt chỉ sai giải Chúa Giê-xu trả lại cho Phi-lát sau khi nhạo báng Ngài. Kế đó viên tổng đốc để cho dân chúng trọn quyền chọn lựa – Giê-xu người Na-xa-rét, hay Ba-na-ba, kẻ giết người và nổi loạn – vì nghĩ rằng chắc hẳn sự sáng suốt sẽ thắng hơn và họ sẽ xin tha cho Chúa Giê-xu. Nhưng các thầy tế lễ cả đã cẩn thận xui giục đám đông (Mac 15:11), và họ đã xin tha cho Ba-na-ba và đóng đinh Chúa Giê-xu.

Tiếp đó viên tổng đốc đã thử một mưu mẹo thứ ba: ông ta sai đánh đòn Chúa Giê-xu, hy vọng là hình ảnh tên tù đang chịu đau đớn phần nào sẽ gọi lên sự thương xót nơi họ (c.15 Gi 19:1tt). Nhưng kế hoạch này không kết quả gì dân chúng càng kêu gào hơn đòi đóng đinh Ngài. Viên tổng đốc đầu hàng và giao Chúa Giê-xu để đem đi đóng đinh.

Kế đó là sự nhạo báng đầy sỉ nhục của quân lính, khi chúng đánh Ngài, nhổ trên Ngài, và cúi xuống giả bộ tôn kính Ngài cách chế giễu. Bọn lính La Mã chắc chắn sẽ

cười nhạo người Do Thái nào tự xưng là vua! “Chúng tôi không có vua khác, chỉ Sê-sa mà thôi!” (Gi 19:12-15). Chúa chúng ta yên lặng chịu đau đớn và không kháng cự lại, một bài học mà các độc giả của Mác sẽ cần phải học khi họ đối diện sự bách hại chính thức sau đó (IPhi 2:21-24).

Nhưng con người chưa làm trọn những điều tội tệ nhất của họ đối với Con Đức Chúa Trời. Giờ đây họ sẽ đem Ngài ra phía ngoài thành và đóng đinh Ngài trên một cây thập tự, và Người Tội Tớ sẽ chịu chết vì có tội lỗi của chính những kẻ đang đóng đinh Ngài.

12. NGƯỜI TỘI TỚ HOÀN TẤT CÔNG VIỆC MÌNH (Mac 15:21-16:20)

Cecil Rhodes dâng hiến đời mình cho sự mở rộng của nước Anh tại Nam Phi, cộng thêm việc tạo lập một gia tài bằng kim cương. Khi qua đời ông chưa đầy năm mươi tuổi, và những lời cuối cùng của ông là, “Những việc đã làm xong thì quá ít, những điều cần phải làm thì lại quá nhiều.”

Chúa Giê-xu đã nói với Đức Chúa Cha “Con đã tôn vinh Cha trên đất, làm xong công việc Cha giao cho làm” (Gi 17:4). Thật tuyệt biết bao nếu tất cả chúng ta đều có thể trình dâng công việc mình như vậy khi chúng ta đạt đến đích hành trình của cuộc sống. Việc nhận biết rằng chúng ta đã hoàn tất công việc Ngài và tôn vinh danh Ngài chắc chắn sẽ khiến chúng ta nhìn lại đằng sau với sự cảm tạ và hướng tới trước với sự nôn nóng và mong đợi.

Bốn sự kiện được mô tả trong phân đoạn cuối của sách Mác này đem lại cho chúng ta đỉnh cao của nội dung Phúc Âm và nền tảng lịch sử cho sứ điệp của Phúc Âm (ICo 15:1-8).

1. Sự chết của người tội tớ (Mac 15:21-41)

Ba giờ đặc biệt được đề cập tới trong phân đoạn này của sách Mác: giờ thứ ba (c.25), giờ thứ sáu (c.33), và giờ thứ chín (c.33-34). Người Do Thái tính giờ từ 6:00 sáng và 6:00 tối, vì thế giờ thứ ba tức là 9:00 sáng, giờ thứ sáu tức giữa trưa, và giờ thứ chín tức 3:00 chiều. Mác theo hệ thống giờ của người Do Thái, trong khi Sứ đồ Giăng thì dùng giờ của La Mã trong sách Phúc Âm của mình. Điều này có nghĩa là “giờ thứ sáu” trong Gi 19:14 là 6:00 sáng.

Giờ thứ ba (Mac 15:21-32). Theo luật định, tội nhân phải vác cây thập tự của mình, hoặc ít nhất là thanh gỗ đứng của cây thập tự, đến nơi hành hình, và Chúa Giê-xu không được miễn trừ. Ngài rời khỏi trường án của Phi-lát vác theo cây thập tự của mình (Gi 19:16-17), nhưng Ngài không thể nào vác tiếp được vì thế quân lính “bắt” Si-môn thành Sy-ren vác cây thập tự thay cho Ngài. Các viên chức La Mã có quyền “cưỡng bách” người ta phải phục dịch, và cách họ sử dụng quyền hạn này làm cho người Do Thái căm tức (Mat 5:41).

Khi suy xét tất cả những điều mà Chúa chúng ta đã gánh chịu từ lúc Ngài bị bắt, hẳn bạn không lấy làm ngạc nhiên khi thấy sức lực Ngài cạn kiệt. Thực ra, “Ngài đã có thể sai 10.000 thiên sứ đến,” thế nhưng Ngài sẵn lòng gánh chịu đau đớn vì có chúng ta. Có một mục đích cao cả hơn đằng sau hành động này: nạn nhân vác cây thập tự vì người ấy đã bị thấy là có tội, nhưng Chúa chúng ta thì không hề phạm tội. Chúng ta là những người có tội, và Si-môn đã vác cây thập tự đó vì có chúng ta. Si-

môn Phi-e-rơ nói khoác rằng ông sẽ đồng tù đồng chết với Chúa Giê-xu (Lu 22:33), nhưng chính Si-môn người Sy-ren, chứ không phải Si-môn Phi-e-rơ, lại là người đến để phụ giúp Thầy.

Một trong những bức thư thân tình gửi cho mẹ ông, Harry Truman đã viết, “Con đã đến Tòa Bạch Ốc để gặp Tổng Thống và khám phá rằng chính Con là Tổng Thống.” Si-môn đã đến Giê-ru-sa-lem để dự lễ Vượt Qua (Cong 2:10 6:9), và cuối cùng ông đã gặp được Chiên Con lễ Vượt Qua! Chúng ta có lý do chính đáng để tin rằng Si-môn tin nơi Đấng Christ và trở về nhà đưa hai con trai mình đến với Chúa. Chắc hẳn các độc giả La Mã của Mác đều biết A-léc-xan-đơ và Ru-phu (Ro 16:13), và có lẽ họ cũng đã biết Si-môn.

Gô-gô-tha là một từ Hy-bá-lai có nghĩa là “cái sọ,” mặc dù không nơi nào trong nguyên văn giải thích vì sao chỗ này lại có tên gọi ấy. Các du khách đến Xứ Thánh ngày nay được đưa đến thăm đồi “Gô-gô-tha của xứ Gordon,” là nơi thật sự có hình dạng của một cái sọ, nhưng các hướng dẫn viên cũng chỉ ra một địa điểm hợp lý khác trong Nhà thờ của mộ thánh. Chúng ta không biết vị trí chính xác nơi Chúa chúng ta đã bị đóng đinh, và điều đó cũng không phải là quan trọng. Ngài đã bị đóng đinh bên ngoài thành, nơi bị chối bỏ (He 13:12-13), và Ngài đã chịu chết vì có tội lỗi của thế gian.

Theo thông lệ thì các nạn nhân sẽ được cho uống một thứ chất lỏng làm cho mê đi để giúp làm giảm bớt cơn đau (Ch 31:6), nhưng Chúa chúng ta từ chối không chịu uống. Về một mặt, Ngài muốn hoàn toàn làm chủ ý thức mình khi Ngài làm theo ý chỉ của Đức Chúa Cha và hoàn tất công tác cứu chuộc. Ngài sẽ chịu trọn vẹn sự đau đớn của mình vì có chúng ta và không muốn đi con đường tắt. Ngài từ chối uống chén cảm thương để Ngài có thể uống chén đắng của tội lỗi con người (Mat 26:36-43). Thật là một gương mẫu cho chúng ta noi theo khi chúng ta làm theo ý muốn Đức Chúa Trời và chia sẻ “sự thông công trong sự thương khó của Ngài” (Phi 3:10).

Không tác giả Phúc Âm nào mô tả cho chúng ta việc đóng đinh, mà điều đó cũng chẳng cần thiết nữa. Mục đích của họ không phải là gọi cho chúng ta lòng thương xót mà là xác quyết đức tin của chúng ta. Nhiều người trong số các độc giả của họ có thể đã chứng kiến những cảnh đóng đinh, vì thế bất cứ chi tiết nào cũng sẽ không cần thiết. Việc đóng đinh là một việc làm thật đáng ghê tởm đến độ nó không được đề cập tới trong xã hội văn minh, không hơn gì ngày nay chúng ta bàn đến phòng hơi ngạt hay ghế điện chút nào. Đủ để nói, việc đóng đinh là một trong những hình thức kinh khiếp nhất dành cho cái chết từng được con người nghĩ ra. Hãy đọc Thi 22:1-31 để hiểu thấu một số nỗi đau thương mà Chúa chúng ta phải gánh chịu khi Ngài bị treo trên cây thập tự.

Nạn nhân thường mang một tấm bảng công bố tội phạm của mình. Phi-lát đã viết lên tấm bảng mà Chúa Giê-xu mang và sau đó nó được treo lên trên cây thập tự: Giê-xu người Na-xa-rét, là Vua dân Giu-đa.” Các nhà lãnh đạo Do Thái phản đối, nhưng Phi-lát ít nhất là một lần đã giữ vững lập trường của mình (Gi 19:19-22). Có thể là nội dung của tấm bảng này trước hết đã khơi dậy những hy vọng của tên trộm cướp có lòng ăn năn (Lu 23:39-43). Có thể hẳn ta đã lý luận: “Nếu tên Ngài là Giê-xu, thì Ngài chính là một Đấng Christ. Nếu Ngài ra từ Na-xa-rét, thì Ngài sẽ đồng nhất hóa với những kẻ bị khước từ (Gi 1:46). Nếu Ngài có một vương quốc, thì có lẽ còn có chỗ cho mình!”

Quân lính tại nơi hành hình không chỉ đang làm bốn phận mình, nhưng chúng cũng đang làm ứng nghiệm lời tiên tri khi chúng bắt thăm chia nhau áo xống của Chúa (Thi 22:18). Sự kiện Con Đức Chúa Trời vô tội bị đặt ở giữa hai tên tội phạm cũng làm ứng nghiệm lời tiên tri (Es 53:12 và xin xem Lu 22:37). Từ ngữ dùng cho “những tên trộm” được diễn tả là kẻ trộm cướp trong Gi 18:40 nhằm ám chỉ Ba-ra-ba, vì thế có lẽ hai tên này là đồng bọn trong phe nổi loạn của hắn.

Dường như không thể tin được rằng những nhà lãnh đạo tôn giáo lại ghen ghét Chúa Giê-xu đến nỗi thậm chí họ đi ra tận đồi Gô-gô-tha để nhạo báng Ngài. Thomas Carlyle gọi sự nhạo báng là “ngôn ngữ của ma quỷ,” và trong trường hợp này, định nghĩa đó chắc hẳn là đúng. Những kẻ ăn không ngồi rồi đi ngang qua chỉ quá hăng say bắt chước theo gương xấu của những người lãnh đạo mình, vì thế bên cạnh sự đau thương Chúa chúng ta còn phải gánh chịu sự chế giễu của họ. Họ chế báng Ngài là Tiên tri (Mac 15:29), là Đấng Christ (c.31), và là Vua (c. 32). Câu nói châm biếm của họ “Hắn đã cứu kẻ khác!” có thể đã khích lệ một tên trộm cướp tin nơi Ngài. Tên trộm cướp này có thể đã lý luận, “Nếu Ngài đã cứu những kẻ khác, thì Ngài cũng có thể cứu mình!” Vì thế Đức Chúa Trời cũng dùng cả cơn giận của loài người để ngợi khen Ngài (Thi 76:10).

Giờ thứ sáu (Mac 15:33). Vào giữa trưa, một sự tối tăm lạ lùng đã bao phủ khắp đất, và mọi Tạo vật đều cảm thương với Đấng Tạo hóa khi Ngài chịu đau đớn. Đây thực sự là một phép lạ chứ không phải một hiện tượng thiên nhiên nào đó, chẳng hạn như một cơn bão cát hay một hiện tượng nhật thực. Không thể nào có hiện tượng nhật thực trong suốt thời kỳ trăng tròn vào lễ Vượt Qua. Bằng sự tối tăm này, Đức Chúa Trời đang phán với dân chúng một điều gì đó.

Về một mặt, người Do Thái chắc chắn sẽ nhớ đến lễ Vượt Qua đầu tiên. Tai vạ thứ chín tại xứ Ai Cập là một sự tối tăm trong ba ngày, tiếp theo sau là tai vạ cuối cùng, sự chết của con đầu lòng (Xu 10:22-11:9). Sự tối tăm tại đồi Gô-gô-tha là một lời tuyên bố rằng Con Đầu lòng và Yêu Dấu của Đức Chúa Trời, Chiên Con của Đức Chúa Trời, đang phó mạng sống Ngài vì có tội lỗi của thế gian. Đó cũng là một lời tuyên bố rằng sự phán xét sắp đến và con người cần phải sửa soạn cho sự phán xét này.

Giờ thứ chín (Mac 15:34-41). Chúa chúng ta đã thốt lên bảy câu nói trên thập tự giá, ba câu nói trước khi sự tối tăm bao phủ: “Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì” (Lu 23:24) “Hôm nay người sẽ được ở với Ta trong nơi Ba-ra-đi” (Lu 23:43) và “Hỡi đờn bà kia, đó là con của ngươi! . . . Đó là mẹ ngươi!” (Gi 19:26-27). Khi sự tối tăm đến, trên thập tự giá của Ngài hoàn toàn lặng yên, vì đó là lúc mà Ngài bị khiến trở nên tội lỗi vì có chúng ta (IICo 5:21).

Vào giờ thứ chín, Chúa Giê-xu biểu lộ sự thống khổ của linh hồn Ngài khi từ trên thập tự giá Ngài kêu lên, “Đức Chúa Trời tôi ôi, Đức Chúa Trời tôi ôi, sao Ngài lìa bỏ tôi?” (Thi 22:1). Sự tối tăm tiêu biểu cho sự đoán phạt Chúa Giê-xu từng trải khi Đức Chúa Cha lìa bỏ Ngài. Như vẫn thường xảy ra, dân chúng không hiểu lời phán của Ngài họ cho là Ngài đang gọi tiên tri Ê-li. Không chỉ có sự tối tăm bao phủ khắp đất, nhưng cả sự tối tăm trong tâm trí và tấm lòng của dân chúng (IICo 4:3-6 Gi 3:16-21 12:35-41).

Kế đó Chúa Giê-xu nói, “Ta khát” (Gi 19:28), và hành động tử tế của tên lính khi đưa cho Ngài uống một ngụm giấm (Thi 69:21) thêm sức để Ngài thốt lên hai câu tuyệt diệu nữa: “Mọi việc đã được trọn!” (Gi 19:30) và “Hỡi Cha, tôi giao linh hồn lại trong

tay Cha” (Lu 23:46 Thi 31:5). Chúa Giê-xu đã không bị giết chết Ngài sẵn lòng phó sự sống mình vì có chúng ta (Gi 10:11,15,17-18). Ngài không phải là một kẻ tuận đạo Ngài là một tế lễ tự nguyện vì có tội lỗi của thế gian.

Hai biến cố nổi bật đã xảy ra lúc Ngài tắt hơi: có một trận động đất (Mat 27:51), và bức màn trong đền thờ bị xé làm hai. Bức màn đã phân cách con người với Đức Chúa Trời, nhưng giờ đây, nhờ sự chết của Ngài, Chúa Giê-xu đã mở ra cho toàn thế giới một “con đường sống và mới” (He 10:12-22 Gi 14:6). Đã từng có một cơn động đất tại núi Si-na-i khi Luật pháp được ban bố (Xu 19:16-18), nhưng giờ đây Luật pháp đã được làm trọn trong Chúa Giê-xu Christ và sự rửa sả của nó đã được cất đi (Ro 10:4 Ga 3:10-14). Qua sự hy sinh của Ngài, Chúa Giê-xu đã trả giá cho sự tự do khỏi Luật pháp, và cả sự tự do khỏi toàn bộ hệ thống tế lễ nữa.

Thật thú vị khi đọc lời chứng của thầy đội La Mã, đặc biệt khi bạn suy nghĩ là lời phát biểu của ông ta đã có thể khiến ông gặp phiền phức với người Do Thái và người La Mã. Việc Chúa Giê-xu Christ là Con Đức Chúa Trời là một trong những chủ đề quan trọng của sách Mác (Mac 1:1,11 3:11 5:7 9:7 14:61-62). Điều này khiến cho địa vị tội tở của Ngài càng có ý nghĩa hơn (Phi 2:1-11).

Thật cảm động khi quan sát những người đờn bà đứng gần bên thập tự giá cho đến giờ phút chót. Giăng cũng đã có mặt tại đó, nhưng ông đã đưa Ma-ri, mẹ của Chúa, về nhà riêng của mình để có thể chăm sóc cho bà (Gi 19:25-27). Những người đờn bà trung tín là những người cuối cùng tại thập tự giá vào ngày Thứ Sáu và là những người đầu tiên nơi phần mộ vào ngày Chúa nhật. Thật tương phản với các môn đệ đã từng khoác lác rằng họ sẽ chết vì Ngài! Hội Thánh của Chúa Giê-xu Christ thật chịu ơn sự hy sinh và tận hiến của những người nữ đầy lòng tin.

2. Việc chôn cất người tội tở (Mac 15:42-47)

Người Do Thái phân biệt hai buổi tối: “buổi chiều tối,” từ 3 đến 6:00, và “buổi tối,” sau 6:00, khi ngày mới bắt đầu. Điều này giải thích vì sao cả Ma-thi-ơ (Mat 27:57) và Mác đều có thể gọi buổi chiều muộn ngày Thứ Sáu là “buổi tối.” Điều quan trọng là nơi hành hình phải nhanh chóng được dẹp sạch, vì ngày Sa-bát của người Do Thái sắp bắt đầu, và ngày Sa-bát đó là một “ngày trọng thể” vì có lễ Vượt Qua (Gi 19:31).

Đức Chúa Trời có một thành viên của Tòa Công luận rất giàu có là Giô-sép A-ri-ma-thê người này sẵn sàng lo cho thi hài Chúa Giê-xu (Mat 27:57). Người này được sự trợ giúp của Ni-cô-đem, cũng là một thành viên của hội đồng (Gi 19:38-42). Chúng ta không được nghĩ rằng hai người này bất ngờ quyết định chôn xác Chúa Giê-xu, vì việc họ làm đòi hỏi sự chuẩn bị kỹ càng.

Trước tiên, Giô-sép đã phải chuẩn bị ngôi mộ trong một khu vườn gần nơi Chúa Giê-xu chịu chết. Ngôi mộ này có lẽ không phải dành cho bản thân Giô-sép, vì một người giàu có sẽ không thể chọn được chôn gần một nơi hành hình. Hai người này cũng phải có thật nhiều hương liệu (Gi 19:39), và điều này không thể nào thực hiện được khi các cửa hiệu đều đã đóng cửa để dự lễ Vượt Qua. Và tất cả mọi việc này phải được thực hiện mà không để cho hội đồng hay biết.

Dường như rõ rệt là Đức Chúa Trời đã sắm sẵn hai người này và hướng dẫn họ trong những việc họ làm. Ni-cô-đem đã đến gặp riêng Chúa Giê-xu (Gi 3:1-16) và thậm chí đã bênh vực Ngài trước hội đồng (Gi 7:45-53). Tôi tin rằng Giô-sép và Ni-cô-đem đã cùng tra cứu Thánh Kinh với nhau và, được dẫn dắt bởi Đức Thánh Linh, đã khám

phá rằng Chiên Con sẽ chịu chết tại lễ Vượt Qua. Có thể là họ đang ẩn nấp trong ngôi mộ mới khi Chúa Giê-xu chịu chết. Thật là một vấn đề đơn giản đối với Giô-sép khi đến gặp Phi-lát để xin phép lấy xác Chúa Giê-xu, và đối với Ni-cô-đem khi canh giữ xác Ngài cho đến khi chính thức được phép tháo xác Ngài xuống. Nếu hai người này đã không hành động cách dạn dĩ, thì thân xác Chúa Giê-xu có thể đã bị vất bỏ như rác rưởi rồi.

Điều quan trọng là thân xác Ngài phải được chuẩn bị cho việc chôn cất hầu cho những tấm vải liệm xác Ngài có thể được bỏ lại trong phần mộ (Gi 20:1-10). Cũng vậy, cách thức Ngài được chôn chứng tỏ rằng Chúa Giê-xu thật sự đã chết trên thập tự giá, vì những viên chức La Mã rất có thể đã không cho phép tháo xác Ngài khỏi thập tự giá nếu không có bằng chứng là Chúa Giê-xu đã chết rồi.

3. Sự sống lại của người tội tớ (Mac 16:1-18)

Chúa Giê-xu Christ đã “bị nộp vì tội lỗi chúng ta, và sống lại vì sự xưng công bình của chúng ta” (Ro 4:25). Một Cứu Chúa đã chết không thể nào cứu được ai. Sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ từ trong kẻ chết là một phần quan trọng của sứ điệp Phúc Âm y như sự chết hy sinh của Ngài trên thập tự giá (ICo 15:1-8). Thực vậy, trong Sách Công vụ, Hội Thánh làm chứng chủ yếu về sự sống lại của Ngài (Cong 1:22 4:2,33).

Sự sống lại chứng minh rằng Chúa Giê-xu Christ quả thật như lời Ngài tự nhận, Ngài chính là Con Đức Chúa Trời (Ro 1:4). Ngài đã báo trước cho các môn đệ rằng Ngài sẽ sống lại từ trong kẻ chết, nhưng họ đã không hiểu thấu được ý nghĩa của chân lý này (Mac 9:9-10,31 10:34). Ngay cả những người đồn bà đến nơi mộ phần từ lúc tờ mờ sáng cũng không trông mong gặp được Ngài đang sống. Thực thế, họ đã mua các thứ hương thơm để hoàn tất việc xức dầu cho xác Ngài mà Giô-sép và Ni-cô-đem đã làm quá vội vàng.

Khi kết hợp những lời tường thuật trong các sách Phúc Âm, bạn có được thứ tự khả dĩ sau đây về những sự hiện ra của Chúa phục sinh vào ngày đầu tiên trong tuần lễ ấy:

- (1) với Ma-ri Ma-đơ-len (Gi 20:11-18 Mac 16:9-11)
- (2) với những người đồn bà khác (Mat 28:9-10)
- (3) với Phi-e-rơ (Lu 24:34 ICo 15:5)
- (4) với hai người trên đường về Em-ma-út (Mac 16:12 Lu 24:13-32)
- (5) với mười người trong các môn đệ trên Phòng Cao (Mac 16:14 Gi 20:19-25).

Trời vẫn còn mờ mờ khi Ma-ri Ma-đơ-len, Ma-ri mẹ của Gia-cơ, Sa-lô-mê, và Gian-nơ (Lu 22:10) khởi sự đi đến mộ Chúa (Gi 20:1) và họ đến đó vào lúc mờ sáng (Lu 24:1). Điều ngạc nhiên đầu tiên của họ là nhìn thấy hòn đá đã lăn ra khỏi cửa mộ (Mat 28:2-4) để họ có thể bước vào trong mộ. Điều ngạc nhiên thứ hai là việc gặp gỡ hai thiên sứ trong phần mộ (Lu 24:4 Mác chỉ tập trung vào một thiên sứ) và điều ngạc nhiên thứ ba là việc nghe lời các thiên sứ truyền lại. Tất nhiên những người đồn bà đã kinh ngạc biết bao!

Lời truyền lại của các thiên sứ là Chúa Giê-xu không có ở đó: Ngài đã sống lại từ kẻ chết, và Ngài hiện đang đi trước họ đến xứ Ga-li-lê nơi Ngài sẽ gặp lại họ. Những người đồn bà là những sứ giả đầu tiên loan báo sứ điệp Phục sinh vinh hiển! Xin lưu

ý là có một từ khích lệ đặc biệt dành cho Phi-e-rơ (Mac 16:7), và xin hãy nhớ là Mác đã viết sách Phúc Âm của mình với sự trợ giúp của Phi-e-rơ.

Ma-ri Ma-đơ-len chạy đi báo cho Phi-e-rơ và Giăng những điều bà đã khám phá (Gi 20:2-10), và rồi bà nấn ná nơi cửa mộ sau khi họ đã đi khỏi. Chính vào lúc đó Chúa Giê-xu đã hiện ra cho bà (Gi 20:11-18). Qua cuộc đối thoại của bà với Chúa Giê-xu, dường như là Ma-ri chưa hoàn toàn hiểu được những điều hai vị thiên sứ vừa nói, nhưng bà là tín đồ đầu tiên nhìn thấy Đấng Christ phục sinh. Mac 16:8 có thể nêu lên ý là tất cả những người đờn bà đều trốn đi, nhưng câu 9 nói rõ rằng chính mình Ma-ri đã gặp Chúa Giê-xu.

Sau khi hiện ra cho Ma-ri, Chúa Giê-xu đã gặp những người đờn bà khác khi họ đang trên đường đi báo cho các môn đệ cuộc nói chuyện của họ với Chúa Giê-xu (Mat 28:9-10). Vào lúc đầu, những người đờn bà này vừa vui mừng vừa sợ, nhưng sau khi gặp Đấng Christ phục sinh, họ tìm gặp các môn đệ và chia sẻ tin mừng đó (Mat 28:8). Nghe sứ điệp là một việc còn gặp gỡ Đấng Christ phục sinh cách cá nhân lại hoàn toàn là một việc khác. Khi bạn gặp gỡ Ngài, bạn có một điều gì đó để chia sẻ với những người khác.

Điểm nhấn mạnh trong Mac 16:9-14 là sự vô tín của các môn đệ là những kẻ đang than khóc thay vì vui mừng trước tin mừng ấy. Phải chăng vì họ có thành kiến đối với lời chứng của những người đờn bà? Có lẽ vậy, vì lời chứng của một người nữ không được tòa án Do Thái chấp nhận. Nhưng ngay cả khi hai môn đệ ở làng Em-ma-út làm chứng lại, không phải tất cả mọi người đều tin. Hãy đối chiếu Mac 16:13 với Lu 24:33-35. Rõ ràng là có sự chia rẽ trên Phòng Cao cho đến khi chính mình Chúa Giê-xu hiện ra với họ.

Nhưng khi Ngài hiện ra, Ngài quở trách họ về sự không tin do lòng họ cứng cõi (Mac 6:52 8:17). Ngài đang vạch ra rằng những lời chứng về sự sống lại của Ngài có thể và cần phải được tin cậy. Cụm từ “Mười một người” trong 16:14 chỉ nhằm nói đến các “Sứ đồ,” vì vào lúc đó chỉ có mười người đang ngồi ăn với nhau, vì Tô-ma đang vắng mặt (Gi 20:19-25).

Trước khi Ngài thăng thiên bốn mươi ngày sau đó, Chúa đã ban nhiều mệnh lệnh cho những kẻ theo Ngài (Gi 20:21 21:15-17 Mat 28:18-20 Lu 24:27-29 Cong 1:4-8). Mệnh lệnh Mác rao truyền có lẽ là một phần của Đại Mệnh lệnh mà Chúa Giê-xu đã truyền phán trên một hòn núi tại xứ Ga-li-lê (Mat 28:16-20).

Trong mệnh lệnh này, Chúa Giê-xu vạch ra sứ điệp và chức vụ của chúng ta, và rồi hỗ trợ cho mệnh lệnh ấy bằng những ủy nhiệm thư mà chỉ một mình Ngài mới có thể ban cho. Sứ điệp đó là nội dung của Phúc Âm, Tin tức Tốt lành về sự cứu rỗi bởi đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ. Chức vụ đó là chia sẻ sứ điệp này cho toàn thế giới.

Việc đọc Mac 16:15-16 cách nông cạn sẽ đưa ra giả thuyết là tội nhân phải chịu báp-tem để được cứu, nhưng sự giải nghĩa sai trật này biến mất khi bạn lưu ý rằng điểm nhấn mạnh là niềm tin. Nếu một người không tin, người ấy bị kết tội, ngay cho dù người ấy đã chịu báp-tem rồi (Gi 3:16-18,36). Điều trông mong trong Hội Thánh ban đầu là các tín đồ sẽ chịu báp-tem (Cong 2:41 10:44-48).

Khi Đức Chúa Trời ra lệnh cho Môi-se thách thức Pha-ra-ôn tại Ai Cập, Ngài ban cho ông các phép lạ đặc biệt để thi hành như là những ủy nhiệm thư từ thiên thượng, chứng minh rằng ông được sai đến bởi Đức Chúa Trời (Xu 4:1-9). Điều này cũng đúng

đối với một số đấng tiên tri (IVua 18:1-46 IIVua 2:14-25). Các sứ đồ cũng được ban cho những “dấu lạ” đặc biệt để làm cho vững mạnh sứ điệp họ rao giảng ra (He 2:3-4 IICo 12:12 Cong 19:11-12). Tự chúng, các phép lạ không chứng minh rằng một người đã được Đức Chúa Trời sai đến, vì sứ điệp cũng phải phù hợp với Lời của Đức Chúa Trời (II Te 2:1-17 Kh 13:1-18).

Hầu hết các dấu lạ kể ra ở đây đã thật sự xảy ra vào thời các sứ đồ và được ghi lại trong Sách Công-vụ. Điều gần gũi nhất chúng ta có đối với việc bắt rắn là kinh nghiệm của Phao-lô tại cù lao Man-tơ (Cong 28:3-6), nhưng chúng ta không có sự kỹ thuật nào trong Kinh Thánh về việc người nào uống giống chi độc và vẫn còn sống. Hẳn là Đức Chúa Trời đã thực hiện nhiều điều diệu kỳ cho những người thuộc riêng về Ngài mà chúng ta không hề biết, nhưng chúng ta sẽ học biết về những điều đó trên thiên đàng.

Thật đáng buồn khi những người có thiện chí nhưng không được dạy dỗ lại đòi những dấu lạ này cho cá nhân mình và rồi chết vì có rắn cắn hay ngộ độc. Dĩ nhiên, lời bào chữa là họ không có đủ đức tin! Nhưng phạm làm điều chi không bởi đức tin thì điều đó là tội lỗi (Ro 14:23) do đó, lẽ ra họ đã không nên làm điều đó trước tiên.

Người nào bắt rắn chỉ để chứng tỏ đức tin của mình tức đang bị khuất phục trước chính sự căm dỗ Sa-tan đem đến cho Chúa Giê-xu trên nóc đền thờ (Mat 4:5-7): “Hãy gieo mình xuống đi và xem thử Đức Chúa Trời có sẽ giữ gìn Ngươi chẳng,” Sa-tan nói với ngụ ý. Nó muốn chúng ta “phô trương” đức tin của mình và ép buộc Đức Chúa Trời thi hành những phép lạ không cần thiết. Chúa Giê-xu từ chối thử Đức Chúa Trời, và chúng ta cần phải theo gương Ngài. Đúng vậy, Đức Chúa Trời chăm sóc con cái Ngài khi, trong ý muốn Ngài, họ đang rơi vào những nơi nguy hiểm nhưng Ngài không bị buộc phải chăm lo cho chúng ta khi chúng ta ngu dại ra khỏi ý muốn của Ngài. Chúng ta được kêu gọi để sống bởi đức tin, chớ không phải tình cờ, và để tin cậy Đức Chúa Trời, chớ không phải để thử Ngài.

4. Sự thẳng thiên của người tội tở (Mac 16:19-20)

Theo một cách thức nổi bật, Phúc Âm của Mác tương đương với “đoạn Kinh Thánh về người Tội Tở” vĩ đại trong Phi 2:1-11.

Ngài đã đến như một người Tội Tở (Phi 2:1-7) – Mac 1:1-13:37

Ngài đã chết trên cây thập tự (Phi 2:8) – Mac 14:1-15:47

Ngài đã được tôn cao cách hiển vinh (Phi 2:9) – Mac 16:1-20

Cả Phao-lô và Mác đều nhấn mạnh nhu cầu đối với dân sự Đức Chúa Trời là phải rao giảng sứ điệp ra cho tất cả các dân tộc (Phi 2:10-11 Mac 16:15-16), và có thêm lời xác quyết rằng Đức Chúa Trời hành động trong họ và qua họ (Phi 2:12-13 Mac 16:19-20).

Sự thẳng thiên của Chúa chúng ta đánh dấu sự hoàn tất của chức vụ Ngài trên đất và sự bắt đầu của chức vụ mới của Ngài trên trời với tư cách Thầy Tế lễ Thượng Phẩm và Đấng Cầu thay cho dân sự Ngài (He 7-10 IGi 2:1-3). “Bên hữu Đức Chúa Trời” là vị trí nói lên sự tôn trọng và uy quyền (Thi 110:1 IPhi 3:22). Chúa chúng ta giống như Mên-chi-xê-đéc, Vua của sự Công Bình và Vua của sự Bình An (Sa 14:17-19 He 7:2).

Một trong những chức vụ của Ngài trên thiên đàng là ban quyền năng để dân sự Ngài có thể làm thành ý muốn của Ngài (He 13:21). Thật thích hợp là Phúc Âm của

người Tôi Tớ cần phải kết thúc với sự nhắc đến công tác này, y như thật thích hợp đối với Ma-thi-ơ, Phúc Âm của Vị Vua, khi kết thúc với sự nhắc đến thẩm quyền lớn lao của Ngài. Bởi Thánh Linh Ngài, Chúa mong muốn hành động trong chúng ta (Phi 2:12-13), với chúng ta (Mac 16:20), và vì có chúng ta (Ro 8:28).

Các sứ đồ và các đấng tiên tri đã lập nền cho Hội Thánh (Eph 2:20), vì thế công tác của họ đã hoàn tất và các dấu lạ của chức vụ sứ đồ đã ngưng. Nhưng Chúa vẫn không ngừng hành động, và Ngài vẫn đang hành động trong và qua dân sự Ngài để cứu một thế giới đang hư mất. Chúa Giê-xu người Tôi Tớ - người Con của Ngài đã về trời, nhưng Ngài vẫn còn dân sự Ngài trên đất này là những người có thể trở nên những tôi tớ của Ngài, nếu như họ muốn.

Thật là một đặc ân được có Chúa đang hành động với chúng ta!

Chúng ta có một cơ hội và nghĩa vụ lớn lao biết bao được đem Phúc Âm đến cho toàn thế giới!

“Vì Con người đã đến không phải để người ta hầu việc mình, nhưng để hầu việc người ta, và phó sự sống mình làm giá chuộc cho nhiều người” (Mac 10:45).

Bạn đang hầu việc – hay bạn đang mong đợi người khác hầu việc mình?